

BA TƠ

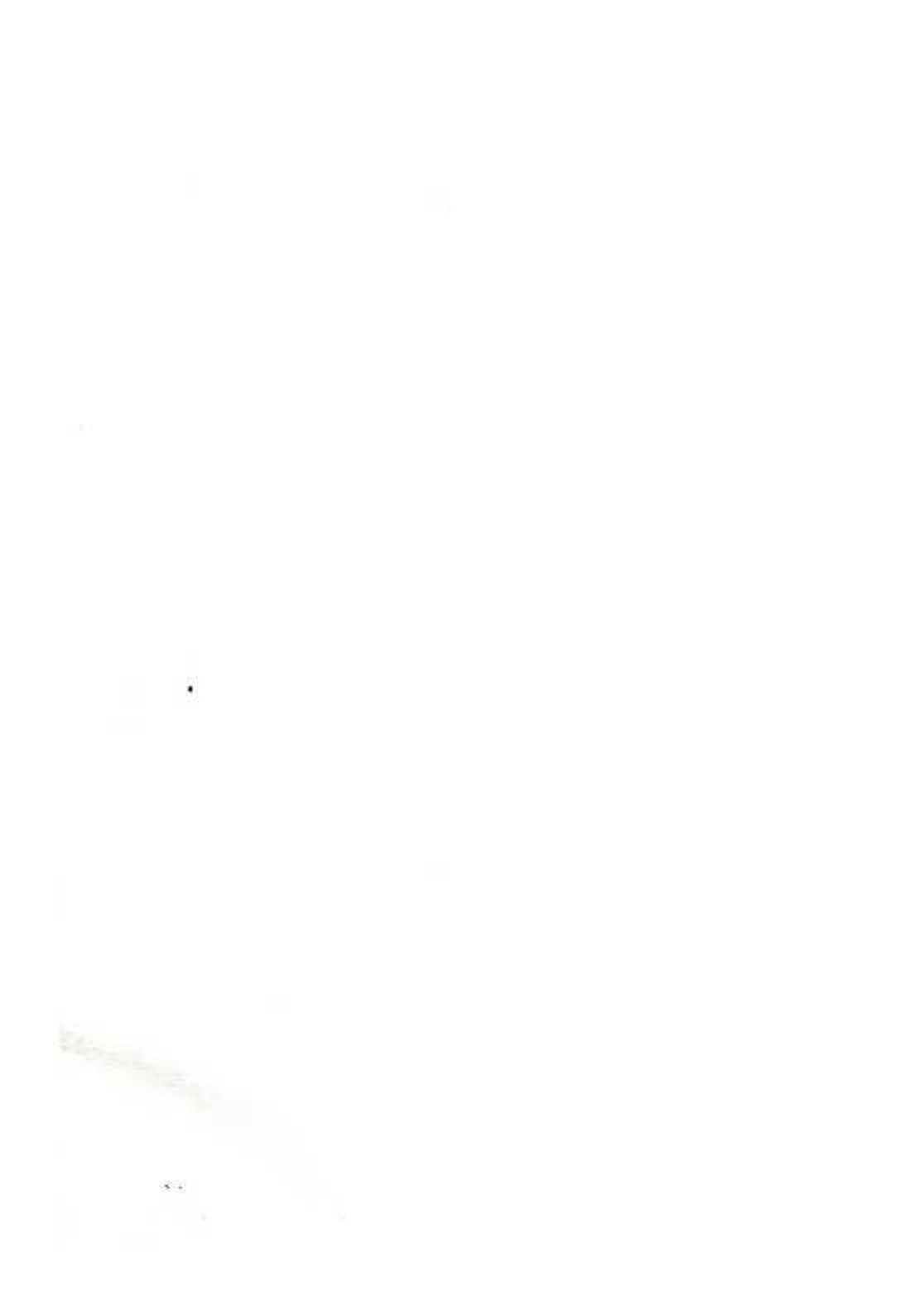
truyền thống
đổi mới
và phát triển



HUYỆN ỦY HUYỆN BA TƠ. 2000

BA TỜ

truyền thống
đổi mới & phát triển



159.753

B100 7

HUYỆN ỦY HUYỆN BA TỜ

BA TỜ
truyền thống
đổi mới và phát triển
(11.3.1945 - 11.3.2000)



NHIỀU TÁC GIẢ



QUẢNG NGÃI • 2000

Chỉ đạo nội dung:

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY BA TƠ

Ban biên soạn:

HOÀI HÀ - ĐĂNG VŨ - TRẦN ĐĂNG - LÝ HIỀN

Tham gia tổ chức nội dung:

ĐINH ƯƠNG, TRƯƠNG CÔNG HÙNG - LÊ HÀN PHONG

NHỮNG PHẦN THƯỞNG CAO QUÝ CỦA QUÂN VÀ DÂN HUYỆN BA TƠ

(Tính đến đầu năm 2000)

Ghi nhận công lao và thành tích của quân và dân huyện Ba Tơ trong chiến tranh vệ quốc cũng như trong hòa bình xây dựng. Đảng và Nhà nước ta đã tặng thưởng Ba Tơ những phần thưởng cao quý sau đây:

- 1 Huân chương Hồ Chí Minh
- 1 Huân chương Thành đồng
- 5 Huân chương Độc lập hạng Nhì
- 1 Huân chương Chiến công
- 63 Huân chương Giải phóng các loại.

Trong đó :

- + 08 Huân chương Giải phóng hạng Nhất
- + 15 Huân chương Giải phóng hạng Nhì
- + 40 Huân chương Giải phóng hạng Ba
- 3 Huân chương Lao động
- 10 Huân chương A HLLVTND trong đó có 8 tập thể và 2 cá nhân
- 23 Bà mẹ được phong tặng danh hiệu BMVNAH
- 9.236 Huy chương Kháng chiến các loại
- 5 Bằng khen của Chính phủ
- 90 đảng viên được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng
- 13 đảng viên được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng

Cùng các đồng chí và các bạn!

*N*gày 11-3-2000 là ngày kỷ niệm lần thứ 55 khởi nghĩa Ba Tơ lịch sử (11-3-1945 - 11-3-2000), một sự kiện trọng đại và nổi bật của huyện Ba Tơ, của tỉnh Quảng Ngãi trong suốt thế kỷ XX và năm chuyển giao thiên niên kỷ mới.

Nhân dịp này, Thường vụ Huyện ủy Ba Tơ tổ chức biên soạn và xuất bản tập sách "BA TƠ TRUYỀN THỐNG, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN" nhằm lưu giữ lâu dài những trang sử vàng son ấy, phản ánh những nét cơ bản quá trình trưởng thành của Ba Tơ từ ngày có Đảng. Đó là cả một thời kỳ lịch sử đầy ắp những sự tích thần kỳ mà các thế hệ trước, các thế hệ hôm nay và nhiều thế hệ mai sau cần lưu giữ như một kho báu, làm hành trang để có thêm bản lĩnh, niềm tin và sức mạnh đi tới tương lai.

Mong muốn thì rất nhiều, kỳ vọng cũng rất lớn, nhưng tập sách nhỏ này cũng chỉ cố gắng quy tụ được những trang hồi ký, những cảm nhận lịch sử của nhiều nhân chứng trực tiếp, nhiều bài nghiên cứu, một số bài ký, ghi chép... của các nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa, các nhà báo, các cộng tác viên đặc lực của ban biên soạn và một số tác phẩm văn học - nghệ thuật của các văn nghệ sĩ viết về Đội du kích Ba Tơ và cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, về đất nước - con người Ba Tơ trong suốt chiều dài lịch sử... Tuy nhiên, đây là công việc to lớn và khó khăn mà một

tập sách nhỏ không thể thực hiện một cách trọn vẹn. Tái hiện lịch sử và từ đó rút ra những bài học có cơ sở khoa học vững chắc là việc làm lâu dài của nhiều thế hệ, nhiều ngành và nhiều giới khoa học.

Mùa xuân Canh Thìn 2000 chẳng những là cột mốc cực kỳ hệ trọng của trời đất trong những chu kỳ quay 100 năm, 1000 năm mà đây cũng là mùa xuân có nhiều ngày kỷ niệm trọng đại trong lịch sử dân tộc ta và lịch sử cách mạng của Đảng ta. "BA TƠ - TRUYỀN THỐNG, ĐỔI MỚI VÀ PHÁT TRIỂN" mong ước được làm một món quà có ý nghĩa dâng lên những ngày kỷ niệm trọng đại ấy.

Xin chân thành cảm ơn sự đón nhận của các đồng chí và các bạn!

BAN THƯỜNG VỤ HUYỆN ỦY HUYỆN BA TƠ



Nguyên Chủ tịch nước
 Lê Đức Anh cùng các
 đồng chí lãnh đạo tỉnh
 đến thăm Ba Tơ.



Nguyên Chủ tịch nước
 Lê Đức Anh thắp hương
 ở nghĩa trang liệt sĩ
 Ba Tơ.



Chủ tịch nước Trần Đức Lương tặng quà cho các Mẹ Việt Nam anh hùng ở huyện Ba Tơ.



Chủ tịch nước Trần Đức Lương ghi vào sổ lưu niệm ở Bảo tàng khai nghĩa Ba Trĩ



Chủ tịch Quốc hội Nông Đức Mạnh cùng các đồng chí lãnh đạo tỉnh thăm và tặng quà cho các gia đình thương binh liệt sĩ ở Ba Tc.



Tiểu đoàn 19 thăm Bảo tàng khởi nghĩa Ba Tc



Lễ kỷ niệm 50 năm khởi nghĩa Ba Tơ Ảnh: ĐV



Ba Tơ trong ngày lễ kỷ niệm 11-3 bắt diệt



Trụ sở Huyện ủy Ba To vừa được xây dựng Ảnh: LH



Cầu sông Re nằm trên Quốc lộ 24 trong ngày khánh thành
thông xe (tháng 8-1995) Ảnh: ĐĂNG LÂM



Trạm thu phát sóng truyền hình cụm xa Ba Vì vừa được lắp đặt
Ảnh: THANH LONG



Một trong những trường tiểu học ở Ba To Ảnh: T. ĐĂNG



Vui Gac Muôn - căn cứ của Du kích Ba Tơ năm xưa

Ảnh: T.ĐÀNG



Hoàng hôn trên đỉnh đèo Voi Lắc

Ảnh: N. NGỌC TRINH



Làng của người H're

Ảnh: DV



Người H're dệt thổ cẩm

Ảnh: DV

KHỞI NGHĨA BA TỶ

(Trích sơ thảo Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi 1929 - 1945 do Ban nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Nghĩa Bình xuất bản năm 1985)

Vào những tháng cuối năm 1940, đầu năm 1941, tình hình trong nước có nhiều chuyển biến quan trọng.

- Khởi nghĩa Bắc Sơn nổ ra ngày 23-9-1940
- Khởi nghĩa Nam Kỳ trong đêm 22 rạng ngày 23-11-1940
- Binh biến ở Đô Lương (Nghệ An) 13-1-1941

Ngày 8 tháng 2 năm 1941, Đồng chí Nguyễn Ái Quốc về nước. Trong những ngày từ 10 đến 19 tháng 5 năm 1941, Hội nghị TW Đảng họp lần thứ VIII ở Pác bó (Cao Bằng) do đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đại diện của Quốc tế Cộng sản triệu tập và chủ trì. Hội nghị đã đánh giá tình hình thế giới và trong nước, xác định *nhệm vụ trước mắt của cách mạng Đông Dương là giải phóng dân tộc*. Văn kiện nêu rõ : “Pháp - Nhật ngày nay không phải chỉ là kẻ thù của nông dân mà còn là kẻ thù của tất cả các dân tộc ở Đông Dương. Trong lúc này, khẩu hiệu của Đảng ta trước hết là phải làm sao giải phóng cho được các dân tộc Đông Dương ra khỏi ách thống trị của giặc Pháp - Nhật”. (Tài liệu lưu thu được từ tên Chánh mật thám Pháp Liverset tại Quảng Ngãi)... “Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập , tự do cho toàn thể dân tộc thì

chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được".

Hội nghị chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ mỗi nước Đông Dương, quyết định thành lập "Mặt trận Việt Nam Độc lập Đồng minh" gọi tắt là "Việt minh" thay cho "Mặt trận Dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương". "Việt Nam Độc lập Đồng minh" lấy ngọn "cờ đỏ, sao vàng năm cánh làm huy hiệu". Hội nghị khẳng định: "Cuộc cách mạng Đông Dương kết liễu bằng một cuộc khởi nghĩa vũ trang"... "Với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương, cũng có thể giành thắng lợi và mở đường cho một cuộc khởi nghĩa to lớn".

Về công tác Đảng, Nghị quyết Hội nghị nêu rõ : "Tất cả các cấp bộ chỉ huy của Đảng phải đặc biệt chú trọng" (Lê Duẩn - Đảng Lao động VN, người lãnh đạo và tổ chức mọi thắng lợi của cách mạng VN - NXB Sự thật 1976). Trong "Hồ Chí Minh toàn tập" (tập 3, trang 224) đã ghi lại : "Đảng ta hiện nay phải làm những công việc mà từ trước tới nay chưa làm xong. Nhiệm vụ ấy đặt thêm cho Đảng ta một gánh nặng vì trong khi đang tiến lên trước tình thế khó khăn để làm xong những nhiệm vụ mới của lịch sử, thì giờ rất cấp tốc nhưng cũng chưa phải hết. Ta phải nhăm vào các công trình trung tâm mà tiến tới, phải nắm lấy thời cơ thuận lợi mà làm việc, làm sao có đủ năng lực lãnh đạo cuộc cách mạng Đông Dương đi đến toàn thắng".

Hội nghị TW lần thứ VIII (5-1941) có một ý nghĩa lịch sử hết sức trọng đại. Tổng Bí thư Lê Duẩn đã nhận định : "Đây là những sáng kiến lớn của Đảng và Hồ Chủ tịch trong cao trào cứu nước

1940 - 1945, một trong những nhân tố cơ bản đảm bảo cho Cách mạng tháng Tám thắng lợi”.

Hội nghị cũng đã soạn thảo “Lời kêu gọi toàn dân đoàn kết đánh đuổi Nhật - Pháp”. Lời kêu gọi đã như hồi kèn giục giã toàn Đảng, toàn dân phấn khởi, tin tưởng đoàn kết trong Mặt trận Việt minh, khẩn trương chuẩn bị lực lượng mọi mặt cho Tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Trong lời kêu gọi, Hồ Chủ tịch đã có một dự báo thiên tài : “Năm 1945, Việt Nam Độc lập”. (Tuyển tập HCM tập III).

Cuối năm 1941, đồng chí Thức (tức Thúy), người quê xã Bình Thới (Bình Sơn - Quảng Ngãi) liên lạc được với tổ chức Đảng ở Tam Kỳ (Quảng Nam) và tổ chức ở địa phương này được một tổ “Nông dân cứu quốc”. Ít lâu sau, tổ chức này bị địch phát hiện đánh phá và tan rã. Từ giữa những năm 30, để thực hiện âm mưu giết dần giết mòn những người cộng sản mẫn hạn tù, mưu đồ “tách cá khỏi nước” địch đã lập ra ở vùng núi Quảng Ngãi 3 nhà tù trá hình mang tên “Căng an trí” ở Ba Tư, Sơn Hà và Trà Bồng. “Tù an trí” phải tự sản xuất để sống, không được di cách nơi cư trú quá 500 m, hàng ngày phải trình diện với bọn cai tù. Các chiến sĩ cộng sản từ các nhà tù được đưa về đây ngày một đông. Các đầu mối liên lạc với bên ngoài và các tổ chức Đảng dần dần được hình thành. Tại căng an trí Ba Tư, một chi bộ gồm 5 đảng viên đã hình thành do đồng chí Huỳnh Tấn làm Bí thư (Huỳnh Tấn, người xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, nguyên Ủy viên Thường vụ Ban Chấp hành liên tỉnh Nam Trung bộ bị bắt 1934). Chi bộ Đảng học tập và tuyên truyền nội dung tinh thần Nghị quyết Hội nghị TW VIII - do đồng chí Phạm Kiệt từ lao Buôn Ma Thuột mang về, chi bộ đã phát triển nhanh chóng về

số lượng và không ngừng được học tập nâng cao giác ngộ đường lối giải phóng dân tộc của Đảng. Chi bộ cảnh an trí Ba Tư chủ trương : Biến cảnh an trí Ba Tư, nơi địch giam cầm những chiến sĩ cộng sản thành Trung tâm lãnh đạo cách mạng để xây dựng và phát triển phong trào cứu nước trong toàn tỉnh. Chi bộ đã quyết định lập "Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi" thay thế "Ủy ban vận động cách mạng" trước đây, bắt liên lạc, phối hợp hoạt động với phong trào cách mạng bên ngoài.

Sau khi ở lao Buôn Ma Thuật trở về, đồng chí Trần Toại (1890 - 1948- Nguyên Bí thư chi bộ Ba Tư 1930; Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên 1931, bị bắt tháng 7-1931) vì sức khỏe bị hao kiệt nên địch cho hưởng chế độ "quản thúc tại gia" ở làng Trường An - xã Ba Động - Ba Tư). Lợi dụng các sơ hở của địch, đồng chí Trần Toại đã thông qua các hình thức hoạt động hợp pháp như tổ chức "Hiệp cổ làm ăn", "Hội cày" "Hội cấy" để bắt liên lạc, tập hợp quần chúng, xây dựng cơ sở chính trị rộng rãi trong các gia đình lên thăm nuôi tù cảnh an trí, đồng bào Thượng - Kinh khắp vùng. Nhờ nắm được đường lối và phương pháp cách mạng do các chiến sĩ cộng sản trong chi bộ cảnh an trí cung cấp nên phong trào quần chúng ở khắp Ba Tư, Mộ Đức, Đức Phổ phát triển nhanh chóng và vững chắc.

Cuối năm 1943, tại trại dầu tằm của cụ Trần Toại (làng Trường An - Ba Động), chi bộ cảnh an trí Ba Tư đã tổ chức cuộc họp học tập NQ TW VIII, đề ra chương trình hành động và lập ra Tỉnh ủy lâm thời do đồng chí Huỳnh Tấn làm Bí thư.

Tỉnh ủy lâm thời đã liên tục mở các lớp huấn luyện cấp tốc ngắn ngày học tập nội dung đường lối và phương pháp mục tiêu cách mạng của NQ TW VIII, bồi dưỡng phương pháp vận động,

tổ chức quần chúng cho cán bộ chủ chốt, tổ chức trên các thuyền lưu động trên sông Ba Tơ in ấn, phát hành rộng rãi các tài liệu: Thư của Hồ Chủ tịch, tuyên ngôn, chương trình hành động, điều lệ của Mặt trận Việt minh, chương trình hành động của Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch tháng 5 năm 1941 có đoạn :

..."Hỡi đồng bào yêu quý ! Việc cứu quốc là việc chung, ai là người Việt Nam đều phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm. Người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng. Riêng phần tôi, xin đem hết tâm lực đi cùng các bạn, vì đồng bào mưu giành độc lập, tự do, dù phải hy sinh tính mệnh cũng không nề.

Hỡi các chiến sĩ cách mạng ! Giờ giải phóng đã đến ! Hãy phát cao cờ độc lập, lãnh đạo toàn dân đánh tan thù chung. Tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc đang vang dội bên tai các đồng chí! Máu nóng các vị anh hùng càng sôi sục trong lòng các đồng chí! Quốc dân đang mong chờ sự lãnh đạo của các đồng chí !" Cũng bắt đầu từ thời kỳ này, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã liên lạc chặt chẽ với Xứ ủy Trung kỳ (đồng chí Tố Hữu phái đồng chí Chu Huệ trực tiếp).

Cuối tháng 6-1943, đồng chí Huỳnh Tấu đã chủ trì Hội nghị cán bộ mở rộng tại Bàn Chay (Tân Long - Ba Động) quyết định mở đợt tuyên truyền công khai đường lối cách mạng của Đảng, kêu gọi quần chúng tham gia Việt minh, tổ chức đấu tranh, treo cờ đỏ sao vàng, khẩu hiệu "Đánh đuổi Nhật - Pháp" nhân dịp Quốc khánh nước Pháp 14-7-1943. Đồng chí Huỳnh Tấu đã trực tiếp viết lời kêu gọi "Tuổi xuân đi cứu nước", lưu hành rộng rãi trong nhân dân thời ấy. Lời kêu gọi có câu:...

"Quyết chung tay quét sạch quân thù đi
Trời nước Việt phải trở về người Việt
và... "Đường dù dài, di hoài rồi phải ngắn

Hãy cùng nhau đứng dậy ! Bạn thanh niên !

Đêm 16 rạng 17-7-1943, truyền đơn của "Việt minh" đã được rải nhiều nơi trên dọc quốc lộ 1 và thị xã Quảng Ngãi. Cờ đỏ sao vàng xuất hiện ở Cầu Cát, La Hà, Sông Vệ... khí thế cách mạng của quần chúng dâng lên mạnh mẽ. Địch hoảng hốt tung điệp báo theo dõi, mở nhiều đợt ruộng bố. Đồng chí Huỳnh Tấu và nhiều đảng viên bị bắt. Nhiều cơ sở bị vỡ. Tuy nhiên, các tổ chức cơ sở Đảng và quần chúng ở các huyện miền núi vẫn duy trì được hoạt động và sau một thời gian ngắn, phong trào ở đồng bằng cũng được hồi phục và tiếp tục phát triển. Ba Tư vẫn là trung tâm, tập trung mọi sự lãnh đạo và chỉ đạo cho phong trào toàn tỉnh.

Tháng 2-1944, đồng chí Trương Quang Giao lại được chuyển từ lao Buôn Ma Thuật về căng an trí Ba Tư, tiếp sức thêm cho chi bộ căng an trí và Ủy ban vận động cứu quốc. Sau đồng chí Giao lại đến các đồng chí Trần Lương, Trần Quý Hai cũng từ lao Buôn Ma Thuật về căng an trí Ba Tư. Lực lượng lãnh đạo của Đảng được tăng cường nhanh chóng. Tháng 12-1944, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi đã được tái lập tại thôn Bàn Chay (xã Ba Động- Ba Tư), khẩn trương chuẩn bị mọi mặt để đủ sức lãnh đạo phong trào phát triển mạnh, trước mắt, tổ chức cuộc giải thoát tập thể tù nhân ở căng an trí Ba Tư, đẩy mạnh các hoạt động và nếu thuận lợi sẽ phát động một cuộc khởi nghĩa giành chính quyền bộ phận ở Ba Tư, lập chiến khu, phát triển lực lượng, tích cực chuẩn bị cho khởi nghĩa toàn tỉnh.

Tỉnh ủy Lâm thời đã vạch kế hoạch hành động như sau : Một bộ phận ở vùng miền núi lo xây dựng cơ sở cách mạng, phát triển tổ chức, xây dựng căn cứ du kích, từng bước hình thành lực lượng vũ trang.

- Một bộ phận về đồng bằng mở đợt tuyên truyền mạnh mẽ về tình hình, nhiệm vụ, đường lối chủ trương của Mặt trận Việt minh, tấn phát nhiều truyền đơn khẩu hiệu “Đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do cho Tổ quốc”.

Phân công cụ thể :

- Đồng chí Trương Quang Giao : Phụ trách chung.

- Các đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn (tức Khâm) phụ trách đi sâu vào vùng dân tộc H're ở Ba Tư, tuyên truyền vận động, thuyết phục các già làng yêu nước, tổ chức cơ sở cách mạng trong dân, mở hành lang giao thông liên lạc với phong trào toàn tỉnh và các tỉnh bạn.

- Đồng chí Trần Lương phụ trách cánh nam tỉnh bao gồm các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, phát triển lực lượng, liên hệ với phong trào các tỉnh phía Nam như Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa.

- Các đồng chí Trương Quang Giao, Trần Quý Hai phụ trách các huyện ở cánh bắc Quảng Ngãi bao gồm Tư Nghĩa, Sơn Tịnh, Bình Sơn, xây dựng phong trào, phát triển lực lượng, liên lạc với Xứ ủy Trung kỳ và phong trào các tỉnh lân cận.

Mọi việc đang được tiến hành một cách khẩn trương và thuận lợi thì Tỉnh ủy Quảng Ngãi nhận được tin “Nhật đã đảo chính, hất cẳng Pháp vào đêm 9-3-1945”. Tỉnh ủy lâm thời đã tổ chức cuộc họp bất thường ngay ngày 10-3-1945 tại dốc Ông Tài (Ba

Đình - Ba Tư) để nhận tình hình, bàn cách vận dụng tinh thần NQ TW VIII vào tình hình mới. Hội nghị đã nhất trí cao các nội dung của Nghị quyết.

Một là : Bung ra phát động quần chúng, đẩy khí thế cách mạng lên cao, chớp thời cơ khởi nghĩa từng phần khi bọn Pháp đang thua đậm, hoang mang, bọn Nhật chưa đủ thời gian để củng cố. Tổ chức khởi nghĩa vũ trang ở Ba Tư tạo điều kiện để tiến đến khởi nghĩa trong toàn tỉnh.

Hai là : Nghị quyết đã xác định kẻ thù chính của cách mạng và đề ra nhiệm vụ "Đánh đuổi phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp ở Đông Dương, trừng trị bọn Việt gian, bắt tay với Pháp dân chủ, liên minh với Tàu, Việt Nam hoàn toàn độc lập".

Thứ ba : Nghị quyết xác định địa điểm nổ ra khởi nghĩa là Ba Tư, phương pháp tiến hành là dùng bạo lực chính trị của quần chúng cách mạng đập tan các thế lực phản cách mạng, giành chính quyền về tay nhân dân, có thể áp dụng một hình thức "kỳ tập" tại quận lỵ Ba Tư, khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho khởi nghĩa toàn tỉnh.

Thứ tư là : "Hình thức đấu tranh": Sau khởi nghĩa phải đẩy mạnh công tác tuyên truyền cổ động rầm rộ, công khai và nửa công khai, tiếp tục xây dựng và phát triển tổ chức. Tổ chức Đảng vẫn phải hoạt động bí mật.

Năm là : Gấp rút xây dựng căn cứ miền núi và khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang để làm chỗ dựa cho cách mạng toàn tỉnh và khu vực.

Sáu là : Xác định thời gian khởi nghĩa là ngày 27 tháng Giêng năm Ất Dậu tức 11-3-1945 để tận dụng triệt để yếu tố bất ngờ.

Nếu không kịp chuẩn bị cho 11-3 thì khởi nghĩa cũng phải nhất thiết nổ ra trong các ngày 12, 13-3-1945 tại Ba Tơ.

Bây là : Hội nghị thành lập "Ban lãnh đạo khởi nghĩa" gồm các đồng chí: Trương Quang Giao, Phạm Kiệt, Trần Lương, Trần Quý Hai và Nguyễn Đôn. Ngay sau cuộc họp của Tỉnh ủy lâm thời, đồng chí Trương Quang Giao đã tổ chức cuộc họp tất cả đảng viên và quần chúng tích cực để phổ biến chủ trương kế hoạch nổi dậy giành chính quyền.

Giờ hành động đã đến ! Theo kế hoạch : Từ chính trị căng an trí sẽ tấn công chiếm đồn vào rạng sáng 11-3, sau đó sẽ có lực lượng quần chúng tiếp ứng. Tuy nhiên kế hoạch đã bất thành vì bọn địch ở đồn Ba Tơ đã ra lệnh "cắm trại", không mở cửa vì nghe tin Nhật đã đảo chính Pháp. Tình hình đang diễn biến phức tạp thì Ban lãnh đạo khởi nghĩa được tin có tốp địch từ Nghĩa Hành, theo lộ 5A lên Ba Tơ, trong đó có một giám binh người Pháp. Trưa 11-3-1945, lực lượng khởi nghĩa đã phục tại Suối Loa (Ba Động) bắt được tên giám binh người Pháp. Sau khi bị lực lượng cách mạng khống chế, tên giám binh hứa sẽ "Giao đồn Ba Tơ, nộp vũ khí, liên minh với cách mạng để chống Nhật". Tuy nhiên, khi được thả, tên giám binh này đã nuốt lời hứa, ra lệnh canh phòng đồn Ba Tơ nghiêm ngặt hơn.

Kế hoạch khởi nghĩa gặp khó khăn gay gắt ngay từ đầu. Ban lãnh đạo khởi nghĩa hội ý, nhận định tình hình và cho rằng "Thời cơ khởi nghĩa vẫn còn và tiếp tục các biện pháp cướp đồn Ba Tơ: Một mặt cử đại diện vào tiếp xúc và thuyết phục bọn chỉ huy giao đồn; mặt khác tỏa lực lượng lãnh đạo về khắp các địa bàn trong tỉnh phát động quần chúng nổi dậy khi khởi nghĩa Ba Tơ nổ ra. Các đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách

TRƯỞNG QUANG GIAO
ĐẠI CHI

TRƯỞNG QUANG GIAO
ĐẠI CHI

(tức Thạnh) được cử trực tiếp lãnh đạo khởi nghĩa Ba Tơ. Các đồng chí khác trong Tỉnh ủy Lâm thời trở về địa bàn cũ làm nhiệm vụ. Trước khi chia tay, đồng chí Trương Quang Giao căn dặn "Bất kỳ phải hy sinh giá nào, chúng ta cũng phải khởi nghĩa, giành cho được chính quyền ở Ba Tơ. Chúng tôi sẽ phát động quần chúng toàn tỉnh đứng lên hỗ trợ các đồng chí".

Khí thế cách mạng của quần chúng khắp Ba Tơ được đồng chí Trần Toại chỉ đạo đã dâng cao bùng bùng. Nhiều vùng ở Trường An, Tân Long, Suối Loa, Hoàng Đồn, Nước Gia, Man Đốc, Nước Lá... hàng ngàn quần chúng Thượng - Kinh đã nổi dậy giành chính quyền, kêu gọi bọn tề địa phương đầu hàng ngay từ sáng 11-3. Chiều hôm ấy, các đoàn quần chúng được tổ chức, chỉ huy chặt chẽ rầm rộ từ các hướng đổ về quận lỵ Ba Tơ cướp chính quyền. Truyền đơn Việt minh, cờ đỏ sao vàng tung bay khắp chốn. Cơ sở nội tuyến ở đồn Ba Tơ đã chuyển ra được 4 súng và nhiều đạn. Một cuộc mít tinh được tổ chức tại sân vận động quận lỵ Ba Tơ trong khí thế cách mạng sôi sục. Quần chúng hô vang các khẩu hiệu: "Đánh đổ phát xít Nhật", "Tẩy sạch phát xít Pháp, Việt Nam hoàn toàn độc lập, Đảng Cộng sản Đông Dương muôn năm! Ủng hộ Mặt trận Việt minh!..." Lực lượng khởi nghĩa vũ trang đã xông vào Nhà kiểm lý bắt sống tên Bùi Doanh Ngũ, buộc chúng phải nộp toàn bộ vũ khí, đạn dược, hồ sơ, tiền bạc... Một bộ phận khác cùng áp lực quần chúng đã bao vây, tấn công đồn khố xanh châu lỵ. Ta vừa nổ súng, vừa gọi hàng, quần chúng khởi nghĩa đánh trống, mõ, thanh la và thổi tù và vang dậy. Tên giám binh người Pháp lợi dụng đêm tối, bỏ trốn về hướng Kon Tum. Bọn lính trong đồn hoảng hốt trước áp lực mạnh mẽ của lực lượng khởi nghĩa đã phải kéo cờ trắng đầu hàng, giao nộp

toàn bộ vũ khí, đạn dược, quân trang cho lực lượng cách mạng. Lá cờ đỏ sao vàng đã tung bay oai hùng trên nóc đồn Ba Tư ngay trong đêm 11-3-1945 trong ánh sáng của hàng trăm ngọn đuốc. Ban lãnh đạo khởi nghĩa tuyên bố trước đám hàng binh: Làm cách mạng thì phải chịu đựng nhiều gian khổ, hy sinh. Ai muốn tham gia, cách mạng sẽ xem xét. Ai thấy không đủ điều kiện thì về quê làm ăn nhưng nhất thiết không làm tay sai cho địch. Ai ngoan cố tiếp tục theo giặc thì nhất định sẽ bị trừng trị. Suốt đêm 11-3, nhiều cuộc biểu tình tuần hành ánh đuốc sáng rực đường 5A kéo dài từ Trường An xuống Vực Liêm, rồi Hùng Nghĩa, Tân Hội (Đức Phổ). Cũng trong đêm 11-3, hàng ngàn quần chúng ở Khánh Giang, Trường Lệ, Suối Bùn, Phú Khương, Phú Thọ (Hành Tín - Nghĩa Hành) cũng nổi dậy bằng gậy gộc, trống mõ đánh đuổi bọn tể địa phương, thành lập các Ủy ban cách mạng, hô vang các khẩu hiệu đánh đuổi Pháp - Nhật, ủng hộ Việt minh, ủng hộ khởi nghĩa Ba Tư.

Ngay sáng ngày 12-3-1945, trên sân vận động trung tâm quận lỵ, Ban lãnh đạo khởi nghĩa đã tổ chức một cuộc mít tinh lớn, tổ chức lễ ra mắt của Ủy ban Nhân dân cách mạng huyện Ba Tư, tuyên bố xóa bỏ hoàn toàn chính quyền địch và đọc thông cáo số 1 của Ban Lãnh đạo khởi nghĩa: "Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tư theo tiếng gọi của giang sơn, nhận thấy nhiệm vụ nặng nề lịch sử phó thác đã mạnh mẽ, tiên phong phát cờ khởi nghĩa tiếp tục hưởng ứng đồng bào Nam kỳ và Đội du kích cứu quốc Bắc Sơn, dựng lên chính quyền cách mạng ở Ba Tư. Chính quyền cách mạng Ba Tư là một bộ phận khăng khít của chính quyền cách mạng toàn quốc, vừa là phần tử chống phát xít của Mặt trận Dân chủ thế giới. Nhiệm vụ của chính quyền cách mạng

là cùng toàn dân đánh đuổi phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp ở Đông Dương, làm cho nước Việt Nam hoàn toàn độc lập, dựng lên chính phủ dân chủ do toàn dân bầu ra để bảo vệ và ban bố các quyền tự do dân chủ cho tất cả các tầng lớp nhân dân. Ủy ban nhân dân cách mạng kêu gọi toàn thể đồng bào, lúc này hơn lúc nào hết, không phân biệt già, trẻ, gái, trai, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, đảng phái, hễ ai là giòng giống máu mủ của Việt Nam đều phải chung lưng đấu cật, góp tài, góp sức tham gia vào cuộc cách mạng giải phóng, đem lại độc lập chân chính cho nước nhà. Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tư xin tuyên thệ trước đồng bào, noi theo vết máu tiền nhân quyết rửa hờn cho giống nòi, phục thù cho Tổ quốc”.

Sau khi giành thắng lợi, chính quyền cách mạng đã chia chiến lợi phẩm bao gồm vải, gạo, mắm, muối, chinh ché, quần áo... cho đồng bào nghèo các vùng dân tộc. Ủy ban nhân dân cách mạng và đội du kích chỉ giữ lại súng đạn, một máy đánh chữ và một con ngựa. Sau đó, Ủy ban cách mạng đã long trọng tổ chức một “Lễ ăn thề”: Đánh đuổi phát xít Nhật, tẩy sạch phát xít Pháp.

Sau lễ, Ban lãnh đạo khởi nghĩa đã họp bàn triển khai phương án chuẩn bị đối phó khi địch phản kích, đẩy khí thế cách mạng lên cao bao gồm các việc :

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền thắng lợi của khởi nghĩa Ba Tư, tố cáo tội ác của Nhật - Pháp, nêu bật thời cơ khi Pháp đang mang nặng tâm lý của kẻ bại trận, Nhật còn lúng túng trên chiến trường mới.

- Tiếp tục kêu gọi lực lượng tề ngụy, các sắc lính đánh thuê như khố xanh, khố đỏ quay về với nhân dân, ủng hộ Việt minh, kiên quyết trừng trị những tên tay sai ngoan cố.

- Phát triển mạnh lực lượng vũ trang và du kích, xây dựng căn cứ núi Cao Muôn, nhiều vùng “chiến khu kháng Nhật” ở khắp huyện.

- Chuyển các hoạt động vào hình thức “nửa công khai” để vừa chiến đấu liên tục, vừa bảo toàn, xây dựng phát triển lực lượng.

17h ngày 14-3-1945, tại Hang Ến (Ba Đình - Ba Tơ), Ban lãnh đạo khởi nghĩa đã tổ chức long trọng lễ ra mắt của “Đội du kích Ba Tơ” với các lời thề:

- Ra sức vận động nhân dân hướng theo Mặt trận Việt minh, khẩn trương xây dựng chiến khu kháng Nhật, cứu nước.

- Xây dựng và nhanh chóng phát triển các lực lượng vũ trang cách mạng.

- Sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ chiến đấu khi có lệnh. Toàn đội đã giơ cao nắm tay thề “Hy sinh vì Tổ quốc”.

Trong những ngày này, Ban Lãnh đạo khởi nghĩa còn nhận được bản chỉ thị lịch sử của Trung ương ra ngày 12-3-1945: “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”. Bản chỉ thị đã như một ánh đuốc soi đường, như một luồng sinh khí mới giúp đồng bào chiến sĩ Ba Tơ càng phấn khởi tin tưởng và quyết tâm sắt đá đi đến thắng lợi cuối cùng. Ngày 14-3-1945, cuộc khởi nghĩa đã nổ ra trên phạm vi toàn tỉnh Quảng Ngãi và giành thắng lợi vẻ vang.

NHỮNG THÁNG NGÀY GIAN KHỔ Ở CHIẾN KHU NƯỚC SUNG *

(Phỏng trích hồi ký của đồng chí PHẠM KIẾT)

LBT: Chỉ trong một ngày (11-3-1945), các chiến sĩ an trí Ba Tư đã chớp được thời cơ, có áp lực chính trị mạnh mẽ của quần chúng, khởi nghĩa Ba Tư đã thắng lợi. Chính quyền cách mạng đã được thành lập. Với một lực lượng được bổ sung sau khởi nghĩa, Đội du kích Ba Tư với 28 người đã trải qua những tháng ngày cực kỳ gian khổ, chuẩn bị lực lượng cho Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945. Sau khi làm "Lễ Tuyên thệ" tại Hang Ến (14-3-1945), Đội du kích Ba Tư về Cao Miên xây dựng "chiến khu Nước Sung".

... "Chúng tôi rời Trường An, dò đường theo hướng Minh Long để lên "Cơ Nhất". Đến được Cơ Nhất thì trời đã về chiều. Từ trưởng ở đây là Vọt Run, một nhân vật chống Pháp nổi tiếng mà chúng tôi từng nghe tiếng từ thời còn ở căn an trí Ba Tư. Chúng tôi vào nhà thì thấy bảy, tám bộ hạ của ông đã túc trực sẵn. Người nào người nấy cung nỏ sẵn sàng. Vọt Run niềm nở tiếp chúng tôi:

- An trí lên đây, tao bảo giết heo để thết đãi.
- Không cần ăn mà chỉ cần người lên núi thôi Vọt Run à ! An trí động binh nhưng ít người quá, phải đi rủ thêm người đây !

- Được ! Dân Cơ Nhất đã thể hể còn Tây, còn Nhật là còn đánh ! Đánh chừng nào nó thua luôn mới thôi.

Theo hướng dẫn của Vọt Run, trời đã gần tối, chúng tôi tiếp tục hành quân về hướng đèo Eo Chim lên Nước Nẻ. Dân làng Nước Nẻ bảo ở đây nhiều cọp lắm. Cọp thường xông vào bắt người. Hỏi sao dân không bỏ núi xuống làng để tránh cọp. Dân bảo:

- Dưới đó có cọp Pháp - Nhật còn ác gấp trăm cọp rừng !

Tù trưởng làng này là Phó Nía. Phó Nía trạc tuổi 30, 35, thân hình vạm vỡ, đầu quấn khăn thổ rừu, mình trần, đóng khố. Phó Nía có dáng dấp như những hảo hớn trong truyện xưa. Tôi hỏi:

- An trí đánh Tây, đánh Nhật, Phó có ưng giúp không ?

- Có chứ ! Tây lấy núi rừng của mình, bắt mình nộp thuế. Phải đánh nó chứ ! Không nộp thuế cho nó nữa.

- Chúng tôi ở nhờ với Phó Nía ở đây được không ?

- Được ! An trí cứ ở đây, tao giúp.

Mẹ Phó Nía đưa ra một gùi gạo, một gùi củ lang, nói:

- Tao giúp cho an trí, cho cách mạng đó. Cha thằng Nía hồi trước cũng đánh Tây. Hồi còn con gái, tao cũng đánh Tây. Thằng Nía khỏe nhưng chưa khôn đâu. Nó đâm chết được con heo rừng, con nai nhưng chưa đâm chết được thằng Tây. Tây bảo nó làm Phó tổng, nó không thèm làm đó ! Ở Nước Nẻ còn có hai lính khố xanh là ông Dụ, ông Điều, có cảm tình với an trí, tìm đến gặp chúng tôi. Ông Điều nắm chặt tay tôi:

- Tiếc quá, lúc này thì tôi đã già rồi ! Nhưng các anh tin đi ! Lốp con cháu chúng tôi sẽ cùng các anh đánh giặc !

Trong những ngày đội du kích thực hiện “ba cùng” với nhân dân ở đây, các ông và bà con đều hết lòng giúp đỡ, chia sẻ từng cái củ, hột muối, tuyệt đối giữ bí mật cho chúng tôi. Tuy nhiên, Nước Nê ở gần đường, địch rất dễ phát hiện. Vì vậy chúng tôi buộc phải rời Nước Nê, đi sâu hơn, lên tận chân núi Cao Muôn để xây dựng chiến khu Nước Sung. Nước Sung có địa thế kín đáo, xa địch, nhân dân lại có tinh thần chống ngoại xâm rất cao. Sau khi được chúng tôi tuyên truyền đường lối đánh Pháp, đuổi Nhật của Đảng với Vọt Run và dân làng, mọi người đều rất phấn khởi, tin tưởng. Chúng tôi đã thống nhất với Vọt Run tổ chức “Lễ ăn thể” giữa dân làng và đội du kích. Một buổi chiều cuối tháng 3 - 1945, hơn 100 con người chúng tôi tập hợp trên một mô đất cao thể cùng trời, cùng đất, cùng ma rằng: Chúng ta sống chết có nhau, một lòng cứu nước. Vọt Run và tôi chích máu gà hòa vào chén rượu lớn. Vọt Run đứng nghiêm trang thể trước đám đông im phăng phắc:

- “Nhân dân và du kích thương yêu, dùm bọc nhau, đoàn kết đánh Nhật, chống Tây cứu nước !”.

Đồng bào, du kích lần lượt nhúng dao, lưỡi lê vào chén rượu đã hòa máu. Vọt Run tuyên bố:

- Đứa nào phản bội, tao chặt đầu !

Sau đó ít lâu, nghe đâu Vọt Run đã thực hiện lời thể ấy, xử trị một dân làng bị Nhật mua chuộc phản bội. Chúng tôi làm lán trại ở ngoài rừng, có trạm liên lạc, trạm gác. Hàng ngày chúng tôi chia nhau đi gặp dân, vừa tuyên truyền cách mạng,

vừa giúp dân sản xuất, chữa bệnh, được bà con hết sức yêu mến, tin tưởng. Mặc dù lương thực ngày một khan hiếm, lắm hôm chúng tôi chỉ ăn những bát cháo loãng ít gạo nấu với dây khoai lang chái nhỏ nhưng tuyệt nhiên không ai xâm phạm đến củ của dân dù một cái củ, một ngọn rau. Biết chúng tôi đang rất khó khăn, một hôm, mẹ Thía (một người dân trong làng) mang đến cho chúng tôi một ổ củ lang lẫn củ mài. Mẹ bảo:

- Thấy chúng mày đói, mẹ kiếm ít củ cho chúng mày !

Biết mẹ cũng không phải no đủ gì nên chúng tôi cố từ chối:

- Chúng con còn tìm được cái ăn mà ! Mẹ mang về cho các em nhỏ !

Mẹ nói, mắt rơm rớm: - Thằng Nhật ác cỡ nào chưa biết chớ thằng Tây thì ác lắm, ai cũng căm ghét. Con trai tao đi sâu cho Tây đã bị chết, cách mạng đánh Tây, đánh Nhật là ai cũng ưng cái bụng. Tao nghèo có mấy cái khoai đóng góp cho cách mạng - Bay đừng chê !

Tôi xúc động nhận ra: Một củ khoai với mẹ quả là nặng tình, nặng nghĩa biết bao ! Tôi biếu mẹ ít muối và mấy cái khăn nhưng mẹ nhất định từ chối bảo: - Đánh giặc còn lâu ! Bay để dành mà dùng.

Những ngày ăn ở, gần bó với bà con ở Nước Sung có lẽ không bao giờ chúng tôi quên được - Chính những tình cảm ấy đã tiếp thêm sức mạnh để chúng tôi vượt qua tất cả, vừa phải kiếm ăn, vừa làm công tác dân vận, tuyên truyền cách mạng, vừa tập luyện quân sự. Chúng tôi đã lập bãi "bắn tập" và đã kiểm tra anh em bắn đạn thật ở đó. Bọn địch ngày càng tung nhiều do thám đi

tìm “Đội du kích an trí Ba Tơ”, tình hình ngày một khó khăn hơn, chúng tôi quyết định rời Nước Sung, theo triền núi Cao Muôn đến Gò Rinh. Đường lên Gò Rinh hiểm trở, lớp lớp đèo cao suối sâu. Lưng chừng núi là một làng nhỏ chừng bảy, tám nóc nhà ẩn mình trong những tán cây rậm. Họ gồm những người đã chống Pháp một thời, sau bị khủng bố, cùng nhau kéo về đây nương náu. Các cụ gặp chúng tôi, tay bắt mặt mừng. Nhà sàn nhỏ bé, dù các già bảo con cháu nhường chỗ nhưng chúng tôi nhất quyết làm lán tạm, trải lá để ngủ qua đêm. Các cụ lại mang củi đến đốt cho anh em sưởi ấm. Chúng tôi dò hỏi chỗ ở của hai anh em Rua, Rói, những người đã lập căn cứ chống Pháp ở đây từ lâu. Các cụ bảo:

- Cứ nghi cho cái chân đỡ mỏi, các cụ sẽ dẫn tận nơi; phải báo với nó trước, phải đi đường tắt bí mật chứ không biết thì sẽ bị bắt đấy, chông thò của nó giết chết trước khi được gặp nó. Cụ già dẫn chúng tôi xuyên sơn bằng những con đường hết sức hiểm trở, thỉnh thoảng từng đàn heo rừng vọt ngang qua trước mặt. Voi đi cả đàn, ước chừng có đến ba bốn chục con, đi đến đâu, nghe cây gãy, đá lăn ầm ầm đến đó. Chừng gần tắt nắng, chúng tôi đến chỗ Rua, Rói. Nhiều người phát hiện chúng tôi, chạy mất hút vào rừng, dòm ngó qua khe lá. Trong nhà chỉ có người già và trẻ con. Người dẫn đường chúng tôi nói với một cụ già:

- Anh em du kích an trí lên đây muốn gặp Rua, Rói để nói chuyện đánh Tây, đánh Nhật.

Người già nghe xong, lặng lẽ ra rừng. Một lát sau, Rua xuất hiện cùng với sáu thuộc hạ. Rua cầm một cây mác sáng lóa, lưng nịt bằng một thứ dây rừng bện lại. Sau đó là có đến vài chục

người nữa xuất hiện. Người nào cũng có nỏ và tên tẩm thuốc độc. Rói cùng ra. Rua, Rói đều vạm vỡ, ở trần, mày rậm, mắt sắc. Hai người nhìn chúng tôi, thỉnh thoảng chau mày đầy vẻ nghi ngờ, cảnh giác. Khi nghe chúng tôi nói chuyện tìm cách đánh Tây, Nhật, Rua, Rói đều rất vui, sai bộ hạ giết gà, làm cơm đãi khách.

Giữa bữa ăn, Rua bảo : - Chúng tôi ở đây đã mấy năm. Bọn cai xạc đem quân lên đây bị giết chết ngay. Bọn Pháp không dám lên nữa, các ông đánh Tây, Nhật, muốn gì chúng tao cùng giúp.

Xong mọi việc, Rua cho người đưa chúng tôi xuống núi. Dọc đường quan sát kỹ mới thấy cảnh bố phòng của Rua, thật là nghiêm mật và khéo léo. Sau này, mỗi lần tổ chức bố phòng, chọn địa điểm trại đóng cho đội du kích, tôi thường nhớ đến cách bố phòng của Rua, Rói.

Trở lại Gò Rinh, tình hình sinh hoạt của anh em ngày càng khó khăn gay gắt, bệnh tật và đói hoành hành ngày một dữ dội. Chúng tôi hội ý và đi đến một quyết định: phải xuống núi !

Khi đi vào cụt thế mới thấy không biết làm sao đưa con ngựa duy nhất mà lâu nay đã theo chân chúng tôi, rước bớt cho chúng tôi bao việc nặng nề vượt đèo vượt núi, xuống được cùng chúng tôi. Bà con trong làng bảo:

- Hồi giờ, chưa có con trâu nào đã lên đây mà xuống được. Đi xuống chỉ có rơi xuống vực thôi !

Chúng tôi phải ngậm ngùi giết thịt chú ngựa đáng thương, làm lễ chia tay với dân làng và bồi dưỡng cho anh em đau ốm đã quá yếu. Khẩu trung liên mà chúng tôi mò lấy được ở Suối

Bùn hôm tháng 3 - 1945 cũng hồng và chúng tôi quyết định gửi lại đây, có dịp trở lại sẽ lấy sửa chữa mà dùng. Cụ già làng nhận khẩu súng, lấy mo cau bó kỹ và giấu tận trên nóc nhà. Cụ bảo:

- Tao giữ cho chúng mày, năm mười mùa rẫy, tao có chết thì con cháu tao sẽ giữ cho cách mạng. Để làm tin, ông cụ cắt đôi một xu bạc, giữ một nửa, trao cho tôi một nửa, bảo:

- Sau này mày không về lấy được, mày trao cái này cho ai, về ghép đúng đồng xu, tao sẽ cho nhận súng.

Sau tổng khởi nghĩa, tôi đã theo đoàn quân "Nam Tiến" vào tận Nha Trang. Nghe đâu, các đồng chí Quảng Ngãi cho người lên tìm gặp cụ để nhận lại khẩu súng nhưng vì không có nửa đồng xu nên cụ không cho nhận. Các anh phải vào tận Nha Trang, gặp tôi, lấy nửa đồng xu đem về mới lấy lại được khẩu súng...".

ĐƯỜNG LÊN CẢNG AN TRÍ BA TƠ

(Trích Hồi ký của Trung tướng Nguyễn Đôn)

Hôm ấy là một ngày mưa rét. Tôi và người lính khố xanh đi áp giải ngồi tàu lửa từ ga Quảng Ngãi vào ga Mộ Đức (nay là Thạch Trụ) để đón ô tô lên Ba Tơ. Tàu chạy nhanh. Xóm làng hai bên đường chìm trong màn mưa lướt qua ngoài cửa toa gợi nhớ một thời hoạt động đi, về. Tôi triển miên trong những cảm giác vui buồn, thương nhớ những đồng chí kẻ mất người còn. Anh lính ngồi cạnh, vỗ vai bảo tôi:

- Hôm nay tôi giải anh lên Ba Tơ nhưng phải ngày mai mới có ô tô. Tôi muốn nhân dịp ghé thăm bà dì ruột ở làng Vạn Lý. Xuống tàu, ta đi bộ lên đấy, ngủ lại, sáng mai đón xe về Ba Tơ.

Tôi gật đầu:- Đi đâu, ở đâu tùy bác.

Xuống ga, mưa tạnh, trời hửng nắng nhưng se lạnh. Gió heo may cuối mùa đông từng đợt đổ về. Tôi kéo cao cổ áo cho đỡ rét, bước nhanh theo người lính. Anh tâm sự:

- Tôi vì bát cơm manh áo phải đi lính, chứ thật lòng chẳng thích, nhục lắm!

Chiều tôi đến nơi, anh đưa tôi về một túp nhà ở giữa đồng, bốn bề che bằng tranh rạ rách nát. Cửa vào là tấm liếp tre che tạm. Bà cụ chủ nhà đen gầy, áo quần rách rưới, đang ngồi bên bếp đun nồi khoai. Anh lính lên tiếng:- Dì làm gì đó?

Bà cụ quay ra mừng rỡ: - Ừa! Con đến lúc nào? Còn ai nữa kia?

Anh lính đến gần nói nhỏ gì với bà. Bà đứng lên nhìn tôi, đôi mắt già rung rung ngấn lệ. Bà quay lại dặn cháu:

- Con trông cho di nồi khoai, sắp chín rồi đó!

Tôi đứng lặng nhìn cảnh sống cô đơn nghèo khổ của bà cụ, lòng dâng đầy niềm thương cảm đến nghẹn ngào. Quay sang tôi, bà bảo:

- Ở nhà uống nước, cô chạy ra đây một tý, về ngay.

Tôi ngăn bà lại, hỏi: - Cô ơi! Ở làng Vạn Lý này, cô có biết anh Trúng không?

- Biết chứ! Tôi với nó cũng bà con xa mà!

- Nhờ có nói anh Trúng ra đây cho tôi thăm!

Bà cụ không đáp, lặng lẽ ra đi, một lúc thì quay về với cái bọc nhỏ trên tay, theo sau bà là một cậu bé gầy yếu, trên đầu quấn khăn tang.

- Thằng "Trúng con" đây cháu nè!

Tôi ngờ ngàng hỏi: - Cha em đâu?

- Cha em ở tù về được một thời gian, đau ốm luôn, ho ra máu rồi chết.

Tôi nghẹn ngào. Thế là một đồng chí trung kiên của Đảng, một đầu mối trong sơ đồ tổ chức của tôi ở huyện Đức Phổ đã mất! Em này còn nhỏ và chẳng biết gia cảnh thế nào, biết có nói được chi cha không? Tôi ngậm ngùi, tự giới thiệu là bạn tù với cha em. Cha em là một đảng viên cộng sản mấy lần tù tội, bị tra tấn, đánh đập hết sức dã man nên bị lao phổi. Chúng tôi

đã đấu tranh liên tục đòi chúng phóng thích cho anh về nhà chữa bệnh. Không ngờ, về nhà, bệnh nặng, anh đã mất. Tôi hứa là sẽ liên lạc với cậu bé sau.

Bữa cơm thật đậm bạc bên ngọn đèn dầu lạc leo lét. Ba con người ngồi quanh cái sàn tre, trên đặt một đĩa tép kho với muối hạt, bát dưa và ba cái chén. Miệng chén nào cũng sứt mẻ như răng cưa. Rổ khoai lang để bên cạnh. Củ to nhất vừa một miếng ăn, còn lại là những chạc khoai chỉ bằng ngón tay. Niều cơm nhỏ chưa đủ mỗi người một bát. Tôi cầm chạc khoai đưa lên miệng thì bà cụ giằng lại và trao cho tôi chén cơm: - Cháu ăn chén cơm trước cho ấm bụng!

Tôi thoáng nghĩ, có lẽ đây là bát gạo bà vừa vay bên nhà mẹ Trúng để đãi khách. Giá không có chúng tôi, chắc chiều nay, bà chỉ ăn khoai trừ bữa. Tôi hỏi chuyện làm ăn. Bà kể:

- Lúa khoai đang lên xanh tốt thì có lệnh bắt phá lúa, phá khoai để trồng bông, trồng đậu. Trái mùa, lỡ vụ, lại bị hạn hán rồi lụt nên cả vùng mất trắng. Bà thở dài: - Năm nay đói là chắc chắc cháu ạ!

Sáng hôm sau, chúng tôi từ già bà cụ, ra đường đón xe lên Ba Tơ. Chiếc ô tô chạy bằng than củi, ỉ ạch vượt đèo Đá Chát, bỏ lại phía sau trùng trùng điệp điệp núi thấp, núi cao rồi như bò già, thở phì phò lê từng bước lên đỉnh dốc. Khi xe đến đỉnh Dốc Mốc, phóng tầm mắt, chúng tôi có thể nhìn rõ châu lỵ Ba Tơ và Hoàng Đôn. Đồn địch xây trên một mô đất cao, rộng bên bờ sông Liêng, chung quanh có tường thành và hào sâu bao bọc. Ở bốn góc thành có tháp canh. Trước cổng đồn là con đường đá dài chừng vài trăm thước nối ra đường ô tô. Xa xa, lẫn trong cây rừng là những xóm nhà người Kinh thưa thớt và những căn nhà

sân nằm chênh vênh trên các sườn dốc cheo leo. Mấy nương sắn rất hết lá, trơ lại những thân mốc. Vài ba nương ngô, lá chân khô vàng héo hắt nằm giữa màu xanh núi rừng trùng điệp như những mụn vá trên chiếc áo chàm rách bươm. Cuộc sống của người dân nơi đây chắc hẳn là vất vả, cực nhọc lắm. Xe xóc mạnh cắt đứt những ý nghĩ mông lung, đưa tôi trở về với thực tại: Lên đây vài ba hôm, sắp xếp xong chỗ ăn ở rồi sẽ tính chuyện tìm hiểu tình hình hoạt động. Bà con nghèo quanh vùng chắc chắn sẽ là mảnh đất tốt để gây dựng cơ sở Đảng.

Xe chạy chậm trên con đường đất đỏ bầm như máu rồi dừng lại. Tôi hỏi anh lính: - Đến rồi hả anh?

Anh lính gật đầu, đứng dậy vươn vai, các đốt xương lưng kêu rôm rốp. Chúng tôi xuống xe. Anh em nghe tôi lên, ra đón tận nơi. Gặp lại nhau tay bắt mặt mừng, chào hỏi riu rít. Anh lính quay sang giúp tôi:

- Thôi ! Ta đi kéo muộn giờ làm việc.

Tôi theo anh lính vào đồn. Đến sân, gặp người cai đi ra, anh lính dập chân, đưa tay chào rồi hỏi:

- Thưa thầy! Quan lớn có nhà không ạ?

Tên cai không trả lời, chìa ngón tay cái chỉ về phía sau. Tôi theo anh lính bước vào. Viên quan Một người Pháp mặc quần áo nhà binh, ngồi bên bàn chăm chú đọc báo. Cái cổ hần nung núc những thệt, đỏ như cổ gà chọi, hần lên hai ngấn. Bàn bên, viên thông ngôn nén nét viết từng hàng chữ vào cuốn sổ dày cộp. Anh lính dập chân chào. Viên thông ngôn ngược lên và hỏi ngay:

- Tù an trí hả?

- Dạ ! - anh lính đáp.

Hắn rời bàn đến xô một trảng tiếng Pháp với viên quan Một. Viên quan Một ngược nhìn tôi về dò xét rồi từ từ đứng dậy, chống hai tay lên mặt bàn, nói một câu dài vanh vách như trẻ con đọc bài. Viên thông ngôn dịch cho tôi: - Anh miễn hạn tù ngồi, nhà nước Bảo hộ cho về nhưng từ nay anh phải ở đây, việc sinh sống tự lo liệu lấy. Anh có thể làm ruộng, chăn nuôi, buôn bán, thích thì mang cả vợ con lên đây lập nghiệp, được đi làm ăn trong bán kính 500m quanh đồn, nhất thiết phải tuân thủ theo luật lệ quan đồn như: Mỗi ngày hai lần trình diện vào buổi sáng và buổi chiều, đi xa quá 500m phải được phép quan đồn.

Viên thông ngôn nói thêm gì đó với viên quan Một rồi quay sang bảo tôi:

- Bây giờ, anh ra tự tìm chỗ ăn ở, sáng mai vào đồn trình diện. Anh lính đưa tôi đến cổng thì dừng lại, nói giọng bùi ngùi:

- Bây giờ tôi phải vào đồn, còn anh ra phố tìm hỏi thăm bạn cũ. Người các anh có nhiều ngoài đó, họ sẽ giúp cho.

- Anh có ghé thăm đi, cho tôi gửi lời cảm ơn!

Tôi lưỡng lự đi ra phố. Bây giờ tôi mới có dịp nhìn kỹ cái châu lỵ Ba Tư. Châu lỵ nằm gọn trong một thung lũng hẹp. Chợ Đồn là những quán xá nằm rải rác 2 bên đường gồm mấy sạp tạp hóa, mấy quán ăn, vài hiệu may với mấy ông thợ già lồm khồm, mục kính đeo trễ xuống tận sống mũi. Hai quán hớt tóc nằm thụt sâu trong mé đường. Đồi ba quán nước với chiếc chõng tre, bên trên là vài nải chuối, mẹt khoai, miếng mít chín... Quanh đây là những mái nhà lợp xúp, mái tranh thấp ôm những vách đất nặng nề. Những chủ nhân của nó quanh năm làm

ruộng, đốt than, lấy củi hoặc đi làm thuê cho những nhà khá giả. Bao quanh châu lý Ba Tư là những dãy núi nhấp nhô, lởm chởm. Có đỉnh nhọn như chiếc nôm lật ngược.

Tôi xách chiếc va li tìm đến nhà anh Duân mà trong đầu vẫn cứ quần quanh mãi với câu hỏi: “Sao chúng quần thúc tù mà có vẻ lỏng lẻo vậy? Hẳn chúng định thực hiện một âm mưu gì đấy?” Tôi bước vào nhà. Nhiều anh em đã ngồi sẵn chờ tôi. Trong số này, nhiều người đã quen tôi từ những ngày ở lao Quảng Ngãi. Có người tôi chỉ mới nghe tên, nay mới được gặp mặt. Họ được đưa về từ lao Buôn Ma Thuột hoặc Côn Lôn. Gặp nhau, chuyện như ngô rang: Từ những phán đoán, nhận định sức mạnh của phát xít Đức, sự dũng cảm hy sinh của các chiến sĩ Hồng quân trên mặt trận Xô - Đức đến chuyện Nhật - Pháp đang găm ghè, tranh miếng mồi Đồng Dương và cuối cùng là chuyện làm ăn kiếm sống hàng ngày.

Giữa tháng 12-1941, ngày đầu tiên tôi đến căn an trí Ba Tư diễn ra như thế đấy.

GÂY DỰNG TỔ CHỨC

Sau những buổi làm lụng vất vả để kiếm sống trở về, tôi suy nghĩ, cố tìm ra những sơ hở của địch để vượt qua sự kiểm soát chặt chẽ của chúng. Cuối cùng, tôi nhận thấy: Đồng bào Kinh ở đây có mối giao lưu kinh tế rộng rãi với miền xuôi. Hàng ngày có chuyến xe đò lên xuống mang đến và mang về bao nhiêu tin tức. Cách Ba Tư một thôi đường còn có một số chính trị phạm hoạt động từ những năm ba mươi, ba mốt, nay xem ra còn hoài bão, chưa mất niềm tin. Tuy nhiên, trong bản thân số tù an trí cũng có một số khó khăn. Có anh bảo: - Năm bốn mươi, khi tôi lên đây, chỉ có con đường ô tô nối quốc lộ với châu lý Ba Tư, đi

Già Vụt. Vậy mà, chỉ mới vài năm thôi, bọn Pháp đã mở xong đường đi Kon plông và đường vòng ra phía bắc đi Di Lăng, Sơn Hà. Bọn nó muốn biến Ba Tư - Di Lăng thành căn cứ chống Nhật, giam lỏng tù chính trị ở đây cho đến chết!

- Ở đây không cựa quậy gì được đâu, rồi cũng đến chết vì sốt rét thôi! Lúc cần, chúng chỉ cần lia mấy băng đạn là chúng mình lại nằm với giun dế thôi. Ở đây thì làm sao liên lạc được với cơ sở miền xuôi, mà không có cơ sở, không có quần chúng thì lấy đâu ra sức mạnh. Thôi! Lo việc làm ăn, giữ mình cho trọn nghĩa với Đảng là được.

Tôi ngồi nghe, lòng buồn và nghiệm ra một điều: Thì ra, kẻ địch lấy sự buông lỏng làm cái nôm úp rồi đục khoét cho ruộng ý chí chiến đấu của anh em mình. Ghê gớm thật! Độc địa thật! Tôi muốn nói với anh em: Sao ta không giữ cho mình trọn nghĩa với Đảng, với dân bằng cách xây dựng cơ sở, tìm cách liên lạc với miền xuôi, gây dựng lại phong trào, biến ngọn lửa nhỏ thành đám cháy lớn. Nghĩ vậy nhưng tôi đành cắn chặt môi, không để bật thành lời vì sợ anh em cho rằng mình mới lên, chưa nắm chắc tình hình đã lên mặt dạy đời và ngại mọi người cho mình là “ngựa non háu đá”.

Những ngày tháng trôi qua, ý nghĩ “phải xây dựng tổ chức cơ sở Đảng, vận động cách mạng cứ thôi thúc lòng tôi. Không kiếm được nữa, tôi quyết định trao đổi với anh Khoách. Anh Khoách nhất trí và chúng tôi kết nạp thêm anh Phạm Sanh. Để giữ bí mật và tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tuyên truyền, chúng tôi đặt tên cho tổ chức là “Ủy ban vận động Cách mạng”. Cuộc họp chỉ bộ đầu tiên tiến hành trên gop đá giữa lòng suối Nước Năng. Cuộc họp đã đi đến quyết định: Tạo mọi

điều kiện để gây mối quan hệ tốt giữa anh em tù an trí với thanh niên địa phương và binh lính trong đồn. Tranh thủ mối quan hệ giữa một số nhân viên trong Nha kiểm lý với anh em an trí, trong đó có người đồng hương với anh Duân để thành lập Hội đá bóng. Từ đó, chiều chiều đều có những trận bóng sôi nổi. Có lúc là đội nhà binh đá với Liên quân thanh niên - Tù an trí; có lúc là đội tuyển châu lý đá với một đội được mời từ địa phương khác. Kẻ đá, người xem hò reo ầm ĩ, không khí chan hòa.

Qua những cuộc tiếp xúc ấy, quan hệ giữa binh lính với thanh niên địa phương, với tù an trí ngày càng cởi mở. Những mặc cảm, hổ ngại cách trước đây dần được san lấp. "Ủy ban vận động Cách mạng" bước đầu có thuận lợi hơn... Trong thời gian này, tôi có mấy lần xuống Trường An gặp cụ Trần Toại, một chính trị phạm tham gia phong trào ba mươi, ba mốt. Cụ Toại năm 1930 tham gia Tỉnh ủy Quảng Ngãi, năm 1931, cụ được điều vào làm Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên, một thời gian sau thì bị bắt. Qua chuyện trò, tôi thấy cụ vẫn ưu thời mẫn thế, thiết tha với sự nghiệp cách mạng nhưng e ngại mình tuổi cao, sức yếu. Sau khi nghe tôi trình bày những điểm cơ bản trong NQ VIII của TW, Cụ nói:

- Tôi nay tuổi cao, sức yếu lại bị bệnh lao hành hạ, nhất là về mùa đông gió rét. Tôi chỉ còn mong đợi các anh, lớp người trẻ cố gắng xây dựng lại phong trào. Được vậy, tôi xin giới thiệu cùng các anh một con người tuyệt đối trung thành với sự nghiệp của Đảng. Đó là anh Nguyễn Tiểu.

Theo lời cụ thì anh Nguyễn Tiểu nằm trong số quần chúng đi biểu tình trong phong trào cách mạng 1930 - 1931 bị bắt tù

một thời gian. Năm 1936 - 1937, anh có tham gia hoạt động trong Mặt trận Dân chủ Đông Dương, nhưng từ 1939 thì bị mất liên lạc. Anh là một cố nông, có vợ và hai con. Cụ Toại luôn giúp đỡ cho gia đình anh những tháng giáp hạt, ngày dứt bữa.

Hôm đến thăm, anh Tiểu đưa tôi vào một túp lều làm bằng mấy thanh tre bát chéo vào cành mít. Bên trên là mấy tấm tranh che mưa nắng. Tường là những tấm rá. Anh nói với tôi bằng tất cả sự xúc động tâm huyết:

- Mấy năm nay tôi ở đây, không xây dựng được phong trào. Từ ngày bọn Pháp lập nhà giam Ba Tư rồi chuyển thành căng an trị, đưa anh em tù chính trị lên đây, tôi mấy lần gặp cụ Giáo (Trần Toại thời trước đi dạy học nên mọi người quen gọi ông Giáo), thì biết, anh em vẫn nằm im, chưa có người đứng ra xây dựng tổ chức. Thật lòng, tôi buồn lắm. Chả lẽ Pháp rồi bây giờ thêm Nhật nhảy vào mà dân ta chịu mãi cảnh sống cơ cực thế này sao?!

Hai dòng nước mắt chảy dài trên má. Anh tiếp: - Tôi còn gì để mất đâu hả anh? Nhà cửa rách nát, vợ con nheo nhóc. Tôi nguyện đem hết lòng, hết sức phụng sự cách mạng. Hiểm nổi, tôi đốt nát, ít được học hành nên không biết liệu có giúp được gì cho các anh không?

Tôi hỏi: - Anh có hay đi đây, đi đó không?

- Đi đâu hả anh? - Anh hỏi lại.

- Như đi xuống Nghĩa Hành, Mộ Đức, Sông Vệ, Thu Xà?

- Không! Lam lũ quanh năm mà không đủ miếng ăn thì còn đi đâu được hả anh? Nhưng nếu cách mạng cần thì tôi quyết làm bằng được. Xin anh cứ tin tôi!

Những lần gặp khác, cụ Toại đã giới thiệu và trao lại cho chúng tôi tổ chức, hướng dẫn nhiều người thuộc lớp con cháu cụ, truyền đạt lại cho tôi những kinh nghiệm xương máu mà cụ đã trải qua trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của cụ. Thế là về Trường An, tôi đã tìm được một cố vấn dày dạn kinh nghiệm và một đồng chí liên lạc tin cậy.

CUỘC TIẾP XÚC VỚI THỦ LĨNH, TÙ TRƯỞNG GIÀ KIÊU

Đến mùa xuân 1943, chúng tôi đã xây dựng được nhiều tổ chức “Cứu quốc” trong lực lượng Việt minh của đồng bào Kinh ở Ba Tư và nhiều huyện đồng bằng, trong các lực lượng thâm nuôi và buôn bán. Tuy nhiên, việc gây cơ sở trong đồng bào yêu nước chống Pháp người Thượng thì còn khó khăn. Họ ngại đưa chúng tôi vào sâu các bản làng vì sợ Pháp bắt được sẽ bỏ tù, lại sợ các tù trưởng, thủ lĩnh bắt tội làm lộ chỗ ở bí mật. Tôi lại tìm xuống cụ Trần Toại. Cụ giới thiệu tôi với anh Giàu (một cơ sở người Thượng của Cụ). Tên anh là Giàu nhưng anh rất nghèo. Quanh năm anh chỉ mặc có một chiếc khố rách. Mùa lạnh thì ngồi quanh bếp lửa. Tôi san sẻ cho anh mấy bộ quần áo, ít thuốc chống sốt rét. Khi đã quen thân, tôi thổ lộ ý muốn lên Giá Vụt gặp Già Kiêu, một tù trưởng nổi tiếng chống Pháp mà tôi đã từng nghe. Anh Giàu vui vẻ nhận lời. Tôi về bàn với anh Khoách và anh Phấn. Các anh đều thống nhất và tìm cách “trình diện trá hình” để tôi có thể vắng mấy ngày đi gặp Già Kiêu... Tôi và Giàu, lừng mưng gùi, vai đeo chai rượu “Vân Cự”. Mang thế vừa để làm quà, vừa để che mắt địch, nếu chúng hỏi thì khai là người đi buôn. Chúng tôi vượt Mang Đốc, qua đèo Trà Nô là vượt ra ngoài tầm kiểm soát của địch. Chúng tôi ngồi cùng ăn cơm nắm

dưới gốc một cây kơ-nia. Ăn xong chúng tôi lại đi. Những làng nóc dọc đường rộn ràng tiếng cồng chiêng của đồng bào H're đang ăn tết. Đến gần tối thì chúng tôi vượt sông Giá Vụt. Sau khi tắm rửa, chúng tôi bắt đầu vào vùng "đất cấm" của tù trưởng Già Kiêu. Di được một đoạn, tôi hỏi Giàu:

- Gần đến làng Già Kiêu chưa anh?

Giàu chỉ tay về phía trước, trả lời:

- Qua cái đồi này, lội ngược con suối rồi leo thêm hai cái dốc nữa, chừng nào mồ hôi ướt lưng mới tới Buôn Ngoài.

Đến Buôn Ngoài, một thanh niên cao lớn, vạm vỡ, mình trần, tóc chấm tới vai, mày rậm, mắt sáng quắc, bụng nịt một thắt lưng to bản, đeo tên ná, tay cầm dao sáng loáng cùng mấy thanh niên tên ná dấy đủ tiến về phía chúng tôi. Giàu bước lên trao đổi gì đó với người thanh niên cầm đầu. Trao đổi xong, cậu ta đánh mắt về phía tôi dấy về ngờ vực. Giàu bảo đã giải thích cho anh ta biết: "Đây là người cộng sản anh em ở cảng an trí Ba Tư muốn lên đây gặp cha mày để bàn chuyện đánh Tây, giành lại con nước, cái rừng, không phải đóng cái thuế, cái xâu cho Tây nữa". Người thanh niên nói to, giọng rắn chắc:

- Mày đánh Tây, cần lúa gạo, thịt rượu gì lên đây cha tao cũng cho. Còn, mộ binh ở đây không được dấy. Qua nhiều mùa rẫy, hỏi cha tao còn trẻ, nay đã già mà Tây cũng không lên đây được. Ông Trời cho chúng tao xuống núi giết hết bọn Tây thì giữ núi này mà sống chứ không đi xâu, nộp thuế cho bọn Tây dấy!

Anh Giàu dịch lại. Nghe xong, tôi mỉm cười, trả lời:

- Người cộng sản không phải lên đây để xin cái gạo, cái rượu, cái thịt dẫu mà muốn lên đây gặp Già Kiêu cùng bàn cách đánh Tây.

Nghe xong, anh thanh niên chỉ định ba người ở lại canh gác, anh và hai người nữa quay vào trong. Lúc chờ đợi, tôi đảo mắt nhìn chung quanh, thấy thế núi, thế khe ở đây thật hiểm trở. Biết dẫu, trong những cánh rừng già, những khe đá kia là cả một vùng thiên la địa võng mà kẻ thù không bao giờ dám mò đến. Người thanh niên ấy đã quay lại. Anh ta bảo Già ở ngoài và đưa thẳng tôi vào gặp Già Kiêu. Già Kiêu đã ngồi sẵn ở dẫu tra để đợi khách. Anh thanh niên lễ phép nói với Già Kiêu:

- Thưa cha, thằng tà-pọt (da trắng - ý chỉ người Kinh - BT) này là người cộng sản an trí Ba Tư lên đây gặp cha, bàn chuyện đánh Tây.

Đến đây tôi mới nhận ra người thanh niên nọ là con trai của Già Kiêu. Già Kiêu vui vẻ mời tôi vào nhà. Chúng tôi cùng ngồi trên một chiếc chiếu hoa đã trải sẵn. Già Kiêu thổi bùng bếp lửa hâm nóng nồi nước chè xanh rồi rót vào hai bát sứ cổ mời tôi cùng uống. Gian nhà thật rộng rãi, đầy những chồng nồi đồng xếp cao chấm mái nhà. Phía đầu chỗ ngủ của Già Kiêu là hàng chục bộ chiêng, ché được sắp đặt ngay ngắn. Ở dẫu tra treo lòng thòng những bộ sừng trâu, răng hổ, răng nanh lợn rừng... Nhìn qua khung cảnh nhà cửa cũng đủ biết vị tù trưởng này là người giàu có và đầy thế lực. Sau khi uống mấy ngụm nước Già Kiêu bắt đầu hỏi chuyện. Già nói tiếng Kinh rất sôi, thỉnh thoảng cũng có chen tiếng H're, giọng trầm, chậm rãi:

- Mấy năm nay biết Tây bắt người cộng sản lên giam ở Ba Tư nhưng tao chưa được gặp mặt. Nay có người an trí tà-pọt

lên đây, cái bụng tao mừng lắm. Tao muốn nghe mày nói chuyện người cộng sản đánh Tây như thế nào? Liệu có thắng được nó không? Dân vùng này mấy lần nổi dậy đánh đồn, nhưng cái ná không giết được nó nhiều. Tây đem lính lên đốt buôn, phá rẫy. Dân phải bỏ làng kéo nhau lên núi cao. Ở đây không có muối ăn, thiếu cái cốc, cái rựa làm rẫy, cái nổi rang gạo, mảnh vải làm khố, cây kim, sợi chỉ vá may. Có đứa sợ Tây, sợ đói ra hàng. Mấy lần Tây đồn, Kiểm lý Ba Tư nhấn lên mời tao ra làm Chánh tổng nhưng tao không nhận. Tao ghét thằng Tây, ghét quan ta, không muốn nhìn mặt bọn nó. Bây giờ mày lên đây, ở lại lâu lâu, bày cho tao cách đánh Tây với!

Tôi ngồi nghe, cảm thông với tấm lòng của người tù trưởng khao khát tự do. Tôi nói:

- Từ khi Tây chiếm nước mình, người Kinh, người Thượng đều bị nó bắt đi xấu nhiều, nộp thuế nặng. Kêu xin thì nó đánh, chống lại thì nó giết, bắt tù. Người cộng sản chúng tôi đánh Tây là để giành lại đất nước, để người Kinh, người Thượng đi lại làm ăn, giúp đỡ nhau. Nước mình, mình giữ. Đất mình, mình làm ăn, không ai áp bức ai, không phải đi xấu, nộp thuế.

Già Kiêu chồm nắm chặt tay tôi.

- Nghe mày nói, tao sướng cái bụng quá, ước gì được vậy! Người tù trưởng già ngồi lặng im, đôi mắt mờ màng nhìn ra khung trời như đang hình dung cảnh nước nhà độc lập, Thượng-Kinh đoàn kết, xóa bỏ hận thù, gổ quý, măng rừng... theo con suối, con sông về xuôi; gạo, muối, vải, cốc, rựa, kim chỉ... theo vai người lên núi. Chợt như bừng tỉnh, Già Kiêu hỏi:

- Nhưng tao lo, thằng Tây có cái súng nhiều, bắn đi xa, còn cái ná mình bắn không tới nó, làm sao giết hết nó được, làm sao đuổi hết nó ra khỏi nước mình?

Tôi giảng giải: - Thế mà lâu nay Tây có lên được buôn của Già đâu? Mình đánh nó theo cách của mình, miễn sao giết được nhiều Tây, nhiều lính. Đánh hoài, giết hoài rồi nó cũng phải bỏ nước mình mà đi!

- Mày nói trúng cái bụng tao rồi! Đã nhiều mùa rẫy, từ hồi thằng Đội Xạc kéo lính lên bị cái chống, tên độc của làng tao bắn chết thì nó không dám lên nữa.

- Nhưng lâu nay, thằng Tây nó làm người Kinh ghét người Thượng, người Thượng thù người Kinh nên Kinh Thượng chưa hợp sức cùng nhau “bờ rổ tà dế” (nổi dậy đánh giặc). Chỗ này đánh, chỗ kia không nên Tây lấy lính nơi này đi đánh nơi khác. Kinh Thượng chưa có người tài giỏi chỉ cách đánh Tây. Nay mình có cụ Nguyễn Ái Quốc, người tài giỏi đi nhiều nước học cách đánh giặc, coi Kinh Thượng như anh em một nhà, kêu gọi cùng nhau đánh đuổi Tây, đất nước độc lập, cùng nhau làm ăn sao cho người Thượng có cái khố lành, cái váy đẹp, học được cái chữ, có bữa cơm no. Bây giờ, ở núi rừng ngoài Bắc, cũng có một vùng của mình, Tây không lên được. Cụ Nguyễn Ái Quốc đang ở đây bày người Thượng, người Kinh đánh Tây, dạy học cái chữ.

Già Kiêu chăm chú nghe, thỉnh thoảng gật gật đầu “O! O!”, “Gió! Gió!” (ừ... ừ... đúng... đúng).

Tôi đọc và dịch đại ý bức thư của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Trầm ngâm một lúc, Già Kiêu bảo:

- Mày nói đúng lắm! Hay lắm! Tao chưa được nghe ai nói như mày. Tao tin mày! Tao tin người cộng sản đánh được Tây. Nhưng việc này tao lo lắm, phải giữ kín. Tao sẽ suy nghĩ tiếp, lần sau lên đây, tao sẽ nói cái bụng tao nghĩ gì.

- Già cứ nghĩ kỹ đi nhưng nhớ là việc đánh Tây cũng không thể chậm trễ được. Tôi lựa cách nói sao cho Già Kiêu hiểu được Nhật sẽ vào Đông Dương, bắt dân mình phá lúa trồng bông, trồng lạc. Ngoài bắc, người đói chết đầy đường. Tây ghét Nhật nhưng lại sợ Nhật vì Đức - Ý - Nhật đang hợp sức muốn làm bá chủ thế giới. Trước sau gì nước mình cũng phải chuẩn bị tinh thần chống Nhật.

Già Kiêu ngắt lời:

- Vậy để tới lúc đó đánh luôn thế.

Tôi giải thích tiếp: - Không! Việc đánh Tây phải lo từ bây giờ. Phát xít Nhật tuy hung hãn nhưng chúng đang ở trong thế thua vì sự giáng trả của Liên Xô - Anh - Pháp - Mỹ - Tàu ở khắp nơi. Ở nước mình, ngày nào máy bay Mỹ cũng ném bom vào các tàu Nhật đậu ngoài biển, có lần thấy lửa cháy trên biển suốt mấy ngày đêm.

Sau cuộc nói chuyện ấy, Già Kiêu thết tôi một bữa cơm ăn với thịt nai khô, uống rượu. Đêm ấy, một già một trẻ, một Thượng, một Kinh nằm bên nhau sôi nổi bàn chuyện đánh Tây. Rạng sáng hôm sau, tôi dậy sớm, biểu Già Kiêu một số hàng miễn xuôi mà tôi mang theo, cột đôi gạc nai khoác lên vai và từ biệt Già Kiêu.

Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CUỘC KHỞI NGHĨA BA TƠ

Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ nổ ra và thắng lợi là một sự kiện lịch sử có tầm vóc và ý nghĩa sâu sắc không những đối với Quảng Ngãi mà nó còn góp những kinh nghiệm quý báu vào quá trình vận động, giác ngộ, tổ chức quần chúng đứng lên thực hiện sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng CSVN.

Khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi là kết quả của cả một quá trình kiên trì chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh của những người chiến sĩ cộng sản kiên trung, trưởng thành từ phong trào yêu nước và cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, từ nhà tù, từ sự khùng bố tàn bạo của kẻ thù, từ những thập niên đầu của thế kỷ.

Trên cơ sở nắm chắc tư tưởng chiến lược cách mạng của Đảng, những người cộng sản Quảng Ngãi đã vận dụng một cách sáng tạo, linh hoạt vào thực tế tình hình địa phương và giành thắng lợi. Cuộc khởi nghĩa đã nổ đúng lúc, khi những điều kiện của thời cơ đã chín mùi. Những người cộng sản đã quyết tâm và sẵn sàng lãnh đạo cách mạng; quần chúng cách mạng đang sôi sục một khí thế vùng lên lật đổ ách thống trị. Kẻ thù cũ (Pháp) đang

mang nặng tư tưởng thất bại đầu hàng; kẻ thù mới (Nhật) chưa đủ thời gian làm chủ tình thế. Thời điểm khởi nghĩa Ba Tơ nổ ra cũng là thời điểm Nhật đã đầu hàng Đồng minh nên chúng đã hoàn toàn không còn khí thế của một đội quân phát xít cuồng chiến như trước.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã chọn đúng địa điểm làm nơi nổ cho cuộc khởi nghĩa. Đó là huyện Ba Tơ. Ba Tơ vốn là vùng căn cứ của nhiều phong trào yêu nước và chống áp bức trước đây từ thời Tây Sơn, Gia Long đến thời Phong trào Cần vương yêu nước và Ba Tơ đã có tổ chức Đảng từ năm 1930. Trong thời điểm khởi nghĩa, Ba Tơ đang là nơi tụ nghĩa của nhiều đồng chí lãnh đạo cũ từ các nhà tù của thực dân Pháp về củng cố an trí Ba Tơ như Trần Toại, Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Trương Quang Giao... Tổ chức Đảng và cơ sở chính trị trong quần chúng phát triển nhanh chóng ở khắp các địa bàn. Điều này cũng góp phần cất nghĩa tại sao lực lượng vũ trang của ta khi ấy còn quá nhỏ bé và thô sơ mà có thể làm nên sự kiện khởi nghĩa Ba Tơ lịch sử. Áp lực chính trị của hàng vạn quần chúng vũ trang từ Hóc Kè, Tân Long, Trường An, Suối Loa, Hoàng Đồn, Đá Bàn... đổ về quản lý Ba Tơ đã thực sự có ý nghĩa to lớn trong việc thay đổi cán cân lực lượng giữa ta và địch, đưa cuộc khởi nghĩa đến thắng lợi vẻ vang.

Khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi đã tạo đà và tạo ra những thuận lợi mới để tiến đến Tổng khởi nghĩa trên toàn tỉnh trong Cách mạng tháng 8 năm 1945. Việc ra đời một chính quyền cách mạng và một lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên từ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ ý nghĩa to lớn và sâu xa đến khí thế cách mạng trong toàn dân, báo hiệu một thời kỳ bão táp cách mạng, xóa bỏ ách

thống trị của địch, giành chính quyền về tay nhân dân trên một qui mô lớn.

Khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi là sự chứng minh sinh động cho đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng ta mà NQTW VIII đã chỉ rõ "... với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành được thắng lợi mà mở đường cho một cuộc Tổng khởi nghĩa to lớn". Khởi nghĩa Ba Tơ cũng chứng minh rằng một khi đường lối chính sách cách mạng đúng đắn của Đảng đã thâm nhập vào quần chúng thì nhất định nó sẽ trở thành một sức mạnh vật chất to lớn, đủ sức đập tan guồng máy thống trị tàn bạo của quân cướp nước và bè lũ tay sai bán nước.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua nhưng cuộc khởi nghĩa Ba Tơ vẫn để lại nhiều bài học sâu sắc cho nhiều thế hệ cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng hôm qua, hôm nay và mai sau.

Bài học thứ nhất: Có đường lối cách mạng khoa học, sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố quyết định cho mọi thắng lợi. Khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi có nguyên nhân sâu xa từ đường lối cách mạng của Đảng đã đề ra trong NQTW VIII (5-1941). Những người cộng sản Quảng Ngãi đã tiếp thu và vận dụng sát hợp tình hình địa phương, thông qua các tổ chức quần chúng, đưa đường lối ấy thâm nhập sâu vào lòng quần chúng cách mạng và biến nó thành sức mạnh vật chất to lớn thực hiện nhiệm vụ cách mạng.

Bài học thứ hai : Khởi nghĩa Ba Tơ là một minh chứng hùng hồn cho quan điểm bạo lực cách mạng của chủ nghĩa Mác-Lênin. C.Mác nói : Giai cấp thống trị không bao giờ tự nguyện từ bỏ địa

vị và quyền lợi của chúng. Giai cấp bị áp bức muốn làm cách mạng tự giải phóng, xóa bỏ chế độ cũ, xây dựng xã hội mới thì phải dùng bạo lực cách mạng để đánh đổ bạo lực phản cách mạng. Thực tế cho thấy, dù đang ở thế thất bại, kẻ địch ở Ba Tư vẫn rất ngoan cố, không chịu giao đồn. Không có bạo lực chính trị và vũ trang cách mạng thì không thể giành được chính quyền ở Ba Tư.

Bài học thứ ba : Liên tục phát triển thực lực cách mạng, đẩy phong trào cách mạng thành cao trào, giành thắng lợi từng phần, tiến lên giành thắng lợi toàn cục. Sau khởi nghĩa Ba Tư thắng lợi, Ban lãnh đạo khởi nghĩa một mặt chủ trương xây dựng căn cứ để kháng chiến lâu dài, mặt khác khẩn trương phát triển lực lượng về mọi mặt, cán bộ, đảng viên bám sát cơ sở, tổ chức phong trào và chỉ trong mấy ngày (từ 11 đến 14-3-1945), lực lượng cách mạng đã trưởng thành nhảy vọt và đưa cuộc Tổng khởi nghĩa trong toàn tỉnh đến thắng lợi.

BA NGUYÊN NHÂN THẮNG LỢI CỦA KHỞI NGHĨA BA TƯ

Một là : Nguyên nhân có ý nghĩa quyết định thắng lợi của khởi nghĩa Ba Tư là sự lãnh đạo của Đảng. Đảng bộ Quảng Ngãi đã nắm chắc và vận dụng đầy sáng tạo Nghị quyết Trung ương lần thứ VIII (5-1941) vào thực tế tình hình địa phương, đánh giá đúng địch ta, chớp đúng thời cơ, chọn đúng địa điểm tiến hành khởi nghĩa và đã thắng lợi. Thắng lợi của khởi nghĩa Ba Tư và Tổng khởi nghĩa 14-8-1945 ở Quảng Ngãi là kết quả của cả một quá trình nhiều năm củng cố và phát triển tổ chức Đảng, tận tụy đi sát cơ sở để vận dụng, giác ngộ, tổ chức quần chúng.

Hai là : Kẻ thù của cách mạng đang ở thế khủng hoảng và hoang mang cực độ. Đế quốc Pháp mang nặng tư tưởng thất bại đầu hàng. Bộ máy thống trị mà chúng thiết lập, xây dựng hàng trăm năm đang ở thế rối loạn, tan rã khi bị Nhật làm cuộc đảo chính, tước khí giới ngày 9-3-1945. Phát xít Nhật thì đang trong thế “chân ướt, chân ráo”, chưa có thời gian kiểm soát tình hình.

Ba là : Quần chúng cách mạng vốn đã chất chứa căm thù cao độ với những tội ác mà Pháp - Nhật đã gây ra, lại được Đảng tổ chức, giác ngộ, sẵn sàng xuống đường giành chính quyền. Hàng chục ngàn quần chúng vũ trang ở Ba Tơ, hàng trăm ngàn quần chúng vũ trang ở Quảng Ngãi đã có ý nghĩa vô cùng to lớn trong việc làm thay đổi tương quan lực lượng địch ta và đưa cuộc khởi nghĩa đi đến thắng lợi nhanh chóng.

Khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi là biểu hiện thực tế sinh động về đường lối cách mạng đúng đắn và khoa học của Đảng ta, là kết quả của ý chí cách mạng gang thép và tinh thần độc lập sáng tạo cao độ của những người cộng sản Quảng Ngãi. Nó đã tạo ra những tiền đề về chính trị, tư tưởng, tổ chức lực lượng và kinh nghiệm quý báu cho nhiều thời kỳ cách mạng.

ĐỘI DU KÍCH BA TƠ SỐNG TRONG LÒNG DÂN

Sau ngày khởi nghĩa Ba Tơ, mang không khí khởi nghĩa đến thung lũng Suối Bùn là đồng chí Phạm Xuân Hương. Đêm 12-3-1945 cuộc họp đầu tiên tại bãi bồi trên đầu thác Nhơn Lộc đối diện với suối Linh do đồng chí Phạm Xuân Hương triệu tập, gồm có các anh: Võ Đình Khánh, Lâm Đờ, Nguyễn Viên, Bùi Thanh Đạm, Trần Khanh và Trương Đình Thụy tham gia. Đồng chí Phạm Xuân Hương thông báo về Ba Tơ khởi nghĩa và việc thành lập Đội du kích cứu quốc Ba Tơ. Nhiệm vụ của Suối Bùn trước hết là tập trung mọi hoạt động hưởng ứng mạnh mẽ cuộc khởi nghĩa Ba Tơ bằng cách vận động quần chúng mít ting, biểu tình, tiến tới giành chính quyền thôn xã, thành lập chính quyền cách mạng nhân dân. Ủy ban vận động cách mạng lâm thời được thành lập, để chuẩn bị lãnh đạo các cuộc mít ting và cũng đồng thời triển khai mạnh việc tổ chức xây dựng các đoàn thể thanh niên, nông dân, phụ nữ, phụ lão... Ngoài cuộc họp quan trọng trên, không khí khởi nghĩa Ba Tơ như một luồng gió mới, thổi lên thung lũng Suối Bùn. Ở những tổ chức quần chúng khác như thân hào, phụ lão có các đồng chí Nguyễn Hiếu thôn Long Bình, Nguyễn Viên Thuật, Trần Vỹ (ông Miên) ở Nhơn Lộc đã sớm triển khai thu hút các bậc phụ lão thân hào hưởng ứng khởi nghĩa Ba Tơ và đi vào hoạt

động. Giới phụ nữ có bà Như (em ruột chị Mười Mỹ), bà Bưởi, bà Mỹ ở Phú Thọ, chị Sách ở Thiên Xuân... là những người rất hăng hái trong việc vận động các bà, các chị tham gia vào đoàn thể phụ nữ.

Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, quân Pháp thất thủ, một đơn vị lính khố đỏ do sĩ quan Pháp rút chạy. Đám bại binh này đã về dừng lại chợ Suối Bùn, lực lượng chính đóng tại gò Đồn (nay thuộc thôn Đồng Xá) tổ chức canh gác bố phòng từ đầu thôn đến cuối thôn. Chiều 12/3/1945 trên đường từ Ba Tơ về đồng bằng để chỉ đạo phong trào chung Quảng Ngãi đồng chí Trương Quang Giao và một số đồng chí khác đã dừng lại Suối Bùn nắm tình hình. Tối đó đi vào gò Đồn gặp viên chỉ huy Pháp để trao đổi với bọn này cùng hiệp sức với ta đánh phát xít Nhật. Bọn chỉ huy Pháp rất hoang mang chần chừ vừa sợ Nhật vừa ngại ta nên không hợp tác. Qua ngày sau bọn chỉ huy Pháp và tay sai đã trốn chạy về hướng tây nam lên mạn Ba Tơ - Giá Vụt. Đám bại binh còn lại tan rã, chúng vất súng đạn, quần áo, quân trang để tháo thân. Nhân dân Suối Bùn lại chứng kiến sự sụp đổ của quân xâm lược Pháp một cách nhục nhã trên mảnh đất này.

Tối hôm đó Suối Bùn đón nhận những người con kiên cường bất khuất từ nhà lao Quảng Ngãi thoát về, trong số đó có anh Huỳnh Quang (Sáu Mau) chị Nguyễn Thị Liệu và một số đồng chí người Nghệ An. Lúc này Suối Bùn như mảnh đất hội tụ các lực lượng : lực lượng phản cách mạng là thực dân Pháp với sự tan rã, và bọn phát xít Nhật tuy cướp nước ta từ Pháp song chưa tổ chức được bộ máy đàn áp đến cơ sở nên bọn tay sai ở thôn, xã rất hoang mang. Còn một bên lực lượng cách mạng vùng dậy

từ khởi nghĩa Ba Tơ và từ chính trị từ các nơi được tin khởi nghĩa cũng qua vùng Suối Bùn để tìm lên Ba Tơ.

Cuộc mít ting dự định vào chiều 12/3/1945 tại Nhơn Lộc không thành vì có sự lộn xộn của bọn tàn binh Pháp trong thôn. Địa điểm cuộc mít ting được dời qua giếng nước sau thôn Phú Thọ. Các đoàn thể quần chúng, thanh niên, phụ nữ, nông dân, thân hào từ Nhơn Lộc, Thiên Xuân, Long Bình, Tân Phú, Phú Thọ, Phú Khương đã kéo về dự. Đồng chí Phạm Trân, Nguyễn Thị Lựu là diễn giả cuộc mít ting. Ngoài ra còn có các đồng chí Phạm Hương, Huỳnh Quang bố trí chỉ đạo cuộc mít ting. Các diễn giả đã cổ động quần chúng ủng hộ hưởng ứng cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, vận động quần chúng nhanh chóng tham gia vào các đoàn thể cứu quốc, tham gia Mặt trận Việt minh, ủng hộ đội quân du kích cứu quốc Ba Tơ. Quần chúng đã hô to các khẩu hiệu đả đảo đế quốc Pháp, tiêu diệt phát xít Nhật, Việt Nam hoàn toàn độc lập muôn năm.

Thời gian như ngừng trôi, ngọn lửa của cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã cháy trên thung lũng Suối Bùn, căn cứ địa nơi đây đã đón Đội du kích Ba Tơ vận động, di chuyển từ Cao Muôn xuyên qua dãy núi Tai Mèo. Khi đội du kích dừng chân tạm nghỉ ở suối Lò Muôn trên thôn Phú Khương đã được cơ sở Suối Bùn do đồng chí Phạm Xuân Hương tổ chức chỉ đạo cho các mẹ, các chị thay hình đổi dạng, vận động thuốc men, quần áo, cơm nắm, cá chép kho, gánh lên cho đội du kích. Sự tiếp tế này thật quý biết bao, mỗi tấc cá nước của nhân dân căn cứ địa thung lũng Suối Bùn đến với đội du kích trong những ngày trọng đại này.

Khi đội du kích Ba Tơ dừng chân tại Hòn Dầu Núi Lớn cũng là lúc đội áp dụng phương châm chiến thuật " Dĩ chính vi linh,

đi lính vì chính” tức là củng cố lực lượng đội du kích ở chiến khu cho thật vững chắc rồi phân tán các đội viên đến nhiều nơi huấn luyện cho các tiểu tổ du kích, sau đó tổ này lại tổ chức và huấn luyện cho các đội tự vệ và xây dựng các hội cứu quốc, tức là xây dựng lực lượng vũ trang trong lòng dân, qua đó mà tuyển lựa những đội viên du kích có đủ điều kiện tăng cường cho đại đội Hoàng Hoa Thám ngày càng lớn mạnh. Lực lượng du kích không chỉ lớn mạnh ở miền rừng núi mà còn phát triển rộng lớn ở vùng đồng bằng ven biển.

Chỉ một thời gian ngắn sau khởi nghĩa Ba Tơ, là Đội du kích cứu quốc Ba Tơ ra đời, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ngãi đã nhanh chóng phát động phong trào đều khắp trong tỉnh từ miền đồi núi đến đồng bằng ven biển. Nhân nói về Đội du kích Ba Tơ sống trong lòng dân, ở thung lũng Suối Bùn này, một vùng có truyền thống cách mạng, nhân dân ta đã từng hưởng ứng các cuộc cách mạng của quân Tây Sơn, từng tham gia các đạo quân Cần vương... những cuộc hành quân của Đội du kích Ba Tơ từ núi Cao Muôn về Hòn Dầu - Núi Lớn mà thắng lợi của nó là tôn vinh sự lãnh đạo tài tình về đường lối quân sự của Tỉnh ủy tỉnh Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam Quảng Ngãi.

Thung lũng Suối Bùn được sự chú ý đặc biệt của Tỉnh ủy. Vì vậy Tỉnh ủy đã cử các đồng chí Phạm Xuân Hương, Huỳnh Quang và sau này cả đồng chí Hồng Châu, chỉ đạo trực tiếp, xây dựng các tổ chức đoàn thể. Các tổ chức này nhanh chóng phát triển từ thôn Nhơn Lộc tỏa ra các thôn Phú Khương, Phú Thọ, Long Bình, Tân Phú, Thiên Xuân. Các ban chấp hành thanh niên, phụ nữ, nông dân, phụ lão hình thành, bầu ra các đại biểu thành lập Mặt trận Việt minh đến từ xã, tổng. Song song với việc xây dựng

các đoàn thể cách mạng, các tiểu tổ du kích, các tiểu đội, trung đội tự vệ trong thanh niên nam nữ, nông dân được xây dựng, trực tiếp canh gác truyền tin, bảo vệ các hoạt động của Việt minh và bảo vệ căn cứ cách mạng của Đội du kích Ba Tơ.

Vào khoảng tháng 5, đồng chí Trần Toại, Trần Hàm về Suối Bùn lập Ban quân nhu để phục vụ cho chiến khu Hòn Dấu, Núi Lớn. Ban quân nhu do đồng chí Phạm Xuân Hương phụ trách, có các đồng chí Huỳnh Chấm, Trương Đình Thụy tham gia. Từ đây ở địa phương đã mở một phong trào tìm vũ khí, súng đạn, khí giới quân trang của đám tàn quân Pháp tan rã. Quần chúng hội viên đã lặn lội theo dấu vết của đám tàn binh, nhặt nhạnh từng viên đạn, lưỡi lê, súng trường, có cả súng máy đem nộp cho Ban quân nhu vận chuyển lên chiến khu. Bộ phận vận chuyển đường sông hình thành sớm, do gia đình Trương Hương, Bảy Hà, Trương thị Đào, Trương Thị Sốt và một số cơ sở nứa tham gia đón tiếp các ghe thuyền dưới các huyện Tư Nghĩa, Mộ Đức chuyển lên. Cửa khẩu Suối Chí thôn Khánh Giang, Trường Lệ là nơi tập kết kho tàng của chiến khu Hòn Dấu - Núi Lớn, nhận hàng ở các ghe thuyền, từ hạt gạo, trái bí, cá khô, mắm muối, thuốc men, súng đạn, chăn màn, quần áo...từ các miền đồng bằng chuyển lên chiến khu.

Việc trang bị vũ khí cho tự vệ, du kích không đơn thuần gây gộc, giáo mác mà cần phải được trang bị tốt hơn mới đáp ứng tình hình mới. Do vậy đồng chí Phạm Xuân Hương đã qua cơ sở Suối Bùn trưng dụng các lò rèn do anh Huỳnh Thể làm chủ, chuyển lò rèn lên Bằng Chai giáp với căn cứ Hòn Dấu - Núi Lớn để rèn gươm dao khí giới.

Mùa hè năm 1945 trôi qua. Người dân thung lũng Suối Bùn có hai cuộc sống. Cuộc sống cho thực tại là cây cấy sản xuất ra hạt gạo, hạt ngô, khoai sắn... và một cuộc sống cho căn cứ địa. Các đoàn thể hoạt động rất mạnh, các đội tự vệ ở các thôn ngày càng trưởng thành. Đêm đêm trên các bãi bồi ven sông, trong các ruộng bắp, nương dâu, các đội tự vệ hằng say tập luyện. Rồi có một ngày, cái ngày đó đã đến. Mặt trời đã khuất sau dãy núi Tai Mèo từ lâu, trăng thượng tuần tháng 8 lúc mờ lúc tỏ, những mảng mây mỏng trôi qua. Trong đêm im ắng ấy, tôi gánh một gánh đạn lên chiến khu. Vừa vượt qua đèo Bảo Giáp, bỗng tai tôi bùng bùng rộn rã, tiếng trống, tiếng chiêng công chen lẫn âm vang qua rừng núi khắp Ba Tơ. Thung lũng Suối Bùn bùng tiếng trống khởi nghĩa, đoàn quân du kích Ba Tơ, chiến khu Hoàng Hoa Thám hạ sơn. Với biết bao bồi hồi xúc động, người tôi gặp đầu tiên để trao gánh đạn là anh Phạm Xuân Hương. Từng người một lướt qua tôi trong đêm, tôi đã nhập vào đoàn quân tiến về thung lũng Suối Bùn. Ở nhà hội Nhơn Lộc tôi đã gặp các anh Đôn, anh Vinh, Trần Công Khanh, anh Khai, anh Hoa, anh Phạm Xuân Hương... và những người con Suối Bùn đứng trong đoàn quân du kích như Lâm Mai Sơn (Lâm Đỗ - Bá) Nguyễn Ngọt, Trương Đỗ, Lê Văn Ân, ...còn một số anh em đã đi theo một cánh quân khác hạ sơn như các anh Đinh Bồi, Đinh Bổng, Nguyễn Tàu, Hồ Tư...

Nha Trang, ngày 5/9/1998

(*) Đồng chí Trương Đình Thụy (Trương Cẩn) nguyên là Đội trưởng Đội du kích Suối Bùn (Nghĩa Hành) thời kỳ sau khởi nghĩa Ba Tơ, nguyên Chính trị viên Đại đội 3, Tiểu đoàn 79, Trung đoàn 96, Sư đoàn 305 Quân khu 5.

DẤU CHÂN NGƯỜI DU KÍCH BA TƠ

 ngày 11 tháng 3 năm 1945, anh em an trí ở Ba Tơ (trừ một số ít không tham gia) dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi, đã huy động nhân dân tiến hành cuộc khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi, thành lập chính quyền cách mạng của huyện.

Về cuộc khởi nghĩa và Đội du kích Ba Tơ, đã có một số đồng chí viết theo dạng hồi ký. Mùa xuân năm 1998, nhân dịp anh em du kích Ba Tơ ở các tỉnh phía Bắc về Hà Nội kỷ niệm lần thứ 53 cuộc khởi nghĩa Ba Tơ, Ban liên lạc của Đội du kích Ba Tơ đã đề nghị và được lãnh đạo Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị đồng ý cho biên soạn một cuốn sách nói về “Đội du kích Ba Tơ” để xuất bản vào dịp kỷ niệm lần thứ 55 năm ngày khởi nghĩa Ba Tơ.

Đồng chí Trung tướng Nguyễn Đôn hiện nay là một trong hai đồng chí lãnh đạo trực tiếp chỉ huy cuộc khởi nghĩa Ba Tơ trước đây, hiện làm Trưởng ban liên lạc Hội truyền thống Du kích Ba Tơ, chịu trách nhiệm chủ trì việc biên soạn, đã gửi thư cho các cơ quan nghiên cứu, những cán bộ có hiểu biết về Đội du kích Ba Tơ và toàn thể anh em đã gia nhập vào Đội du kích Ba Tơ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, yêu cầu mọi người viết bài gửi về cho Ban biên tập.

Là một trong số 17 anh em trực tiếp đánh chiếm huyện lỵ và đồn Ba Tư vào ngày 11 tháng 3 năm 1945, sau đó cùng nhau tổ chức ra Đội du kích Ba Tư chống Nhật cứu nước, tôi xin phép trình bày một số việc tôi đã làm và biết về Đội du kích Ba Tư mà từ trước đến nay nhiều đồng chí đã viết bài nhưng chưa nói cụ thể.

Bài của tôi viết gồm có những nội dung sau đây :

- * Cuộc tiếp tế vô cùng gian nguy.
- * Cuộc chuyển quân về đồng bằng.
- * Xây dựng chiến khu mới.
- * Vấn đề đào tạo cán bộ.
- * Đội du kích cùng toàn dân chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.
- * Việc chi viện cho chiến trường.

Tôi xin trình bày các vấn đề đã được nêu trên :

CUỘC TIẾP TẾ VÔ CÙNG GIAN NGUY

Ông cha ta ngàn xưa đã có câu : “Thực túc binh cường”. Do đó, Đội du kích Ba Tư sau khi rút lui vào rừng núi để xây dựng chiến khu kháng Nhật, vấn đề được đặt ra hàng đầu là trước hết phải có lương thực để nuôi sống mọi người; nhưng lúc này các xã của đồng bào người Thượng lại đứng vào vụ giáp hạt, hầu hết các nhà không còn hạt thóc, phải đi đào củ ở rừng và trái cây để ăn qua ngày. Trong khi đó, Đội du kích Ba Tư từ một trung đội tăng lên hai trung đội do anh em nhà lao mãn hạn tù lên gia nhập.

Trước tình hình trên, Ban chỉ huy Đội du kích Ba Tư quyết định tổ chức một đường dây tiếp tế từ xã người Kinh ở Ba Động thuộc huyện Ba Tư và các xã giáp giới Ba Tư thuộc huyện Nghĩa Hành chuyển lên, để có lương thực, thực phẩm cho sự sống còn của bộ đội. Thực hiện nhiệm vụ này, Ban chỉ huy phân công cho ba đồng chí phụ trách. Trước tiên là đồng chí Nguyễn Nhận về nằm tại cơ sở thuộc xã Ba Động để cùng các đồng chí lãnh đạo ở đây vận động nhân dân quyên góp ngay lương thực, thực phẩm, cố tìm cách liên hệ với cơ sở ở xã Ba Đình có người Kinh tại huyện lỵ Ba Tư để giúp đỡ thêm; tiếp theo là đồng chí Phạm Hương được phân công về các xã Khánh Giang, Trường Lệ, Suối Bùn, thuộc huyện Nghĩa Hành để gặp các đồng chí lãnh đạo cơ sở ở đây vận động nhân dân ủng hộ lương thực, thực phẩm cho Đội du kích Ba Tư và tổ chức vận chuyển bằng đường sông ngược lên đến xã Ba Động giao cho đồng chí Nhận cất giấu để chuyển tiếp về chiến khu. Cuối cùng là đồng chí Nguyễn Tấn Phước, vừa làm nhiệm vụ liên lạc của Đội du kích với cơ sở ở xã Ba Động (lúc đó gọi là xã Trường An) cùng đồng chí Nhận lấy người để tổ chức thành một đường dây tiếp tế từ xã Ba Động lên chiến khu.

Nhưng, điều khó khăn nhất là quân Nhật đã cùng với Bảo an binh về đóng đồn tại xã Ba Động (thời Pháp chỉ có một đồn ở huyện lỵ Ba Tư) để án ngữ du kích Ba Tư từ rừng núi về liên lạc với nhân dân ở xã này. Trong khi đó, việc tiếp tế lại phải huy động nhiều người tham gia, vậy làm thế nào để giữ được bí mật, tránh được tai mắt của bọn do thám Nhật là điều phải bàn bạc nhiều lần cho chu đáo.

Sau cùng đi đến nhất trí là việc vận động nhân dân phải tuyệt đối giữ bí mật, còn người tiếp tế phải chọn anh em nào gan dạ,

trung kiên nhất; giờ xuất phát vào lúc nửa đêm, để anh em về nhà trước khi trời sáng. Cuối cùng là việc bố trí canh gác từ khi đi đến khi về cho bảo đảm để anh em yên tâm.

Do đó, đường dây tiếp tế từ xã Ba Động lên chiến khu, tôi bố trí chia làm hai chặng : chặng thứ nhất từ xã đi đến đồi 300 (tên đồi do tôi đặt ra) gần nửa đường do anh em cơ sở của xã đảm nhiệm. Chặng thứ hai từ đồi 300 về chiến khu, do anh em du kích vận chuyển. Sau khi bàn bạc và đặt kế hoạch xong, tôi báo cáo về Ban chỉ huy Đội du kích Ba Tư và được hoàn toàn nhất trí cho tiến hành triển khai. Thế là cứ hai ngày một lần, khoảng 17 giờ, tôi từ chiến khu ra đi dắt theo bên lưng một cái xen của người thượng du (loại như đoản kiếm) để hộ thân. Khi vào đến làng phải lần theo đường tắt nên độ chừng 22 giờ thì đến nơi và báo cho cơ sở biết để chuẩn bị.

Khi mọi việc đã xong xuôi, bố trí canh gác các điểm về báo cáo. Khoảng gần 24 giờ, tôi cho anh em lên đường. Đi khoảng hơn 2 tiếng đồng hồ thì đến địa điểm đã hẹn. Dùng tín hiệu để bắt liên lạc với nhau, sau đó giao hàng lại để anh em du kích chuyển tiếp về chiến khu. Anh em cơ sở lại quay trở về gần 4 giờ sáng thì đến nhà, theo như kế hoạch đã dự định. Và cứ thế, đúng 2 ngày 1 lần tôi lại ra đi để tổ chức một chuyến tiếp tế, nên bộ đội luôn luôn có đủ lương thực, thực phẩm để dùng, đồng thời liên lạc với cơ sở để nắm tình hình quân Nhật hoạt động như thế nào để báo cho Ban chỉ huy chuẩn bị đối phó kịp thời. Việc chuẩn bị chu đáo, tỉ mỉ, nên vận chuyển tiếp tế lương thực được suôn sẻ gần 1 tháng trời thì lại bị bất ngờ trục trặc. Nguyên nhân là một hôm tôi đi đường gặp hổ mò theo, sự thật là tôi sợ đến toát mồ hôi và rụng tóc gáy, chưa biết đối phó bằng cách nào. Nhưng lúc đó tôi suy nghĩ : Nếu mình có bị hổ ăn thịt thì

cũng là vì nhiệm vụ cách mạng mà hy sinh. Nên tôi bắt đầu bình tĩnh lại. tôi nhớ tới kinh nghiệm của đồng bào thượng du đi rừng cho biết là mỗi khi gặp hổ thì phải thật bình tĩnh, hai tay cầm giáo nhọn giơ lên trời là hổ không dám vồ mồi. Nhưng tôi lại không có giáo, thôi đành dùng tạm cái xen để xem sao ? Và quả thật là một kinh nghiệm tốt, hổ vẫn bám theo mà không dám vồ tôi.

Vừa thoát nạn hổ xong, ra đến sông lại gặp nạn nước. Hôm đó ở đầu nguồn mưa to, nước sông lớn và chảy xiết. Không lội qua sông như mọi lần được, tính toán một lúc, tôi nghĩ chỉ còn cách là lên trên xa, bơi xuôi theo dòng nước rồi đậu bến sang bên kia là được. Nhưng tôi đã nhầm, vì nước chảy quá mạnh, tôi không cặp vào bến được mà bị trôi đi cách bến gần 1 km, ở đó lại gặp vùng nước xoáy, tôi cứ quanh đi quẩn lại mà không vào được bờ. Sức lực tôi lúc này bị nước quật cho rã rời. Nếu không vào được bờ là sẽ bị chết đuối. Thế rồi cơ may đã đến, một lần nhân nước xoáy vào bờ, tôi ráng sức dùng chút hơi tàn còn lại bám vào một cành cây đang rủ xuống mặt nước và thế là tôi thoát chết. Dừng lại một lúc để nghỉ lấy sức, sau đó lần mò trở lại đúng bến, khi về đến cơ sở thì gần 3 giờ sáng. Như vậy là không còn thời gian để đưa anh em đi tiếp tế nữa, đành phải ở lại cơ sở để chờ đến tối hôm sau.

Tiếp theo, một điều không may lại ập tới, một đồng chí đến báo tin cho cơ sở tôi tạm trú biết là Nhật đang xua quân đi lục soát các nhà ở xóm dưới, nghe nhân dân nói là để tìm du kích. Tôi nghĩ chẳng nhẽ bọn do thám Nhật đã biết có du kích về xã rồi chăng ? Lập tức cơ sở cho người đưa tôi đi lẩn tránh. Nhưng xung quanh chỗ tôi đang trú lại không có rừng, chỉ có mấy ruộng

mía muộn, dân chưa chặt đến. Thế là người dẫn đường đưa tôi chạy vào chỗ đó ẩn núp trước khi quân Nhật lùng đến xóm mà tôi vừa ở.

Lục soát mãi chẳng tìm được du kích, một tên trong bọn đã nhìn thấy ruộng mía phía trước, chúng nghi ngờ du kích trốn ở đấy nên định mang lửa tới đốt mía. Các gia đình có ruộng mía trên, kéo cả già trẻ đến lay lục van xin, kêu mía là sự sống của gia đình. Trước sự van nài của dân và cũng dựa vào thuyết Đại Đông Á là Nhật giải phóng cho Việt Nam, nên chúng phải lấy lòng dân mà không đốt mía. Lại một lần nữa tôi thoát chết và ngồi chịu đựng dưới ánh nắng hè gay gắt của miền Trung. Tối đến, cơ sở báo tin là đã an toàn, họ đưa tôi về nhà ăn cơm để chuẩn bị lên đường.

Cuộc vận chuyển hôm đó xuất phát sớm hơn 1 giờ so với mọi lần, nên chúng tôi đến điểm hẹn trước anh Hoa từ chiến khu ra. Cuộc gặp mặt hôm đó thật là phấn khởi, anh Hoa cho biết : Ở nhà mọi người rất lo sợ tôi bị Nhật bắt chứ làm sao lại không về được. Thế là sự trở về của tôi mang lại hai niềm vui lớn : Một là người đồng chí, đồng đội của mình không bị hy sinh; hai là đem lương thực về cho sự sống còn của Đội du kích nên cuộc hội ngộ thật là vui vẻ.

Nhưng rồi lâu ngày, bọn do thám Nhật đã đánh hơi được sự quan hệ của dân đối với du kích, do đó chúng bắt đầu kiểm soát nhân dân chặt chẽ hơn, nghi vấn ai là chúng gọi lên đồn để tra hỏi mong tìm ra manh mối du kích. Một hôm chúng đã bắt lão đồng chí Trần Toại, cán bộ lãnh đạo của huyện và xã về đồn để tra hỏi du kích (đồng chí Trần Toại - một nhà cựu "chính trị phạm", đã từng làm Bí thư Tỉnh ủy, sau bị bệnh lao nên Pháp

cho về nhà quản thúc). Khi bị hỏi cung, ông vẫn bình tĩnh trả lời : “Tôi đã bị tàn phế, Pháp cho tôi về nhà chờ chết, làm sao tôi biết được du kích ở đâu, và biết để làm gì? Nhưng tôi có nghe dân bàn tán là du kích Ba Tư ở khắp núi rừng, các ông có quân đội hùng mạnh, súng ống đầy đủ, vào núi mà bắt thì chắc sẽ được thôi...”. Trước những lời lẽ vừa ôn hòa, vừa vững chắc của ông, bọn Nhật buộc phải thả ông về. Thật ra, nhà lão đồng chí Trần Toại là cơ sở số 1 của Đội du kích Ba Tư đã thường xuyên đi lại hoạt động, nhưng Nhật làm gì có bằng chứng để bắt tội ông.

Sau khi tra hỏi nhân dân không có kết quả, bọn Nhật xoay sang cách khác là kiểm soát các bến sông và các con đường vào xã, thường xuyên cho lính đi tuần tiểu. Cuối cùng bọn chúng tìm một số người Thượng mất gốc dẫn chúng đi vây ráp, án ngữ các con đường vào chiến khu và chuẩn bị đánh vào căn cứ để tìm diệt quân du kích. Do đó, con đường tiếp tế do đồng chí Nhạn, đồng chí Hương cùng tôi phụ trách đến đây tạm dừng.

Qua việc tiếp tế trên cho thấy : chỉ có một tổ 3 người, hoạt động dưới sự bao vây phong tỏa và kiểm soát chặt chẽ của quân đội nhà nghề Nhật Bản, có mạng lưới mật vụ, thám báo dày dạn kinh nghiệm, là một việc làm vô cùng khó khăn, nguy hiểm vì sơ suất một chút là mất mạng như chơi. Nhưng nhờ có tổ chức ở cơ sở vững mạnh, được nhân dân đùm bọc che chở, hết lòng ủng hộ, nên chúng tôi đã vượt qua mọi khó khăn, có lúc gần như nguy khốn đã cung cấp đủ lương thực, thực phẩm cho Đội du kích sinh tồn.

Có thể coi đây là một kỳ tích đầu tiên của Đội du kích Ba Tư, tuy mới thành lập, nhưng đã biết đi vào lòng dân, gắn bó máu

thịt với dân và được nhân dân hoàn toàn ủng hộ, nên các đồng chí được phân công làm việc này đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của Đảng và Đội du kích Ba Tơ giao cho.

CUỘC CHUYỂN QUÂN VỀ ĐỒNG BẰNG

Sau khi bị quân Nhật bao vây và chặn đường tiếp tế, để bảo tồn và phát triển lực lượng, theo đề nghị của Ban chỉ huy Đội du kích Ba Tơ, Tỉnh ủy nhất trí cho phân tán lực lượng về các xã có cơ sở thuộc những huyện ở đồng bằng để anh em tổ chức và huấn luyện cho các tiểu tổ du kích thuộc các thôn xã.

Thực hiện chủ trương trên, trước tiên là chọn những anh em ốm yếu, anh em không có khả năng huấn luyện, giải thích rõ ràng, rồi cho họ về sống với gia đình (cả số anh em ở Thanh Hóa). Số còn lại chia làm hai bộ phận :

- Bộ phận phía bắc tỉnh do anh Nguyễn Chánh và anh Phạm Kiệt phụ trách.

- Bộ phận phía nam tỉnh do anh Nguyễn Đôn và anh Lê Đức phụ trách.

Bản thân tôi được phân công về hoạt động phía nam của tỉnh. Nhận nhiệm vụ xong, anh em chúng tôi giao vũ khí đạn dược lại cho bộ phận vận chuyển. Sau đó chúng tôi chia thành từng nhóm nhỏ từ 2 đến 3 người lần lượt đi về đồng bằng. Kết quả là việc chuyển quân hoàn toàn bí mật, mọi người về đến cơ sở ở đồng bằng được an toàn.

Đầu tiên, tôi được bố trí về nhà đồng chí Trần Huy ở huyện Mộ Đức. Sau đó đồng chí Nguyễn Đôn phân công tôi đi huấn luyện một tiểu tổ du kích tại nhà ông Phạm Quang Lược, ngôi

nhà này cách quốc lộ số 1 chừng 100m. Quốc lộ này là con đường chiến lược lưu thông nam, bắc nên quân Nhật thường xuyên hành quân qua lại như mắc cửi; nếu nơi nào chúng nghi ngờ điều gì thì cho một vài xe dừng lại bao vây lục soát, và có thể chặt đầu ngay tại chỗ những người chúng nghi là du kích hay cộng sản.

Mặc dù như vậy, cấp trên bố trí việc huấn luyện cho các tiểu tổ du kích là phải thực tế, nghĩa là có súng đạn đi luyện tập. Đầu tiên của việc huấn luyện là tập cho anh em những động tác cơ bản như đứng nghiêm, nghỉ, dậm chân, đi đều bước, đứng lại, bên trái, bên phải, đằng sau quay và cách chào hỏi... rồi đến lần lẹ, bò toài, tiến lên, nằm xuống, xung phong, rút lui, sau cùng là sử dụng súng trường ta lấy được của Pháp như Mút-cờ-tô g, Rơ-manh-tông. Phải dạy cho anh em biết nạp đạn, lên đạn, tháo đạn, ngắm bắn, bóp cò, với các tư thế nằm bắn, ngồi bắn, quỳ bắn, đứng bắn và cuối cùng là tháo lắp súng, lau chùi giữ gìn bảo quản súng ống, đạn dược. Vì vậy, có thể nói nếu Nhật gặp được lúc chúng tôi đang huấn luyện thì chắc chắn chúng sẽ chặt đầu anh em cùng tôi ngay lập tức.

Huấn luyện xong tiểu tổ du kích ở nhà ông giáo Lược, anh Nguyễn Đôn lại ra lệnh cho tôi đi ngay vào huyện Đức Phổ, tìm đến xã Tân Phong để gặp anh Nguyễn Duy Phê là cán bộ lãnh đạo của huyện, vì các xã lúc đó đang thiếu người huấn luyện cho du kích, yêu cầu trên tăng cường.

Sau khi đưa giấy anh Đôn giới thiệu tôi cho anh Phê, chúng tôi trao đổi với nhau về cách bố trí huấn luyện ở các xã xong, anh Phê giới thiệu tôi về xã Vinh Hiển để huấn luyện cho tiểu tổ du kích ở đấy. Địa điểm huấn luyện tại nhà anh Tú Thống (sau này có tên là Minh) ở phía dưới quốc lộ 1 chừng 200m, nhưng

ngôi nhà đứng một mình tại giữa cánh đồng, đứng trên đường quốc lộ nhìn xuống nhà đó rất rõ, nếu lấy mặt quân sự mà xét thì khi quân Nhật biết sẽ không còn đường tiến thoái. Mặc dù địa điểm như thế, nhưng các đồng chí địa phương bảo không có nơi nào an toàn hơn nên đành phải tiến hành.

Một điều cần nói thêm là tại đây anh Tú Thống chỉ có hai vợ chồng (không có con) nhưng sau khi Nhật đảo chính Pháp, một người bà con ở tỉnh có hai cô nữ sinh tuổi chừng 16 và 18, cùng mẹ sơ tán về đây để lánh nạn. Do đó, lại nảy sinh vấn đề là làm thế nào để giữ được bí mật khi huấn luyện có cả súng đạn, tôi có phản ánh lại nhưng trên cho biết ba mẹ con nhà này rất tốt, không đáng lo ngại.

Thế là mọi việc ở đây lại tiến hành như tổ du kích ban đầu tôi đã huấn luyện ở Mộ Đức, có điều là địa phương phải bố trí người canh gác để quan sát quanh vùng, nhất là đường quốc lộ 1. Thời gian huấn luyện tại đây, những lúc rỗi rãi, tôi đã nghe được bài hát "Tiếng gọi thanh niên" của nhạc sĩ Lưu Hữu Phước, do hai cô nữ sinh trung học khi nào hứng lên lại hát song ca với nhau. Và cũng do tôi là người có tâm hồn âm nhạc, nên khi nghe bài hát này, lòng tôi vô cùng phấn khởi, âm điệu của bài hát vừa du dương, lại vừa hùng tráng rất thúc giục lòng người. Tôi yêu cầu hai cô dạy cho tôi bài hát đó và hai cô rất sẵn sàng. Mặt khác, trí nhớ của tôi lại rất tốt nên các cô chỉ dạy tôi hát hai, ba lần là tôi đã thuộc cả lời và giai điệu, khiến cho hai cô rất ngạc nhiên. Bài hát này là một kỷ niệm đầu tiên về giai điệu mới, hơn nữa lại do hai cô nữ sinh xinh đẹp dạy cho nên từ đó và mãi mãi sau này tôi vẫn nhớ và vẫn hát như xưa.

Xong nhiệm vụ huấn luyện ở Vinh Hiến, đồng chí Phê bố trí tôi về tiếp tục huấn luyện ở các xã Tân Phong, Vạn Lý, Hùng

Nghĩa, sau đó lại huấn luyện tiếp ở các xã Liên Chiêu, An Tây, An Diêm. Nội dung và cách thức huấn luyện cũng như các lần trước, chưa có gì thay đổi. Nhưng ! điều cần nói thêm lúc này là khi tôi về huấn luyện tại xã An Tây, cách xã chừng 1km có một ngọn đồi khá cao. Nhật cho quân đóng đồn ở đấy để kiểm soát hai con đường quốc lộ và thiết lộ chạy theo chiều bắc, nam. Không biết bọn do thám Nhật đã đánh hơi được gì mà một hôm tôi đang huấn luyện cho anh em bắn súng thì cơ sở canh gác chạy đến báo tin là lính Nhật đang đi lùng để bắt du kích ở xóm trước, cách chỗ huấn luyện chừng 200m (trong tầm bắn hiệu quả của súng trường). Thật là một tin bất ngờ, nhưng tôi đã bình tĩnh động viên anh em và nhờ cơ sở dẫn đường tẩu thoát. Vào cánh rừng xong thì cũng vừa lúc quân Nhật ập đến nơi tôi huấn luyện. Lại một lần hú vía, mừng cho cái đầu không rơi khỏi cổ; nhưng không phải do tài ba của chúng tôi mà do du kích là con em của dân, nên được nhân dân đùm bọc, che chở. Nhân đây, tôi xin trích mấy câu thơ của tôi trong bài “Khu du kích” là :

... Nhưng mà du kích có dân,

Bộ áo giáp thân che chở bốn phương.

Làm cho quân Nhật hết đường,

Tiếng tăm du kích phổ trương các vùng.

Hàng ngàn du kích ung dung,

Phát triển mạnh mẽ oai hùng tiến lên...

.....

Như vậy là trong một thời gian ngắn, tôi đã huấn luyện cho du kích ở tám xã và nhiệm vụ huấn luyện của tôi đến đây tạm dừng.

XÂY DỰNG CHIẾN KHU MỚI

Chủ trương của Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Đội du kích Ba Tơ là phải gấp rút xây dựng cho được hai chiến khu, một ở phía bắc, một ở phía nam của tỉnh để đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới. Thế là đồng chí Nguyễn Đôn lại giao nhiệm vụ cho tôi cùng đồng chí Nguyễn Duy Phê tìm trong cơ sở những người thông thạo khu rừng thuộc Núi Lớn dẫn đường để tìm nơi xây dựng chiến khu. Điều kiện trước tiên là phải có nước, tiếp theo là có nơi để xây dựng một số lán trại và lò rèn, sau cùng là có chỗ tương đối bằng phẳng để làm bãi tập khi đội du kích tập trung.

Sau một tuần đi lại để tìm địa điểm cho thấy khu rừng Núi Lớn có loại cây dầu rái, nhân dân đi lại khai thác đường sá như mạng nhện, hay nói theo danh từ quân sự là một trận đồ bát quái, nếu không có người dẫn đường thì sau khi vào sẽ không bao giờ tìm được lối ra. Cuối cùng, tôi và anh Phê nhất trí nhau là chọn một khu gần như trung tâm (khu này không có cây dầu rái, hay có thì rất ít) và ở đây có thể liên lạc với huyện Mộ Đức; đông, đông nam là huyện Đức Phổ; tây bắc là huyện Nghĩa Hành; tây, tây nam là huyện Ba Tơ; như vậy là đủ điều kiện đúng như dự kiến. Thật là một khu vực khá lý tưởng cho việc xây dựng chiến khu, vì khi dùng binh, tiến, lui đều thuận lợi.

Sau khi chuẩn bị xong, tôi báo cáo cho anh Đôn, Ban chỉ huy Đội du kích Ba Tơ cho kiểm tra lại và nhất trí cho chuẩn bị xây dựng các mặt, lấy tên là "Chiến khu Núi Lớn". Việc làm đầu tiên là xây dựng một cơ sở để làm lò rèn, vì tỉnh sẽ đưa một số thợ rèn ở các huyện đã vào trong tổ chức Việt minh lên đây rèn gươm giáo để trang bị cho đội du kích phát triển khi ta chưa có đủ súng đạn.

Tiếp theo là xây dựng một số lán trại, đủ cho hàng trăm anh em du kích khi có lệnh tập trung lên ở để tổ chức huấn luyện. Phụ trách lò rèn và một số lán trại thì trên giao cho đồng chí Nguyễn Hoa là du kích Ba Tư đảm nhận. Nhiệm vụ tìm khu vực để xây chiến khu của tôi, sau bàn giao lại cho đồng chí Hoa xong là chấm dứt để làm sang việc khác.

VẤN ĐỀ ĐÀO TẠO CÁN BỘ

Bàn giao xong địa điểm xây dựng chiến khu cho anh Hoa, tôi lại được anh Đôn giao cho nhiệm vụ mới là cùng với anh Trần Công Khanh là đội khổ đờ, được giác ngộ cách mạng, nay cấp trên phái về giúp đỡ cho Đội du kích Ba Tư về mặt huấn luyện quân sự. Tôi và anh Khanh có nhiệm vụ mở lớp đào tạo cán bộ cho đội du kích đang phát triển.

Nhận nhiệm vụ xong, tôi lại về gặp anh Phê ở Đức Phổ để bàn và chọn anh em trong các tiểu tổ du kích đã được huấn luyện vừa qua, lấy những người nhanh nhẹn, gan dạ, dũng cảm và biết chữ (đọc thông, viết được) để đưa lên chiến khu đào tạo thành cán bộ. Còn các huyện Nghĩa Hành và Mộ Đức thì do anh Phạm Hương và anh Trinh Anh chịu trách nhiệm tuyển chọn. Thời gian qui định chậm nhất là đầu tháng 6 năm 1945 phải tập trung đủ (mỗi huyện chừng 10 người).

Chương trình và nội dung do tôi và anh Khanh thống nhất vạch ra, mỗi khóa huấn luyện chừng 2 tuần. Nội dung trước tiên là ôn tập lại tất cả mọi động tác như khi anh em về xã huấn luyện; nay thêm cá nhân chiến đấu tấn công, phòng thủ, rồi tiểu - trung đội tấn công, phòng ngự phục kích bộ binh, ô tô, tập kích xung phong đánh chiếm đồn giặc và rút lui sau trận đánh.

Về phần vũ khí, ngoài việc sử dụng súng trường, có dạy thêm cách tháo lắp và sử dụng tiểu liên các-bin, Mi-tơ-ri-dê. Về phong cách người chỉ huy thì dạy tác phong sinh hoạt, cách quan hệ với dân, cách tuyên truyền vận động nhân dân...

Làm chương trình kế hoạch xong, chúng tôi báo cáo về Ban chỉ huy, được cấp trên nhất trí và cho tiến hành luyện tập. Sau hai tuần rèn luyện, chúng tôi kiểm tra lại kết quả thì mọi người đều nhận thấy sự hiểu biết được nâng cao hơn trước nhiều, nhất là mặt chiến đấu và chỉ huy trước đây là chưa biết đến.

Đợt thứ nhất vừa xong, chúng tôi tiếp tục đợt thứ hai. Có điều là lần này việc huấn luyện cho anh em do nhờ rút kinh nghiệm đợt một, nên đã bổ sung thêm những điểm chưa làm tốt của đợt trước, bỏ những chỗ bất hợp lý cho nên kết quả đạt được cao hơn đợt 1. Học xong, anh em phát biểu cảm tưởng là đã nắm chắc được những điều đã học, nâng cao thêm nhiều về mặt quân sự cũng như công tác chính trị, cách thức tuyên truyền, giác ngộ cho nhân dân. Mọi người rất tin tưởng là sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ của cấp trên giao cho.

Trước kết quả mà anh em đã đạt được qua hai khóa huấn luyện; bản thân tôi và anh Khanh rất phấn khởi. Chúng tôi đã góp phần đào tạo ra những người mà ngày mai có thể trở thành những người cán bộ tiểu đội, trung đội của Đội du kích Ba Tư khi phát triển. Và thực tế đó đã được chứng minh, khi thành lập Đại đội Hoàng Hoa Thám ở chiến khu phía nam, số anh em được đào tạo như các anh Mai Láo, Nhật Lệ, Triều Tiên, Đình San, Lê Chánh Hồ... đã trở thành cán bộ trung đội tương đối vững vàng; những anh em còn lại đều là cán bộ tiểu đội.

Qua việc làm trên cho thấy : chủ trương đào tạo cán bộ của Tỉnh ủy và Ban chỉ huy Đội du kích Ba Tư đã chứng tỏ về tầm

nhìn xa trông rộng của người lãnh đạo. Tuy việc huấn luyện vẫn còn đơn sơ nhưng nó đã có một ý nghĩa rất lớn, vì nó đã đào tạo ra một đội ngũ cán bộ chỉ huy cho Đội du kích Ba Tư khi phát triển. Mặt khác, nó là bước khởi đầu cho việc mở trường lớp để đào tạo cán bộ cho quân đội sau này dưới sự lãnh đạo của Đảng.

ĐỘI DU KÍCH BA TƯ CÙNG TOÀN DÂN CHUẨN BỊ KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN

Nhiệm vụ huấn luyện vừa làm xong thì vào khoảng đầu tháng 7 năm 1945, anh Đôn họp cùng một số anh em Du kích Ba Tư cho biết : Phát xít Đức đã đầu hàng Hồng quân Liên Xô từ tháng 5, nay Liên Xô đang chuẩn bị tấn công tiêu diệt phát xít Nhật. Do đó, Ban quân sự của tỉnh đã họp và quyết định là phải cấp tốc thành lập hai đại hội : một ở chiến khu phía nam, một ở chiến khu phía bắc để cùng toàn dân trong tỉnh nổi dậy tổng khởi nghĩa giành quyền khi thời cơ thuận lợi đến.

Nhận nhiệm vụ xong, anh em nhanh chóng trở về các huyện để bàn với cán bộ lãnh đạo của huyện chuẩn bị đưa người đi tập trung. Điều kiện trang bị từng người khi đi lên chiến khu : mỗi người phải có một ruột tượng (còn có tên là ruột ghé) đựng được khoảng 5kg gạo, một cuộn thùng độ 4 m, một con dao rựa thay cho vũ khí, hai bộ quần áo. Đây là trang bị tối thiểu cho một người, yêu cầu các đồng chí ở huyện và xã phải đảm bảo tiến hành đúng thời gian qui định của trên.

✧ Khi anh em các huyện đã về tập trung đông đủ ở chiến khu Núi Lớn, đồng chí Nguyễn Đôn trong Ban chấp hành Tỉnh ủy Quảng Ngãi, nguyên là Chính trị ủy viên của Đội du kích Ba Tư, đứng lên tuyên bố thành lập Đại đội du kích Ba Tư ở chiến khu

phía nam lấy tên là “Đại đội Hoàng Hoa Thám”. Về ban chỉ huy đại đội, trong tập hồi ký “Bình minh Ba Tơ” của đồng chí Nguyễn Đôn đã nói rõ, ở đây tôi chỉ trình bày thêm phần tên các trung đội và cán bộ chỉ huy của 5 trung đội như sau :

1* Trung đội Nguyễn Nghiêm :

- Đồng chí Nguyễn Tấn Phước : Trung đội trưởng
- Đồng chí Nguyễn Duy Phê : Chính trị ủy viên
- Đồng chí Huỳnh Họa : Trung đội phó

2* Trung đội Cử Đình :

- Đồng chí Nguyễn Hoa : Trung đội trưởng
- Đồng chí Phạm Khai : Chính trị ủy viên
- Đồng chí Mai Láo : Trung đội phó

3* Trung đội Phạm Hồng Thái :

- Đồng chí Huỳnh Quang Lầu : Trung đội trưởng
- Đồng chí Phạm Hương : Chính trị ủy viên
- Đồng chí Trần Thành : Trung đội phó

4* Trung đội Ngô Đán :

- Đồng chí Nguyễn Trinh Anh : Trung đội trưởng
- Đồng chí Nguyễn Nhạn Kim : Chính trị ủy viên
- Đồng chí Đinh San : Trung đội phó

5* Trung đội Tú Tân :

Trung đội này chưa đủ quân số, nên tạm thời giao cho anh Nhật Lệ và anh Lịnh phụ trách, khi nào đủ người sẽ chỉ định cán bộ chính thức sau.

Khi các trung đội đã tổ chức biên chế xong, đồng chí Nguyễn Đôn nguyên là Chính trị ủy viên của Đội du kích Ba Tư, nay là Chính trị ủy viên của Đại đội Hoàng Hoa Thám đứng lên phát biểu ý kiến: "Thời cơ đã đến, quân Nhật đã đầu hàng Đồng minh, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ra lệnh tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Nhiệm vụ của đại đội ta trước hết là đánh chiếm đồn Ba Tư, Minh Long, sau đó phối hợp với nhân dân khởi nghĩa chiếm các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, rồi phối hợp với Đại đội Phan Đình Phùng ở phía bắc, tiến lên giải phóng thị xã Quảng Ngãi. Đây là trận chiến đấu quyết liệt với quân Nhật và tay sai, các đồng chí hãy noi gương các liệt sĩ anh hùng đã xẻ thân vì nước, quyết tâm chiến đấu đến cùng, kiên quyết làm tròn nhiệm vụ đã được giao phó". Cuối cùng, đồng chí thay mặt đại đội, cùng nhau xin thề: "Hy sinh vì Tổ quốc". Tiếng hô vang vọng cả một khu rừng, làm cho hổ báo hươu nai cũng phải ngơ ngác kinh hoàng.

Sau lễ tuyên thệ, các trung đội trở về chuẩn bị cơm nước để chiều hôm đó (ngày 15/8/1945) xuống núi cùng nhân dân khởi nghĩa giành chính quyền theo đúng nhiệm vụ đã được giao phó.

Về Đội du kích Ba Tư cùng nhân dân khởi nghĩa vào giữa tháng 8 năm 1945 ở tỉnh Quảng Ngãi, lâu nay đài báo đã nói nhiều, nên tôi xin phép không nói thêm nữa.

LÀM NHIỆM VỤ CHI VIỆN CHO CÁC CHIẾN TRƯỞNG

Cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945 đã hoàn toàn thắng lợi trên phạm vi cả nước, ngày 2 tháng 9 năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc bản Tuyên ngôn độc lập nổi tiếng của Việt Nam tại quảng trường Ba Đình lịch sử để báo cho toàn thế giới biết là Việt Nam đã giành được độc lập tự do.

Nhưng việc tổ chức chính quyền các cấp còn đang ở thời kỳ phôi thai, nhất là tổ chức lực lượng vũ trang ở nhiều tỉnh còn chưa có kinh nghiệm. Trước tình hình đó, xứ ủy Trung bộ chủ trương giao cho Đội du kích Ba Tơ của Quảng Ngãi có nhiệm vụ phái người đi giúp đỡ các tỉnh bạn để xây dựng lực lượng vũ trang bảo vệ chính quyền cách mạng.

Thực hiện chủ trương trên, Trung đội du kích Ba Tơ đầu tiên được cử ra Huế, do các anh Trần Quý Hai và anh Hoàng Minh Thi đi cùng. Trung đội này, ngoài việc giúp đỡ xây dựng lực lượng vũ trang, còn có nhiệm vụ bảo vệ chính quyền cách mạng mới thành lập của Trung bộ. Đồng chí Hai và đồng chí Thi nói trên cũng như cả trung đội khi toàn quốc kháng chiến đã ở lại chiến đấu trên chiến trường Liên khu 4.

Tiếp theo, Đội du kích Ba Tơ lại được gửi đi các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Gia Lai, Kon Tum... mỗi nơi một trung đội nhằm để giúp cho các tỉnh này xây dựng lực lượng vũ trang lớn mạnh để đối phó với tình hình mới. Ngày 23 tháng 9 năm 1945, quân Pháp núp bóng của quân đội đồng minh đã vào tước khí giới quân Nhật tại Việt Nam và gây ra cuộc xâm lược nước ta lần thứ hai ở Nam bộ.

Để chuẩn bị chỉ viện cho các chiến trường đang chiến đấu, trung đội tôi được lệnh về đóng quân tại Chợ Chùa (nay là huyện lỵ) để tuyển mộ tân binh về huấn luyện. Nhận lệnh xong, chúng tôi phân công anh Phê ở nhà chỉ huy anh em và làm công tác dân vận, còn tôi và đồng chí Trung đội phó đi đến các huyện để lấy tân binh. Cách tuyển lúc này chỉ là : "Trông mặt mà bắt hình dong", nghĩa là trông bề ngoài thấy ai to lớn, có dáng khỏe mạnh là được. Sau một thời gian về các huyện, chúng tôi đã tuyển được hơn 300 người, biên chế thành ba đại đội để chuẩn bị huấn luyện.

Nội dung của chương trình huấn luyện cho anh em tân binh là phải đảm bảo được sự hiểu biết tối thiểu về mặt kỹ thuật 73 chiến thuật quân sự, làm cho mọi người có khả năng chiến đấu với quân thù. Về mặt chính trị thì biết làm công tác dân vận và hiểu được mục đích chiến đấu là để bảo vệ cách mạng, bảo vệ Tổ quốc khi bị xâm lăng. Cụ thể là dạy cho mọi người hiểu, nắm và làm được mọi động tác cơ bản của người lính, biết sử dụng súng đạn, các động tác cá nhân, biết chiến đấu tấn công, phòng thủ và tiểu đội, trung đội chiến đấu độc lập, hoặc trong đội hình của trung đội, đại đội thì biết phục kích đánh bộ binh, ô tô, tàu hỏa... Thời gian huấn luyện từ 2 đến 3 tháng.

Một điều cần chú ý ở đây là hầu hết anh em đều chưa biết chữ, cho nên những động tác bên phải, bên trái, đằng sau quay, đi đều bước, đổi chân, đứng lại... nhiều anh em tập hàng chục lần, có người hàng trăm lần mà vẫn chưa thuộc. Đến đây tôi nhớ lại khi bị ở tù, thấy bọn Pháp và cai đội dạy cho lính mà buồn cười : tiếng Pháp on là 1, đơ là 2, nhưng người lính không biết on là bước chân nào, đơ là bước chân nào, cuối cùng chúng phải bó lá chuối vào chân trái, khi hô on (kèm theo hô chân lá chuối, bước). Đọc đến đây anh chị em có lẽ cho là tôi cường điệu, nhưng sự thực chính là như thế đó. Tôi nói lên điều này để thấy rằng việc huấn luyện tân binh lúc đó là vô cùng khó khăn gian khổ, phải kiên nhẫn lắm, nhiều khi còn rất căng thẳng vì chỗ sự tiếp thu của anh em kém, nếu càng sốt ruột, la rầy anh em thì họ càng quẩn trí. Nhưng rồi mọi việc cũng trôi qua, thời gian huấn luyện đã hoàn thành.

Huấn luyện xong đợt 1, chúng tôi báo cáo về Ban chỉ huy lúc này gọi là Chi 2 Quảng Ngãi, sau đó biên chế ba đại đội thành

ngày đặc quyền sấm khí giới để sung vào quỹ sấm khí giới cho quân đội. Ngày ấy là ngày định chính quyền cách mạng Ba Tơ, cũng chính ngày ấy sẽ đẻ ra Đội quân Du kích Cứu quốc.

Thưa đồng bào! Sự nghiệp của Tổ quốc có gầy dựng được hay không và tiền đồ của cách mạng có tiến triển hay không phần lớn cũng nhờ vào tấm lòng hy sinh ủng hộ của toàn thể đồng bào. Vậy chúng tôi xin kêu gọi toàn thể đồng bào hãy sốt sắng hy sinh bỏ vào "Quỹ đặc quyền sấm khí giới" cho quân đội. Hiện nay, quân đội đang mong chờ đồng bào. Đồng bào hãy vì nhiệm vụ của Tổ quốc, đáp lại tiếng gọi của chúng tôi. Chúng tôi nguyện đem hết tinh thần, nghị lực để làm tròn sứ mạng của đồng bào đã giao phó.

Tung hô:

1. Đánh đuổi phát xít Nhật!
2. Tẩy sạch phát xít Pháp Đông Dương!
3. Diệt trừ Việt gian phản quốc!
4. Bắt tay Anh - Mỹ.
5. Liên minh với Tàu.
6. Việt Nam hoàn toàn độc lập!

***Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi
của Tổng bộ Việt Minh.***

BẢN KỶ LUẬT CỦA ĐỘI DU KÍCH BA TƠ

Người nào:

- Phản bội Du kích cứu quốc.
- Đào ngũ.
- Lúc đánh trận hay hành quân mà chống lại mệnh lệnh cấp chỉ huy.
- Cướp phá tiền của, sản vật của dân chúng, dùng võ lực bắt dân làm việc cho mình.

Mấy điều kỷ luật:

- Bất kỳ lúc nào cũng phải luôn luôn chú ý đến những tiếng còi hiệu và phải lập tức thi hành.
- Giờ chào cờ phải hết sức nghiêm trang.
- Khi ra một mệnh lệnh gì phải có sự đồng ý của chỉ đạo viên.
- Trong lúc hành quân, không được trò chuyện ồn ào, hút thuốc, đốt lửa, làm rơi đồ đạc.
- Trong lúc canh gác, không được ca hát, hút thuốc, trò chuyện hay làm việc khác, nhất là không được bỏ gác, không được rời vũ khí. Trong quân ngũ, có điều gì bất bình, có thể đưa ra toàn thể xét xử, cấm không được nói xấu văng vẳng.

Những điều cốt yếu của người du kích:

- Hy sinh dũng cảm, hăng hái, siêng năng để phụng sự Tổ quốc.

- Tuyệt đối phục tùng chỉ đạo viên.

- Kiên nhẫn chịu đựng mọi điều cực khổ, ăn nói có lễ độ với tất cả mọi người.

- Không được lấy của công làm của riêng.

- Luôn luôn giúp đỡ dân chúng. Khi đóng quân cũng như rút quân, phải giữ nhà cửa của dân chúng cho sạch sẽ.

- Mua bán phải giữ lẽ công bằng, không được lấy không của ai dù là một cây kim sợi chỉ. Khi mượn ai vật gì, lúc đi phải trả lại đủ, làm hư hỏng phải bồi thường minh bạch.

- Không được hút xách say sưa.

NGÀY 11-3-1945 ĐÁNG GHI NHỚ

Ngày 11 tháng 3 năm 1945 là một ngày đáng ghi nhớ trong lịch sử đấu tranh cách mạng của quân và dân Quảng Ngãi. Đó là ngày cuộc khởi nghĩa Ba Tư bùng nổ, giành thắng lợi và cũng là ngày Đội du kích Ba Tư ra đời.

Trong khuôn khổ có hạn của bài báo, chúng tôi chỉ xin điểm mấy nét chính về hoàn cảnh lịch sử, tình hình thế giới và trong nước, cùng diễn biến cụ thể sự kiện đặc biệt có ý nghĩa này.

Tháng 9 năm 1939 chiến tranh thế giới thứ 2 bùng nổ. Tháng 6 năm 1940, quân Đức tấn công nước Pháp, chính phủ Pháp nhanh chóng đầu hàng.

Ở châu Á, tháng 11 năm 1940, quân Nhật tràn vào Đông Dương. Thực dân Pháp hèn nhát một mặt quy gối dâng Đông Dương cho Nhật, mặt khác ra sức vơ vét, cướp bóc nhân dân thuộc địa, đàn áp khốc liệt phong trào cách mạng. Nhân dân Đông Dương bần cùng, uất ức và nổi dậy liên tiếp chống lại bọn phát xít Nhật - Pháp, mà tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn (9-1940), Nam Kỳ (11-1940) và Đô Lương (1-1941). " Các cuộc khởi nghĩa này báo hiệu một thời kỳ mới ở đất nước ta : Thời kỳ toàn dân nổi dậy cầm vũ khí, đánh đổ bọn cướp nước và bán nước, giành độc lập. Thời kỳ những cuộc khởi nghĩa từng phần có thể nổ ra để chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa trong cả nước" (1).

Tại tỉnh ta, sau khi tràn vào Đông Dương, quân Nhật đã chiếm đóng một số vị trí quan trọng như tỉnh lỵ, Cổ Lũy, Châu Ổ, Sa Huỳnh... Chúng bắt phu, trưng thu thóc gạo, ngăn cản việc làm ăn của nhân dân. Mặt khác, chúng ra sức tuyên truyền mị dân, lừa bịp bằng những khẩu hiệu "khối thịnh vượng chung", "khối đại Đông Á", "Đồng văn, đồng chủng" v.v.... Những phần tử cơ hội nhân lúc này nhẩy ra học tiếng Nhật, làm tay sai, bợ đỡ quân Nhật, gây nhiều trở ngại cho phong trào cách mạng.

Trước tình hình khẩn trương trong nước, tháng 2-1941 Bác Hồ về nước và đến tháng 5 năm đó Người triệu tập và chủ trì hội nghị Trung ương Đảng tại Pắc Pó. Hội nghị xác định cuộc cách mạng trước mắt là cách mạng giải phóng dân tộc, các lực lượng cách mạng của dân tộc cần tập trung mũi nhọn vào bọn phát xít xâm lược Nhật - Pháp. Bởi vì "trong lúc này, nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia, dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp tổn đến vạn năm cũng không đòi lại được" (2). Hội nghị này cũng chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong mỗi nước Đông Dương, lập Việt Nam độc lập Đồng minh (gọi tắt là Việt minh), bao gồm các hội cứu quốc của các tầng lớp nhân dân.

Sau hội nghị này dưới sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng, các đoàn thể cứu quốc ra đời khắp nước, phong trào cách mạng liên tục dâng cao. Hoảng sợ trước phong trào cách mạng của nhân dân ta, thực dân Pháp càng đẩy mạnh khủng bố, đàn áp những người cộng sản mà trong đó một trong những biện pháp được áp dụng là bắt bớ tập trung những người cộng sản mà chúng cho là

nguy hiểm vào các “căng an trí” để cách ly với quần chúng, kiểm soát gắt gao và giết dần giết mòn bằng chế độ ăn uống kham khổ, khí hậu khắc nghiệt của núi rừng. Tại Quảng Ngãi, từ cuối năm 1939, đầu năm 1940, bọn Pháp đã hình thành ba nơi tập trung an trí ở Ba Tơ, Di Lăng và Trà Bồng.

Mặc dù sống trong vòng kim kẹp, kiểm soát chặt chẽ của kẻ thù, ở Trà Bồng có các đồng chí bị an trí vẫn tìm cách liên lạc với cơ sở và Xứ ủy, hình thành tổ chức Tỉnh ủy để lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh. Tổ chức này bị địch phát hiện và đàn áp. Bọn chúng giải tán “căng” Trà Bồng, đưa một số đồng chí đi đây xa, tăng cường kiểm soát 2 căng an trí còn lại, nhất là “căng” Ba Tơ.

Tại căng này (căng an trí Ba Tơ), vào đầu năm 1942, một tổ chức Đảng lại được hình thành, do đồng chí Nguyễn Đôn phụ trách, tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng trong tỉnh.

Liên sau đó, đồng chí Hoàng Tấu, nguyên là Thường vụ Ban cán sự Nam Trung kỳ vừa mãn hạn tù ở Buôn Mê Thuột và bị đưa về an trí ở Ba Tơ. Đồng chí Hoàng Tấu liền bắt tay vào cùng tổ chức Đảng ở căng và làm Bí thư. Tổ chức Đảng được mở rộng, bắt liên lạc với Trung Châu và cấp trên mở rộng địa bàn đẩy mạnh các mặt hoạt động. Vào tháng 7-1943 một cuộc rải truyền đơn kêu gọi hưởng ứng cách mạng đã được tiến hành khắp tỉnh và lan ra tỉnh bạn.

Sau đó, đồng chí Hoàng Tấu bị bắt, các đồng chí còn lại (trong đó có đồng chí Phạm Kiệt cũng bị địch đưa từ Buôn Mê Thuột về Ba Tơ) vẫn tiếp tục hoạt động.

Đầu năm 1944, các đồng chí Trương Quang Giao, Trần Lương, Trần Quý Hai là những đồng chí dày dạn, từng trải liên tiếp về an trí ở Ba Tư. Hầu hết các đồng chí này (kể cả đồng chí Hoàng Tấu) đều đã học tập Nghị quyết VIII của Trung ương Đảng trong nhà tù và mang nhiều tài liệu, trong đó có lời kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc.

Một số đồng chí như Phạm Kiệt, Trần Lương... được học tập quân sự khá vững. Các đồng chí này nhanh chóng bắt nối với tổ chức Đảng ở cảng an trí và nhanh chóng hoạt động cho kịp với tình hình phát triển thuận lợi của cuộc chiến tranh chống phát xít ngày càng giành thắng lợi dồn dập, quyết định.

Tổ chức Đảng ở cảng được tăng cường và củng cố. Đồng chí Trương Quang Giao được cử làm Bí thư, làm-nhiệm vụ Tỉnh ủy lâm thời và Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh Quảng Ngãi, theo tinh thần chỉ thị công tác tổ chức ngày 3-12-1941 của Trung ương Đảng.

Các mặt hoạt động đều được đẩy mạnh. Cơ sở Đảng và các tổ chức cứu quốc, Việt minh được chấp nối, phát triển và khẩn trương hoạt động.

Ngày 9-3-1945, Nhật đảo chính Pháp trên toàn Đông Dương, ở Quảng Ngãi chúng cũng làm trong ngày đó.

Thời cơ trực tiếp cho cuộc khởi nghĩa từng phần để tiến lên làm cuộc khởi nghĩa to lớn đã đến. Tỉnh ủy lâm thời họp trong đêm 10-3-1945 đã quyết định: Tiến hành khởi nghĩa cướp châu ly Ba Tư và đồn Ba Tư vào sáng ngày 11-3-1945. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy lâm thời, hầu hết các đồng chí an trí ở cảng Ba Tư đều hưởng ứng quyết tâm tham gia.

Khi triển khai lực lượng khởi nghĩa thì địch đã có sự đề phòng nghiêm ngặt nên không tiến hành được như kế hoạch đã định. Được tin tên quan Tư người Pháp, từ Quảng Ngãi thoát chạy lên Ba Tư. Cả đoàn quân khởi nghĩa kéo xuống Trường An đón bắt và tranh thủ nó tham gia đánh Nhật giao đồn, nhưng nó chỉ hứa hươu, hứa vượn rồi chuồn lên đồn Ba Tư.

Hội nghị của Tỉnh ủy lâm thời được tiến hành ngay tại Suối Loa, kiểm điểm tình hình và đi đến quyết định: Phải quyết tâm thực hiện nghị quyết khởi nghĩa và phải sửa chữa khuyết điểm và tổ chức chỉ đạo, chỉ huy. Hội nghị quyết định phân công: đồng chí Phạm Kiệt và đồng chí Nguyễn Đôn là hai Tỉnh ủy viên phụ trách chỉ huy quân sự. Đồng chí Nguyễn Khoách được cử làm chỉ huy phó. Các đồng chí huy động quần chúng xung quanh châu lý và trong vùng tham gia. Số còn lại của Tỉnh ủy về đồng bằng huy động quần chúng tham gia khởi nghĩa ở nông thôn bao gồm: đồng chí Trương Quang Giao ở trung tâm Sơn Tịnh, Tư Nghĩa, đồng chí Trần Lương ở Mộ Đức, Đức Phổ và bắt liên lạc với Bình Định, Trần Quý Hai ở phía bắc tỉnh và bắt liên lạc với Quảng Nam.

Đội quân khởi nghĩa dưới sự chỉ đạo của đồng chí Kiệt, Đôn và Khoách.

Đội quân khởi nghĩa đã cùng đồng bào trong huyện tiến hành cướp chính quyền châu lý và liền sau đó tiến đánh chiếm đồn vào tối 11-3-1945. Cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi nhanh chóng. Phản ứng của địch không có gì đáng kể. Ta tịch thu toàn bộ tài sản súng đạn trong đồn và hồ sơ trong châu lý.

Ngày 12-3-1945, vào buổi sáng chính quyền Ba Tư đã thành lập ra mắt. Đội quân du kích Ba Tư cũng ra mắt đồng bào.

Ngày 13, được tin Nhật kéo lên đàn áp cuộc khởi nghĩa, những người lãnh đạo và chỉ huy quyết định giải quyết mọi việc: Ổn định tư tưởng quần chúng, cất giấu lương thực, phân chia tài sản góp nhặt được trong đồn cho đồng bào.

Chiều 14-3 đã chuyển quân lên vùng căn cứ Cao Muôn để xây dựng căn cứ và tối hôm đó: Đội quân du kích cứu quốc Ba Tư đã tuyên thệ dưới cờ với lời thề nổi tiếng : " Hy sinh vì Tổ quốc" tại Hang Én.

Trải qua gần hai tháng ở vùng núi Cao Muôn, đội đã làm công tác vận động quần chúng tham gia phong trào cứu quốc, luyện tập quân sự, học tập chính trị.

Đầu tháng 5-1945, đội được Tỉnh ủy cho chuyển về đồng bằng lập hai chiến khu ở nam Quảng Ngãi - chiến khu Hoàng Hoa Thám và chiến khu ở phía Bắc - chiến khu Phan Đình Phùng. Đội đã là biểu tượng của tinh thần hy sinh vì Tổ quốc nên có ảnh hưởng rất lớn đến việc cổ động phong trào cứu quốc, phát triển các lực lượng chính trị, vũ trang ở đồng bằng, đẩy nhanh thời cơ cho cuộc khởi nghĩa toàn tỉnh tiến lên nhanh chóng.

Bản thân đội đã phát triển thành hai đại đội, ở hai chiến khu gồm gần 1.000 quân tập trung. Mỗi đại đội có 5 trung đội. Tất cả các đại đội và trung đội đều có ban chỉ huy và một số cấu bộ giúp việc.

Các tổ chức Việt minh, các đoàn thể quần chúng lên đến hơn 10 vạn, số du kích cứu quốc và tự vệ cứu quốc đã đến hàng vạn, được luyện tập và có trang bị vũ khí thô sơ, thật là một lực lượng hùng hậu.

Một nghìn quân tập trung được nuôi dưỡng và hoạt động trước khi ta giành được chính quyền được bảo vệ và nuôi nấng đã nói lên sức mạnh và khí thế của phong trào. Quân chúng cách mạng ở miền núi và đồng bằng đã góp phần công sức, tiền bạc, vải vóc, súng đạn, vật dụng góp nhặt được đều được tập trung chuyển lên chiến khu bằng mọi cách, lách qua bao bót gác, đồn giặc, tai mắt của địch.

Nhiều thư kêu gọi, chỉ thị, thông cáo của Tỉnh ủy lâm thời và Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh Quảng Ngãi đã được nhân dân hưởng ứng. Trong thư kêu gọi của "Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi của Tổng bộ Việt minh" ra ngày 25-4-Ất Dậu có đoạn viết:

"Trước nhu cầu cấp bách này, Ủy ban chúng tôi quyết định từ đây đến ngày 27 mỗi tháng mở một ngày đặc quyền khí giới để sung vào công quỹ sắm khí giới cho quân đội, ngày ấy là ngày dựng chính quyền cách mạng cũng chính ngày ấy đã đẻ ra Đội du kích cứu quốc" (3). Thông cáo số 3 và số 4 cũng đều viết như thế. Ngày 27 tháng giêng năm Dậu, tức ngày 11-3-1945, ngày khởi nghĩa Ba Tơ ra đời.

Một ngày đáng ghi nhớ trong tuyến thống cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (4).

Từ đó đã dẫn đến cuộc Tổng khởi nghĩa cách mạng tháng Tám 1945 ở Quảng Ngãi và sớm giành thắng lợi vào ngày 14 đến sáng 17-8-1945, chính quyền toàn tỉnh đã về tay nhân dân (5). Và đội quân du kích Ba Tơ đã phát huy tác dụng của mình trong và trước khởi nghĩa không phải chỉ trong địa phương Quảng Ngãi mà cả ở trong Nam Trung bộ, trở thành một trong những

đội quân tiền thân của Quân đội nhân dân của miền Trung và của cả nước.

Chú thích:

(1) Lịch sử Đảng CSVN (tóm tắt) NXB Sự thật, HN 1985, trang 57.

(2) Văn kiện Đảng 1939 - 1945. NXB Sự thật, HN 1969, trang 194.

(3) Xem Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi (sơ thảo) ngày 27 tháng giêng âm lịch, tức 11-3-1945.

(4) Lâu nay nhiều sách viết ngày thành lập Đội du kích Ba Tư là 12-3-1945 (ngày chính quyền cách mạng Ba Tư và Đội du kích Ba Tư ra mắt nhân dân) hoặc ngày 14-3-1945 (ngày Đội du kích Ba Tư tuyên thệ ở Hang Én). Qua nhiều cuộc hội thảo và bằng những cứ liệu cụ thể chính xác chúng tôi xác định ngày thành lập Đội du kích Ba Tư là 11-3-1945, như các văn bản của Tỉnh ủy đã công bố. Trong dịp khác chúng tôi sẽ trở lại chi tiết vấn đề này.

(5) Nhiều sách công bố ngày cướp chính quyền ở Quảng Ngãi (trong Cách mạng tháng Tám 1945) là 23/8 (lầm với ngày 23/7 Ất Dậu âm lịch tức ngày 30/8, ngày chính quyền tỉnh ra mắt nhân dân), ngày 28/8 (ngày ta và Nhật ký hiệp ước) hoặc ngày 25/8. Thực ra khởi nghĩa ở tỉnh ta nổ ra từ 14 đến 16 tháng 8, đến tối 16 sáng ngày 17/8 giành thắng lợi toàn tỉnh.

ĐỊA CHỈ TÒA SOẠN: ĐỈNH CAO MUÔN

Cao Muôn là một ngọn núi cao ở giữa trùng điệp núi non hiểm trở miền Tây huyện Ba Tơ, nơi đội du kích cùng tên lập căn cứ xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang chuẩn bị cùng nhân dân Quảng Ngãi khởi nghĩa giành chính quyền. Điều đó, đồng bào Quảng Ngãi cũng như đồng đảo đồng bào cả nước không ai lạ gì. Nhưng chắc là có khá đông người rất lấy làm lạ khi đọc hàng tít bài này và sẽ hỏi “Tòa soạn báo nào vậy?” Xin thưa: Đó là Tạp chí Xung Phong, tờ báo của Đội du kích lừng danh năm ấy...

Nhờ phong trào Việt Minh do Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi trong Tổng bộ Việt minh phát động ở đồng bằng nhanh chóng lan rộng khắp tỉnh chỉ sau một thời gian ngắn dờ đến Cao Muôn. Đội du kích 28 người đã phát triển thành một lực lượng đông đảo, phiên chế thành hai đại đội mạnh mang tên Phan Đình Phùng và Hoàng Hoa Thám. Đến đây những người lãnh đạo Quảng Ngãi mà trực tiếp là Ban chỉ huy Đội du kích Ba Tơ buộc phải nghĩ đến hai vấn đề: Một là phải có một “chính trị ủy viên” nắm sát các chiến sĩ du kích để tiếp tục giáo dục giác ngộ họ về các mặt lý tưởng, tư tưởng, chính trị và tổ chức; hai là phải có một “tuyên truyền ủy viên” để giới thiệu với đồng bào

trong tỉnh và các tỉnh lân cận là cách mạng vùng này đã có lực lượng vũ trang như ở căn cứ Cao - Bắc - Lạng ngoài Bắc, làm cho họ thêm tin tưởng và động viên họ ra sức góp người để đội du kích thêm đông, thêm mạnh, góp của để nuôi dưỡng đội quân con đẻ của chính mình tập luyện đón đợi thời cơ.

Sử dụng báo chí làm "lợi khí" chính trị và tuyên truyền, điều đó đã quá quen thuộc đối với những người cách mạng Quảng Ngãi. Và thế là việc xuất bản *Tạp chí Xung Phong* được quyết định. "Chính trị ủy viên" Đội du kích Ba Tơ, Nguyễn Chánh được ban chỉ huy giao trách nhiệm thi hành quyết định này.

Với tính năng nổ của người lính cách mạng và dựa vào các đại đội du kích, chẳng bao lâu sau đó đồng chí Nguyễn Chánh đã xây dựng được một bộ máy lúc đầu chỉ ba người sau thêm được một người nữa, vừa làm phóng viên, biên tập, vừa in ấn.

Thay mặt Ban chỉ huy, đồng chí Nguyễn Chánh chỉ định đồng chí Phan Tâm ⁽¹⁾ phụ trách cả ban biên tập và tòa soạn. Đây là người trước đó đã giúp được nhiều việc quan trọng: Chọn các cơ sở có độ tin cậy cao để giao nhiệm vụ mua sắm vật liệu cho in ấn, trong đó mua xu xoa là việc phức tạp nhất, vì tờ báo có bao nhiêu trang thì phải có chừng ấy khay xu xoa, lượng xu xoa nhiều, tập trung mua một nơi dễ bị lộ nên phải mua từ Ba Gia, Đồng Ké đưa sang, từ An Hội, An Mỹ đưa lên. Lo đáp ứng tương đối đầy đủ các nhu cầu vật chất để ra báo trong hoàn cảnh tiền nong eo hẹp, con mắt rình rập của kẻ thù cách mạng luôn dòm ngó các ngã đường dẫn lên miền Tây Quảng Ngãi hoàn toàn không phải chuyện trở bàn tay. Nhưng những khó khăn, nguy hiểm đều được vượt qua để tờ báo được ra mắt sau tờ Chơn Độc Lập của Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh chỉ một thời gian ngắn.

Tạp chí Xung Phong có khuôn khổ tờ giấy manh (cũ) rọc đôi theo chiều nằm rồi gấp lại, dày 16 trang in toàn bộ một màu mực tím. Măng sét tờ báo được viết theo kiểu “chữ rồng” bằng một chiếc cọ tre vạt mỏng, đầu to hơn “ngòi viết rồng” thật nhiều lần.

“Lời phi lộ” in đóng khung trên trang 1 số ra mắt thể hiện rõ ý kiến của đồng chí Nguyễn Chánh, người thay mặt Ban chỉ huy Đội du kích Ba Tơ chỉ đạo nội dung biên tập tờ báo mà hai yêu cầu chủ yếu phải đạt được là : Làm người đồng chí, người bạn trung thành của các chiến sĩ Ba Tơ trên đường chiến đấu giành độc lập cho đất nước, tự do hạnh phúc cho nhân dân, kiên quyết thực hiện nghiêm chỉnh lời thề của đội là “Hy sinh vì Tổ quốc”. Đồng thời làm chiếc gạch nối giữa các chiến sĩ Ba Tơ với nhân dân, người sinh thành và nuôi dưỡng đội, tạo điều kiện cho đội lớn mạnh để gánh vác trọng trách lịch sử của mình.

Theo phương hướng chỉ đạo đó, bài vở của tạp chí chủ yếu tập trung vào các nội dung sau đây:

- Vạch trần bộ mặt cướp nước của thực dân Pháp 80 năm qua, cái bánh vẽ độc lập giả hiệu của phát xít Nhật, chỉ rõ chân tướng bù nhìn của chính phủ Trần Trọng Kim, đồng thời nêu rõ nhuần, khổ nhục của người dân nô lệ, từ đó động viên căm thù kẻ địch.

Kinh nghiệm lịch sử cho thấy bọn phản động không bao giờ tự nguyện rời bỏ quyền lực của chúng; độc lập; tự do không thể xin xỏ mà có mà phải giành lấy bằng bạo lực của nhân dân, trong đó lực lượng vô trang là xung kích, vì vậy nhân dân phải ý thức được trách nhiệm nuôi dưỡng lực lượng vô trang trưởng thành. Một lon gạo, một ang muối, một tin mắm, một đồng bạc, một

quả bí... lúc này là một viên đạn ngày mai bắn vào đầu bọn cướp nước giành chính quyền về tay nhân dân.

- Về phần các chiến sĩ lực lượng quân sự, cần kiên định lập trường tư tưởng cách mạng, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, ra sức tập luyện, rèn luyện kỹ thuật chiến thuật, khắc phục khó khăn thiếu thốn về vật chất, chiến thắng tình cảm ủy mị.

Ngoài phần nội dung chủ yếu nêu trên, tạp chí còn dành nhiều trang phản ánh mọi mặt sinh hoạt của các chiến sĩ du kích, biểu dương những đồng chí tích cực tập luyện quân sự và giúp đỡ đồng đội tập luyện, những đồng chí nghĩ ra cách khắc phục khó khăn trong cuộc sống chiến khu, tự đấu tranh chống những giây phút dao động của mình để vươn lên.v.v...

Đặc biệt tạp chí có hai mục được các chiến sĩ hết sức hoan nghênh là mục "mách thuốc" và "vui cười". Ở vùng rừng núi, hơi đá, hơi đất lạnh, lán trại trống trải, sương gió nhiều, chăn chiếu thiếu, anh em thường bị đau bụng.

Mục "mách thuốc" đã giới thiệu các món "lời dầm rượu", "lá vắn sắc nước" để trị "sinh bụng" đã giúp các chiến sĩ khỏi bị "tào tháo đuổi" rất nhiều hiệu nghiệm. Riêng mục "vui cười" được coi như đáp ứng một phần nhu cầu giải trí của các chiến sĩ. Cho đến ngày nay sau ngót 50 năm mỗi lần gặp nhau, nhắc lại câu chuyện vui "Anh chàng giả ma-lát" ⁽²⁾ vì lười tập giả đau ốm để được nghỉ chứ chẳng đau ốm gì cả, nên khi được "điều trị" bằng cháo loãng toàn nước là nước, dãi xanh mắt phải "xin lạnh bệnh", các chiến sĩ Ba Tơ còn cười phá lên rất thích thú.

Cái cười khoái trá ấy nhóm bốn người làm tạp chí Xung Phong thuở đó đầu dăm cười thành tiếng lớn mà chỉ cười khúc khích khe khẽ vì tuy bên trái tên tạp chí có dòng chữ "Tòa soạn: Đình

Cao Muôn" nhưng sự thật tòa soạn đó đóng tại một nhà dân, do người anh ruột Trung tướng Nguyễn Chức (nguyên Phó tư lệnh Quân khu 5) bố trí và đưa tới trong một đêm tối trời, theo một con đường mòn nhỏ quanh co, ngoằn ngoèo. Đó là nơi họ viết bài, rì rọ viết bản in, nấu xu xoa đổ khay, in từng trang báo, đóng từng tập báo. Đó là nơi suốt ngày cửa đóng then cài, ngoài người phụ trách chung là đồng chí Phan Tâm ra, còn thì "nội bất xuất, ngoại bất nhập" có muốn ra sân hít thở khí trời cũng phải đợi đêm xuống đã. Bảo vệ bí mật, đó là kỷ luật rất nghiêm khắc của Đội du kích Ba Tư và cơ quan báo của đội, nghiêm khắc tới mức không biết nơi mình đóng cơ quan là nơi nào, cơm mình ăn do ai nấu, nấu ở đâu.v.v...

Chuyện đời cũng là chuyện xuống mồ chưa hẳn đã quên của anh em tòa soạn. Mỗi ngày anh em được hai bữa cơm no, bữa thứ nhất gần đúng Ngọ, bữa thứ hai lúc chưa sập mặt trời; khoảng cách giữa bữa ăn này tới bữa ăn thứ nhất ngày hôm sau quá dài, cho nên các buổi sáng anh em thường xuyên bị đói, thấy xu xoa đưa tới thêm vô cùng nhưng chẳng ai dám tơ hào tí chút nào.

Làm việc và sống trong những điều kiện gian khổ như thế nhưng mỗi lần ra được một số báo, cả tòa soạn như mở cờ trong bụng. Niềm vui ấy tăng lên gấp bội khi anh em biết rằng, cùng với tờ Chơn Độc Lập của Ủy ban vận động cứu quốc tỉnh, tạp chí Xung Phong không những phát bản tới các chiến sĩ du kích Ba Tư mà còn về tận huyện đồng bằng Quảng Ngãi rồi ra tận Quảng Nam, vào tận Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa để góp phần làm nên cuộc đổi đời vĩ đại của các tỉnh này vào tháng 8 năm 1945.

(1) Hiện nghỉ hưu tại Hà Nội

(2) Tiếng pháp trong nguyên chữ là malade, nghĩa là đau ốm.

KHỞI NGHĨA BA TỐ TRONG DÒNG CHẢY LỊCH SỬ

(Bài nghiên cứu lịch sử của THI PHỔ NHẤT)

Lịch sử luôn như một dòng chảy, có ngọn nguồn, luống lạch theo một qui luật nhất định. Không một sự kiện lịch sử, một hiện tượng lịch sử nào nằm ngoài dòng chảy ấy. Lịch trình của một sự kiện, sự phát triển của một địa phương, sự trưởng thành của một cuộc đời như những luống lạch luôn tuân chảy, chảy không ngừng để rồi hội tụ về dòng sông lớn của lịch sử một quốc gia, một dân tộc. Đó chính là luận điệu cơ bản trong bộ môn khoa học Duy vật Lịch sử của K. Mác. Trong dòng chảy bất tận ấy, cái sau là kết quả của cái trước; cái trước là nguyên nhân của cái sau, tuyệt nhiên không có cái nào xuất hiện một cách ngẫu nhiên. Nếu chưa biết nguồn gốc của nó là do ta tìm chưa ra đó thôi ! Nếu nhà nghiên cứu lịch sử chỉ dừng lại ở việc miêu tả, tường thuật các sự kiện và hiện tượng lịch sử thì chỉ biết cái ngọn mà không biết cái gốc, biết kết quả mà không rõ nguyên nhân và như vậy thì mọi người làm sao có thể hiểu các câu hỏi đại loại như:

- Tại sao Việt Nam trở thành nước châu Á đầu tiên nổ ra cách mạng vô sản?

- Tại sao 1930, giai cấp vô sản Việt Nam đã giành được chính quyền ở Nghệ Tĩnh ?

- Tại sao, ngòi nổ của cuộc Cách mạng tháng Tám trong Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước lại là huyện miền núi Ba Tư ? v.v và v.v...

Với chiều hướng nghiên cứu đó, bài nghiên cứu nhỏ này, muốn góp phần làm sáng tỏ hơn những ngọn nguồn dẫn đến cuộc khởi nghĩa Ba Tư (11/3/1945). Một sự kiện có ý nghĩa to lớn trong toàn bộ quá trình xây dựng và tổ chức lực lượng, xây dựng lực lượng vũ trang, kết hợp giữa bạo lực vũ trang và bạo lực chính trị để đi đến kết quả là khởi nghĩa Ba Tư thắng lợi.

Ngược dòng lịch sử, từ giữa thế kỷ XIX về trước, Ba Tư còn là một vùng rừng núi hoang vu và vô cùng hiểm trở với một số bộ tộc người H're cư trú thưa thớt dọc triển các con sông, suối hẹp với phương thức tự cấp tự túc và du canh, du cư. Khi thực dân Pháp nổ súng xâm lược (1858) và đặt quyền cai trị trên khắp nước ta sau sự đầu hàng nhục nhã của bọn phong kiến hèn nhất nhà Nguyễn (1884), ở Quảng Ngãi và miền Trung, chúng mở hàng loạt đường giao thông ngang lên vùng núi. Một trong những con đường ngang ở Quảng Ngãi được chúng mở thời ấy là đường 5A (nay là quốc lộ 24) nối với quốc lộ 1 tại Thạch Trụ, qua quận lỵ Ba Tư và lên thẳng Kon Tum với mưu đồ tăng cường sự kiểm soát các dân tộc thiểu số và khai thác kho lâm sản giàu có và rộng lớn ở đây.

Dân tộc H're ở Ba Tư cũng như các dân tộc thiểu số cư trú ở khắp Tây Nguyên từ lâu đã nổi tiếng tinh thần thượng võ, truyền thống yêu tự do. Ở đây đã có biết bao tù trưởng, tộc trưởng, thủ

lĩnh chống lại áp bức, cường quyền đã được nhân dân ca ngợi trong những trường ca lớn như “Đam San”, “Sin Nhã”. Dưới thời nhà Nguyễn thối nát, đồng bào H're ở Ba Tư cũng đã nhiều lần đứng lên chống lại mà tiêu biểu nhất là cuộc nổi dậy lập làng ly khai của đồng bào H're ở vùng núi Đá Vách hồi cuối thế kỷ XIX.

Thực dân Pháp đặt chân lên Ba Tư cùng với những chính sách gây hận thù, chia rẽ và miệt thị dân tộc... đã như “đổ thêm dầu vào lửa”, làm bùng cháy dữ dội hơn tinh thần phản kháng của người H're Ba Tư. Từ cuối thế kỷ XIX đến những thập niên đầu thế kỷ XX, nhiều thủ lĩnh người H're ở Cơ Nhất, Nước Lá, Giá Vụt, Bằng Chay... đã tập hợp dân làng, làm tên thuốc độc, chống thù, cạm bẫy, rào làng chiến đấu chống Pháp. Tiêu biểu nhất là phong trào do già Kiêu (một tộc trưởng người H're) lãnh đạo. Ông đã lập căn cứ, tổ chức lực lượng vũ trang, tổ chức đời sống, sản xuất tự trị một vùng rộng lớn ở tây Ba Tư mà thực dân Pháp không làm gì được.

Cuối thế kỷ XIX, ở Quảng Ngãi lại nổ ra các cuộc khởi nghĩa chống Pháp của phong trào “Cần vương yêu nước” gây tiếng vang lớn khắp vùng với các lãnh tụ tên tuổi như Lê Trung Đình, Nguyễn Bá Loan, Nguyễn Tự Tân, Thái Thú và Trần Du. Trần Du (1864 - 1896), lãnh tụ cuối cùng của phong trào này bước đầu đã tìm ra một trong những nguyên nhân thất bại liên tục của các cuộc khởi nghĩa Cần vương là chưa xây dựng được một vùng hậu cứ. Trước khi trở thành lãnh tụ cuối cùng của phong trào này, đã nhiều lần Trần Du theo các thuyền buôn thượng du, ngược sông Vệ hoặc ngược đường 5A lên thăm sát nhiều lần vùng rừng núi Ba Tư. Có lần, ông cùng các em (con chú ruột) là Cử

Trạch và Tú Toại đi khảo sát. Khi đến làng Trường An (nay thuộc xã Ba Động, huyện Ba Tơ) sau khi ngắm thế sông, thế núi, ông đã nói với các em: “Đây là vùng đất có địa thế phong thủy cát tường các chú cấm được gốc ở đây sẽ có thể lập nghiệp lâu dài, khi thuận khả công, khi nghịch khả thủ”. Tiếc thay, ý định đúng đắn đó chưa được thực hiện, thì ông bị bọn Việt gian Nguyễn Thân và thực dân Pháp phục bắt và xử chém tại bến Tam Thương trên bờ sông Trà Khúc ngày 5-2 (âm lịch) 1896 - chấm dứt hơn 10 năm của phong trào Cần vương yêu nước cuối thế kỷ XIX ở Quảng Ngãi và 5 tỉnh Trung Trung bộ (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa). Nối chí ông, sau đó Cử Trạch, Tú Toại cùng em ruột là Trần Trác, cùng nhạc phụ là Tú Dương (Đức Phổ) phối hợp cùng các cụ Trần Hành, Trần Luật (thân phụ của các cụ Trần Hàm, Trần Huy sau này) tậu lại vùng đất rộng lớn ở Trường An, Tân Long và Bài Rỉ từ tay người con gái út của tên đại địa chủ Nguyễn Thân. Từ đó, các cụ lần lượt đưa bà con, gia đình từ Mộ Đức, Đức Phổ lên đây khai phá và tiếp tục nhen nhóm, nuôi dưỡng ngọn lửa chống Pháp trong lòng đồng bào Kinh Thượng nơi đây.

Dầu thế kỷ XX, sau các phong trào Đông Du, Duy Tân, lực lượng yêu nước chống Pháp ở Quảng Ngãi bắt đầu chịu ảnh hưởng tinh thần cách mạng vô sản từ cuộc Cách mạng tháng Mười Nga (1917) và đường lối cứu nước mới của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc từ hải ngoại tràn về các nhà tù và ở các báo chí công khai. Vì vậy, các tổ chức yêu nước ở Quảng Ngãi như “Thiếu niên ái quốc” 1923, “Công ái xã” 1925... đã dần dần chuyển sang khuynh hướng tư tưởng cách mạng vô sản. Các tổ chức này về sau đã trở thành lực lượng nòng cốt trong việc hình thành các tổ chức cộng sản

như “Thanh niên cách mạng đồng chí hội”, và Tỉnh bộ Cộng sản Quảng Ngãi. Tháng 3-1930, Tỉnh ủy lâm thời tỉnh Quảng Ngãi được thành lập tại xã Phổ Phong (một xã nằm sát biên với huyện Ba Tư) do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư, cụ Trần Toại (tức Tú Toại) liền được cử làm Bí thư tổ chức Đảng ở Ba Tư. Cuối 1930, khi cụ Trần Toại được điều vào làm Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên thì Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã cử cụ Trần Hàm (con trai cụ Trần Hành) thay cụ Toại làm Bí thư tổ chức Đảng ở Ba Tư. Phong trào cách mạng ở Đức Phổ, Mộ Đức được Tỉnh ủy trực tiếp lãnh đạo đã phát triển mạnh mẽ, ảnh hưởng trực tiếp đến lực lượng yêu nước và phong trào cách mạng ở Ba Tư. Trong thời kỳ “Thoái trào” (1931 - 1933), cũng như nhiều nơi khác trong cả nước, nhiều tổ chức Đảng ở Quảng Ngãi bị vỡ. Đồng chí Nguyễn Nghiêm bị bắt và bị sát hại. Hàng loạt đảng viên bị giết hại và bị lưu đày đi khắp các nhà tù. Nhiều gia đình, bà con đảng viên ở các huyện đồng bằng cũng lần lượt đổ về Ba Tư sinh sống để tránh sự khủng bố hết sức điên cuồng của thực dân Pháp và tay sai. Nhiều làng người Kinh bắt đầu hình thành dọc tỉnh lộ 5A từ Bằng Chay, Tân Long, Hóc Kè, Trường An lên Suối Loa, Bến Buôn, Hoàng Đồn và đến tận Giá Vụt... Như vậy, lực lượng người Kinh ở Ba Tư, ngoài một số ít “con buôn” trước đây, còn hầu hết là những gia đình dù ít, dù nhiều đều có liên quan đến các phong trào yêu nước chống pháp và phong trào cách mạng của Đảng. Ba Tư hiển nhiên trở thành một mảnh đất tốt để ươm mầm cách mạng.

Khi Mặt trận Bình dân thắng thế trong Chính phủ Pháp (1936), phong trào đòi dân chủ ở Việt Nam có điều kiện phát triển mạnh mẽ. Ở các nhà tù, phong trào này diễn ra rất quyết liệt giữa tù nhân và bọn cai ngục. Tù chính trị đưa yêu sách đòi

cải thiện chế độ ăn uống cho tù nhân, đòi xóa bỏ những hình thức giam cầm tra tấn tàn bạo, cải thiện chế độ lao động đối với tù khổ sai, thả tù đã mãn hạn và tù đã kiệt sức... Cụ Trần Toại bị bắt 1931 ở Phú Yên (khi cụ đang là Bí thư Tỉnh ủy ở đây), bị kết án chung thân khổ sai và giam tại nhà lao Buôn Ma Thuột. Sau những tháng năm bị tra tấn khốc liệt, bị giam cầm trong chế độ tù khổ sai, cụ đã bị bệnh lao khá nặng, sức lực suy kiệt trầm trọng. 1937, trước sự đấu tranh quyết liệt của tù chính trị ở lao Buôn Ma Thuột, địch buộc phải thả cụ Trần Toại cho về dưỡng bệnh và “quản thúc tại gia” ở làng Trường An, Ba Động, Ba Tơ. Về lại địa bàn cũ, sau thời gian ngắn, cụ đã đi liên lạc lại được nhiều cơ sở cũ trong đồng bào Thượng Kinh đã từng có quan hệ với cụ từ đầu những năm 1930. Dưới các hình thức hợp pháp, cụ đã bí mật tập hợp quần chúng bằng các tổ chức “Hội cày”, “Hội cấy”, “Hội trồng dâu nuôi tằm”, “Hội học chữ Quốc ngữ”...

Tuy buộc phải thả một số tù chính trị mãn hạn nhưng thực dân Pháp và bọn tay sai phản động thực hiện âm mưu, “tách cá khỏi nước”, không cho số tù này về quê nhà và tập trung giam lỏng ở một dạng nhà tù trá hình khác gọi là “Cảng an trí” ở các huyện miền núi. Nhiều tù chính trị được chúng đưa về cảng an trí Ba Tơ, trong đó có các đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách rồi sau đó là các đồng chí Trần Quý Hai, Trương Quang Giao, Trần Lương... Như vậy là trong lúc thực hiện âm mưu “tách cá khỏi nước”, chúng đã phải trả giá cho việc “thả hổ về rừng”. Tổ chức Đảng ở cảng an trí Ba Tơ nhanh chóng được thành lập và phong trào cách mạng phát triển nhanh chóng trong đồng bào Thượng Kinh ở khắp Ba Tơ. Bên ngoài, lực lượng quần chúng được cụ Trần Toại và một số đảng viên hợp pháp tổ

chức phát triển mạnh mẽ. Nhà, vườn và trại dầu tằm của cụ Trần Toại thành nơi liên lạc, đi lại, hội họp, in ấn truyền đơn tài liệu, xuôi theo dòng sông Vệ liên lạc và kích thích phong trào cách mạng ở các huyện đồng bằng. Như vậy, về những điều kiện cơ bản, từ 1944 đến đầu 1945 ở Ba Tơ và có sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, đã có lực lượng quần chúng mạnh mẽ và bọn địch gần như bất lực. Vấn đề dùng bạo lực cách mạng để cướp chính quyền chỉ còn là vấn đề thời gian. Và khi được lệnh của Trung ương, 11-3-1945, Ba Tơ đã khởi nghĩa và giành thắng lợi. Như vậy, thắng lợi của khởi nghĩa Ba Tơ là kết quả tất yếu của cả một quá trình chứ hoàn toàn không phải là một kết quả mang tính may rủi, ngẫu nhiên. Xét trên tất cả các phương diện trong điều kiện của thời kỳ tiền khởi nghĩa, ít có nơi nào trên cả nước có được những điều kiện cơ bản và vững chắc như Ba Tơ, càng khác xa với bối cảnh và điều kiện lịch sử xảy ra các cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ, Bắc Sơn, Đô Lương, Thái Nguyên trước đó. Thế là ta đã hiểu tại sao Ba Tơ trở thành ngòi nổ mở màn cho cả một loạt nổ dây chuyền long trời lở đất làm nên bão táp trong Cách mạng tháng 8-1945 trên cả nước.

Lịch sử, trong đó có những mốc son rồi sẽ ngày càng lùi sâu vào dĩ vãng, bị bao phủ ngày càng dày những lớp bụi thời gian và lớp lớp con cháu càng về sau càng khó hiểu nếu chúng không biết đâu là nguồn mạch, ngọn ngành. Việc làm sáng tỏ các sự kiện lịch sử bằng những tư duy khoa học biện chứng luôn đặt chúng ta trước những nhiệm vụ không hề nhẹ nhàng đơn giản.

1/2000

TPN

CỤ TRẦN TOẠI NGƯỜI BÍ THƯ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG BỘ HUYỆN BA TỜ



Trần Toại hiệu Kim Tương (1890 - 1948), người làng Thi Phổ Nhất, xã Đức Tân (nay thuộc thị trấn Mộ Đức), huyện Mộ Đức tỉnh Quảng Ngãi, là con trai của Tú tài Trần Chuẩn (Tú Chuẩn). Cụ Tú Chuẩn có ba người con trai là Cử nhân Trần Trạch (Cử Trạch), Tú tài Trần Toại (Tú Toại) và con trai út là Trần Trác (đỗ Đuýp lôm thời Pháp).

Cụ Trần Toại sinh ra và lớn lên trong một gia đình có truyền thống yêu nước và khoa cử danh tiếng cả một vùng. Bác ruột cụ Trần Toại là Cử nhân Trần Văn Thế (Cử Thế). Con trai cụ Cử Thế là "Bình tây Đại tướng quân" Trần Du, lãnh tụ cuối cùng của phong trào Cần vương yêu nước chống Pháp của các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú hồi cuối thế kỷ XIX.

Các cụ đều là những người học rộng tài cao nhưng gặp khi đất nước chìm trong cảnh nhiễu nhương nên không ra làm quan mà thường sau khi đỗ đạt, trở lại cố hương hoặc "bốc thuốc chữa bệnh" hoặc khăn gói đi dạy học ở khắp các làng xã để truyền bá tư tưởng chống Pháp xâm lược và triều đình nhà Nguyễn bán nước.

Ba anh em Trần Trạch, Trần Toại, Trần Trác từ nhỏ đi học cho đến lúc đỗ đại đều có liên lạc và hoạt động trong các phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Ngãi hồi cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX như phong trào Cần vương, phong trào kháng thuế, Duy tân, Đông du... Rút kinh nghiệm thực tế hoạt động của các phong trào, cụ Cử Trạch nảy sinh ý định tìm một vùng hiểm yếu để xây dựng căn cứ chống Pháp lâu dài. Theo lời của anh là "Đại tướng quân" Trần Du, Cử Trạch đã vận động gia đình cụ Trần Hành (thân phụ của cụ Trần Hàm) mua lại vùng đất Trường An (nay thuộc xã Ba Động, huyện Ba Tư) của con gái tên đại địa chủ Nguyễn Thân. Sau một thời gian khai khẩn, phát triển kinh tế, cụ Cử Trạch còn quan hệ với nhiều người chống Pháp ở vùng này. Sau một thời gian, cụ Cử Trạch ốm và mất. Trước khi mất cụ trần troi lại với hai em ruột là Trần Toại và Trần Trác rằng: Vùng Trường An là vùng "Dung thân chi địa, tiến khả công, thoái khả thủ", các chú phải cố giữ lấy mà lập nghiệp lớn. (Theo thư của cụ Trần Trác gửi Ban lịch sử Đảng TW 1963). Từ đó, Trần Toại, Trần Trác cùng các con cháu cụ Trần Hành là Trần Hàm, Trần Huân, Trần Huy, Trần Cung lên Trường An tiếp tục khai phá. Các cụ đã tổ chức nuôi bò, trồng dâu nuôi tằm, trồng khoai tía bắp, đồng thời tiếp tục xây dựng cơ sở chống Pháp ngay cả với một số tù trưởng người H're. Mặt khác, các cụ thường xuyên lên xuống vùng Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành để tham gia hoạt động các phong trào Duy tân, Đông du.

Sau khi Cách mạng tháng Mười Nga thành công (1917), qua sách báo công khai, cụ Tú Toại cùng nhiều trí thức yêu nước khác ở Quảng Ngãi bắt đầu tìm hiểu đường lối cách mạng của giai cấp vô sản và bắt đầu tìm thấy ở đó ánh sáng cho con đường cứu nước ở Việt Nam. Năm 1923, cụ Trần Toại đứng ra thành lập tổ chức "Thiếu niên ái quốc" nhằm tập hợp lực lượng thanh niên

khơi gợi lòng yêu nước, tuyên truyền thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, đường lối cách mạng của giai cấp vô sản, luyện tập võ nghệ sẵn sàng cứu nước. Càng ngày tin tức và đường lối chống Pháp cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc được đưa về càng nhiều trên báo chí cũng như trong các tài liệu bí mật. Năm 1921, cụ Trần Kỳ Phong từ nhà tù Côn Đảo trở về đã cung cấp những tài liệu thông tin quý báu về Cách mạng tháng Mười, về lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Cụ Trần Toại lại cùng Trần Kỳ Phong, Nguyễn Nghiêm, Lê Ngọc Thụy, Nguyễn Thiệu, Trương Quang Trọng, đứng ra thành lập các tổ chức "Công ái xã" (1925) "Tân Việt Đảng (1926) và đến năm 1927 thì các thành viên của các tổ chức ấy trở thành nòng cốt trong tổ chức "Việt Nam thanh niên cách mạng đồng chí hội" ở Quảng Ngãi. Thời gian này, đồng chí Phạm Văn Đồng (người cùng làng Thi Phổ Nhất với Trần Toại) từ Hà Nội về đã cung cấp thêm nhiều tài liệu về đường lối cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Từ đó, các phong trào yêu nước ở Quảng Ngãi bắt đầu vào quỹ đạo hoạt động theo đường lối cách mạng vô sản và đường lối cứu nước của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Phong trào yêu nước và cách mạng ở Trường An ngày một phát triển vững chắc. Quần chúng được tập hợp trong các tổ chức hợp pháp như "Hội khai hoang", "Hội đi buôn, đường, lá nón", "Hội trồng dâu nuôi tằm", "Hội học chữ quốc ngữ". Cụ Trần Toại cùng Nguyễn Quang Mao, Trần Hàm, Huỳnh Thanh, Huỳnh Cư...tiếp tục đưa những gia đình cơ sở từ Đức Phổ, Mộ Đức, Nghĩa Hành lên sinh cơ lập nghiệp ở dọc đường 5 A từ Bằng Chay, Hóc Kè đến Tân Long, Suối Loa.

Năm 1929, đồng chí Trương Quang Trọng được cử đại diện "Xứ" đi dự đại hội Tổng bộ tại Quảng Châu (Trung Quốc) để bàn

việc thành lập một tổ chức Đảng Cộng sản thống nhất ở Đông Dương. Tại đại hội này, cụ Trọng đã gặp nhiều đồng chí quê Quảng Ngãi như Nguyễn Thiệu (đại diện Xứ ủy Trung kỳ), Phạm Văn Đồng (đại diện Xứ bộ Nam kỳ), Võ Tòng (đại diện Phân bộ Thanh niên Việt kiều ở Thái Lan) và đã tiếp thu được nhiều kinh nghiệm hoạt động của phong trào toàn quốc. Sau khi trở lại Quảng Ngãi, đồng chí Trương Quang Trọng đã triệu tập một hội nghị đặc biệt họp tại làng Hùng Nghĩa, thôn Tân Hội, xã Phổ Phong (Đức Phổ) để thành lập tổ chức "Dự bị Cộng sản". Đây là tổ chức cộng sản đầu tiên ở Quảng Ngãi. Tuy nhiên, tháng 7-1929, đồng chí Phạm Văn Đồng bị bắt ở Sài Gòn; tháng 8-1929, đồng chí Trương Quang Trọng bị bắt ở Quảng Ngãi. Tuy bị địch theo dõi, đàn áp khủng bố mạnh nhưng phong trào cách mạng ở vùng Mộ Đức, Đức Phổ, Trường An vẫn phát triển mạnh. Cờ và truyền đơn cách mạng xuất hiện ở nhiều nơi. Mùa xuân 1930, tổ chức Cộng sản chính thức đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư đã ra mắt tại khu vực núi Xương Rồng (Phổ Phong - Đức Phổ). Sau sự kiện trọng đại này, đồng chí Trần Toại được Tỉnh ủy phân công trực tiếp làm Bí thư Đảng bộ Ba Tư. Được trở về địa bàn quen thuộc, cụ Trần Toại lao vào tổ chức, xây dựng và phát triển phong trào trong hầu khắp các làng người Kinh và phát triển đến cả những bản làng người H're ở Nước Sung, Nước Lác, Cao Muôn, Đá Bàn...

Đầu năm 1931, theo phân công của Xứ ủy Trung kỳ, cụ Trần Toại giao địa bàn Ba Tư lại cho Trần Hàm, lên đường nhận nhiệm vụ Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên. Ở đây sau một thời gian ngắn nắm tình hình, cụ Trần Toại đã lao vào hoạt động, ngày đêm đi xây dựng cơ sở, tổ chức diễn thuyết, soạn thảo tài liệu và sáng

tác nhiều thơ ca để tuyên truyền cách mạng vô sản và đường lối cứu nước của Nguyễn Ái Quốc. Trong những ngày hoạt động sôi nổi ấy, cụ Toại bất ngờ nhận được tin đồng chí Nguyễn Nghiêm, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi bị Pháp bắt và xử chém bên bờ sông Trà Khúc. Cụ vô cùng xúc động và làm ngay bài “thơ điệu” tỏ rõ niềm tiếc thương, kêu gọi đồng chí, đồng bào biển đau thương và căm thù thành sức mạnh để thực hiện các nhiệm vụ cách mạng. Nguyên văn bài thơ như sau:

Quyết nói chí người đi trước ()*

Tỉnh Quảng Nghĩa có triều tranh đấu mới

Ai là người đề xướng đầu tiên?

Tân Hội thôn, đồng chí Nguyễn Nghiêm

Thấy nòi giống làm than mà cháy ruột!

Bấm đốt tay, tính từ ngày Pháp thuộc

Bảy mươi năm kiếp ngựa, thân trâu

Lũ quỷ tham tàn có kẻ chi đâu

Nào thuế, nào sưu ngày càng tăng mãi

" Tỉnh vệ hậu, chi năng diễn hải

Ngu công thù hà nại di sơn"

Thương giống nòi, nào quân gian nan

Vẫn giữ vững gan đồng dạ sắt

Thay hình dạng vào nam ra bắc

Nay công trường, mai đến thôn quê

Mâm Cội sản tìm kiếm đem về

Lập tổ chức, mọi người liên hiệp lại
Đức Phổ huyện biểu tình kéo tới
Quan văn thu thuế hủy sạch sành sanh
Rời Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa, Nghĩa Hành
Cùng Mộ Đức nổi sóng triều dữ dội
Nào đã có binh đoàn, pháo đội
Hai tay không, nâng đỡ cả đất trời
Thức tỉnh lòng người đứng dậy khắp nơi
Chân lý gọi sáng ngời nhân thế!

" Tự cổ hữu sinh, ưng hữu tử"
Chết mà còn nòi giống ngày mai
Đường đấu tranh sinh tử có bao nài
Người đã chết! Kẻ sống còn ghi nhớ
Muốn thoát khỏi kiếp tù đầy, nô lệ
Phải biết đem máu đỏ nhuộm non sông!

Anh chị em học sinh, binh lính, công nông.
Hãy đứng dậy!
Phất cao cờ hồng, nối chí người đi trước
Diệt sạch lũ ngoại xâm bạo ngược
Cho tự do bình sáng chí bình sinh
Cho tuổi vàng thỏa nguyện những vong linh
Cùng nhân loại tiến lên đài hạnh phúc

Phú Yên 1931 -

Tháng 8/1931, cụ Trần Toại bị mật thám Pháp bắt khi cụ đang diễn thuyết tại La Hai (Phú Yên), kết án tử hình sau hạ xuống án “chung thân khổ sai” và đày lên lao Buôn Mê Thuật. Lên đây được ít lâu thì cụ Trần Toại lại gặp nhiều đồng chí cũ bị bắt ở Quảng Ngãi từ năm 1931 - 1932 cũng bị dịch đưa lên đây giam cầm, trong số đó có người em ruột của cụ là Trần Trác. Cụ Trác bị bắt khi đang làm Bí thư chi bộ xã Đức Tân, Mộ Đức. Anh em, đồng chí lâu ngày gặp nhau mừng mừng tủi tủi! Vượt qua sự kiểm soát vô cùng nghiêm ngặt của bọn chúa ngục, những người cộng sản ở đây lại bắt liên lạc, hình thành tổ chức để đấu tranh với quân thù bằng các khẩu hiệu “Chống tra tấn”, “Cải thiện đời sống tù nhân”, làm đơn kiến nghị, tổ chức tuyệt thực để phản đối, lên án cô lập bọn “hoạt đầu”...

Sống kham khổ trong chế độ “tù khổ sai”, sức khỏe cụ Trần Toại bị hao kiệt nhanh chóng. Cuối năm 1936, khi Mặt trận Bình dân thắng thế trong chính phủ Pháp, tù chính trị ở lao Buôn Ma Thuật tổ chức nhiều cuộc đấu tranh đòi cải thiện chế độ nhà tù, đòi thả cụ Trần Toại và tù mãn hạn.

Đầu năm 1937, bọn dịch buộc phải thả cụ cùng một số tù chính trị mãn hạn và đưa về quản thúc tại Ba Tơ. Hầu hết tù mãn hạn về đây được đưa vào một dạng nhà tù trá hình khác mà chúng gọi là “căng an trí”. Riêng cụ Trần Toại, vì sức khỏe đã quá hao kiệt, bọn dịch sợ lỡ cụ có bề gì thì có thể thành nguyên cơ làm ngòi nổ cho một đợt đấu tranh mới của những người cộng sản nên chúng cho cụ hưởng chế độ “quản thúc tại gia”. Cụ về ở với gia đình tại làng Trường An - xã Ba Động. Như chim sổ lồng, mặc dù sức khỏe cụ còn rất kém, lại bị mật thám theo dõi, giám sát chặt chẽ, cụ Trần Toại vẫn tìm cách bắt liên lạc với các cơ

sở cũ để gây dựng lại phong trào. Cụ vận động các cơ sở tốt đứng ra lập các “Hội cày”, “Hội cấy”, tổ chức “Hiệp cổ” làm ăn...để tập hợp, giác ngộ quần chúng. Từ đầu những năm 40, dịch lại lần lượt đưa các đồng chí Võ Phấn, Nguyễn Khoách, Nguyễn Đôn rồi đến Phạm Kiệt, Trần Quý Hai, Trần Lương về củng cố an trí Ba Tơ. Các đồng chí đã lập lại chi bộ ở cảng an trí và thường xuyên liên lạc với cụ Trần Toại để nắm tình hình và tham khảo ý kiến chỉ đạo. Nhà cụ Trần Toại và trại dâu tằm sau nhà cụ (ở hữu ngạn sông Ba Tơ) dần dần trở thành địa chỉ liên lạc, nơi hội họp, in ấn, tán phát tài liệu truyền đơn của chi bộ cảng an trí. Các tài liệu cách mạng cứ thế xuôi ngược sông Vệ, đường 5 A tỏa xuống đồng bằng. Đêm 10/3/1945, “Ủy ban vận động cách mạng” đã chọn nơi đây để tổ chức cuộc họp quan trọng: Quyết định khởi nghĩa chiếm quản lý Ba Tơ vào ngày 11/3/1945. Trong sự kiện lịch sử này, các tổ chức quần chúng ở vùng Trường An, Ba Động đã đóng vai trò cực kỳ to lớn trong việc hỗ trợ lực lượng vũ trang nhỏ bé lúc bấy giờ cướp đồn Ba Tơ, đưa khởi nghĩa Ba Tơ đến thắng lợi.

Sau đó mấy tháng, ngày 14/8/1945, Tỉnh ủy Quảng Ngãi lại chọn làng Thi Phổ Nhất (Đồng Cát, Mộ Đức, quê hương của cụ Đồng và cụ Toại) để tổ chức cuộc họp quan trọng: Quyết định tổng khởi nghĩa trong toàn tỉnh tháng 8/1945.

Cách mạng tháng Tám thành công, cụ Trần Toại được tín nhiệm bầu làm Chủ tịch Ủy ban nhân nhân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi - cụ lại cùng Tỉnh ủy soạn và thực hiện nhiều nghị quyết nhằm bảo vệ chính quyền non trẻ, khẩn trương chuẩn bị lực lượng cho cuộc kháng chiến trường kỳ. Năm 1948, bệnh cũ tái phát, cụ Trần Toại đã mất. Tang lễ cụ được tỉnh tổ chức trọng

thể. Thi hài cụ được mai táng tại một gò cao ở làng Trường An. Năm 1984, cụ Trần Toại được truy tặng danh hiệu “liệt sĩ”. Tỉnh ủy Nghĩa Bình (cũ) và Tỉnh ủy Phú Khánh (cũ) đã tổ chức trọng thể lễ cải táng, đưa mộ cụ Trần Toại từ Trường An về mai táng tại nghĩa trang liệt sĩ tỉnh Quảng Ngãi, gần kề mộ liệt sĩ Nguyễn Nghiêm. Năm 1999, cụ Trần Toại đã được Đảng, Nhà nước truy tặng phần thưởng cao quý: Huân chương Hồ Chí Minh.

Tài liệu tham khảo:

(*) Bài thơ này do ông Hồng Sinh cung cấp.

- Lịch sử Đảng tỉnh Phú Yên.
- Lịch sử Đảng huyện Mộ Đức, huyện Ba Tơ và tỉnh Quảng Ngãi
- Hồi ký của các đồng chí Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn.
- Lời kể của các con gái cụ Toại : Trần Thị Thoa, Trần Thị Thuyết, Trần Thị Xuân.
- Trao đổi trực tiếp và các bút tích thư từ của các bậc cao niên tại làng Thi Phổ Nhất và làng Trường An.

BÁ CÁO VĂN THÂN CỦA KIM TƯƠNG TRẦN TOẠI

Tư liệu quý về Hội Phản đế Đồng minh ở Quảng Ngãi

Theo các tư liệu đã được thẩm định thì năm 1930 - 1931 Pháp thi hành chính sách khủng bố ở Quảng Ngãi không khác Nghệ - Tĩnh. Cuối 1930 về sau, một mặt chúng cho lính “lê dương” tha hồ bắn giết (fai à volonté). Mặt khác chúng bắt các làng phải làm giấy “qui thuận”, treo cờ “qui thuận”. Không “qui thuận” thì người bị bắt, nhà bị đốt, tài sản bị cướp.

Đầu tháng 02-1931, thi hành Chỉ thị “chống khủng bố” của Trung ương Đảng CSĐD (9-1930), Quảng Ngãi phát động “3 ngày căm thù” để quần chúng tố cáo tội ác của Pháp và Nam Triều tay sai. Tiếp đến Tết Tân Mùi⁽¹⁾, vận động nhân dân không đốt pháo, không tổ chức vui xuân theo sự thúc giục của địch. Chúng gọi là “vui xuân chống cộng”. Trong dịp này, báo của Tỉnh bộ và các Huyện bộ đều viết bài, in và tán phát truyền đơn tố cáo tội ác kẻ thù, vạch trần thủ đoạn cường bức “qui thuận” của chúng.

Cùng trong tháng 02-1931, để tuyên truyền vận động lớp trên và giới trung gian, theo tinh thần Chỉ thị ngày 18-11-1930 của Thường vụ Trung ương Đảng CSĐD, thành lập Hội Phản đế Đồng

minh, Tỉnh ủy giao cho đồng chí Trần Toại, tự Kim Tương viết để tán phát bài “BÁ CÁO VĂN THÂN” bằng chữ Nho, thể phú. Thời ấy thường gọi là bài “Thế sự”, vì bài phú mở đầu bằng hai câu: “Sự thế đảo đầu - Nhơn tình triệt để”... Ai cũng thuộc một vài đoạn hoặc toàn bài, vì nó xoáy vào nỗi trăn trở trong lương tâm những người còn chút lòng thương dân, yêu nước.

Phải có *dùng khi* như Trần Toại mới dám công khai đứng tên hiệu triệu giới “Văn thân” chống lại “Nhà nước bảo hộ”. Phải có *tâm - thế* như Trần Toại ⁽²⁾ mới có những lời kêu gọi chân thành, thống thiết và hiệu quả đến vậy. Ngày nay có thể có ý này, ý khác về “phương pháp vận động cách mạng”. Xin chớ quên: tình thế cuối 1930 - đầu 1931 không khác mấy thời kỳ Mỹ - Diệm vừa “tố cộng” vừa “chiêu hồi” những năm 1955 - 1957 sau này ! Bởi vậy việc hiện hữu danh nghĩa “Hội Phản đế Đồng minh” cùng bài phú “Thế sự” thời ấy mới là sự kiện không thường thấy.

Xin được nhắc lại tư liệu từ lịch sử Đảng bộ Quảng Ngãi: khoảng tháng 02/1931 về sau... “Đảng đã lãnh đạo các phân hội Cứu tế Đỏ và Hội phản đế ‘o quyền góp giúp đỡ các gia đình cách mạng bị giặc Pháp khủng bố, đốt phá’ (L.V.Q nhấn mạnh) ⁽³⁾”.

Vậy phải chăng Quảng Ngãi đã tiến hành theo “*hai cách*” của Chỉ thị Thường vụ Trung ương Đảng CSDD về tổ chức Hội Phản đế Đồng minh ? Chỉ thị viết: “Cách tiến hành mỗi nơi có cái khác của nó, song phương pháp duy nhất là phải *tổ chức cả hai cách trên xuống và dưới lên*” ⁽⁴⁾ - Có thể hiểu “Mặt trận bên trên” và “Mặt trận cơ sở” được chăng ?

Với những tư liệu còn ít ỏi, xin các nhà nghiên cứu xem: Hội Phản đế Đồng minh năm 1931 ở Quảng Ngãi là một thực thể tổ chức Mặt trận thống nhất hành động chống đế quốc, hay chỉ mới tồn tại trên danh nghĩa ? Tại Đại hội toàn quốc Mặt trận Dân tộc Thống nhất, tháng 1-1977, Tổng bí thư Lê Duẩn đã khẳng định: "Đặc điểm của cách mạng Việt Nam là khi có Đảng của giai cấp công nhân và khối Công - Nông liên minh thì Mặt trận Dân tộc Thống nhất cũng được thành lập ⁽⁵⁾". Chúng tôi tin rằng ở nhiều tỉnh đã có hình thức này hay hình thức khác của Mặt trận Phản đế Đồng minh, nhưng có lẽ Hội Phản đế Đồng minh ở Quảng Ngãi là một trong mấy nơi đến nay được biết là hoàn thiện hơn.

Trong 6 bản "Bá cáo Văn thân" sưu tập được, chúng tôi đối chiếu, rà soát lại và xin công bố nguyên văn:

A. Bản phiên âm ra quốc ngữ của lão đồng chí Trần Trác, em ruột Kim Tương Trần Toại.

B. Bản dịch ra quốc ngữ, thể phú, của lão đồng chí Trần Kinh Luân, quê xã Phổ Cường. Bản này đã được in trong "Văn thơ yêu nước tỉnh Quảng Ngãi" - Xuất bản tại Nghệ Tĩnh năm 1974.

(Những bản khác chúng tôi lưu giữ phòng có lúc các nhà nghiên cứu cần tham khảo).

Công bố bài "BÁ CÁO VĂN THÂN", với vài suy nghĩ hạn hẹp và muộn màng, chúng tôi chỉ hy vọng cùng bạn đọc gửi chút lòng thành dâng lên một con người tiêu biểu và một thế hệ tiêu biểu cho sự nghiệp Đại đoàn kết dân tộc chống đế quốc xâm lược ở quê tôi.

Tháng 5 năm 1997

(1) Tết Tân Mùi: Mồng 1 - mồng 7 tháng Giêng âm lịch, tức từ 17 - 23/2/1931.

(2) Trần Toại tự Kim Tương xuất thân từ một gia đình Văn thân "Ba đời chống Pháp" em con nhà chú của lãnh tụ Cần Vương "Nam Phương bình Tây đại tướng quân" Trần Du (? - 1896). Lúc này đồng chí đang làm Bí thư Huyện bộ Ba Tơ. Chúng tôi hy vọng có dịp nói về nhà yêu nước Trần Toại, người đã làm Bí thư Tỉnh ủy Phú Yên (03/1931), bị bắt và đày đi Buôn Ma Thuột (8/1931), người bị bệnh và bị quân chế tại nhà mà vẫn là trợ thủ cho Ủy ban Khởi nghĩa Ba Tơ (03/1945), vị Chủ tịch đầu tiên Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi (8/1945 - 1947).

(3) Dẫn lại của Bùi Đình - "Tìm hiểu các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân tỉnh Quảng Ngãi từ 1885 đến 1945" - Ty Văn hóa T.T. và Tiểu ban NCLS Đảng tỉnh Nghĩa Bình xuất bản - Phần III - Chương II - Cao trào 1930 - 1931.

(4) Chỉ thị của Thường vụ Trung ương ĐCSDD về việc thành lập Hội Phản đế Đồng minh - Văn kiện Đảng về Mặt trận Dân tộc Thống nhất - NXB Sự thật 1971 - Trang 22 - 26.

(5) Phát biểu của TBT Lê Duẩn tại Đại hội Mặt trận Dân tộc Thống nhất tháng 11/1977 - hồ sơ lưu trữ của Văn phòng LIBTU Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

BÁ CÁO VĂN THÂN (*)

Sự thế đảo đầu

Nhân tình triệt để.

Ta ngã sinh dân chi tiểu tụy, khổ cử vô mai,

Thống tha hà chính chi nhiều nhượng, tội nan thủ trúc

Tham tâm vị mẫn ác quán để dinh,

Súc phần đa thời giai vong chỉ nhật giả.

Ý bị Pháp lan hà cừu Nam Thổ, việt trùng dương nhi xâm
lược thực dân chi sách dĩ thi.

Quạt Đông hải dĩ chuyển du, doãn yển chi tâm vô yếm.

Ngưu mã ngã nhân dân, thần thiếp ngã triệu thứ.

Thất thập niên chi kinh lý trọng liêm hoành chinh,

Nắm dư triệu chi sinh đồ cao hấn huyết.

Tu thiệu kiếu lương lý lộ, thích thị thông thương cơ khí chi
lợi đồ.

Quảng hành lập học bảo thương, thực khởi ngu lậu hại nhân
chi hiểm trạng.

Cát nhượng lương Kỳ lợi quyền tận ốc,

An Nam bảo hộ thanh thế hư trương.

Mại quan dinh ngục, lợi Nam quan xu trục chi đồ,

Ngư hải mục lâm, đoạt quần chúng dục sinh chi lộ.
Trung cầu thái khác bát tước ích thâm,
Ngã cơ ngã hàn, nhi ngư nhi nhục.
Bi đồng khốc lão, cấp cung chi kế vô do,
Tán tử ly thể, sinh hoạt chi kỳ nhật súc.
Ngã chúng hà cô thụ thử thảm họa,
Bạt ngôn vận tố, tàn ngược dư tư,
Phóng bi sài lang chi bối, đoạt kiếp phân phân,
Quảng dinh pháo đạn chi đài, xạ đổ liệt liệt . (+)
Chi tàn hà chi lệnh dĩ khủng bố nhân,
Trương qui thuận chi kỳ, đồ ngu hoặc chúng.
Hu ! Thê dư, thẩm dư, thống giả, hận giả.
Bạch qui chi gian mưa khả tiểu, chơn thần chi công lý bất

vong:

Bình tức giai Tần, phò khởi Bái Công ư Tứ Thượng.
Thành trì nội thuộc, kiến hưng Lê Tổ ư Lam Sơn.
Khử bạo qui nhân, tự hữu thường lý,
Sự thù vong quốc cư bất quan tâm.
Tư vấn minh chư quốc Liên Xô hùng cường, liên đồ cộng sản.
Tuế thử cộng đồng chi hội, nhấn cam nhân dượt ngã đình.
Triều khai tranh đấu chi kỳ, tự ủy dĩ ưu ngã liệt.
Bá cáo thân hào chư liệt, khởi phát hùng tâm,
Nguyên thân trí thức tôn đài, triển khai đại chí.

Vật đồ mục tiền chi lợi, trình tình hình dĩ mưu hại đồng nhân,
Vật thân tâm học chi nguyên, phụ tài cán nhi cam man dĩ
loại.

Dĩ trí hóa ngu, dĩ văn phát giả.

Thổ học vu hành, quyển xu vị quốc.

Hữu duyệt mã chấm qua chi chí, hà hoạn vô lợi binh kiên giáp
chi chử.

Hữu trường thương đại kiếm chi năng, hà hoạn pháp pháo
lâm chi dụng.

Nguyên phần nhất tâm cứu sinh dân ư thủy hỏa,

Giải khai vạn khổ, mưu quần chúng chi lợi quyền.

Hoài bão nhiệt huyết nhất xoang, lập trường trí tả.

Đá đảo đế quốc tử tỵ, nghị án nào cân

Mỗi khiết xỉ thống tâm, bất hoàn tha vụ.

Cử tạt thủ xúc át, bố cáo đồng nhân.

Nhất cửu tam thập nhất niên, Xuân

TRẦN KIM TƯỜNG kính cáo

(+) Bản dịch của Trần Kim Luân sốt 2 câu này - L.V.Q

(*) Bản A: Cụ Trần Trác, cán bộ lão thành cách mạng, em ruột Kim Tường
Trần Toại phiên âm gửi cho cụ Nguyễn Công Phương và Bùi Đình thảng
10/1963 để tập hợp vào "Văn thơ yêu nước và cách mạng tỉnh Quảng Ngãi".

Văn bản lưu tại Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng, tỉnh Quảng Ngãi L.V.Q
giữ bản lưu bút của cụ Trần Trác.

BÁ CÁO VĂN THÂN (*)

Thế sự đến cùng,
Thời cơ sắp đến,
Thảm thiết bấy dân ta điêu đứng, tui nhục vô ngần,
Đau đớn thay, chúng nó nhiều nhưng, tội không kể xiết.
Lòng tham không chán,
Thối dữ tràn đầy.
Chứa hận lâu ngày,
Kêu trời nguyên rửa:
Hỡi kia giặc Pháp
Thù gì nước Nam ?
Trùng dương bao cách trở, óc thực dân lướt tới xâm lăng;
Đóng Hải Lãm của tiền, tui không đáy tóm thâu vợ vét.
Coi dân ta như trâu ngựa
Bắt dân ta làm tôi đòi
Bảy mươi năm đô hộ, thuế nặng sưu cao,
Hai lăm triệu đồng bào, nạo xương óc tủy.
Đắp đường làm cầu cốt để thông thương cơ khí,
Nhà thương trường học thật ra mảnh khoe ngu dân,

Nam - Bắc tách chia, quyền lợi trong tay nắm hết.

An Nam bảo hộ tiếng tăm ngoài miệng rêu rao.

Tống ngục, buôn quan, tiện đường đi cho lũ tham ô cầu danh
trục lợi.

Kiểm lâm, thương chánh, cướp nghề sống dân lao động xuống
biển lên rừng.

Luật lệ khắc nghiệt, bóc lột nặng nề.

Ta đói cơm rách áo, nó thịt béo cá ngon.

Thương người già, xót trẻ thơ không chỗ nấu nướng;

Lìa vợ con, vùi thân thể, hết đường sinh sống.

Chúng ta có tội tình gì, mà chịu cảnh thảm họa đó ?

Kêu ca chẳng được, bạo ngược càng tăng.

Ban luật lệ bạo tàn khủng bố quần chúng,

Giương lá cờ qui thuận lừa phỉnh nhân dân.

Than ôi, thảm thiết thay,

Uất hận thay !

Kìa mưu gian rất đáng buồn cười;

Đây công lý không hề vùi lấp:

Bình Lương đều của nhà Tần, miễn Tứ Thượng Bái Công trôi
dây,

Thành trì thấy về tay giặc, đất Lam Sơn Lê Tổ vùng lên.

Bỏ kẻ dũ, về người nhân, lẽ thường là thế

Thờ quân thù, bán Tổ quốc tâm địa sao đang ?

Liên xô cách mạng soi sáng thuyết bình quyền,
Thế giới cần lao, công - nông tình thật chặt,
Cảnh đại đồng chờ đón, lẽ nào người tiến ta lùi ?
Cuộc tranh đấu mãnh liệt lo chi kia mạnh, ta yếu.
Hỡi các bậc thân hào, hùng tâm trời dậy;
Hỡi các nhà trí thức, đại chí vùng lên !
Chớ vì lợi nhỏ lừa cơ hội hãm hại người mình;
Chớ ỷ học hay đem tài cán làm tôi giống khác.
Lấy đức hóa ngu, dùng văn thay tục,
Dem học ra hành hiến dâng cho nước,
Nếu có chí dám cầm đao phi ngựa, sợ gì thiếu giáp binh.
Nếu có tài múa trường kiếm đại thương, lo chi không súng
đạn.

Nguyện đồng tâm nhất trí, cứu non sông khỏi cảnh xéo dầy;
Giải muện đắng nghìn cay, đưa đồng loại ra vòng tù hãm.
Chung tài góp sức - chứa chan tâm huyết một bầu;
Khắc cốt ghi tâm, đánh đổ đế quốc bốn chữ.
Xốn xang tác gia, hơi sức đâu toan tính chuyện riêng tư,
Nhức nhối ruột gan, dồn tâm trí ngổ cùng ai nấy biết.
Mấy lời tâm huyết
Thề quyết tiến lên !
Rửa sạch hờn căm
Việt Nam độc lập !

Bản B

* Tác giả: Kim Tương Trần Toại viết bằng chữ nho.

- Trần Kinh Luân dịch ra quốc ngữ trong nhà lao Quảng Ngãi khi bị giam cùng Nguyễn Nghiêm. Tháng 4/1931 Trần Kinh Luân có bài "Khóc bạn" rất thống thiết khi dịch xử chém đồng chí Nguyễn Nghiêm. Trong tù ông còn dịch bài "Bình thành cáo thị" nổi tiếng của án sát Nguyễn Duy Cung khi cù tử tiết trong thành Bình Định. Cả 3 bài đều tập hợp trong "Văn thơ yêu nước và cách mạng tỉnh Quảng Ngãi".

Trần Kinh Luân là cán bộ lão thành cách mạng, quê xã Phổ Cường, tập kết ra Bắc, năm 1975 trở lại quê nhà.

TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG 8-1945 VÀ VIỆC THÀNH LẬP ỦY BAN NHÂN DÂN CÁCH MẠNG Ở QUẢNG NGÃI

Sau khởi nghĩa Ba Tơ thắng lợi (11-3-1945), khí thế cách mạng dâng lên bùng bùng, lực lượng cách mạng phát triển nhanh chóng. Giữa lúc ấy, Quảng Ngãi lại nhận được tin: Hồng quân Liên Xô đã đánh bại Phát xít Đức - phe đồng minh (gồm Liên Xô - Anh - Pháp - Mỹ) đã đánh bại hoàn toàn phe phát xít (gồm Đức - Ý - Nhật), dập tắt biển lửa của đại chiến thế giới lần thứ 2 (1939 - 1945). Đức - Ý - Nhật đã kéo cờ trắng đầu hàng vô điều kiện. Vận dụng nội dung chỉ thị "Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Trung ương trong tình hình và thời cơ mới. Trưa 14-8-1945, Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tổ chức cuộc họp quan trọng tại làng Thi Phổ Nhất (Đức Tân - Mộ Đức - quê hương của cụ Trần Toại). Cuộc họp đã nhận định: *Thời cơ khởi nghĩa đã đến! Phải cấp tốc huy động quần chúng nổi dậy vũ trang khởi nghĩa, đánh đổ toàn bộ chính quyền địch, giành chính quyền về tay nhân dân.*

Hội nghị đã soạn thảo và phát hành ngay trong ngày 14-8-1945 hai chỉ thị số 8 và số 9:

CHỈ THỊ SỐ 8

Giặc Nhật đã đầu hàng Đồng minh. Các cấp hội, các ban chấp hành phải cấp bách huy động toàn dân chúng vũ trang để kịp thời khởi nghĩa.

Các đội tự vệ, tiểu tổ du kích phải sẵn sàng. Ban chấp hành cấp Hội nào đều phải thi hành kỷ luật triệt để.

Huy động bằng hình thức công khai, truyền đơn, cờ, áp phích, công khai biểu tình, mít tinh, vô trang, bắt giữ bọn Việt gian.

Tình thế cấp bách, phải thi hành triệt để chỉ thị; không được chậm trễ. Các đồng chí phải nỗ lực.

Hy sinh cho Tổ quốc!

Ngày mồng bảy tháng bảy năm Ất Dậu

(14-8-1945)

THƯỜNG TRỰC

CHỈ THỊ SỐ 9 (Trích)

1. Tước khí giới quân Nhật và Bảo an, trong những nơi đã vô trang quần chúng kiên quyết thi hành.

2. Phải huy động tự vệ, du kích bảo vệ và giữ gìn chiến sĩ và các cơ quan cách mạng...

Thường trực Tỉnh ủy làm nhiệm vụ của Ban lãnh đạo khởi nghĩa do đồng chí Trương Quang Giao phụ trách chung.

Đúng 16h ngày 14-8-1945, làng Thi Phổ Nhất, nơi Tỉnh ủy Quảng Ngãi đóng, đã đóng lên tiếng trống lệnh làm "Mệnh lệnh" khởi nghĩa trên phạm vi toàn tỉnh. Sau "Hiệu lệnh" đó, lệnh khởi nghĩa đã truyền nhanh như một tia chớp đến khắp các địa bàn trong tỉnh. Giáo mác, băng cờ, gậy gộc cùng những đoàn quần chúng tuần hành, khoa vang trống mõ tung bừng khắp thôn xóm. Được các tổ chức Đảng và Tổ chức Việt minh cơ sở lãnh đạo chặt chẽ, chỉ trong vòng hơn một ngày (từ đêm 14 đến 15-8-1945), toàn bộ chính quyền địch từ đèo Bình Đê đến Dốc Sỏi đã bị xóa bỏ. Chính quyền tỉnh đã về tay nhân dân. Cũng trong ngày 15 và 16-8-1945, hai đại đội thuộc du kích Ba Tư đã phối hợp với du kích địa phương và bạo lực quần chúng đánh chiếm các đồn Di Lăng, quận lỵ Sơn Hà, quận lỵ Minh Long, quận lỵ Nghĩa Hành, gọi địch ra hàng giao quận lỵ Trà Bồng cho lực lượng cách mạng.

Tại thị xã Quảng Ngãi, mặc dù một tiểu đoàn quân Nhật và một đại đội lính khố xanh có trang bị đầy đủ, cố thủ trong nội thành nhưng dưới sự chỉ đạo của Ban khởi nghĩa thị xã, các tầng lớp nhân dân rầm rộ đình công, bãi thị, tuần hành thị uy, kêu gọi địch nộp vũ khí đầu hàng. Đêm 15-8, tự vệ cứu quốc và lực lượng quần chúng có vũ trang phối hợp với những người yêu nước trong "Hội binh nhân" tiến đánh và chiếm các đồn Khố Xanh, Khố Đỏ, thu nhiều súng đạn, quân trang quân dụng và các kho lương thực, bắt viên Lãnh binh giao đồn, giao chìa khóa kho, nộp các tài liệu ấn tín cho lực lượng cách mạng. Lực lượng khởi nghĩa cũng đã vây ép, đánh chiếm thu hồ sơ, vũ khí tại Sở Mật thám tỉnh. Tên Chánh sở Mật thám Bùi Trọng Lệ bị bắt rạng sáng ngày 17-8. Kho bạc, Dinh Tỉnh trưởng đều bị lực lượng cách

mạng đánh chiếm. Tỉnh trưởng Lương Trọng Hối và Bộ Chánh Phạm Như Phiên đều bị bắt sống.

Như vậy chỉ trong vòng 3 đêm, 2 ngày (từ đêm 14-8 đến rạng sáng 17-8) hưởng ứng Chỉ thị số 8 và số 9 của Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi, lực lượng cách mạng mà nòng cốt là các đơn vị vũ trang thuộc Đội du kích Ba Tư cùng bạo lực chính trị của các tầng lớp nhân dân đã đánh và làm sụp đổ hoàn toàn hệ thống thống trị của địch trên phạm vi toàn tỉnh và giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân. Ủy ban vận động cứu quốc Quảng Ngãi của Tổng bộ Việt Minh đã ra Chỉ thị số 10 (15-8-1945) hướng dẫn thành lập chính quyền cách mạng các cấp trong tỉnh, tuyên bố xóa bỏ toàn bộ bộ máy và các luật lệ cai trị của địch, từng bước xây dựng chế độ mới: tất cả mọi người đều bình đẳng, bình đẳng nam nữ, thực hiện phổ thông đầu phiếu, ổn định đời sống, phát triển sản xuất, phát triển văn hóa giáo dục, trước mắt thanh toán nạn mù chữ.

Đối với quân Nhật, sau khi nghe tin chính phủ Nhật đã đầu hàng Đồng minh, bọn chúng chủ yếu thực hiện “án binh bất động”. Ta chủ trương tiếp tục đánh Nhật mà thông qua con đường ngoại giao, dùng áp lực quần chúng để tước vũ khí các đơn vị lính Nhật với khẩu hiệu: “Tước khí giới Nhật - diệt trừ Việt gian”. Chiều 25-8, quân Nhật buộc phải ký với đại diện Việt Minh ở Quảng Ngãi (do đồng chí Trần Tống dẫn đầu) bản Hiệp định với các nội dung:

1. Quân Nhật không can thiệp vào nội trị Việt Nam, không cản trở các lực lượng quần chúng cách mạng tiêu trừ bọn Việt gian bán nước.

2. Việt Minh không xâm phạm quân Nhật, không kêu gọi chống Nhật nữa.

3. Hai bên cam kết không để xảy ra xung đột vũ trang.

Ngày 26 tháng 8 năm 1945, Tỉnh ủy đã cho phép đồng chí Nguyễn Tuấn Tài (Trần Kiên) đưa một trung đội thuộc Đại đội Phan Đình Phùng (Lực lượng Du kích Ba Tơ ở khu vực phía bắc tỉnh) tiến vào chốt ở thị xã. Ngày 27-8-1945, Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi do đồng chí Trần Toại làm Chủ tịch đã chính thức về đóng trụ sở tại thị xã Quảng Ngãi.

Sáng ngày 30-8-1945 (nhằm ngày 23 tháng 7 năm Ất Dậu 1945), Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh đã tổ chức cuộc mít tinh lớn tại trung tâm thị xã với sự tham dự của hơn 40 vạn các tầng lớp nhân dân từ khắp nơi trong tỉnh về dự để làm lễ ra mắt “Ủy ban nhân dân cách mạng tỉnh Quảng Ngãi” do đồng chí Trần Toại làm Chủ tịch:

Ủy ban bao gồm:

- Đồng chí Trần Toại: Chủ tịch.

- Đồng chí Hồ Thiết: Phó chủ tịch.

- Đ/c Trần Quý Hai, Nguyễn Quang Lâm: Thường trực, phụ trách hành pháp và tư pháp.

- Đ/c Phạm Kiệt: Phụ trách quân sự.

- Đ/c Nguyễn Duân: Phụ trách kinh tế và cứu tế.

- Đ/c Võ Hựu : Phụ trách tuyên truyền.

- Đ/c Huỳnh Chư: Phụ trách tài chính.

- Đ/c Bùi Diệp: Phụ trách công chính kiêm thủy, lâm.

- Đ/c Nguyễn Định: Phụ trách giáo dục

- Đ/c Đào Trọng Hiến: Phụ trách Y tế.

TÓM TẮT THÀNH TÍCH CỦA ĐỘI DU KÍCH BA TƠ

I. Quá trình thành lập:

- Sau cao trào 1930 - 1931, thực dân Pháp và tay sai ở Quảng Ngãi đã thực hiện một chính sách đàn áp, khủng bố hết sức dã man. Hàng loạt tổ chức cơ sở Đảng bị phá vỡ. Nhiều đảng viên cộng sản bị bắt bớ, sát hại, tù đầy. Thời kỳ Mặt trận Dân chủ, phong trào đã có nhiều biểu hiện hồi phục nhưng đến năm 1939 (khi chiến tranh thế giới lần thứ 2 bùng nổ), thực dân Pháp lại thực hiện một chính sách đàn áp quyết liệt hơn. Các nhà tù chật kín tù chính trị.

Năm 1941, trước sức ép của phong trào thời kỳ Mặt trận Phản đế, thực dân Pháp buộc phải thả một số tù chính trị đã mãn hạn. Tuy nhiên, để thực hiện âm mưu "tách cá khỏi nước", đầy ải, giết dần giết mòn những người cộng sản, dựa vào thế núi non hiểm trở, khí hậu khắc nghiệt, chúng đã lập ở Ba Tơ một dạng nhà tù trá hình gọi là "Cảng an trí" để tiếp tục kiểm soát những người tù mãn hạn ở các nhà lao Buôn Ma Thuột, Lao Bảo, Di Lăng, Trà Bồng, Quảng Ngãi... lần lượt bị đưa về "Cảng an trí" Ba Tơ. Trong số đó có cả những đảng viên lãnh đạo chủ chốt từ phong trào những năm 1930 - 1939 như Trần Toại, Võ Phấn, Nguyễn Tấu, Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách và sau đó một thời gian lại có thêm các đồng chí Phạm Kiệt, Trần Lương, Trần Quý Hai, Trương Quang Giao...

Vượt trên những âm mưu nham hiểm của kẻ thù, các “tù an trí” đã từng bước bí mật xây dựng tổ chức, khôi phục phong trào. Mùa xuân 1943, tại suối Nước Năng (cách châu lỵ Ba Tư chưa đầy 1 km), một tổ chức của những chiến sĩ cộng sản an trí đã được thành lập với tên gọi: “Ủy ban vận động cách mạng tỉnh Quảng Ngãi” do đồng chí Huỳnh Tấn lãnh đạo. Phương hướng hoạt động của ủy ban này là học tập và tuyên truyền các NQTW VII và VIII, phát triển lực lượng, liên lạc với các cơ sở cũ để tuyên truyền, tập hợp quần chúng. Tù mãn hạn về càng an trí càng đông thì “Ủy ban” này càng được bổ sung và tăng nhanh về số lượng và chất lượng.

Tháng 12/1944, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi được tái lập. “Ủy ban vận động cách mạng” được giao nhiệm vụ: Vừa tuyên truyền đường lối cách mạng, vận động, tổ chức quần chúng, vừa khẩn trương sức tích lực lượng, trang bị vũ khí để sẵn sàng hành động khi có thời cơ. Khí thế cách mạng từ Ba Tư tỏa xuống đồng bằng, tạo phong trào sôi nổi trong toàn tỉnh.

Được tin Nhật đảo chính Pháp (9/3/1945); ngày 10/3/1945, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tổ chức cuộc họp bất thường. Sau khi đánh giá tình hình vận dụng tinh thần NQTW VIII. Hội nghị đã quyết định: *Nhân lúc giao thời, quân Pháp đang hoang mang, quân Nhật chưa đến, chớp thời cơ vũ trang khởi nghĩa tại Ba Tư ngay trong ngày 11/3/1945.*

Thực hiện quyết định trên, “Ủy ban vận động cứu quốc” (Tổ chức tiền thân của Đội du kích Ba Tư sau khởi nghĩa) đã triển khai lực lượng ngay trong đêm 10/3. Sáng 11/3/1945, lực lượng ta, có nội ứng đã đột nhập Nha kiểm lý Ba Tư tước vũ khí địch,

bắt sống tên Tri châu Bùi Danh Ngũ, triển khai lực lượng bao vây nổ súng uy hiếp và gọi hàng ở đồn Ba Tư. Đơn vị vũ trang đầu tiên ấy có 17 chiến sĩ do đồng chí Phạm Kiệt làm Chỉ huy trưởng, đồng chí Nguyễn Khoách làm Chỉ huy phó và đồng chí Nguyễn Đôn làm Chính trị viên. Được sự hỗ trợ của hàng vạn quần chúng từ Hóc Kè, Tân Long, Trường An, Suối Loa, Hoàng Đồn, bọn địch ở đồn Ba Tư buộc phải hạ vũ khí đầu hàng. Châu ly Ba Tư được giải phóng. Cờ cách mạng đã tung bay tại châu ly Ba Tư.

Sáng ngày 12/3/1945, tại sân vận động trung tâm châu ly, Ban lãnh đạo khởi nghĩa đã tổ chức một cuộc mít tinh lớn với sự chứng kiến của hàng vạn đồng bào Kinh - Thượng. Ban lãnh đạo khởi nghĩa tuyên bố xóa bỏ toàn bộ chính quyền địch ở Ba Tư, thành lập "Ủy ban nhân dân cách mạng Ba Tư" và chính thức ra mắt "Đội du kích Ba Tư". Tuyên bố nói rõ: UBNDCM Ba Tư là một bộ phận của chính quyền cách mạng cả nước. Đội Du kích Ba Tư là một bộ phận của lực lượng vũ trang cả nước.

II. Tiếp tục phát triển lực lượng, lập công vẻ vang trong và sau Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945.

Sau khởi nghĩa Ba Tư, bọn Nhật bắt đầu phản kích. Tỉnh ủy Quảng Ngãi chỉ đạo Đội du kích Ba Tư lui về vùng Cơ Nhất (bắc Ba Tư) để tiếp tục bổ sung lực lượng, huấn luyện quần sự, xây dựng căn cứ du kích, chuẩn bị cho lâu dài. Do ảnh hưởng khí thế thắng lợi ở Ba Tư, phong trào chống Nhật lại tiếp tục phát triển. Để đáp ứng tình hình, tháng 5/1945, Tỉnh ủy Quảng Ngãi lại chuyển hướng hoạt động của Đội du kích Ba Tư xuống các địa bàn trong toàn tỉnh. Đội du kích Ba Tư được chia thành hai bộ phận:

- Bộ phận phụ trách địa bàn bắc Quảng Ngãi gồm các huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa và thị xã Quảng Ngãi, thành lập một đại đội tập trung lấy tên Đại đội Phan Đình Phùng, xây dựng căn cứ ở Vĩnh Tuy (Sơn Tịnh).

- Bộ phận phụ trách địa bàn nam Quảng Ngãi bao gồm các huyện Ba Tơ, Minh Long, Nghĩa Hành, Mộ Đức, Đức Phổ, thành lập một đại đội tập trung lấy tên là Đại đội Hoàng Hoa Thám, lập căn cứ ở Núi Lớn (Giáp ranh giới Mộ Đức và Ba Tơ).

Cán bộ và chỉ huy của Đội du kích Ba Tơ vừa bám sát địa bàn, tuyên truyền, xây dựng các tổ chức quần chúng, vừa thành lập các đơn vị du kích, tự vệ địa phương, tuyển chọn những chiến sĩ tốt bổ sung cho đại đội tập trung. Đến đầu tháng 8/1945, Du kích Ba Tơ đã có hai đại đội. Mỗi đại đội có 5 trung đội, mỗi trung đội có 5 tiểu đội, mỗi tiểu đội có 12 chiến sĩ. Tổng quân số của 2 đại đội đã lên đến gần một ngàn người. Ở căn cứ Vĩnh Tuy và Núi Lớn đều có các lò rèn sản xuất vũ khí.

Khi nhận được tin Nhật đầu hàng Đồng minh, ngày 14/8/1945, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã tổ chức cuộc họp bất thường tại làng Thi Phổ Nhất (Đức Tân - Mộ Đức). Hội nghị nhận định tình hình, đặc biệt đi sâu nghiên cứu, vận dụng 4 điều kiện có thể tiến hành tổng khởi nghĩa nêu trong biên bản Hội nghị 7 tỉnh miền Trung (7/1945), có đồng chí Tố Hữu (phái viên TW) tham dự. Khi có 1 trong 4 điều kiện sau thì có thể tổng khởi nghĩa:

1. Khi có lệnh của Trung ương.
2. Khi Đồng minh đổ bộ lên địa bàn.

3. Khi Nhật đầu hàng Đồng minh.

4. Khi đã có nổ ra khởi nghĩa ở tỉnh bạn.

Hội nghị đã quyết định: Ngày 14/8/1945 ra lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn tỉnh.

Thực hiện mệnh lệnh trên, các đơn vị thuộc lực lượng Du kích Ba Tơ đã triển khai nhanh, đánh chiếm các châu lỵ ở các huyện miền núi (Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, Di Lăng, Trà Bồng) và triển khai một bộ phận lực lượng, phối hợp với bạo lực quần chúng đánh chiếm các quận huyện đồng bằng. Đến đêm 15/8/1945, tất cả các châu, quận, huyện ở Quảng Ngãi đều được giải phóng. 16/8/1945, thị xã Quảng Ngãi được giải phóng.

Trước tình hình đó, một số đơn vị lính Nhật ngoan cố nống ra phục kích. Chúng đã bị ta chặn đánh nhiều nơi, tiêu biểu nhất là hai trận: Mỏ Cây (Mộ Đức) và Xuân Phổ (Tư Nghĩa). Những trận “đánh giằng mặt” này đã làm cho bọn tay sai thân Nhật hoang mang; bọn Nhật phải xuống thang, ký với chính quyền ta một thỏa ước cam kết không can thiệp vào chuyện nội bộ của Việt minh. Đổi lại, ta cho phép lính Nhật được ra khỏi đồn mua lương thực, không mang vũ khí.

Sau Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945 thắng lợi, lực lượng Du kích Ba Tơ đã có bước trưởng thành nhảy vọt về các mặt. Căn cứ vào thực lực của địa phương và nhu cầu của chiến trường chung, Ủy trưởng quốc phòng miền Trung (đ/c Nguyễn Chánh) đã điều một trung đội Du kích Ba Tơ ra Huế bảo vệ cơ quan chính phủ và dự lễ Bảo Đại thoái vị. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ cuối năm 1945, đơn vị này được điều động sang giúp bạn chiến đấu ở vùng Hạ Lào, là lực lượng chủ công trong các trận đánh lớn ở Sepol, Savannakhet, Mường Phìn...

- Hai đại đội được phái vào hỗ trợ tỉnh Bình Định, tước vũ khí lính khố xanh ở Quy Nhơn, tham gia mặt trận bắc Nha Trang.

- Hai đại đội được điều vào đánh chiếm và chốt giữ vùng ba biên giới ở Gia Lai, Đak Lak, giữ chiến trường bắc Tây Nguyên.

- Một bộ phận khác được đưa vào phối hợp với lực lượng tại chỗ, mở mặt trận ở vùng Đồng Nai - bắc Sài Gòn.

Ra đời từ khi cách mạng còn trong trứng nước, các chiến sĩ Du kích Ba Tơ đã vượt qua muôn vàn gian khổ hy sinh, chiến đấu với lời thề "Hy sinh vì Tổ quốc", đã từng bước trưởng thành và lập nên những kỳ tích lịch sử. Các đơn vị thuộc "Du kích Ba Tơ" đã trở thành lực lượng nòng cốt cho các đơn vị chủ lực Quân khu 5 trong kháng chiến chống Pháp. Nhiều cán bộ và chiến sĩ Du kích Ba Tơ, sau này đã trở thành những tướng lĩnh của Quân đội Nhân dân Việt Nam Anh hùng.

DANH SÁCH 17 CÁN BỘ, CHIẾN SĨ ĐỘI DU KÍCH BA TỜ

1. Phạm Kiệt - (Chỉ huy trưởng)
2. Nguyễn Đôn - (Chính trị viên)
3. Nguyễn Khoách - (Chỉ huy phó)
4. Lê Lạc (Đức) - (Chiến sĩ)
5. Nguyễn Cừ (Nhạn) - (Chiến sĩ)
6. Phạm Hương (Xuân) - (Chiến sĩ)
7. Phan Phong - (Chiến sĩ)
8. Nguyễn Trinh Anh - (Chiến sĩ)
9. Nguyễn Hường (Hoa) - (Chiến sĩ)
10. Phan Diệt (Đề Xi) - (Chiến sĩ)
11. Nguyễn Tấn Phước - (Chiến sĩ)
12. Võ Huỳnh (Thứ) - (Chiến sĩ)
13. Lê Đồng - (Chiến sĩ)
14. Võ Nhiếp - (Chiến sĩ)
15. Võ Phấn - (Chiến sĩ)
16. Phạm Sanh - (Chiến sĩ)
17. Võ Xuân Phú - (Chiến sĩ)

(Theo "Cuộc KNBT và Đội DKBT"
NXBCTQG 2 - 1995)

NHỚ VỀ ANH NGUYỄN CHÁNH

Tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa có con đường mang tên Nguyễn Chánh, một con đường lớn thuộc khu vực trung tâm thành phố đang đổi thay. Con đường từ tây sang đông, chạy ra biển, nằm trong khu du lịch chủ yếu, song song với các con đường mang tên vua Lê Thánh Tôn, anh hùng liệt sĩ Lý Tự Trọng, nhà khoa học lớn Yersin. Tôi có thằng cháu học trường cấp 2,3 Nha Trang, trưa hôm ấy tan học về nhà, cháu vội hỏi tôi: Ông ơi, ông Nguyễn Chánh là ai mà mấy lứa bạn cháu bảo có người nói ông ấy giỏi cực kỳ. Họ nói ông không chết đâu! Năm 1957 ông "tàng hình" từ miền Bắc vào miền Nam đánh Mỹ, và bọn Mỹ rất khiếp sợ? Số là hôm nay có giáo chủ nhiệm lớp của cháu bảo học sinh: Các em phải tìm hiểu lịch sử danh nhân mang tên trường học, công viên, tên con đường hiện có ở Nha Trang này nhé. Hôm nào cô hỏi lại thì trả lời, em nào ở đường Nguyễn Chánh? Những lời đồn về ông các em vừa kể nên tìm hiểu thêm chính xác. Cô giáo chủ nhiệm lớp dạy môn sử, cô hay gợi ý riêng cho học sinh chú ý sự kiện lịch sử, nhân vật lịch sử. Nghe cháu hỏi, tôi suy nghĩ giây lát và vui vẻ trả lời: Tôi thầm khen nhà trường, cô giáo chủ nhiệm lớp có những gợi ý rất thiết thực gắn với môn dạy, khi trả lời cho cháu tôi nói gọn những công lao chủ yếu của một số nhân vật. Riêng về anh Nguyễn Chánh tôi nói cụ thể hơn những ưu điểm, thành tích nổi bật, đạo đức cao đẹp, gương mẫu của anh mà tôi

biết được. Và bữa cơm chiều hôm ấy, tôi tiếp tục kể chuyện về anh Chánh, về chị Trinh (vợ anh Chánh). Hôm ấy còn có con trai tôi, bộ đội thuộc Quân đoàn 3, công tác ở mặt trận Tây Nam về thăm nhà có con gái tôi là cán bộ giảng dạy; có vợ tôi (từ trước 1975 công tác chuyên môn ở bệnh viện Việt - Xô, có quen biết chị Trinh). Vì vậy cuộc nói chuyện gần như cuộc hội thảo nhỏ không kém phần sôi nổi. Tôi kể cho gia đình biết ông cụ thân sinh ra tôi (ông Phạm Khánh) là một cán bộ lão thành cách mạng, năm 1930 - 1931 cùng bị tù tội với anh Chánh chung một nhà lao. Ông cụ kể: Anh Chánh tạng người gầy yếu nhưng có sức chịu đựng, anh rất thông minh và dễ gần gũi. Trong lao tù gian nan ghê gớm, bị chúng tra tấn cực hình, bị chúng nhốt vào một chỗ gọi là nhà giam rất chật chội, bẩn thỉu, quần áo tù nhân rách rưới, nhiều người như “con nhộng” trần truồng nằm dưới sàn nhà giam... Thế mà nhìn vào anh Chánh thường thấy gương mặt vui, có tiếng cười lại hay làm thơ. Lúc ở tù lần thứ nhất năm 1931 về nhà ông cụ tôi hay ngâm nga câu thơ mà theo ông cho biết là thơ của anh Chánh tả cảnh sinh hoạt của tù nhân. Bài thơ rất hóm hỉnh và thanh thản, có ẩn ý sâu:

“Tổ ngồi trên đó thấy hay không

Con cháu Rồng Tiên nhốt một lồng

Dưới đất chạp chồng năm bảy cẩu

Trên râm ngang dọc chín mười ông...”

Ông cụ bảo khi đọc bài thơ đó anh em “chính trị phạm” thấy người nhẹ nhõm hơn, u tối bớt đi. Ông cụ còn kể nhiều chuyện khác, trong đó có chuyện anh Chánh được “tù nhân” tặng cho

là vì cứ mỗi lần bị chúng đưa đi tra tấn về, mỗi lần gặp khó khăn, anh Chánh thường đưa 2 ngón tay nói với anh em trong tù: “Trong trắng”. Nghĩa thực chất của hai từ đó hàm ý là khí phách người cách mạng vẫn giữ. Hai từ đó chứa đựng nội dung sâu sắc cổ động “tù nhân” tự xác định cho mình và cho tất cả người cách mạng phải giữ vững ý chí chiến đấu và cảnh giác với địch. Hai từ ấy cũng là thước đo lòng dạ của người làm cách mạng, cũng là chỗ dựa của nhiều người về tinh thần, tư tưởng. Được ông cụ giải nghĩa như vậy, tôi thấy rất đúng, rất hay trong hoàn cảnh cực kỳ khốn khổ thuở ấy. Sau ngày Cách mạng tháng 8 thành công, tại Ủy ban Mặt trận Việt Minh tỉnh Quảng Ngãi, có lần ông cụ và cả anh Nguyễn Thành Nghi (Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh tỉnh) được anh Nguyễn Chánh đến thăm. Anh Chánh rất hồ hởi với từng người. Trong câu chuyện vui cười ông cụ thân sinh tôi chào: “Ông trong trắng!” nhằm để gợi lại một kỷ niệm xa xưa không thể nào quên, và cũng là sự tin yêu, tín nhiệm của ông cụ, một cán bộ lão thành cách mạng đối với anh Nguyễn Chánh.

Năm 1957, anh Chánh mất đột ngột sau một cơn đau. Tang lễ được Nhà nước và quân đội tổ chức trang nghiêm. Nhưng sở dĩ có lễ đôn đại ngược lại như cháu tôi kể, nguyên nhân theo tôi suy nghĩ: Anh Chánh là một chiến sĩ cách mạng tài năng, nhân hậu, anh từ trần đang độ tuổi còn quá trẻ nên việc nhân dân sáng tạo ra những huyền thoại, truyền thuyết về một người có đức có tài, có công lao to lớn với dân với nước như anh cũng là lẽ thường tình, bởi nó xuất phát từ lòng thiết tha hâm mộ, sự tôn vinh của họ. Anh Nguyễn Chánh “không thể mất”, anh “tàng hình” vào Nam đánh Mỹ... là một trong những truyền

thuyết, theo tôi nghĩ là do sự kính trọng thương tiếc vô hạn của lòng dân đối với anh như nhân dân từng sáng tạo ra nhiều truyền thuyết về những vị anh hùng dân tộc khác.

Một con đường mang tên Nguyễn Chánh ở Nha Trang sẽ ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng rõ ràng là thể hiện sự thương tiếc, mến mộ, kính trọng của cộng đồng nói chung và của quân dân tỉnh Khánh Hòa nói riêng đối với anh Nguyễn Chánh. Chắc ở những nơi khác cũng có sự kính trọng như vậy nhưng chỉ là ở tỉnh nhà - Quảng Ngãi. Tôi được biết bộ phận cán bộ chuyên viên nghiên cứu đặt tên các con đường ở Nha Trang hôm ấy trình bày cho chỉ đạo tỉnh, đề nghị lấy tên Nguyễn Chánh đặt tên một con đường thuộc khu vực trung tâm thành phố đã được sự nhất trí chuẩn y ngay.

Riêng tôi, có một kỷ niệm trong những kỷ niệm không quên đối với anh. Năm ấy (1956) anh Chánh được bác sĩ kiểm tra sức khỏe tại nhà A1 bệnh viện Hữu nghị Việt - Xô (nay là bệnh viện Hữu nghị), công nhân viên, cán bộ, y bác sĩ bệnh viện Việt - Xô và bệnh viện quân y 108 (liền kề với bệnh viện Việt - Xô) lúc đó có nguyện vọng được anh cho biết một số tình hình thực sự. Anh vui lòng nhận lời. Cuộc nói chuyện mỗi lúc một đông thêm, hội trường không còn chỗ ngồi, người nghe phải đứng bao quanh chật chội, nhưng mọi người đều im lặng, trật tự. Hôm đó tôi đến bệnh viện khám bệnh nên cũng có mặt và được nghe anh Chánh nói tóm gọn tình hình thế giới và nói cụ thể tình hình trong nước. Về thế giới, anh nói rất dễ hiểu, nói rõ tự hào dân tộc về vị trí, vai trò của Việt Nam càng cao trên khắp thế giới sau khi ta đánh thắng xâm lược Pháp, buộc chúng phải ký Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954. Anh nói: Dân tộc mình đánh đuổi Pháp xâm lược là vì hồn nước, hồn dân tộc, vì quyền lợi thì

yếu, bức xúc của Tổ quốc mình, mà người cầm lái con thuyền cứu nước đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhưng bạn bè nước ngoài cho ta đánh Pháp là ta vì cả cho quyền lợi dân tộc của họ nữa, nên họ rất khâm phục Việt Nam và mang ơn Việt Nam! Luận điểm ấy lúc bấy giờ, người nghe được anh Chánh nhấn mạnh, là một vấn đề mới, gây lòng tin mới, tự hào mới. Về tình hình trong nước, cái khó là đang lúc có thời sự nóng hổi lại khá phức tạp về cải cách ruộng đất, sai và sửa sai. Tư tưởng chung lúc này quá nặng nề, không ít người tỏ ra bi quan, ái ngại, thấy sai lầm to lớn quá, lẩn át cả thành tựu chung. Sau khi phân tích khách quan những kỳ tích của đất nước, những mặt quản lý giỏi của Nhà nước cách mạng tiếp quản Thủ đô từ cuối 1954, anh Chánh khuyên mọi người, khuyên quân dân mình nhìn vào đại cục, nhìn vào phía trước của đất nước đi lên. Anh nói sai lầm cải cách ruộng đất là lớn, không thể nói khác được, là đau đớn mà Bác Hồ, đại diện chung, đại diện cho cả cá nhân Bác đã công khai thừa nhận, và có biện pháp quyết định sửa chữa. Anh nói: Trên thế giới này, cho đến nay, chưa có nước nào, lãnh tụ nào khi gặp sai lầm lớn mà công khai dám thừa nhận như vậy, mà chỉ có Việt Nam, có Bác Hồ. Đó là độc đáo Việt Nam, rất có ý nghĩa. Anh Chánh đề cập đến khái niệm “cái gì sửa được sẽ được sửa và kiên quyết sửa”. Những luận điệu xuyên tạc, kích động có thể có cùng sẽ được phê phán... Xong buổi nói chuyện mọi người ra về mà lòng còn không khỏi bồi hồi xúc động! Họ nói tình hình khó quá nhưng khi nghe vị cán bộ miền Nam - Ông Nguyễn Chánh nói, như tự nó đã tháo gỡ, nhẹ nhàng đi nhiều lắm. Có người nói anh có tài hùng biện và vui tính. Nhưng suy nghĩ riêng của tôi đó là anh nói lên sự thật, nói bản chất vấn đề, tôn trọng người nghe, nói cả cái tốt, cái chưa tốt, phân tích sâu sắc, đúng, sai với thái độ chân thành của diễn giả,

khiêm tốn, nói lẽ phải; nói lên cái sức mạnh của cách mạng Việt Nam, của Nhà nước cách mạng hơn 2 năm rưỡi tiếp quản Thủ đô, tiếp quản miền Bắc, cả một lực mới và thế mới của Việt Nam để đi lên. Vì vậy mà cuộc nói chuyện cảm hóa được người nghe, làm tăng thêm hiểu biết cho họ, gợi cho người nghe để họ tự suy ngẫm về nghĩa vụ trước mắt của mỗi người.

Cá nhân tôi hôm ấy được bồi dưỡng thực sự về tinh thần, tư tưởng. Tôi cũng có dịp nghe đồng chí Nguyễn Chí Thanh nói chuyện. Hai đồng chí Nguyễn Chánh và Nguyễn Chí Thanh có cách nói giống nhau là đều sâu sắc, có minh chứng khách quan, nhưng chỉ khác nhau ở cách diễn đạt. Chiều hôm ấy tôi vội vàng trở lại tỉnh Nam Định để cùng với đoàn cán bộ Trung ương tăng cường phục vụ công tác “sửa sai”, cùng với cán bộ hai huyện Xuân Trường, Xuân Thủy và đồng bào công giáo sứ Bùi Chu thi hành nghiêm túc và khẩn trương chính sách sửa sai của Đảng, và Nhà nước. Về đến đoàn, tôi cũng tranh thủ làm nhiệm vụ tường thuật lại nội dung chủ yếu của cuộc nói chuyện cho đoàn cán bộ sửa sai và cán bộ địa phương cùng nghe. Họ phấn khởi và đều có chung một cảm tưởng là bổ ích và tin tưởng. Đồng chí phó đoàn “sửa sai” thì cho rằng ông Nguyễn Chánh nói tình hình thế giới, tình hình trong nước rất gắn chặt với nhau mà mục tiêu là làm cho ai cũng thấy được đại cục và vì đại cục để vượt khó khăn trước mắt.

Nhiều tài liệu nói về anh Nguyễn Chánh, kể cả một số đồng chí có tầm cỡ. Nhưng làm sao nói được đầy đủ về công lao, cuộc đời và sự nghiệp của anh. Sự hiểu biết của tôi có mức độ, nên chỉ biết kính mến anh. Mong sao sắp đến sẽ có sự xem xét đánh giá đầy đủ hơn, khách quan về kỳ tích của một con người Việt Nam yêu nước bình dị, sáng ngời những phẩm chất quý giá mà ít người sánh kịp.

ANH NGUYỄN CHÁNH RẤT XỨNG ĐÁNG LÀ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU LIÊN KHU 5

Tôi với anh Nguyễn Chánh rất thân nhau, không chỉ vì chúng tôi là đồng chí và đồng hương mà còn vì đồng cảm về nhiều mặt.

Rất tiếc vì sức khỏe và bệnh tật, tôi không thể viết hết các chi tiết về anh Nguyễn Chánh, chỉ xin ghi lại vài điều sâu sắc nhất cho đến nay vẫn mãi còn in đậm trong tôi, mong góp được chút gì đó trong cuốn sách lưu niệm về anh.

Tôi thuộc vào lớp học trò của đồng chí Nguyễn Nghiêm, Bí thư đầu tiên của Tỉnh ủy Quảng Ngãi (1930), tham gia cách mạng trước những năm 1930-1931, từ phong trào Thanh niên Cách mạng đồng chí hội. Hồi đó, trong phong trào cách mạng ở Quảng Ngãi có hai phái: Một phái do đồng chí Nguyễn Nghiêm lãnh đạo, phái khác do Trần Cừ cầm đầu. Lúc đó, tôi ở phái Trần Cừ, nhưng thấy phái này có nhiều điều không đúng nên tôi tách ra, theo phái đồng chí Nguyễn Nghiêm.

Lúc bấy giờ, những người cách mạng tiêu biểu của tỉnh có các đồng chí như Trần Kỳ Phong, Nguyễn Nghiêm, Nguyễn Công Phương... Đồng chí Nguyễn Công Phương là một đảng viên Cộng

sản kiên trung và chung thủy. Đồng chí đã tham gia các cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của thực dân Pháp từ phong trào Văn thân. Lúc đó không ít người tham gia cách mạng, nhưng vì không chịu nổi các đòn tra tấn của quân thù nên sau khi ra tù, có người nằm im, có người đi theo hướng khác, phản lại cách mạng. Đồng chí Nguyễn Công Phương thì khác. Sau mỗi lần bị bắt, dù bị tra tấn đến chết đi, sống lại nhiều lần, ra tù đồng chí vẫn tiếp tục hoạt động rất kiên cường và dũng cảm. Đến nỗi bọn mật thám đã phải gọi đồng chí là Stalin Quảng Ngãi.

Dưới ánh sáng của Nghị quyết Trung ương và sự lãnh đạo của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, do đồng chí Nguyễn Nghiêm làm Bí thư, phong trào cách mạng trong tỉnh phát triển mạnh, đặc biệt là vào những năm 1930-1931, Quảng Ngãi được đánh giá là một nơi có phong trào mạnh nhất trong cả nước, phối hợp đặc lực với phong trào Xô viết Nghệ Tĩnh.

Thực dân Pháp khủng bố và đàn áp rất dã man, hòng dập tắt phong trào. Nhiều đồng chí phải chịu án tử hình, phải vào các nhà tù, bị dày ải cho chết dần chết mòn. Đồng chí Nguyễn Nghiêm, Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên của Quảng Ngãi, bị xử chém ở bãi sông Trà Khúc. Bị trói vào cọc, đồng chí không cho bịt mắt. Trước giờ hành quyết, đồng chí vẫn kêu gọi đồng bào, đồng chí bền gan quyết chí, liên tục đấu tranh cho đến thắng lợi cuối cùng. Tên đao phủ phải chém đến nhát dao thứ mười bảy đồng chí mới chịu ngã xuống. Tám gương bất khuất, hiên ngang của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy trước pháp trường không những đã động viên các đồng chí giữ vững khí tiết của người cộng sản, mà còn làm cho kẻ thù phải thán phục. Anh Nguyễn Chánh và tôi là lớp người bước vào hoạt động cách mạng trong không khí sôi sục đó.

Tôi bị bắt và đi đày ở nhà lao Buôn Ma Thuột. Tôi và anh Chánh thân nhau từ ngày trong tù.

Trong nhà lao, anh em tù chính trị, ngoài các cuộc đấu tranh chống chế độ nhà tù hà khắc, đòi cải thiện đời sống, còn học chính trị, văn hóa, quân sự.v.v... Vào những năm 1940-1942, trong nhà đày Buôn Ma Thuột có đồng chí Trương Quang Lệnh quê ở Nghệ An, đã học trường Quân sự Hoàng Phố bên Trung Quốc, dạy về quân sự. Chúng tôi học rất say mê. Nhờ đó mà khi ở Ba Tơ, trong chuẩn bị và tiến hành khởi nghĩa, chúng tôi mới có ít miếng võ mà múa.

Mãn hạn tù, bọn Pháp đưa tôi và các anh Trương Quang Giao, Phạm Kiệt, Trần Quý Hai về an trí ở Ba Tơ. Tại đó chúng tôi đã gặp các anh Nguyễn Đôn, Nguyễn Khoách.v.v... chúng tôi tích cực chuẩn bị cho cuộc khởi nghĩa vũ trang theo tinh thần Nghị quyết 8 của Trung ương (1941), được truyền lại cho nhau khi còn ở nhà tù Buôn Ma Thuột.

Nhật đảo chính Pháp (9-3-1945), quyết tâm khởi nghĩa đánh chiếm đồn Ba Tơ được xác định rất nhanh, và cuộc khởi nghĩa đã thành công. Để giữ bí mật, mỗi người phải có bí danh. Thấy tôi có đôi mắt "ti hí mắt lươn" nên các anh đặt tên cho tôi là Lương, anh Trương Quang Viên - Bí thư, khi ấy trong tay đang cầm con dao nên các anh đặt tên là Giao (Trương Quang Giao).v.v...

Sau khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1945), chúng tôi đón anh Nguyễn Chánh từ nhà lao Thừa Phủ, Huế về tham gia Tỉnh ủy và tăng cường lãnh đạo Đội du kích Ba Tơ. Còn tôi, anh Giao, anh Trần Quý Hai...thì về cùng các đồng chí khác phụ trách phong trào ở đồng bằng.

Phụ trách về quân sự, anh Chánh đã cùng tập thể đóng góp xuất sắc vào việc củng cố và phát triển đội du kích cũng như lực lượng bán vũ trang trong toàn tỉnh.

Để có được sự chỉ đạo của trên, chúng tôi cử anh Trần Huy đi tìm Trung ương, nhưng không tìm được. Anh Tố Hữu nghe nói có người đi tìm nên mới vào, đúng vào lúc chúng tôi đang họp đại biểu của 7 tỉnh Trung bộ từ Quảng Trị đến Khánh Hòa để thống nhất phương án tổng khởi nghĩa.

Sau Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945, anh Chánh tham gia Ủy ban Trung bộ và làm Ủy trưởng Quốc phòng Trung bộ. Anh đã cùng tập thể lãnh đạo việc chuẩn bị kháng chiến ở các tỉnh chưa có chiến sự, đồng thời điều hành tác chiến ở các tỉnh đang có chiến sự và chỉ viện cho các tỉnh Nam bộ kháng chiến.

Sau đó, anh Nguyễn Sơn vào và Ủy ban kháng chiến miền Nam được thành lập. Anh Chánh là ủy viên đồng thời phụ trách Chủ nhiệm chính trị của Ủy ban. Anh Nguyễn Sơn và anh Chánh thân nhau lắm. Vì vậy, khi ra Bắc, trước ngày toàn quốc kháng chiến, anh Sơn định kéo anh Chánh cùng đi, nhưng lúc ấy anh Phạm Văn Đồng vào giữ anh Chánh ở lại Liên khu 5.

Ở Nam Trung bộ, trong kháng chiến chống Pháp, lúc đầu anh Đồng thay mặt Trung ương và Chính phủ phụ trách chung. Sau đó anh Nguyễn Duy Trinh làm Bí thư Đảng bộ Nam Trung bộ, còn anh Chánh phụ trách quân sự. Khi Quân khu 5, 6, 15 sáp nhập thành Liên khu 5, anh Chánh làm Chính ủy Liên khu. Sau đó, anh Chánh về Bộ định thay anh Nguyễn Chí Thanh về công tác bên Bộ Chính trị Trung ương Đảng, tôi thay anh Chánh làm Chính ủy Liên khu 5. Nhưng về sau do yêu cầu của tình hình

Liên khu 5 nên anh Chánh lại trở về. Trong Đại hội Đảng bộ Nam Trung bộ, anh Chánh được bầu làm Bí thư Liên khu ủy, được chỉ định làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Liên khu 5. Từ lúc này, những gánh nặng tưởng như quá sức đè trĩu trên vai anh. Anh phải chỉ đạo và điều hành bao quát mọi mặt, từ xây dựng Đảng bộ Nam Trung bộ, xây dựng chính quyền, các đoàn thể và các ngành... đến chỉ đạo, chỉ huy việc xây dựng và tác chiến của lực lượng vũ trang Liên khu giành những thắng lợi oanh liệt nhất và hết sức rực rỡ trong cuộc kháng chiến chống Pháp ở Liên khu 5, góp phần to lớn vào chiến thắng chung của đất nước. Với cương vị Bí thư Liên khu ủy, chỉ huy và lãnh đạo lực lượng vũ trang liên khu, anh đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Được như vậy là vì anh có tài năng, có phẩm chất và đạo đức tốt, có được một tập thể đoàn kết của các đồng chí cách mạng trung kiên, vững vàng từ các nhà tù ra hết lòng giúp đỡ. Ngoài ra, anh lại có khả năng tập hợp và sử dụng được mọi lực lượng, nhất là trí thức như anh Cao Văn Khánh ở Quân khu 5, anh Lâm Kèn (Nguyễn Thế Lâm) ở Quân khu 6.v.v... vốn từ trường Thanh niên tiên tiến ra.

Anh là người chỉ đạo, chỉ huy sắc sảo, thông minh, nhanh nhạy, dũng cảm, có tài và có đức, rất xứng đáng là người đứng đầu Liên khu 5 - Nam Trung bộ.

(Theo: "Nguyễn Chánh - cuộc đời sự nghiệp" NXBQĐND)

DANH SÁCH TRUNG ĐỘI DU KÍCH BA TƠ ĐẦU TIÊN

- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| 1 - PHẠM KIẾT | 16- HUỲNH HỌA |
| 2- NGUYỄN CHÁNH | 17- ĐÌNH NẾP |
| 3- NGUYỄN ĐÔN | 18- ĐÌNH BÉO |
| 4 - NGUYỄN KHOÁCH | 19- LÊ CẦN (SÚY) |
| 5- PHAN PHONG | 20- PHẠM BÁ MỘC (ĐẠI) |
| 6- NGUYỄN TRINH ANH | 21- BÙI CẢ |
| 7- LÊ LẠC (ĐỨC) | 22- GIÀ HƯƠNG |
| 8- NGUYỄN CỬ (NHẠ) | 23- ÔNG HY (THÀNH) |
| 9- NGUYỄN HƯỜNG (HOA) | 24- HUỲNH QUANG LẦU |
| 10- PHAN DIỆT (ĐỀ-XI) | 25- VÕ TUỔI |
| 11- PHẠM HƯƠNG (XUÂN) | 26- VÕ XUÂN PHU |
| 12- VÕ HUỲNH (THỨ) | 27- PHẠM SANH |
| 13 - VÕ NHIẾP | 28- ĐÌNH NHỎI |
| 14- LÊ ĐỒNG | |
| 15- NGUYỄN TẤN PHƯỚC | |

(Theo "Cuộc KN Ba Tơ & Đội du kích
Ba Tơ" NXB CTQG)

BA TƯ VỮNG TIN BƯỚC VÀO THẾ KỶ XXI



Ba Tư là một huyện miền núi nằm ở phía tây nam tỉnh Quảng Ngãi, tiếp giáp với các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên bao la. Hơn 90% diện tích Ba Tư là núi cao, rừng sâu, địa hình hiểm trở, dân cư thưa thớt (đến cuối 1999, mật độ là 45 người/km²) 82% dân số Ba Tư là đồng bào dân tộc H're.

Sau mấy trăm năm dưới ách thống trị của phong kiến, đế quốc và sau hơn 30 năm chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ, ngày đất nước thống nhất (1975), nhân dân Ba Tư có mức sống rất thấp, hầu hết mù chữ, luôn luôn bị nạn đói và dịch bệnh đe dọa. Rẫy nương, làng mạc bị chất độc hóa học tàn phá nặng nề, gây

hậu quả nghiêm trọng và lâu dài. Tuy nhiên, cũng từ những ngày gian khổ ấy, nhân dân Ba Tơ luôn mang trong lòng niềm tự hào về truyền thống bất khuất và tinh thần yêu chuộng tự do đã hình thành trong suốt chiều dài lịch sử. Biết bao “già làng”, tộc trưởng, tù trưởng đã kế tiếp nhau, động viên dân làng rèn giáo mác, chặt cây rừng làm chông thò, cạm bẫy xây dựng chiến khu ở Đá Vách, Giá Vụt, trụ bám hàng trăm năm chống lại áp bức và xâm lược. Từ ngày có Đảng, ngay năm 1930, tổ chức Đảng cũng đã ra đời ở Ba Tơ. Đảng đã đem đến cho đồng bào Thượng Kinh ở Ba Tơ một ánh sáng mới trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập - tự do. Ba Tơ đã tin Đảng và đã theo Đảng đến cùng trong suốt quá trình cách mạng, khi thuận lợi cũng như lúc khó khăn. Đầu những năm 40, khi tổ chức Đảng được tái lập ở Cánh an trí Ba Tơ, nhân dân Ba Tơ lại hết lòng đùm bọc, che chở, bảo vệ. Có Đảng, phong trào cách mạng phát triển nhanh chóng và cùng với Đảng, nhân dân Ba Tơ đã làm nên một sự tích kỳ diệu: khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11-3-1945 thắng lợi, mở đầu cho cao trào tổng khởi nghĩa, giành chính quyền trong cả nước 8-1945.

Những tháng năm trường kỳ kháng chiến đầy hy sinh gian khổ, lắm lúc phải ăn rau rừng thay cơm, ăn tro tranh thay muối, nhân dân Ba Tơ vẫn hăng hái dành từng hột muối, từng cái củ, từng lon gạo để nuôi quân. Nhiều người mẹ đã hiến đến đứa con cuối cùng cho cách mạng. Tháng 10-1972, sau hơn 45 năm ngày đêm chiến đấu cực kỳ dũng cảm với sắt thép của kẻ thù, huyện Ba Tơ đã được giải phóng và vinh dự là một trong hai huyện được giải phóng hoàn toàn sớm nhất vùng Trung Trung bộ. Trong suốt cuộc hành trình đầy hy sinh gian khổ để đi đến thắng lợi, Ba Tơ luôn là vùng căn cứ tin cậy của Đảng, là bàn đạp để cách mạng từ vùng căn cứ bao la tỏa xuống đồng bằng, là mạch máu

tuôn chảy không ngừng mang lương thực, thuốc men ngược về vùng căn cứ nuôi cách mạng. Nếu cái tên “Ba Tơ” đã trở thành một “địa chỉ đỏ” trong lịch sử cách mạng cả nước thì những tên làng, tên núi, tên sông ở Ba Tơ như Trường An, Suối Loa, Nước Sung, Nước Lá, Cao Muôn, Hang Ên... cũng là những “địa chỉ đỏ” trên quê hương Quảng Ngãi anh hùng.

Ghi nhận công lao to lớn ấy, Đảng và Nhà nước đã trao cho Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ những phần thưởng cao quý: Danh hiệu AHLVT (đơn vị huyện, 7 xã và 2 cá nhân), Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương thành đồng, Huân chương chiến công, 63 Huân chương giải phóng và 23 bà mẹ VNAH.

Nhân dân Ba Tơ coi tất cả những truyền thống ấy là tài sản quý giá làm hành trang để đi đến tương lai. Vì vậy, từ một điểm xuất phát rất thấp sau ngày giải phóng, nhân dân Ba Tơ vẫn luôn nuôi dưỡng một niềm tin, một quyết tâm lớn: Ngày xưa, Ba Tơ cùng cả nước theo Đảng đã giành được độc lập tự do. Ngày nay, nhân dân Ba Tơ lại quyết theo Đảng để xây dựng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

25 năm sau ngày đất nước thống nhất, nhất là sau 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 2000), được Đảng, Nhà nước và nhân dân khắp nơi hết lòng yêu mến, chi viện, Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ lại một lần nữa quyết xứng đáng với niềm tin và tình cảm lớn lao ấy.

Đến cuối năm 1999, Đảng bộ huyện Ba Tơ đã có 47 tổ chức cơ sở Đảng ở khắp địa bàn huyện với 1.671 đảng viên, trong đó 16 tổ chức cơ sở Đảng đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”, phần lớn cơ sở còn lại đạt loại khá. Trong 5 năm lại đây, bình quân mỗi năm Ba Tơ phát triển được hơn 100 đảng viên mới, trở thành Đảng bộ dẫn đầu toàn tỉnh về tỷ lệ phát triển Đảng. Hầu hết

các thế hệ đảng viên đều hỗ trợ nhau, giữ vững vai trò tiên phong gương mẫu, được đồng bào yêu mến, tin tưởng. Nhiều đảng viên đã trở thành những trưởng thôn giỏi, những người sản xuất giỏi. Đến cuối 1999, tổng sản lượng thực qui thóc của huyện đã đạt 14.915 tấn, bình quân lương thực đầu người đạt 326 kg. Năm học 1999 - 2000, Ba Tư đã có 12.328 học sinh các cấp, bình quân cứ 3,7 người có một người đi học. Huyện Ba Tư đã đạt chuẩn xóa mù và đang tiến đến mục tiêu gần là phổ cập giáo dục tiểu học. Bước vào năm 2000 Ba Tư lại đón nhận vinh dự lớn: Được Đảng và Nhà nước trao tặng "Huân chương Lao động hạng 3".

Bức tranh kinh tế - xã hội của Ba Tư đang thay đổi từng tháng, từng ngày. Năm 2000 này, 70% đồng bào Ba Tư sẽ được sử dụng điện lưới quốc gia, 100% số xã trong toàn huyện sẽ có đường ô tô đến trung tâm xã... Nhiều công trình, dự án kinh tế - xã hội, khoa học kỹ thuật đã đi vào cuộc sống, phát huy tác dụng to lớn. Nhiều chương trình dự án mới đang được triển khai thực hiện, mở ra những tiềm năng và triển vọng rất sáng sủa.

Những con số khiêm tốn trên đây so với các huyện đồng bằng thì chưa phải là đáng kể song với Ba Tư, một huyện căn cứ cách mạng miền núi thì đó là cả một sự đổi đời to lớn mà cách đây chỉ hơn 10 năm, dù nằm mơ cũng chưa thấy được.

Với tất cả những vốn quý ấy, được sự quan tâm lãnh đạo của các cấp bộ Đảng và chính quyền, được sự phối hợp chặt chẽ và có hiệu quả của các ngành, Ba Tư nhất định sẽ còn tiến nhanh hơn, xa hơn trên con đường phấn đấu cho vùng căn cứ cách mạng. Ba Tư không những rực rỡ truyền thống cách mạng mà còn giàu có về kinh tế, phong phú văn minh về tinh thần, vững vàng về ANCT và TTATXH ♦

○ TRẦN THANH VÂN

(Phó bí thư Huyện ủy, Chủ tịch
UBND huyện Ba Tơ)

PHẤN ĐẦU KHÔNG MỆT MỎI VÌ SỰ PHÁT TRIỂN CỦA BA TƠ



Từ lâu, Ba Tơ được cả nước biết đến là một vùng đất giàu truyền thống yêu nước và cách mạng. Ngay từ khi có Đảng (1930), Ba Tơ đã một lòng theo Đảng, chấp nhận mọi hy sinh gian khổ cho mục tiêu độc lập tự do và đã làm nên một sự tích kỳ diệu: Khởi nghĩa Ba Tơ ngày 11-3-1945 thắng lợi, là phát súng khai hỏa cho cơn bão táp long trời lở đất trong Cách mạng tháng

Tám 1945 lịch sử. Ba Tơ cũng đã không ngừng giữ vững và phát huy truyền thống quý báu ấy trong suốt hai cuộc kháng chiến thần thánh vừa qua, xứng đáng là một vùng căn cứ cách mạng vững chắc, tin cậy, là cửa ngõ xung yếu nối liền phong trào cách mạng giữa đồng bằng với rừng núi chiến khu miền Tây bao la. Năm 1972, Ba Tơ đã được hoàn toàn giải phóng, trở thành một trong những huyện được giải phóng sớm nhất của tỉnh Quảng Ngãi và miền Trung.

Năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, cả nước thống nhất và đi lên CNXH. Ba Tơ bước vào thời kỳ hòa bình

xây dựng, bên cạnh những tên núi, tên đất, tên làng lợp lánh truyền thống yêu nước và cách mạng như chiến khu Đá Vách, Nước Lá, Nước Sung, Cao Muôn, Giá Vụt, Hang Én, Trường An, Suối Loa... và Ba Tư cũng mang trên mình biết bao thương tích chiến tranh sau hai cuộc kháng chiến trường kỳ và vô cùng ác liệt. Ba Tư đã phải khởi đầu từ một vạch xuất phát phía sau, vừa phải lo xóa dần những hậu quả nặng nề do chiến tranh để lại, vừa phải tìm mọi con đường để nhanh chóng nâng cao mức sống về mọi mặt cho nhân dân sau bao nhiêu năm từng chịu đựng bao thiếu thốn mất mát. 25 năm qua, kể từ ngày đất nước thống nhất, trong đó có gần 15 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986 - 2000), bằng sự phấn đấu không mệt mỏi, được Đảng bộ, chính quyền và nhân dân trong toàn tỉnh, trong cả nước hết lòng yêu mến, chi viện, Ba Tư đã đạt được những bước tiến đáng phấn khởi và tự hào trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Những vết thương chiến tranh đã thu hẹp dần - Ba Tư ngày càng thay da đổi thịt, hồng hào và đầy sức sống. Nếu một thời gian dài sau giải phóng, Ba Tư còn là một huyện phải sống chủ yếu dựa vào các nguồn chi viện thì đến cuối năm 1999, tổng sản lượng lương thực quy thóc ở Ba Tư đã đạt 14.915 tấn, bình quân lương thực đạt mức 327kg/người/năm và đạt mức tăng trưởng kinh tế hơn 9,5%/năm. Xuất phát từ những cơ sở thực tế về tiềm năng, Ba Tư từng bước định hình và hoàn thiện dần một cơ cấu kinh tế hợp lý. Đó là việc kết hợp giữa phát triển số lượng với việc không ngừng đầu tư khoa học kỹ thuật; đó là sự kết hợp và cân đối hợp lý giữa cây lương thực, cây màu và cây công nghiệp; kết hợp giữa trồng trọt với chăn nuôi; kết hợp giữa kinh tế nông nghiệp với kinh tế rừng, kết hợp giữa phát triển cơ sở hạ tầng

với việc phát triển kinh tế - văn hóa; kết hợp giữa xóa đói giảm nghèo với việc từng bước nâng cao đời sống cho nhân dân... Mô hình kinh tế ruộng - vườn - rừng - chăn nuôi kết hợp đã xuất hiện ngày một nhiều ở Ba Tơ. Nhiều hộ gia đình, hàng năm đã có thu nhập từ mô hình ấy 20 đến 25 triệu đồng. Đó là một hướng đi đầy tiềm năng để Ba Tơ phát triển lên mô hình kinh tế trang trại. Bằng những bước đi ấy, kinh tế Ba Tơ đã đạt được những kết quả khá vững chắc, rất đáng tự hào và đang mở ra nhiều triển vọng mới. Đến cuối 1999, tổng đàn gia súc ở Ba Tơ đã có 39.904 con (trong đó có 18.323 trâu, 3.881 bò - 47% là bò lai sind) có 11 công trình thủy lợi kiên cố và nhiều công trình thủy lợi nhỏ (kết hợp thủy điện) chủ động tưới cho gần 4.000 ha canh tác. Công tác thủy lợi đã kích thích mạnh mẽ việc sản xuất lúa nước, khắc phục có hiệu quả tập quán phá rừng làm nương rẫy trước đây. Bình quân lương thực đã đạt 325 kg/người/năm. Nếu năm 1994, tỷ lệ đói nghèo ở Ba Tơ là 33,5% thì đến cuối năm 1999, tỷ lệ đó là 22,4%. Nhiều xã đã xóa được hộ đói. Cũng cần nói thêm rằng, với một huyện miền núi có mức sống và trình độ dân trí còn rất thấp như Ba Tơ, việc đưa những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất chẳng những có ý nghĩa kinh tế mà nó còn góp phần xóa bỏ những thói quen không lành mạnh, những hủ tục mang nặng mê tín dị đoan, tạo điều kiện tốt để phát triển sự nghiệp giáo dục và y tế. Người H're đã biết nuôi bò (cả bò lai sind) thay vì trước đây chỉ nuôi trâu, biết làm nương đập lấy nước tưới cây trồng, biết làm chuồng trại gia súc riêng để lấy phân bón ruộng, biết đến bệnh xá mỗi khi đau ốm, biết dành dụm cho tháng sau, mùa sau... có thể coi là những bước nhảy vọt lớn lao về nhận thức của người H're. Nắm bắt được những thực

tế có tính đặt trung ấy, Đảng bộ và chính quyền huyện luôn có ý thức sử dụng nguồn vốn, đầu tư vào các lĩnh vực thiết thực để vừa nâng cao đời sống vật chất, vừa từng bước nâng cao nhận thức cho nhân dân. Bằng vốn ngân sách và vốn tự có, năm 1999, Ba Tơ đã đầu tư gần 40 tỷ đồng cho việc thực hiện các chương trình, dự án: Xóa đói giảm nghèo, 135, dự án “căn cứ địa cách mạng”, giao thông, y tế, giáo dục, trung tâm Cụm xã Ba Vì, chương trình nước sạch, giao thông nông thôn... Năm 1999, Ba Tơ đã huy động được hơn 40 ngàn công nghĩa vụ để mở và hoàn chỉnh 65km đường nội bộ thôn xóm với tổng mức giá trị gần 860 triệu đồng. 70% số thôn trong toàn huyện đã có đường cho ô tô. Năm 2000, Ba Tơ sẽ đạt chỉ tiêu 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm; 10/19 xã với 60% dân số được dùng điện, 50% đất rừng được che phủ. Năm học 1999 - 2000, Ba Tơ đã có 12.328 học sinh các cấp, bình quân cứ 3,7 người có 1 người đi học. Công tác KHHGD và chăm sóc sức khỏe cộng đồng cũng có nhiều tiến bộ hạ tỷ lệ tăng dân số xuống mức 1,7%, góp phần to lớn vào việc giải quyết khó khăn trong nhân dân, xóa dần những hủ tục và mê tín dị đoan trong đồng bào dân tộc, cùng với các lĩnh vực văn hóa thể thao, đem lại cuộc sống tinh thần ngày càng phong phú ở khắp làng quê... Các khu dân cư văn hóa xuất hiện ngày một nhiều, bức tranh nông thôn Ba Tơ ngày một tươi sáng hơn.

Những năm gần đây, được các Nghị quyết của Trung ương soi sáng, được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy và UBND tỉnh, được sự hợp tác tích cực và có hiệu quả của các ban, ngành trong tỉnh, Ba Tơ đã có bước phát triển đáng mừng. Chặng đường ấy cũng đem lại cho Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Ba Tơ nhiều bài học quý báu. Đó là việc nắm chắc tiềm năng nội lực địa

phương, vận dụng linh hoạt đường lối chủ trương của Đảng; kết hợp giữa cuộc vận động "Xây dựng chính đốn Đảng với việc làm trong sạch bộ máy Nhà nước, kết hợp giữa việc phát huy dân chủ ở cơ sở với việc xây dựng khối đoàn kết nhất trí cao giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân....

Ngày nay nói đến Ba Tư, người dân ở đây không chỉ tự hào với truyền thống cách mạng vẻ vang trong quá khứ mà mọi người còn phấn khởi ghi nhận sự đổi thay từng bước của cuộc sống hiện tại và náo nức nghĩ về tương lai của một Ba Tư giàu có, sung túc. Ba Tư đang cùng cả nước chuẩn bị cho mình một hành trang bước vào thiên niên kỷ mới với biết bao niềm tin và hy vọng.

Ba Tư, Mùa xuân 2000.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG Ở BA TƠ

Trong những năm qua, cùng với việc chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, Ban Thường vụ Huyện ủy Ba Tơ xác định công tác xây dựng Đảng là mối quan tâm hàng đầu, nhiệm vụ then chốt của Huyện ủy. Vì vậy, Huyện ủy luôn luôn quan tâm lãnh đạo, xây dựng củng cố các tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, tạo niềm tin cho nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Trong công tác xây dựng Đảng, Ban Thường vụ Huyện ủy coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng là nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu. Huyện ủy quan tâm chỉ đạo chặt chẽ, kịp thời triển khai các Nghị quyết của Đảng, quán triệt đến tận chi bộ, đảng viên và nhân dân, tạo được sự chuyển biến về nhận thức và hành động, ngày càng tin tưởng vào sự đổi mới của Đảng. Đã thực hiện phương châm "nói đi đôi với làm", Huyện ủy đã cụ thể hóa các nghị quyết, chủ trương bằng các chương trình hành động, giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện sát với điều kiện thực tế từng cơ sở. Mặt khác, thường xuyên nắm bắt kịp thời những diễn biến tình hình và giải đáp được những vấn đề xã hội quan tâm, từ đó tạo được niềm tin trong nhân dân, động viên, khơi dậy tinh thần yêu nước, truyền thống cách mạng, truyền

thống quê hương, tạo động lực cho việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh... Đối với việc tuyên truyền, Huyện ủy đã bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ, địa phương, vận động nhân dân tham gia các phong trào để phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, đồng thời tuyên truyền cho nhân dân phải đề cao cảnh giác đánh bại âm mưu "Diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, bảo vệ cương lĩnh, đường lối của Đảng, giữ gìn sự đoàn kết nội bộ Đảng và trong nhân dân, phát huy sức mạnh đại đoàn kết. Bên cạnh đó, Huyện ủy cũng chú trọng đến việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức lý luận và kinh nghiệm thực tiễn để tạo nguồn phát triển Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng.

Về công tác tổ chức cán bộ, Huyện ủy đã tổ chức triển khai nội dung Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) cho 47/47 chi, đảng bộ trực thuộc. Ngay sau khi có chương trình hành động và hướng dẫn của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy đã đề ra chương trình hành động thực hiện Nghị quyết TW6 (lần 2) "Về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng hiện nay", đồng thời lập kế hoạch triển khai cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng và kế hoạch hướng dẫn sinh hoạt chính trị, tự phê và phê bình trong toàn Đảng bộ theo tinh thần Nghị quyết TW5, TW6 (lần 2). Huyện ủy luôn quan tâm kiện toàn các cơ sở Đảng, tăng cường củng cố các cơ sở Đảng yếu kém, tìm ra nguyên nhân để có biện pháp khắc phục nhằm xây dựng các tổ chức cơ sở Đảng thật sự là hạt nhân lãnh đạo, là cầu nối giữa Đảng với quần chúng và là nơi

trực tiếp tổ chức thực hiện. Vì vậy, số cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, khá ngày càng tăng. Mặt khác, để tạo nguồn cán bộ lãnh đạo cho những năm đến, Huyện ủy đã tiến hành xây dựng công tác quy hoạch các trường, phó phòng, ban, đoàn thể, mặt trận nhiệm kỳ 2000 - 2005. Đặc biệt trong công tác xây dựng Đảng, Huyện ủy thường xuyên quan tâm đến việc phát triển đảng viên. Vì vậy trong năm qua, đã kết nạp được 75 quần chúng ưu tú vào Đảng (đạt 100% kế hoạch). Riêng trong dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (3/2) đã kết nạp 44 đảng viên mới (chỉ tiêu Tỉnh ủy giao là 20). Đánh giá chất lượng đảng viên là một trong những công tác để kiện toàn tổ chức bộ máy của Đảng và chính quyền. Toàn huyện có 1.671 đảng viên (trong đó miễn sinh hoạt 85 đồng chí) thì có 1.164 đảng viên đủ tư cách phát huy tốt chiếm 74,8%, tăng 2,41% so với năm 1998, số đảng viên đủ tư cách nhưng hạn chế là 330 đồng chí, chiếm 21,2%...

Qua phân loại tổ chức cơ sở Đảng năm 1999 có 20 tổ chức đạt trong sạch vững mạnh (chiếm 42,6%), khá 26 tổ chức cơ sở Đảng (chiếm 55,3%), yếu có 1 tổ chức cơ sở Đảng (chiếm 2,1%). Như vậy so với năm 1999 số tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh tăng 03.

Nhằm tạo lòng tin của nhân dân đối với đảng, Huyện ủy đã chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra ở các tổ chức cơ sở Đảng, kịp thời phát hiện những vi phạm của đảng viên trong việc thực hiện nguyên tắc đảng, chính sách pháp luật Nhà nước, phẩm chất đạo đức lối sống... Trên cơ sở đó kiểm điểm uốn nắn những sai sót hoặc đưa ra khỏi hàng ngũ của đảng những đảng viên

thoái hóa, biến chất. Qua kiểm tra 98 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, trong đó có vi phạm phải xử lý kỷ luật 31 đồng chí bằng các hình thức: khiển trách 17 đồng chí, cảnh cáo 14 đồng chí. Nhìn chung, công tác kiểm tra đảng có những bước tiến bộ, xác minh kịp thời, đảm bảo đúng quy trình, thận trọng trong xử lý và kết luận chính xác, đúng người, đúng tội được cán bộ, đảng viên và nhân dân ủng hộ.

Công tác bảo vệ chính trị nội bộ là một yếu tố quan trọng trong quá trình xây dựng Đảng, đặc biệt là bảo vệ sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, làm trong sạch vững mạnh. Vì vậy, Huyện ủy thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác thẩm tra, xác minh tiêu chuẩn chính trị cán bộ, đảng viên phục vụ công tác đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ và công tác phát triển Đảng, rà soát, thẩm tra, xác minh phục vụ tốt công tác xây dựng và phát triển Đảng cũng như công tác quy hoạch đào tạo, bố trí và sử dụng cán bộ.

Nhìn chung, công tác xây dựng Đảng có những bước phát triển, vai trò lãnh đạo của Đảng được nâng lên, lòng tin của Đảng đối với nhân dân ngày một cao. Tuy nhiên, trong công tác xây dựng Đảng ở Ba Tư vẫn còn tồn tại những thiếu sót, đó là việc giáo dục chính trị tư tưởng chưa trở thành việc làm thường xuyên và sâu sắc của cán bộ, đảng viên. Một số cấp ủy chưa quan tâm đúng mức đến công tác tư tưởng; trong công tác tổ chức cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Trình độ năng lực của cấp ủy một vài tổ chức cơ sở Đảng chưa ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ làm ảnh hưởng đến vai trò lãnh đạo của Đảng. Mặt khác, công tác kiểm tra Đảng đối với một số trường hợp xử lý

còn chậm, chưa có biện pháp hữu hiệu củng cố các tổ chức cơ sở Đảng yếu kém. Cán bộ làm công tác kiểm tra còn hạn chế về năng lực và kinh nghiệm nghiệp vụ.

Những tồn tại trên là những bài học kinh nghiệm để Huyện ủy thực hiện tốt hơn công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ đổi mới hiện nay. Để cao vai trò của Đảng trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, đảm bảo khối đại đoàn kết thống nhất, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Đảng bộ huyện Ba Tư phần đầu luôn luôn là Đảng bộ trong sạch vững mạnh, là nhân tố quyết định cho việc thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH ở Ba Tư, đưa vùng căn cứ cách mạng này tiến nhanh trên con đường ấm no, hạnh phúc.

CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG Ở HUYỆN BA TƠ

Năm 1999, tại Hội nghị tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định 19/CP của Chính phủ về công tác quốc phòng của Quân khu V được tổ chức ở Đà Nẵng, huyện duy nhất được báo cáo trong hội nghị là Ba Tơ. Có thể xem đây như một huyện điển hình không chỉ đối với các huyện miền núi trong tỉnh Quảng Ngãi mà cho cả khu vực miền Trung về công tác quốc phòng.

Ai cũng biết Ba Tơ là cái nôi của cách mạng suốt trong các cuộc chiến tranh giữ nước vừa qua. Dân Ba Tơ là dân cách mạng "gốc", luôn trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng, sẵn sàng hy sinh xương máu mình để giữ vững nền độc lập tự do cho Tổ quốc. Tuy nhiên đây lại là huyện có diện tích rộng (1.116km vuông), dân số sống rải rác trên nhiều địa hình khác nhau, trình độ dân trí thấp, một bộ phận người dân tộc H're còn nặng về các hủ tục như cấm đồ thuốc độc, cúng bái, ma chay, tình trạng phá rừng, khai thác gỗ lậu vẫn luôn diễn ra trên địa bàn... Những điều kiện trên đã ảnh hưởng không nhỏ đến tình hình an ninh trong toàn huyện, nhất là khi một số các tổ chức tôn giáo vẫn còn hoạt động, gây ảnh hưởng không tốt trong quần chúng nhân dân. Xác định được tính phức tạp của tình hình, huyện Ba Tơ đã có nhiều nỗ lực trong việc tạo ra một không khí bình yên trên toàn địa bàn. Về Ba Tơ hôm nay, dù là đi trên đường 24 hay ngó

qua đêm tại bất cứ một buôn làng nào của đồng bào H're, cảm giác an toàn bao giờ cũng ở bên chúng ta. Để có được cái "cảm giác an toàn" như thế, không phải là chuyện một sớm một chiều mà là cả một quá trình tạo dựng của Đảng bộ và chính quyền địa phương. Huyện luôn xác định công tác tổ chức học tập quán triệt nhiệm vụ quốc phòng của Đảng và Nhà nước là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, có tính quyết định, tạo nên bước chuyển biến tích cực mọi mặt về nhiệm vụ quốc phòng. Hàng năm Huyện ủy, UBND huyện có nghị quyết chuyên đề kết hợp các chỉ thị, quyết định, hướng dẫn, chỉ đạo đến tận cơ sở để tổ chức thực hiện. Cái chính là làm sao để người dân ý thức được nhiệm vụ của mình trong việc bảo vệ Tổ quốc. Muốn vậy, đối tượng trước tiên phải nhắm đến là số thanh niên và lực lượng học sinh, vì đây là những đối tượng có văn hóa và nhạy cảm nhất. Với những đối tượng này, nói suông chưa đủ mà giáo dục cho họ lòng yêu nước, ý thức bảo vệ Tổ quốc thông qua nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao. Huyện Ba Tư đã hoàn thành công tác quốc phòng tương đối toàn diện về các mặt tư tưởng, nhận thức, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, chiến tranh nhân dân, khu vực phòng thủ kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân. Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc gắn với cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư được giữ vững đều khắp, đáp ứng mọi yêu cầu trước mắt và lâu dài, góp phần xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể vững mạnh, phát triển kinh tế, ổn định chính trị, thực hiện tốt việc xóa đói giảm nghèo trên địa bàn toàn huyện. Xác định quan điểm : "Quốc phòng mạnh trên cơ sở kinh tế phải mạnh", huyện Ba Tư hết sức chú trọng đến việc phát triển kinh tế. Huyện tập trung đầu tư xây dựng kinh tế toàn diện, đảm bảo sản xuất phát triển, xóa nhanh hộ đói, giảm hộ nghèo; bảo đảm kết hợp quốc

phòng an ninh một cách có hệ thống của từng xã, cụm xã và toàn huyện như tích cực trồng rừng phủ xanh đất trống đồi núi trọc, xây dựng các tuyến đường liên thôn, liên xã, đẩy mạnh công tác định canh, định cư, phân bổ cụm dân cư hợp lý, đặc biệt là dọc quốc lộ 24 nối liền Tây Nguyên với đồng bằng. Huyện cũng hết sức chú trọng đến việc xây dựng các đơn vị dự bị động viên, đảm bảo chất lượng chính trị, chuyên môn kỹ thuật, biên chế quân số, tổ chức phúc tra, kết hợp huấn luyện diễn tập thường xuyên. Công tác phối hợp xây dựng khu vực phòng thủ đã được huyện quan tâm chỉ đạo chặt chẽ thường xuyên giữa các ngành, các cấp, chỉ đạo xây dựng các xã, thị trấn vững mạnh toàn diện, ổn định trật tự xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, giải quyết có hiệu quả các tệ nạn như cầm đồ thuốc độc, truyền đạo trái phép. Huyện cũng tập trung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đảm bảo chất lượng, tổ chức huấn luyện quân sự, học tập chính trị cho lực lượng này. Hàng năm huyện chỉ đạo và triển khai đồng bộ công tác gọi thanh niên nhập ngũ. Trong 5 năm từ 94 - 99, huyện Ba Tơ luôn vượt chỉ tiêu giao quân. Công tác hậu phương quân đội cũng nhưng mối quan hệ về mặt Nhà nước đối với nhiệm vụ quốc phòng đã được huyện Ba Tơ thực hiện tốt, các ngành các cấp trong huyện và các địa phương đã có sự thống nhất, giữ mối quan hệ đoàn kết, cùng góp sức xây dựng các nhiệm vụ về an ninh quốc phòng, khu vực phòng thủ, xây dựng lực lượng, gọi công dân nhập ngũ, giáo dục quốc phòng toàn dân, trú quân canh phòng, công tác dân vận, phối hợp hoạt động giữa các ngành, các đơn vị bộ đội đóng quân trên địa bàn huyện một cách đồng bộ.

Sự ổn định về an ninh quốc phòng sẽ là điều kiện tốt nhất để toàn dân thực hiện được mơ ước của mình về một cuộc sống no ấm trong độc lập tự do.

MỘT VÀI GHI NHẬN VỀ CÔNG TÁC CHỐNG MÙ CHỮ VÀ PHỔ CẬP GIÁO DỤC TIỂU HỌC Ở BA TƠ

Thước năm 1990, phong trào chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học (CMC-PCGDTH) ở huyện Ba Tơ chưa được nhận thức đầy đủ. Do vậy, muốn bắt đầu tổ chức CMC-PCGDTH phải tiến hành trong điều kiện hết sức khó khăn, vừa tổ chức phong trào học tập của người lớn, bổ túc văn hóa (BTVH) tại chức, vừa chống tái mù chữ. Ở huyện chỉ có một trường BTVH tập trung do tỉnh tổ chức; không còn cán bộ phụ trách hoặc chuyên trách ở xã, thị trấn. Cho nên chỉ có thể nói công tác giáo dục BTVH của các cấp chính quyền chưa có sự quan tâm đúng mức, số lượng học viên chưa được xóa mù chữ tại các xã trong huyện so với tiêu chuẩn biết đọc, biết viết chưa đạt yêu cầu. Trong toàn huyện còn nhiều người mù chữ (khoảng 5.000 người năm 1990). Tỷ lệ xã đạt tiêu chuẩn XMC-PCGDTH so với yêu cầu còn quá thấp (khoảng 2/19 xã, thị trấn).

Công tác PCGDTH cho trẻ em là một nhiệm vụ vô cùng quan trọng, song vẫn chưa được đề cao đối với các đối tượng và các thành phần xã hội. Ngay cả đối với cán bộ giáo viên ở các trường tiểu học khi nhắc tới PCGDTH như một lời động viên nhắc nhở đề cập một cách chung chung, nên số học sinh thất học trong

huyện lên tới khoảng 1.000 em. Hiệu quả đào tạo ở bậc tiểu học chưa cao, tỷ lệ trẻ em học hết lớp 5 so với số lượng tuyển vào lớp 1 thường xấp xỉ 25%, thậm chí có những trường tiểu học trong huyện chỉ có các lớp 1, 2, 3, không mở được các lớp 4,5. Thực trạng đó là do trẻ em vào lớp 1 chậm, đến lớp 3 lại bỏ học. Nhiều gia đình không cho con em đi học, không ý thức được trách nhiệm học hành, trình độ văn hóa là vốn quý mà cha mẹ lại không dành cho con.

Từ những thực trạng trên, cùng với sự phát triển về mặt kinh tế - xã hội, ngành giáo dục và đào tạo trong huyện cũng dần dần đi vào thế ổn định và chuyển hướng phát triển theo đường lối đổi mới của Đảng. XMC-PCGDTH một bộ phận của giáo dục và đào tạo cũng có bước phát triển nhất định, chất lượng năm sau cao hơn năm trước, nhận thức, ý thức trong quần chúng nhân dân, cán bộ, giáo viên cũng được hình thành và tăng dần theo thời gian.

Thập niên cuối cùng của thế kỷ 20 cũng là thập niên toàn cầu chống nạn mù chữ để tạo năng lực văn hóa tối thiểu cho mọi người bước vào thế kỷ 21. Bước vào những năm 1990, Đảng và Nhà nước cũng phát động, Chính phủ đã có Chỉ thị số 01/CT để ra chỉ tiêu đến năm 2000 cơ bản thanh toán nạn mù chữ, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng có Chỉ thị số 27/CT để cập về các biện pháp và hướng dẫn nhằm đẩy mạnh các địa phương phấn đấu đạt tiêu chuẩn về XMC-PCGDTH.

Ngoài các Chỉ thị trên, các Chỉ thị số 01/CT của Tỉnh ủy Quảng Ngãi, Chỉ thị 06/CT của huyện Ba Tư, Chỉ thị 12/CT của UBND huyện Ba Tư... cùng với các văn bản chỉ đạo của ngành,

và sự ra đời của Luật PCGDTH... cũng là những cơ sở pháp lý để tiến hành thực hiện nhiệm vụ, thực hiện mục tiêu XMC cho người 15 - 25 tuổi, PCGDTH cho trẻ 6 - 14 tuổi. Nhờ vậy, hệ thống ban chỉ đạo từ xã đến huyện đã được thiết lập và hoạt động, hàng năm luôn được củng cố và bổ sung, ý thức về vai trò trách nhiệm của từng thành viên được khẳng định, các trường tiểu học, ban chỉ đạo, thị trấn dần dần đóng vai trò chủ yếu trong việc thực hiện mục tiêu XMC-PCGDTH hàng năm đều có tổng kết và đề ra phương hướng hoạt động cho năm sau.

Nhờ HĐND và UBND các cấp rất quan tâm đã đưa công tác CMC-PCGDTH vào Nghị quyết, chương trình công tác hàng quý, hàng năm, đến nay hoạt động của các ban chỉ đạo xã, huyện đã thực sự hiệu quả.

Công tác CMC-PCGDTH đã được giao nhiệm vụ cho đ/c Hiệu trưởng các trường tiểu học, PTCS (là Phó ban chỉ đạo xã), nên công tác XMC-PCGDTH gắn liền với kế hoạch, trách nhiệm của nhà trường, với phương châm : "Một hội đồng hai nhiệm vụ". Bởi vì PCGDTH cho trẻ em thất học cũng chính là chống mù chữ cho trẻ, đồng thời cũng là để chặn nguồn bổ sung người mù chữ cho toàn xã hội.

Hàng năm giáo viên đã được tập huấn về nghiệp vụ. Phòng Giáo dục và Đào tạo đã tổ chức ký kết thực hiện nhiệm vụ với UBND các xã và nhà trường. Đây là sự cần thiết để đẩy nhanh tiến độ XMC-PCGDTH. Bên cạnh đó, công tác thanh tra, kiểm tra cũng đã được UBND huyện, phòng Giáo dục quan tâm đúng mức nên hiệu quả công tác đã có những phát triển đáng kể về chất và lượng.

Năm 1994 có 1.364 người được XMC và một đơn vị xã được công nhận đạt chuẩn; năm 1995 có 856 người được XMC và có hai xã được công nhận đạt chuẩn; năm 1996 có 487 người được XMC và có bốn xã được công nhận đạt chuẩn; đến tháng 10/1997 có 5.929 người XMC và có 18/18 xã được công nhận đạt chuẩn. Ba Tư đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia về XMC và PCGDTH.

Những kết quả trên phần nào cũng nói lên sự tổ chức chặt chẽ, kiểm tra đôn đốc thường xuyên, sự phối hợp tốt giữa ngành giáo dục huyện với chính quyền và các đoàn thể trong toàn huyện.

Để đảm bảo số lượng học viên ra lớp đúng với đối tượng, thực hiện 1 cách nghiêm túc theo ý kiến của UBND huyện, ngay từ đầu các đồng chí cán bộ phòng Giáo dục đã được phân công đứng cánh ở các khu vực xã để tham gia thanh tra, kiểm tra vận động phong trào, nghiêm túc chấn chỉnh những hiện tượng tiêu cực làm ảnh hưởng đến phong trào.

Trong quá trình thực hiện, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm là trước-hết cần làm tốt công tác tuyên truyền trong phụ huynh học sinh phối hợp chặt chẽ với ngành giáo dục. Nếu có học sinh bỏ học, kịp thời thông báo với chính quyền đoàn thể địa phương biết để có giải pháp khắc phục. Hai là cần chỉ đạo cho các trường tổ chức nhiều hoạt động giáo dục phong phú. Phần đầu nhà trường, lớp học thật sự là nơi hấp dẫn, thu hút trẻ em; nghiêm túc thực hiện khẩu hiệu: "Mỗi ngày đến trường là một niềm vui". Nhà trường là nơi các em được học tập, vui chơi, rèn luyện, được chăm sóc chu đáo, được động viên, khuyến khích, khen thưởng, và nhờ vậy các em sẽ nhanh tiến bộ và phát huy

hết khả năng của mình; ba là: cần thường xuyên quan tâm giúp đỡ, hỗ trợ cả tinh thần lẫn vật chất cho trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thiếu thốn để các em có đủ điều kiện tối thiểu đến trường, đến lớp dưới các hình thức. Bốn là: công tác điều tra hàng năm phải được thực hiện nghiêm túc để nắm chắc đối tượng ở độ tuổi, tạo thuận lợi cho việc lập kế hoạch thực hiện cuộc "Vận động ngày toàn dân đưa trẻ em đến trường" và tuyển mới trẻ em vào lớp đúng độ tuổi, để thực hiện tốt kế hoạch PCGDTH-ĐĐT. Năm là: xây dựng và bồi dưỡng đội ngũ CBGV đủ về số lượng, mạnh về chất lượng để đảm đương nhiệm vụ PCGDTH, tăng cường công tác tập huấn cho CBGV nắm vững các tiêu chuẩn cơ bản về PCGDTH và PCGDTH-ĐĐT để thực hiện đúng quy trình, coi trọng việc hoàn thiện bộ hồ sơ về PCGDTH nhằm quản lý tốt và sát sao công việc.

Nhờ những nỗ lực lớn lao ấy, Ba Tư từ một huyện miền núi có mặt bằng dân trí rất thấp, đời sống kinh tế rất khó khăn, đến năm 1999 - 2000, toàn huyện có đến 12.328 học sinh các cấp, bình quân cứ 3,7 người có 1 người đi học. Hàng trăm con em các dân tộc Ba Tư đang theo học đại học, cao đẳng, trung học dạy nghề ở các nơi, trở thành lực lượng bổ sung đáng kể cho sự nghiệp phát triển KT-XH huyện nhà.

BA TƯ HÀNH TRÌNH THOÁT KHỎI ĐÓI NGHÈO

Ba Tư là một huyện miền núi, là vùng căn cứ cách mạng suốt trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Ngày đất nước giải phóng (1975), Ba Tư là một vùng đất hoang tàn với những cánh rừng chết đứng vì chất độc khai quang, với những xóm làng xác xơ vì bom đạn cày xới. Hơn 80% dân Ba Tư mù chữ và luôn bị nạn đói đe dọa. Toàn bộ cơ sở hạ tầng gần như là con số không. Những hậu quả nặng nề đó đã đeo đuổi Ba Tư trong hàng chục năm sau hòa bình. Lãnh đạo và nhân dân Ba Tư đã nhận ra một sự thật: Đánh giặc ngoại xâm đã khó nhưng cuộc trường chinh chống giặc đói, giặc dốt cũng không dễ dàng gì. Mục tiêu lớn nhất, thiết thực nhất của Ba Tư là vẫn "Xóa đói, giảm nghèo". Có xóa được đói, nghèo thì mới nói đến chuyện CNH-HĐH để tiến lên mục tiêu cao hơn là "Dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng văn minh". Xóa đói giảm nghèo là một chương trình kinh tế - xã hội được lãnh đạo huyện Ba Tư đặc biệt coi trọng đã từng nêu từ Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng bộ huyện Ba Tư. Để thực hiện Nghị quyết 10 của Tỉnh ủy về vấn đề này, lãnh đạo huyện đã củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng hoạt động của ban chỉ đạo xóa đói giảm nghèo của huyện và cơ sở nhằm phát huy được sức mạnh tổng hợp của

các ngành, các cấp trong huyện để vượt thoát đói nghèo, đưa vùng đất cách mạng này đi vào thiên niên kỷ mới với thế và lực mới.

Các chương trình dự án mấy năm qua đã tỏ rõ vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi. Riêng ở Ba Tơ, các dự án Trung tâm cụm xã Ba Vì, dự án định canh định cư, đặc biệt Lâm trường Ba Tô, Lâm trường Ba Tơ đã tổ chức giao khoán cho nhân dân quản lý, bảo vệ 11.000 ha rừng và tham gia trồng 1.000 ha rừng phòng hộ, rừng kinh tế, đã tạo việc làm tại chỗ cho nhân dân, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của đồng bào vùng cao, vùng xa. Các dự án còn hỗ trợ cho nhân dân trong vùng trồng quế, chăm sóc, trồng tiêu, trồng mía. Ngoài ra, còn xây dựng các tuyến giao thông nội vùng, tạo thuận lợi cho việc lưu thông hàng hóa.

Đáng chú ý là trung tâm cụm xã Ba Vì, đã lắp đặt một trạm thu phát truyền hình phục vụ nhân dân các xã khu tây và cấp 1.700 chiếc radio để góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Các chương trình dự án còn xây dựng kết cấu hạ tầng như các công trình giao thông, thủy lợi, trường học, trạm xá... tạo thuận lợi cho nhân dân trong sản xuất và đời sống.

Các hội, đoàn thể như : Cựu chiến binh, phụ nữ, nông dân, cũng có nhiều hoạt động thiết thực, có hiệu quả trong việc nâng cao thu nhập, tạo việc làm, góp phần xóa đói giảm nghèo cho hội viên. Trong đó, Hội cựu chiến binh đã huy động nguồn vốn từ các kênh được 94,5 triệu đồng, tạo điều kiện cho hội viên nghèo sản xuất, chăn nuôi, bao gồm: xã Ba Tô 12 triệu đồng, xã Ba Bích 10,5 triệu đồng, xã Ba Động 15 triệu đồng, thị trấn Ba

Tơ 35 triệu đồng, xã Ba Thành 16 triệu đồng. Hội viên còn được nhận trồng keo tai tượng, bảo quản 100 ha rừng do Chương trình 327 giao. Đồng thời, từ nguồn quỹ xóa đói, giảm nghèo của hội và các hình thức tương trợ khác, hằng năm gia đình hội viên đã có việc làm, tăng thu nhập. Do đó, tỷ lệ hộ đói nghèo trong hội viên cụ chiến binh chỉ còn dưới 10%; nhiều hội viên là điển hình sản xuất kinh doanh giỏi của huyện, của tỉnh.

Hội nông dân triển khai 2 dự án tín chấp cho hội viên nghèo ở các xã : Ba Động, Ba Cung và thị trấn Ba Tư. vay hơn 118 triệu đồng.

Từ nguồn vốn 120, hội viên nghèo ở xã Ba Dinh được vay 120 triệu đồng để chăn nuôi bò. Nguồn vốn vay từ các dự án đều thực hiện có hiệu quả, các hộ vay đều sắp hoàn vốn. Hội đang lập 2 dự án trên 100 triệu đồng để hội viên phát triển cây tiêu và làm kinh tế vườn.

Từ năm 1995 đến nay, Hội phụ nữ đã triển khai 7 dự án. Trong đó năm 1995 có 2 dự án, 160 triệu đồng, cho 220 hội viên vay. Năm 1996 có 1 dự án, 153 triệu đồng, cho 102 hội viên vay. Năm 1997 có 2 dự án, 142,5 triệu đồng, cho 95 hội viên vay. Năm 1999 có 2 dự án, 72 triệu đồng, cho 36 hội viên vay để trồng trọt, chăn nuôi. Phong trào phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình, quỹ tiết kiệm vì phụ nữ nghèo và nhiều hình thức tạo vốn, trợ vốn khác đã tạo việc làm, tăng thu nhập cho hàng trăm phụ nữ, giúp chị em có điều kiện vươn lên vượt thoát đói nghèo.

Trong năm 1999, UBND tỉnh phân công 12 đơn vị giúp đỡ 11 xã có số hộ đói, nghèo cao ở huyện Ba Tư. Đến nay, đã có 5 đơn vị là : Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Sở Thương mại, Sở Lao động Thương binh - Xã hội, UBND huyện

Đức Phổ đã xâm nhập địa bàn, tìm hiểu thực trạng kinh tế - xã hội của từng xã để có hướng giúp đỡ thiết thực. Trong đó, Ngân hàng Nhà nước tỉnh đã cấp hỗ trợ 510 chiếc áo mưa cho các cháu học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 ở xã Ba Ngạc. Sở Lao động Thương binh - Xã hội cấp cho xã Ba Lễ 366 mét vải các loại để các hộ nghèo may quần áo. Huyện Đức Phổ giúp xã Ba Khâm, vải, quần áo, màn tuyn, vỏ, bút... những việc làm tình nghĩa trên đã giúp các hộ đói, nghèo đỡ phần khó khăn, vất vả.

Vấn đề quan trọng trong công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện chương trình xóa đói giảm nghèo ở huyện Ba Tư là hướng dẫn bà con cách làm ăn như thế nào để đạt hiệu quả cao. Do vậy, Trạm khuyến nông đã tổ chức tập huấn cho các hộ nông dân biết cách đưa giống lúa mới vào sản xuất như lúa lai TN 15, NR 11 đạt năng suất bình quân 53,5 tạ/ha tại các xã : Ba Động, Ba Thành, Ba Cung, Ba Dinh góp phần chuyển đổi mùa vụ, cây trồng, giúp nhiều hộ có đủ lương thực để ăn mà có tích lũy trong gia đình. Trạm còn hướng dẫn bà con đẩy mạnh chăn nuôi, cải tạo đàn bò, đàn heo, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất các loại rau đậu, làm kinh tế vườn rừng, trồng cây ăn quả. Hiện bình quân lương thực trên đầu người của huyện Ba Tư là 35 kg/năm. Toàn huyện đã có 1.175 hộ thoát khỏi đói nghèo. Trong đó, đã xóa 352 hộ đói kinh niên và 823 hộ nghèo. Nhiều hộ nông dân ở Ba Chùa, Ba Bích, Ba Nam và thị trấn Ba Tư đã vươn lên làm giàu, có thu nhập hàng năm từ 25 đến 30 triệu đồng.

Theo số liệu điều tra đầu năm 2000, huyện Ba Tư hiện còn 2.062 hộ đói nghèo, chiếm 23,83% tổng số hộ trong huyện, trong đó có 633 hộ đói, 1.429 hộ nghèo.

Căn cứ vào điều kiện cụ thể, huyện đang tích cực chỉ đạo phấn đấu xóa 482 hộ đói, giảm 712 hộ nghèo. Để bảo đảm kế hoạch, các biện pháp chủ yếu là phát huy và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn như: Ngân hàng phục vụ người nghèo, dự án 120, vốn

xóa đói giảm nghèo từ nguồn tiết kiệm chi của tỉnh, huyện và các nguồn vốn huy động khác. Bằng nhiều hình thức, các xã, thị trấn, các đoàn thể xây dựng quỹ bảo trợ xã hội để trợ giúp những hộ nghèo, đói, gặp rủi ro, thể hiện mối đoàn kết "tình làng, nghĩa xóm" trong cộng đồng dân cư; ngoài ra, phải tiếp tục hướng dẫn bà con ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt, chăn nuôi, từng bước chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cải tạo vườn tạp thành vườn kinh tế, xây dựng mô hình kinh tế - vườn rừng... thực hiện định canh gắn với định cư bền vững. Các chủ dự án, doanh nghiệp nhà nước đóng trên địa bàn xã nào thì giúp đỡ, hỗ trợ vốn, kỹ thuật cho các hộ đói nghèo ở xã đó; gắn các chỉ tiêu kinh tế với công tác xóa đói, giảm nghèo ở địa phương.

Để tiếp tục thực hiện Chỉ thị 23 của Bộ Chính trị về lãnh đạo thực hiện công tác xóa đói giảm nghèo, Huyện ủy, UBND huyện Ba Tư quy định: Mỗi cán bộ, đảng viên ngoài việc biết làm kinh tế gia đình, còn phải có trách nhiệm trong công tác xóa đói, giảm nghèo ở nơi cư trú của mình; các cấp ủy cơ sở phải xem việc thực hiện xóa đói, giảm nghèo là nội dung quan trọng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và cũng là tiêu chuẩn để xét phân loại cơ sở Đảng hàng năm.

Cuộc hành trình "Xóa đói giảm nghèo" ở Ba Tư khó khăn như một cuộc "vượt cạn". Có lẽ ít có nơi nào mà mục tiêu ấy được đặt ra gay gắt như ở Ba Tư. Tuy nhiên, đến mùa xuân năm 2000, Ba Tư đã bắt đầu phát đi những tín hiệu vui: 70% dân đã được dùng điện, 100% số xã có đường ô tô đến trung tâm xã, cứ 3,7 người dân có một người đi học. Nhiều chương trình dự án đã và đang triển khai có hiệu quả đã làm cho gương mặt Ba Tư ngày càng hồng hào. Ngày nay, nhiều người biết đến Ba Tư không chỉ đó là căn cứ cách mạng mà ở đây đang có và sẽ có một Ba Tư no ấm. Đó cũng là mục tiêu mà Đảng bộ và nhân dân Ba Tư đang hướng tới từng ngày.

CÔNG TÁC CHĂM SÓC, BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN Ở HUYỆN BA TƠ

Ó thể nói hoạt động y tế là một trong những hoạt động quan trọng giúp huyện Ba Tơ phát triển kinh tế - xã hội, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong huyện. Là một huyện miền núi với số dân trên 4,6 vạn người, nhưng phần lớn nhân dân ở Ba Tơ là bà con dân tộc H're, sống rải rác ở những vùng cao, vùng xa, mặt bằng dân trí còn thấp, nhiều tập tục lạc hậu... nên đã tạo ra những lực cản to lớn cho hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Từ thực trạng đó, nhiều năm qua, Huyện ủy, UBND huyện tập trung chỉ đạo các ngành, các địa phương trong huyện đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động bà con thực hiện vệ sinh trong ăn ở, sinh hoạt để chủ động phòng chống các dịch bệnh, khi trong nhà có người bệnh, phải đưa ngay đến trạm xá, không được cầu cúng nhầm nhứ. Mặt khác, huyện quan tâm đầu tư xây dựng và phát triển các cơ sở y tế, nhất là ở vùng cao, vùng xa. Bằng nỗ lực của nhiều ngành, nhiều cấp. Đến nay, bà con ở nhiều thôn xã, buôn làng đã biết “ăn chín, uống sôi”, ngủ màn, làm chuồng trại gia súc xa nơi

ở; khi đau ốm bà con đến trạm y tế để được điều trị kịp thời. Quá trình làm biến đổi nhận thức tồn tại từ nhiều đời nay của bà con không phải đơn giản mà đó là kết quả của một quá trình thuyết phục, vận động bằng nhiều biện pháp cụ thể, thiết thực, sinh động để bà con tin và làm theo. Ngày nay nhiều thôn, bản ở Ba Tư đã phong quang, sạch đẹp mà điển hình nhất là xã Ba Chùa. Để công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân đạt hiệu quả cao, các cơ sở y tế và cán bộ y tế ở huyện và thôn, xã không ngừng được đầu tư phát triển. Bác sỹ Nguyễn Bé, quê xã Nghĩa Mỹ (huyện Tư Nghĩa), đã 10 năm gắn bó với hoạt động y tế ở đây, hiện anh đang là Giám đốc Trung tâm y tế huyện, nói với chúng tôi: "Toàn huyện có 19 xã, thị trấn thì đến nay đã có 13 trạm y tế và một phần xá khu vực trung tâm cụm xã Ba Vì, đội ngũ cán bộ y tế có 131 người. Trong đó, 82 người ở huyện và 49 người ở cơ sở. Trung tâm y tế huyện có 6 bác sĩ ở 3 khoa ghép: khám-cấp cứu, nội - nhi - lây nhiễm và ngoại - sản. Trung tâm đã đảm nhận được các ca tiểu phẫu, có máy nổ dự phòng để sẵn sàng đưa vào hoạt động khi điện lưới có sự cố bất ngờ. Điều chúng tôi tâm đắc nhất là công tác khống chế bệnh sốt rét - một căn bệnh nguy hiểm thường gặp ở miền núi. Ngoài việc tuyên truyền, vận động bà con thường xuyên dọn vệ sinh quanh nhà và khu vực ở, phát quang bụi rậm, nằm ngủ phải mắc màn... ngành y tế huyện còn tổ chức phun hóa chất và tắm màn diệt muỗi. Nếu năm 1993 không có chiếc màn nào được tắm thì cuối năm 1999, con số này là 8.000 chiếc, hầu hết các khu vực

trọng điểm đều được phun hóa chất, dân số được bảo vệ từ 31.600 tăng lên 40.300 người, bệnh sốt rét từ 4.140 người, giảm xuống còn 364 người. Ba năm trở lại đây không có ca tử vong nào do sốt rét.

Để phòng chống có hiệu quả 6 bệnh: lao, sởi, bại liệt, bạch hầu, ho gà, uốn ván cho trẻ em trong độ tuổi, huyện Ba Tư phối hợp hoạt động của các ngành, đoàn thể, địa phương trong công tác chỉ đạo, vận động và tổ chức thực hiện tiêm chủng mở rộng chứ không khoán trắng việc này cho ngành y tế. Do vậy, tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ 6 loại vaccin mỗi năm một tăng lên đáng kể; năm 1993 đạt gần 55% thì năm 1999 tăng lên 95,5%.

Ngoài ra, tỷ lệ phụ nữ có thai và phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được tiêm phòng uốn ván cũng đạt từ 82% đến 100%. Ngành y tế còn khám bệnh và điều trị cho gần 2.600 trẻ em.

Công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình cũng là một mặt mạnh của huyện Ba Tư, trong đó, ngành y tế đóng vai trò rất quan trọng. Các y bác sĩ đã khám phụ khoa cho gần 4.200 lượt người, điều trị 1.700 lượt người; đặt 471 vòng tránh thai, vận động và hướng dẫn hàng nghìn người áp dụng các biện pháp tránh thai khác, góp phần hạ tỷ lệ phát triển dân số của huyện chỉ còn trên dưới 1,8%.

Ở phân xá trung tâm cụm xã Ba Vì - cơ sở y tế được giao nhiệm vụ khám, chữa bệnh cho đồng bào 4 xã khu tây: Ba Vì, Ba Ngạc, Ba Tiêu, Ba Xa có 8 cán bộ, nhân viên do một y sĩ làm phân xá trưởng, phân xá có 20 giường, hàng ngày bình quân

khám, chữa bệnh cho trên 20 bệnh nhân. Điều dưỡng viên Trần Thị Hóa nói với chúng tôi: “Bà con vào khám và điều trị ở đây hoàn toàn được miễn phí. Đối với bệnh nhân nội trú, mỗi ngày Nhà nước còn hỗ trợ tiền ăn 3000 đồng”.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân ở huyện Ba Tư đã thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào ở vùng căn cứ cách mạng, đồng thời là một ghi nhận đối với những cố gắng của đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế. Chúng tôi được biết thêm: Trong năm 2000 này sẽ có thêm 4 xã: Ba Liên, Ba Khâm, Ba Lễ, Ba Trang được xây dựng trạm y tế. Tuy nhiên, công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân ở đây còn nhiều khó khăn, bất cập do nhiều nguyên nhân, nhưng nổi lên là cơ sở vật chất nghèo nàn, xuống cấp nghiêm trọng. Ví dụ: Trung tâm y tế huyện xây dựng từ năm 1976 đến nay chưa được nâng cấp do thiếu kinh phí. Mùa mưa cả bệnh nhân và thầy thuốc đều phải lao đao vì dột. Phương tiện, thiết bị thiếu thốn, cũ kỹ, nhất là điều kiện cận lâm sàng và phương tiện hỗ trợ giải phẫu.

Để giải quyết những vấn đề trên là quá tải đối với ngân sách của một huyện miền núi. Vì vậy, rất cần sự giúp đỡ, tài trợ của các ngành, các cấp, các tổ chức trong và ngoài nước để sức khỏe của đồng bào Ba Tư được bảo vệ và chăm sóc tốt hơn •

TIỀM NĂNG VĂN HÓA - DU LỊCH BA TƠ

Phải kể đến đầu tiên và có vị trí đặc biệt quan trọng là các di tích liên quan đến cuộc khởi nghĩa của quần chúng Ba Tơ, do các chiến sĩ cộng sản Quảng Ngãi bị lưu đày ở căn cứ Ba Tơ phát động và lãnh đạo, việc thành lập Đội du kích Ba Tơ - lực lượng vũ trang cách mạng đầu tiên của tỉnh Quảng Ngãi và miền Nam Trung bộ (tháng 3/1945). Đây là một quần thể di tích đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận di tích lịch sử - văn hóa quốc gia năm 1991, bao gồm các điểm: Nhà bảo tàng và Tượng đài khởi nghĩa Ba Tơ, khúc sông Liêng phía tây tượng đài, dốc Ông Tài, bãi Hang Ến, chòi canh Suối Loa, khu căn cứ Giá Vụt, núi Cao Muôn... Các điểm di tích này đã và đang thu hút sự quan tâm của khách tham quan thăm viếng, trong đó có nhiều nhà nghiên cứu lịch sử và đông đảo những người trẻ tuổi có ý thức tìm về cội nguồn cách mạng.

Tuy nhiên, điều có lẽ ít người biết hơn là chính mảnh đất Ba Tơ cũng là một địa bàn quan trọng trong cuộc khởi nghĩa Tây Sơn - nơi đã được danh tướng Trần Quang Diệu - xây dựng thành một căn cứ vững chắc để làm hành lang đánh thông từ thượng đạo về phía trung du và đồng bằng phủ Quảng Ngãi, góp phần làm cho cuộc khởi nghĩa nông dân do 3 anh em Nguyễn Nhạc,

Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ lãnh đạo nhanh chóng giành được thắng lợi.

Trong phong trào "Nước xu đổ" - một phong trào chống Pháp của nhân dân các dân tộc miền Tây và cao nguyên Nam Trung bộ vào những năm 1937 - 1938, đồng bào H're dưới sự lãnh đạo của các ông Prua, Prói đã liên kết với các dân tộc anh em ở tây Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai làm cho quân xâm lược Pháp luôn luôn rơi vào thế bị động, nhiều phen lao đao, khốn đốn.

Ba Tư trong kháng chiến chống Pháp (1945 - 1954) lại là bàn đạp quan trọng của lực lượng vũ trang Liên khu V trong chiến dịch Đông - Xuân 1953 - 1954, giành thắng lợi lớn ở chiến trường Tây Nguyên, giải phóng Kon Tum, phá tan chiến dịch Ất Lãng đầy tham vọng của thực dân Pháp.

Bên cạnh những di tích lịch sử - cách mạng nhiều giá trị, Ba Tư còn có một khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, hoành tráng, nhưng lại giàu lãng mạn với đỉnh Cao Muôn (cao hơn 1.000 mét) quanh năm mây phủ, đèo Viôlắc nhấp nhô sườn đá, dòng sông Liêng ẩn hiện giữa hẻm núi, lòng thung.

Mắm ruột cá niêng của người Kinh, rượu cần Cà rỏ của người H're Ba Tư là ngon, là quý, là đặc sản; nhưng quý nhất, đáng được trân trọng giữ gìn là vốn văn hóa truyền thống dân tộc H're độc đáo, được tạo dựng, bồi đắp và truyền lưu qua bao thế hệ với kho tàng truyện cổ dân gian vô cùng phong phú, nghệ thuật diễn tấu cồng chiêng, dàn nhạc cụ dân gian với đàn dây brang, brooc, tiêu ta lía, sáo trúc linh la, đàn hơi ba bút, đàn môi ba ngói, poplel; các điệu múa rung chinh, cheo chang, các làn điệu ca chơi, ta lêu. Bài hát Bóng cây kơ nia (làn điệu ca

choi thể hiện thiết tha tình cảm Nam - Bắc một nhà, câu chuyện "Thanh gươm chàng Tà Nọ" thể hiện tình đoàn kết Kinh - Thượng bảo vệ quê hương là những tác phẩm văn nghệ dân gian H're đã trở nên quen thuộc, và là vốn quý của văn hóa dân tộc H're.

Làng của người H're với những nhà sàn kiến trúc độc đáo, xây dựng ở vùng đồi thấp bố trí hợp lý mà chúng ta còn bắt gặp ở Lệ Trinh, Vibok, Động Chùa... nghệ thuật dệt thổ cẩm ở làng Teng (Ba Thành)... hiện đang được các nhà Foklore học tìm hiểu, nghiên cứu cũng là tài sản rất đáng được trân trọng, giữ gìn. Tiềm năng văn hóa - du lịch của quần thể các di tích lịch sử - văn hóa, thiên nhiên và di sản văn hóa tinh thần của Ba Tư quả thật là vô cùng phong phú, đa dạng và độc đáo. Khai thác hợp lý tiềm năng này để phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa là vấn đề không chỉ thu hút sự quan tâm của Đảng bộ và nhân dân Ba Tư mà còn là của nhân dân toàn tỉnh.

BƠ TƠ - NHỮNG CON SỐ TRƯỚC NGƯỠNG CỬA NĂM 2000. (*)

* *Diện tích tự nhiên* : 112.235 ha (86% đất lâm nghiệp).

* *Dân số* : 44.650 người: dân tộc H're 82%; Kinh 16,5%; 1,5% dân tộc khác.

* *Đơn vị hành chính* : 18 xã và 1 thị trấn.

* *Tổng sản phẩm nông nghiệp qui thóc* : 14.645 tấn, năng suất 26 tạ/ha, bình quân đạt 326,5kg/người/năm.

+ Mía : 500 ha đạt 17.016 tấn.

+ Chăn nuôi : 19.000 trâu; 4.000 bò (50% lai sind); 18.800 lợn.

+ Thủy lợi : Có 11 công trình kiên cố, chủ động tưới 4.150 ha.

* *Lâm nghiệp* : Tổng diện tích : 96.065 ha, trong đó : 33.795 ha rừng bảo vệ; 6.859 ha rừng trồng; 1.580 ha rừng phòng hộ - 1.046 ha rừng nguyên liệu; 21.473, 5 ha rừng dự án và 8.941 ha rừng khoán hộ gia đình; 159 ha quế; 409 ha cà phê.

* *Công nghiệp - tiểu thủ công*:

+ 5 xã và thị trấn với 2.315 hộ, đã sử dụng điện lưới quốc gia. 112 hộ khác sử dụng điện pin mặt trời và thủy điện nhỏ (250W).

+ Mở rộng qui mô sản xuất đồ gỗ, chế biến gỗ, xay xát, khôi phục và phát triển nghề dệt thổ cẩm ở làng Teng (Ba Thành).

+ Xây dựng trung tâm cụm xã Ba Vì gồm : Ba Tiêu, Ba Ngạc, Ba Vì, Ba Xa, tiểu vùng kinh tế Ba Tô, Ba Nam.

* *Xây dựng cơ bản*: Tổng vốn năm 1999 là 5.565 triệu VND. Đã thực hiện : đường đi hồ Tôn Dung 450 triệu, đường huyện lỵ - Hang Ên : 270 triệu. Khởi công xây dựng "Nhà trưng bày" Ba

Tơ; nâng cấp đường Suối Loa - Ba Điền; đầu thầu tuyến Tài Năng - Bảo tàng Ba Tơ; lập dự án thông tuyến Ba Tơ - Ba Nam. Toàn huyện đã có 543 máy điện thoại, đạt 1,2 máy /100 dân.

* *Giáo dục* : Toàn huyện có 15 trường tiểu học, 4 trường PTCS, 1 trường THCS, 1 trường PTTH cấp 2+ 3, 1 trường Nội trú dân tộc và 1 Trung tâm GDTX. Tổng số học sinh : 11.489 em, 188 học sinh đang theo học các trường đại học, cao đẳng và THCN.

* *Y tế*: 1 bệnh viện huyện, 1 phân viện Ba Vì, 14/18 xã có trạm y tế, thực hiện đầu dẫn các chương trình Quốc gia về chống sốt rét, bướu cổ, lao, bại liệt, phong, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các đợt dịch.

* *DS-KHHGB* : 85% cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ đã sử dụng các biện pháp tránh thai. Tỷ lệ tăng dân số từ 1,7 - 1,8%.

* *Văn hóa - thông tin* :

- Phòng VH TT huyện phục vụ tốt công tác tuyên truyền thường xuyên và đột xuất của Đảng và Nhà nước TW và địa phương, các ngày lễ lớn và các đợt tuyên truyền đột xuất.

- Đài truyền thanh - truyền hình huyện hoạt động đều - có trên dưới 100 chương trình của địa phương huyện/ năm. Có 5 đài truyền thanh xã phát máy FM 100W.

* *Toàn huyện có*: 23 Bà mẹ VNAH, 231 liệt sĩ, 786 thương binh, 353 gia đình có công, 283 đối tượng chính sách xã hội được cứu tế thường xuyên - đã xây dựng được 49 "Nhà tình nghĩa".

(*) Theo Báo cáo tình hình phát triển KT-XH 1994-1999 và định hướng đến năm 2000" của UBND huyện Ba Tơ.

THĂM NƠI TÁI HIỆN CUỘC KHỞI NGHĨA BA TƠ

Đến bây giờ thì Nhà Bảo tàng Ba Tơ đã qua nhiều lần được trùng tu, nâng cấp và bổ sung nhiều tư liệu, hiện vật quý về cuộc khởi nghĩa năm xưa. Càng được trùng tu nâng cấp càng thấy rằng thế hệ hôm nay đã, đang và sẽ mãi mãi nâng niu gìn giữ những giá trị văn hóa, lịch sử mà các thế hệ cha anh để lại. Điều đó còn thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn, niềm tự hào và có tác dụng giáo dục sâu sắc cho nhiều thế hệ sau.

Từ bên ngoài nhìn vào, Nhà Bảo tàng Ba Tơ (NBTBT) vừa mang kiểu dáng, hình khối của kiến trúc hiện đại, vừa thể hiện yếu tố thẩm mỹ đặc thù, in đậm dấu ấn văn hóa của đồng bào dân tộc H're anh em, lại được điểm tô bằng những đường nét chấm phá tinh xảo tạo nên bức tranh hoành tráng về cuộc khởi nghĩa long trời lở đất, diễn ra cách đây hơn nửa thế kỷ. Và điều để Nhà Bảo tàng Ba Tơ nghiêm nhiên trở thành niềm kiêu hãnh tự hào của mọi người là nhờ nó - một kho tư liệu vô giá, một minh chứng hùng hồn về cuộc khởi nghĩa vũ trang đầu tiên mở ra một trang sử mới thắm đượm chất anh hùng ca trên mảnh đất Ba Tơ kiên cường, để lại dư âm bất diệt của một thời gian khổ nhưng oanh liệt của quân và dân miền sơn cước này dưới sự

lãnh đạo tài tình của Đảng. Từ đó, hai tiếng “Ba Tơ” như đã trở thành huyền thoại. Điệp khúc Ba Tơ đã hơn một lần đi vào chiều sâu của tâm cảm thụ và nhận thức, của những ý nghĩa khái quát nhất về những con người và vùng đất bình dị mà kiên trung. Cuộc khởi nghĩa này là một mốc son trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, là tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 ở Quảng Ngãi thành công.

Bước vào Nhà Bảo tàng Ba Tơ, những hình ảnh đầu tiên được trưng bày ở gian tiền sảnh là những hình ảnh khái quát về bối cảnh của tỉnh Quảng Ngãi nói chung và Ba Tơ nói riêng trong tiền khởi nghĩa. Đó là bức tranh tổng thể của một thời đen tối, đói khổ và nhọc nhằn vì nạn sưu cao thuế nặng nhưng đã âm ỉ ngọn lửa cách mạng, chỉ đợi thời cơ, ngọn lửa ấy sẽ bùng cháy lên. Cũng tại đây ghi 9 địa danh đã được Bộ Văn hóa thông tin công nhận di tích lịch sử - văn hóa, gồm: Đồn Ba Tơ, nhà Kiểm lý, sân vận động, khúc sông Ba Tơ, dốc Ông Tài, bãi Hang Én, núi Cao Muôn, hang Vọt Rệp và chòi canh Suối Loa. Bên trái tiền sảnh là phòng trưng bày những hình ảnh sống động về diễn biến cuộc khởi nghĩa. Tại đây nhà bảo tàng đang trân trọng lưu giữ hình ảnh các vị lãnh đạo, những người trực tiếp chỉ đạo cuộc khởi nghĩa: Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn, Trương Quang Giao, Trần Lương, Trần Quý Hai. Trong từng khuôn mặt của từng vị chỉ huy, nhất là từ trong sâu thẳm đôi mắt của mỗi người đều ánh lên nghị lực và dũng khí, sự quyết đoán trước sứ mệnh được lịch sử giao phó. Trong căn phòng này, hàng loạt các bức ảnh vượt qua sự thử thách khắc nghiệt của thời gian vẫn giữ nguyên giá trị. Đó còn là di vật quý báu về các loại vũ khí đơn sơ: mác, giáo,

kiếm... của các chiến sĩ đương thời: Phạm Văn Hìn, Huỳnh Văn Đỏ, Phạm Văn Chi, Phạm Liên... được cẩn trọng trưng bày cho đời sau chiêm ngưỡng mà thán phục về một thời kỳ vô cùng gian khổ và rất anh hùng.

Vào “Cảng an trí”, các anh ở Nhà Bảo tàng Ba Tơ cho tôi biết thêm: Đó là nơi kẻ thù quản thúc các chiến sĩ cách mạng đã mất hạn tù chính trị. Với thủ đoạn bắt những người bị quản thúc ở đây tự lo liệu lấy cái ăn trong điều kiện cực kỳ khó khăn; sáng chiều phải ra trình diện và không được đi quá “cảng”... 500 mét. Kẻ thù mưu đồ với điều kiện hà khắc như vậy, chúng sẽ giết dần giết mòn ý chí và sức lực của những người chiến sĩ cách mạng bằng đói rét và bệnh tật. Nhưng chúng đã nhầm, giữa cuộc sống ngọt ngào, thiếu thốn trăm bề như vậy, ý chí cách mạng lại càng nung nấu trong từng dòng máu, thớ thịt của người cộng sản. Lòng yêu nước và căm thù giặc đến tột độ đã đêm ngày tiếp sức cho họ. Trong nhà lao trá hình này, họ vẫn tìm cách bắt liên lạc với đồng chí đồng đội ở bên ngoài về hoạt động ngầm ngay trong lòng địch. Chiếc gạc nai được các chiến sĩ sống trong “Cảng an trí” sử dụng nhằm giả làm người đi buôn để liên lạc với bên ngoài trong những ngày tiền khởi nghĩa, bây giờ được trưng bày trong tủ kính là một minh chứng sinh động về các hình thức hoạt động cách mạng cực kỳ khéo léo và kín đáo thuở ấy.

Nằm ngay gần ở một góc phòng, chiếc tủ kính lưu giữ khẩu súng BROWNING của Trưởng ban lãnh đạo cuộc khởi nghĩa Phạm Kiệt, kẻ đó là khẩu MAS do chỉ huy Nguyễn Đôn tước từ tay tên lính xâm lược tại cầu Nước Năng vào trưa ngày 11-3-1945. Các anh ở Nhà Bảo tàng Ba Tơ cho biết đây là một trong những

điểm để lại ấn tượng sâu sắc nhất cho khách tham quan. Qua phòng một, phòng hai là kho tư liệu tổng quát về hình ảnh Đội du kích Ba Tơ sau ngày khởi nghĩa trở về chiến khu để xây dựng và phát triển lực lượng, chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 trong toàn tỉnh. Sau cuộc khởi nghĩa thành công, Đội du kích Ba Tơ phát triển thành 2 đại đội hướng về chiến khu xây dựng lực lượng. Xưởng quân giới Từ Nhại (lấy tên một chiến sĩ đầu tiên rèn vũ khí ở chiến khu Phan Đình Phùng) căn cứ ở Vĩnh Tuy (Sơn Tịnh), và căn cứ Hoàng Hoa Thám ở khu vực Núi Lớn (phía Nam tỉnh) với những lò rèn thô sơ này đã để lại những dấu vết lịch sử oai hùng. Ở Nhà Bảo tàng Ba Tơ, nguyên lý thời gian là bạn đồng hành của sự già nua hay lãng quên dành phải bất lực trước sự quý trọng và nâng niu của con người, bởi vì cuộc khởi nghĩa Ba Tơ đã để lại một giá trị to lớn và những bài học vô giá không dễ bị phai mờ. Tại đây bằng vàng lưu danh đầy đủ 28 du kích quân đầu tiên trong đoàn quân du kích Ba Tơ. Cũng tại đây, đến nay dường như vẫn còn ngân vang lời tuyên thệ của đoàn quân du kích "Thề hy sinh vì Tổ quốc"; "Thề làm tròn 3 nhiệm vụ: Ra sức vận động nhân dân tham gia cách mạng, xây dựng chiến khu kháng Nhật cứu nước, không ngừng củng cố và phát triển lực lượng vũ trang cách mạng; sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ chiến đấu khi có lệnh". Lời tuyên thệ đó đã sát cánh với quân và dân Ba Tơ đi qua các cuộc trường chinh vệ quốc của dân tộc. Có lẽ cũng vì vậy nên nhân dịp về thăm Ba Tơ sau 20 năm giải phóng, tháng 10/1991, bác Phạm Văn Đồng đã viết vào sổ Vàng lưu niệm "Bảo tàng khởi nghĩa Ba Tơ mãi mãi phát huy tác dụng trong sự nghiệp cách mạng ngày nay và sau này". Cũng trong cuốn sổ vàng ấy, nhân dịp về thăm Ba Tơ vào năm

1996, Chủ tịch nước CHXNCN Việt Nam Lê Đức Anh đã gửi tặng cho Nhà Bảo tàng Ba Tơ, cho các thế hệ con em Ba Tơ theo Đảng làm cách mạng niềm cảm xúc dạt dào và chân thành: "Hôm nay về thăm Ba Tơ, quê hương giàu truyền thống cách mạng - cái nôi của cách mạng miền Trung, tôi rất xúc động trước tinh thần chiến đấu kiên cường bất khuất của quân và dân Ba Tơ trong hai cuộc trường kỳ kháng chiến của dân tộc".

Thăm Nhà Bảo tàng Ba Tơ vào dịp chuẩn bị kỷ niệm tròn 55 năm ngày diễn ra cuộc khởi nghĩa, tôi có cảm nhận rằng, thế hệ trẻ hôm nay khi đến đây, ngoài lòng biết ơn sẽ còn được học thêm một bài học lịch sử sinh động và sâu sắc mà không sách vở nào ghi chép hết. Không thể kể hết ra đây những gì đã góp phần làm nên một Ba Tơ quật khởi, nhưng xin được nói thêm rằng: Nhà Bảo tàng Ba Tơ hiện là nơi quy tụ nhiều thế hệ muốn tìm hiểu về cuộc khởi nghĩa Ba Tơ và thăm Ba Tơ đang đổi thay từng ngày. Con số hàng chục ngàn lượt du khách đến đây mỗi năm đã chứng minh được điều đó. Tiến sĩ John Kleinen làm việc ở Viện nghiên cứu Amsterdam đã đến đây. Và, với niềm cảm phục, ông đã viết: "Tôi chân thành cảm ơn đã cho phép tôi thăm Nhà Bảo tàng Ba Tơ". Vậy là đã rõ, cuộc khởi nghĩa Ba Tơ không những đã tạo được tiếng vang lớn trong khu vực Nam Trung bộ và cả nước nói chung mà còn lan ra khỏi biên giới quốc gia để thêm một lần nữa khẳng định: Chân lý là sức mạnh.

D.H.T

QUỐC LỘ 24: LỐI THOÁT CHO BẮC TÂY NGUYÊN VÀ MIỀN TRUNG

 uốc lộ 24 được bắt đầu từ Thạch Trụ (huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi) lên giáp với quốc lộ 14 tại thị xã Kon Tum có lộ trình dài 175km. Trước đây, con đường này chỉ là tỉnh lộ mang tên 5A. Mùa khô, xe u-oát có thể từ Kon Tum về Quảng Ngãi bằng đường này nhưng rất khó khăn. Mùa mưa, con đường nát vụn bởi những trận lũ, giao thông bị tắc hoàn toàn. Năm 1994, tỉnh lộ này được Bộ Giao thông vận tải đầu tư xây dựng nâng thành quốc lộ 24. Con đường chưa đến 200 cây số được vắt qua những cánh rừng đại ngàn này đã thật sự giúp cho tỉnh Kon Tum và vùng bắc Tây Nguyên thoát khỏi thế chân tường.

HIỆN TRẠNG QUỐC LỘ 24

Những năm trước đây, từ Kon Tum đi các nơi trong nước chỉ có một con đường duy nhất là theo quốc lộ 14 về thị xã Pleiku. Thị xã Quảng Ngãi chỉ cách Kon Tum 205 km nhưng phải vào Qui Nhơn theo đường 19 lên Pleiku rồi vòng ra Kon Tum với tổng chiều dài gần 400km! Giao thông khó khăn như vậy đã biến tỉnh Kon Tum thành ốc đảo và là tỉnh nghèo nhất nước suốt mấy

chục năm qua. Mang tiếng là tỉnh có đến 3 đường quốc lộ xuyên qua (đường 14 về Quảng Nam, đường 24 về Quảng Ngãi, đường 18 sang Atôpư-Lào) nhưng những con đường này cũng chỉ dừng lại là quốc lộ... trên giấy ! Chỉ có đường 24 nối Kon Tum với Quảng Ngãi là quốc lộ thật sự trong một tương lai gần. Từ năm 1994, khi con đường này được nâng cấp thành quốc lộ, Bộ Giao thông Vận tải đã tiến hành mở rộng đường từ 3,5 mét lên 6 mét, đồng thời cho làm lại toàn bộ hệ thống cầu cống và thâm nhập nhựa một số đoạn. Gian nan nhất trên tuyến đường này là đèo Violác. Thực ra đường 24 và cả con đèo Violác dài 12km đã có từ thời Pháp thuộc. Họ mở đường này để đưa số tù chính trị đi đây lên Ba Tư và ngục Kon Tum, song suốt thời chống Mỹ, con đường bị bỏ hoang nên gần như hư hỏng hoàn toàn. Suốt hai năm trời ròng rã, con đèo mới được thông tuyến và thâm nhập nhựa. Đến năm 1997, quốc lộ 24 đã cơ bản hoàn thành phần nền đường và cầu cống, một số đoạn thuộc huyện Ba Tư tỉnh Quảng Ngãi và huyện Komplông tỉnh Kon Tum đã thâm nhập nhựa và làm ta-luy kiên cố. Theo kế hoạch của Bộ Giao thông Vận tải thì trong năm 2000, đường 24 sẽ được thâm nhập nhựa hoàn toàn. Nghĩa là, nếu đúng như kế hoạch thì đến đầu thế kỷ sau, du khách miền Trung đi Tây Nguyên khỏi phải vòng vèo theo đường 19 mà có thể đi theo quốc lộ “cạnh huyền” này. Tuy nhiên, với tổng chiều dài sẽ phải thâm nhập nhựa ở đường 24 này gần 150 km mà chỉ làm trong một năm thì quả là thử thách lớn của ngành giao thông. Hiện tại, vào mùa mưa đường 24 bên phía Kon Tum vẫn còn nhiều đoạn lầy lội. Riêng tuyến đèo Violác, tầng địa chất sau khi xẻ núi, bạt ta - luy chưa ổn định nên mùa mưa đến, đất từ vách núi đã đổ ập xuống, lấp cả nền đường.

LỐI THOÁT CHO BẮC TÂY NGUYÊN VÀ MIỀN TRUNG

Dù vẫn biết để có một con đường mà xe khách có thể đi lại được đòi hỏi rất nhiều tiền của và thời gian nhưng quốc lộ 24 sẽ được hoàn thành là điều không phải bàn. Tuyến đường này sẽ rút ngắn khoảng cách giữa các tỉnh miền Trung với bắc Tây Nguyên. Điều đó cũng có nghĩa là, tỉnh Kon Tum sẽ không bị "ngạt" do bí đường như nhiều năm qua. Khác với những tuyến đường ở miền Trung, quốc lộ 24 xuyên qua một địa hình rừng núi khá lý tưởng. Suốt 30-40km đường từ đèo Violắc về huyện Komplông là những khu rừng nguyên sinh. Với 86.000 ha rừng già, đây sẽ là khu du lịch sinh thái khá lý tưởng trong một tương lai không xa. Đường chạy xuyên qua rừng già như thế, thật hiếm thấy ở nước ta. Ngoài việc lực lượng kiểm lâm Kon Tum quản lý rất chặt tình trạng khai thác gỗ lậu, việc con đường quá xấu cũng góp phần giữ được những cánh rừng hiếm hoi này. Đây còn là con đường xuyên qua các địa danh lịch sử: căn cứ an trí Ba Tư với đội du kích lừng danh một thời, qua đồn Mang Đen, nơi xảy ra trận đánh lịch sử giữa Việt Minh và Pháp năm 1953. Một địa danh nữa cũng khá quen thuộc với nhiều người : Nhà ngục Kon Tum. Đó là chưa kể đến hai khu rừng nguyên sinh khác của Kon Tum là Chư Mom Ray và rừng Đak Uy. Đây là những khu rừng có diện tích hàng chục ngàn hecta, chỉ cách thị xã Kon Tum 25 km (rừng Đak Uy), 50 km (rừng Chư Mom Ray). Nơi đây tập trung nhiều loài cây quý hiếm và các loại thú được ghi vào sách đỏ. Tỉnh Kon Tum cũng đã quy hoạch và bảo vệ rất nghiêm ngặt các khu rừng này. Một tour như thế cho những vị khách thích ngao du, kể cũng bỏ.

Cũng nằm trong kế hoạch thoát khỏi thế đồn chân tường, mới đây tỉnh Kon Tum đã mở cửa khẩu Ngọc Hồi và đường 40 thông qua Lào. Một dự án với 400 ha dành cho khu thương mại tại cửa khẩu này đã được hình thành. Như vậy từ cảng Dung Quất của Quảng Ngãi, theo quốc lộ 24 để đến cửa khẩu Ngọc Hồi sang Lào thì quãng đường không phải xa xôi gì. Quốc lộ 24 đã làm cầu nối cho các dự án ở vùng bắc Tây Nguyên. Và như vậy, cả vùng đất giàu tài nguyên này đã nhìn thấy ánh sáng ở cuối đường hầm, dù vẫn biết để tiếp cận với nó, hãy còn xa lắm.

NGƯỜI LÍNH NĂM XƯA TRONG THỜI ĐẠI MỚI

Ba Tư - xứ sở của người dân tộc H're, địa danh đã thành dấu son trong lịch sử. Nơi đây là chiếc nôi cách mạng của Quảng Ngãi, đã sản sinh ra Đội du kích Ba Tư - tiền thân của lực lượng vũ trang Quân khu V. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ người dân Ba Tư theo Đảng và Bác Hồ đứng lên chống giặc ngoại bang, giành độc lập tự do. Mỗi người dân Ba Tư đã *"Rũ bùn đứng dậy sáng lòa"* trở thành các nhân vật Kiếp - thể trong truyện cổ tích của người H're, Ydorít, Ydorua của những năm chiến tranh làm giặc Pháp và Mỹ phải cào chạy xa bay và Ba Tư được giải phóng sớm ngay từ ngày 30/10/1972.

Trong chiến tranh là vậy, giờ thì hiện ra có đường quốc lộ 24 vừa khai thông nối quốc lộ 1A với Kon - Tum và Tây Nguyên qua đèo Viôlắc ngoằn ngoèo 12 km xanh biếc rừng già. Nhưng để có một Ba Tư hôm nay, mảnh đất này đã đổi biết bao xương máu. Huyện hơn 45 ngàn người mà tới hơn 1.000 liệt sĩ, 17 bà mẹ VNAH, gần 300 gia đình thương binh... Đến bây giờ vẫn còn cha mẹ, anh em nơi khác lặn lội lên chiến trường xưa này mong tìm được hài cốt con em. Máu và sắt thép quá nhiều trộn vào đất. Từ sau Mậu Thân (1968) trở đi địch tăng cường hủy diệt vùng căn cứ lợi hại này, bom pháo liên miên và chất độc trắng xóa. Bao nhiêu nương lúa, rẫy bắp nuôi quân đều héo trụi. Mọi

người phải sống bằng củ rau rừng và gạo chi viện. Hậu quả này còn kéo dài nhiều năm sau giải phóng. Vì vậy, những năm trước đây dân còn đói liêu xiêu, nhiều đồng bào phải ăn củ mài thay cơm, thì giáp hạt xe tải ở tỉnh nối đuôi nhau ngược đường khắp khênh, leo dốc, lội nguồn chở hàng chục tấn gạo lên cứu đói.

Trong chiến tranh là vậy, quân và dân Ba Tư mất mát quá nhiều. Bây giờ trong thời bình, những người lính năm xưa không còn cầm giáo cầm súng như trước nữa mà họ bước vào thời đại mới: Thời đại xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước. Ông Phạm Quốc Hồng, Phó chủ tịch Hội Cựu chiến binh (CCB) huyện Ba Tư hồ hởi nói với chúng tôi: Toàn huyện có 90% hội viên CCB là người dân tộc H're, trong đó có 1.621 hội viên với 26 cơ sở hội (19 xã và 7 cơ quan). Đây là một lực lượng góp phần không nhỏ trong việc phát triển kinh tế của huyện nhà. Ông Hồng cũng tự hào rằng: "Người lính Ba Tư năm xưa đánh giặc giỏi, trong xây dựng kinh tế cũng chẳng chịu thua kém". Đến nay, các hội viên CCB đã thoát được đói, giảm được nghèo, có hộ làm ăn giàu lên. Nhiều hội viên đã biết bám sát tình hình, nhiệm vụ của địa phương, thực hiện có hiệu quả các chương trình kinh tế - xã hội như làm thủy lợi, chương trình 327, kế hoạch chuyển đổi mùa vụ cây trồng. Trong tổng số người sản xuất giỏi ở địa phương thì lực lượng hội viên CCB chiếm hơn 1/2 (có xã từ 60 - 70%). Toàn huyện có hơn 180 hội viên là những nông dân sản xuất giỏi. Vận dụng lời thề của Quân đội nhân dân Việt Nam là: "Giúp nhau lúc thường cũng như lúc ra trận", các tổ chức hội ở cơ sở, phân hội đã có nhiều hoạt động tình nghĩa, giúp nhau những lúc khó khăn, bệnh tật... Hội đã biết khai thác nguồn vốn như: Lập quỹ xóa đói giảm nghèo, lập các dự án vay vốn ở Ngân hàng người

nghèo, tín dụng. Đến nay đã vay hơn 200 triệu đồng giải quyết cho hơn 200 hội viên vay để nuôi bò, trâu, trồng mía... tạo công ăn việc làm thường xuyên ổn định cho hơn 300 hội viên. Toàn huyện chỉ còn 105/1.131 hội viên CCB nghèo (chiếm tỷ lệ 7,9%), không có hội viên nào đói... Những con số tưởng chừng khô khan này là thước đo đánh dấu vai trò của Hội CCB trong sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế của địa phương.

"Đời sống của CCB bây giờ không phải di bứt mây, bứt đọt như trước để đắp đổi qua ngày mà họ đã biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào đồng ruộng, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao đời sống". Ông Phạm Quốc Hồng nói với chúng tôi như vậy. Ông còn giới thiệu thêm về Hội CCB xã Ba Liên - lá cờ đầu về phong trào phát triển kinh tế của địa phương. Là một xã vùng cao của huyện, mấy năm trước đây quanh năm thiếu ăn. Ba Liên có 32 hộ hội viên CCB mà 30 hộ nghèo, đói. Những năm gần đây, trên ruộng đồng của xã đã cấy giống lúa mới, có năng suất cao, người dân biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất nên năng suất lúa tăng gấp đôi. Nhiều hội viên CCB tìm hiểu, học hỏi ở một số người làm ăn giỏi ở các địa phương khác, cộng với quyết tâm xây dựng cuộc sống ấm no, khai hóa đất đồi ven sông, đất bãi để trồng mía. Từ chỗ chỉ thử hơn 30 ha, nay đã trồng hơn 200 ha, hằng năm bán cho Nhà máy đường Phổ Phong hàng ngàn tấn mía cây, thu nhập toàn xã hơn 200 triệu đồng. Điển hình như CCB Phạm Văn Hương, Phạm Văn Biêu vào vụ mỗi hộ bán hơn 100 tấn mía cây. Nhiều CCB có từ 10 - 15 con trâu trong chuồng. Nhà cửa khang trang, mua sắm một số đồ dùng tiện nghi đất tiền trong nhà, có hộ có xe máy... Bình quân mỗi hội viên CCB ở Ba Liên thu nhập từ 7 - 20 triệu đồng/năm.

Phong trào CCB giúp nhau làm kinh tế gia đình phát triển và nhân rộng khắp trên địa bàn của huyện. Ở thị trấn Ba Tư có CCB Phạm Quốc Anh biết kết hợp mô hình VAC thành công, thu nhập mỗi năm từ 8 - 10 triệu đồng. Ở Ba Thành có CCB Phạm Văn Trang, Phạm Văn Thái; ở Ba Chùa có CCB Phạm Văn Chénh; ở Ba Vì có CCB Phạm Văn Túc, Phạm Văn Phúc... Đây là những CCB sản xuất giỏi, điển hình cho phong trào giúp nhau làm kinh tế gia đình, nâng cao mức sống, góp phần xóa đói giảm nghèo. Hiện nay, toàn huyện có 198 hội viên được công nhận nông dân sản xuất giỏi, tăng gấp 4 lần so với năm 1998 (có 48 hội viên). Đây là lực lượng không nhỏ góp phần vào việc xóa đói giảm nghèo ở địa phương. Khi chúng tôi hỏi bí quyết nào để vực dậy sự lớn mạnh của Hội CCB, đặc biệt là việc tạo ra phong trào phát triển kinh tế, ông Phạm Quốc Hồng cho rằng: Sở dĩ Hội CCB lớn mạnh không ngừng (nếu như năm 1990 có 470 hội viên CCB thì đến nay có 1.620 hội viên, đạt 98% CCB trong huyện đã vào hội) yếu tố đầu tiên là xây dựng một đội ngũ cán bộ hoạt động hội ở cơ sở có bản lĩnh chính trị kiên định vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, biết cách làm ăn. Đặc biệt, các tổ chức hội phải chăm lo về đời sống vật chất và tinh thần cho hội viên, nhất là lập quỹ hội, vay vốn, giải quyết việc làm, tạo điều kiện giúp đỡ, tương thân, tương ái... Mặt khác, phải biết kết hợp chặt chẽ với các ban, ngành, đoàn thể dưới sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, phát huy vai trò, bản chất truyền thống của "Anh bộ đội Cụ Hồ", động viên cán bộ, hội viên khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ được giao. Một yếu tố cơ bản làm cho Hội CCB của huyện lớn mạnh là việc giữ vững sinh hoạt định kỳ, cán bộ CCB của huyện trực tiếp đi đến các khu vực được

phân chia hàng tháng để nắm tình hình ở từng địa phương ở cơ sở kịp thời uốn nắn, sửa chữa, động viên từng hộ CCB phát huy phẩm chất “*Anh bộ đội Cụ Hồ*” trong giai đoạn mới. Vì vậy, trong những năm qua, những hội viên tham gia vào công tác xây dựng Đảng, chính quyền ở các cấp trong huyện tuy ở trong từng cương vị khác nhau các hội viên luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ, không có hội viên nào vi phạm kỷ luật. Nhiều hội viên đã tham gia vào bộ máy lãnh đạo Đảng và chính quyền, địa phương được bà con hết lòng yêu mến, tin tưởng. Do đó, Hội CCB Ba Tư vinh dự được TW Hội CCB Việt Nam tặng cờ luân lưu là đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua từ năm 1990 - 1995.

Chia tay với ông Ngô Quốc Anh, rời Ba Tư về xuôi, chúng tôi hy vọng trong tương lai không xa Ba Tư sẽ từng bước xóa được đói giảm được nghèo và vươn lên giàu có, trong đó có sự đóng góp rất lớn của lực lượng CCB...

NƠI KHÔNG CÒN HỘ ĐỔI

*X*óa xong hộ đổi là việc khó khăn và cũng là điều mơ ước đối với tất cả các xã đồng bằng hiện nay ở Quảng Ngãi. Ấy thế mà, điều mơ ước như không tưởng kia lại “có mặt” ở một xã vùng cao thuộc huyện Ba Tơ: xã Ba Chùa.

Ngày 11 tháng 3 này là tròn 55 năm ngày nổ ra cuộc khởi nghĩa Ba Tơ. Ở nơi rừng thiêng nước độc, chỉ dành cho những những bộ tộc người H're sống rải rác trong các hẻm núi và những người tù cộng sản ngày ấy, giờ là một vùng đất mà bất cứ một người dân nào yêu mến lịch sử, khi đặt chân đến đó cũng khó nói lời chia tay. Với riêng tôi, đến Ba Tơ không phải chỉ để nghe từ trong còi xa xăm tiếng vang vọng của công chiêng reo mừng chiến thắng của đồng bào IPre từ hơn nửa thế kỷ trước mà còn để tận mắt chứng kiến những đổi thay từng ngày, từng giờ của vùng đất được xem là chiếc nôi của cách mạng này. Tôi hỏi ông Trần Thanh Vân, Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ: “Ông có thể nói một điều gì đó về những đổi thay của Ba Tơ hiện nay?”. Thay vì trả lời cụ thể, ông chủ tịch chỉ tay về phía ngọn núi xa mờ bên kia sông Liêng rồi nói: “Qua bên ấy sẽ thấy mọi điều”. Bên ấy là xã Ba Chùa.

HÀNH TRÌNH XÓA ĐỔI

Vượt sông Liêng rồi qua sông Tô, Ba Chùa mới hiện ra trước mắt. Nghe rầm rập tiếng rặng vỡ của lớp phù sa đôi bờ sông Tô sau trận lũ hồi cuối năm rồi. Còn nguyên dấu vết của trận cuồng

lưu: từng búi tre nằm sóng soài ven sông, từng đê đất như chờ chực đổ ập xuống vực. Đã thấy những tan hoang của vùng đất này sau cơn lũ. Thế nhưng vượt lên những đổ nát ấy là màu xanh nao lòng của lúa. Đây là điều ít thấy ở những buôn làng của đồng bào thiểu số mà tôi đã từng qua. Thấy tôi có vẻ ngạc nhiên trước màu xanh bất tận của cánh đồng Lệ Trinh, anh Phạm Văn Tới, Phó chủ tịch UBND xã Ba Chùa bộc bạch: “Cũng chỉ mới năm năm trở lại đây, cánh đồng này mới có thể xanh hết mình như thế. Còn trước đây, cũng ruộng đồng ấy, vẫn con người ấy, nhưng cây lúa luôn luôn vàng vọt. Mười lăm tạ thóc trên mỗi hecta đất chẳng giải quyết được gì về nạn đói triền miên của trên 200 gia đình trong xã. Giờ thì khác rồi, năng suất lúa chẳng kém gì ở đồng bằng, 35-40 tạ/ha. Anh Phạm Văn Ốp, Chủ tịch xã đỡ lời: “Chẳng giỏi giang gì đâu nhưng chỉ có như vậy mới giải quyết được lương thực tại chỗ”. Nói rồi anh kể về cuộc hành trình gian nan để đồng bào H're ở Ba Chùa đoạn tuyệt với cái đói đã đeo bám họ từ bao đời nay.

May mắn hơn một số buôn làng khác của đồng bào H're ở huyện Ba Tơ, thiên nhiên đã “biếu” cho dân Ba Chùa trên 50 ha đất có thể canh tác cây lúa nước. Thế nhưng đã mấy ai ở Ba Chùa được biết rằng để cho mấy mươi hecta đất ấy có thể nuôi sống trên 1.200 người dân nơi đây thì làm cách nào ? Tới mùa, người dân cứ ném hạt giống xuống ruộng rồi được chẳng hay chớ, trăm sự nhờ Giàng. Năm nào mưa thuận gió hòa thì còn có bát cơm cúng giỗ ông bà, năm nào Giàng phạt, cả làng kéo nhau vào núi hái rau, đào củ sống qua ngày. Con suối Lệ Trinh quanh năm ào tuôn nước ra sông Tô nhưng cánh đồng của dân Ba Chùa thì vẫn thường xuyên khát nước. Không cam chịu với cảnh lúa thì khô hạn mà nước thì đổ ra sông, cả làng hè nhau làm thủy

lợi. Đập Lê Trinh ra đời từ đó. Mới đầu chỉ ngăn đập bằng đá, đến mùa lũ, Giàng lại mang đá ra sông Tô. Công “dã tràng” ấy chấm dứt kể từ sau ngày giải phóng khi huyện Ba Tư xây cho dân Ba Chùa con đập kiên cố. Chủ động được nước tưới nhưng như thế vẫn chưa đủ. Nó chỉ giải quyết được một trong bốn khâu cơ bản của việc canh tác cây lúa mà thôi. Phân, giống và kỹ thuật chăm bón là những điều kiện cần thiết để đẩy năng suất lúa của cánh đồng Ba Chùa vượt qua cái ngưỡng của của 30 tạ/ha. Và Ba Chùa đã làm được điều đó. Anh Ốp bảo rằng anh chỉ “tóm tắt ngắn gọn” về hành trình xóa đói của Ba Chùa bắt đầu từ cây lúa nước như thế. Thoạt nghe có vẻ đơn giản nhưng để cấy lúa có được màu xanh như hôm nay là cả một kỳ công của những người lãnh đạo xã. Ví như chung quanh việc bón phân chuồng cho lúa cũng là điều khá rắc rối rồi. Đồng bào H're không có thói quen nhốt trâu trong chuồng mà cứ thả rong ngoài núi. Đường làng có thể ngập ngựa phân trâu nhưng đồng ruộng lại không có được tơi phân nào. Thế là lãnh đạo xã phải họp dân lại, giải thích cho họ thấy được giá trị của việc bón phân chuồng. Giải thích không chưa đủ mà chính những người lãnh đạo xã phải xắn tay áo lên làm trước. Lần đầu tiên con trâu, con bò có chuồng trại, mùa đông tháng giá, gia súc gia cầm không còn chết rét nữa. Học tập người Kinh dưới miền xuôi, người dân Ba Chùa đã biết dự trữ lương thực cho trâu bằng những cây - rơm - lương - khô. Đây được xem như sự cách tân chưa từng tưởng của dân Ba Chùa. Cứ sau một sự thay đổi như vậy, cái đói được đẩy lùi. Cho đến cuối năm 1999, Ba Chùa thử phào nhẹ nhõm: không còn một gia đình nào trong xã thuộc diện đói. Đây là xã miền núi đầu tiên của Quảng Ngãi đã rũ được chiếc áo đói khổ như một định mệnh khó rút ra được.

NHỮNG BÀI HỌC KHÔNG CÓ TRONG SÁCH

Ông Bí thư Đảng ủy xã Ba Chùa Phạm Văn Chênh nói với tôi rằng, chẳng có một khuôn mẫu nào sẵn có để cho Ba Chùa học tập về cách xóa đói khổ. Ông gọi những điều mà xã ông làm được là “Những bài học không có trong sách”. Người bí thư chưa đến năm mươi này đưa ra hàng loạt dẫn chứng về “bài học” ấy. Ông nói: “Tất cả các “bài học” muốn cho dân “thuộc”, người cán bộ phải làm trước. Dân H're chỉ tin khi họ nhìn thấy. Tôi phải bán tất cả những gì có thể để làm chuồng trâu, xây chuồng lợn bằng xi măng. Có như vậy mới tận dụng được phân chuồng mà bón cho lúa. Lúa của tôi phải là đám lúa tốt nhất, năng suất cao nhất. Rẫy của tôi cũng phải là rẫy có nhiều loại cây nhất, thu hoạch cao nhất. Mà chẳng riêng gì tôi, các đồng chí lãnh đạo xã, ai cũng phải làm như vậy. Đảng bộ chúng tôi được công nhận là Đảng bộ trong sạch vững mạnh trong 7 năm liền là vì thế. Mình “trong sạch” là đương nhiên rồi, vì không “sạch” thì dân không nghe mình nói; còn “vững mạnh” là do mình không để dân đói kém. Thế thôi”. Hóa ra những “bài học” mà ông Chênh nói “không có trong sách” ấy, thực ra không quá mới mẻ. Nơi nào cán bộ nhiệt tình, biết lo cho dân và sống gương mẫu thì nơi ấy dân đỡ đói kém. Đó dường như là qui luật hiển nhiên nhưng không phải địa phương nào làm cũng được. Họ vừa là những cán bộ chủ chốt của xã, vừa là những gương sản xuất giỏi của địa phương. Để có những cuộc trò chuyện vừa kể, tôi đã phải “mờ mắt” đi tìm họ. Cả ông Bí thư lẫn ông Phó chủ tịch xã đều đi... chặn bò ngoài rẫy ! Tôi hỏi: “Sao không để cho con cái đi chặn ?”. Cả hai ông đều nói: “Để cho con nó học bài”. Thú thật, bố mẹ là nông dân người Kinh cũng hiếm người có thể nói được câu đó. Bí thư, chủ

tịch mà còn tận dụng tối đa thời gian rồi để chăn trâu, cắt cỏ thì chắc chắn rằng không có người dân nào trong làng “dám” lười biếng cả. Hèn chi tôi dạo một vòng quanh làng, chẳng thấy bóng dáng một thanh niên nào. Đây cũng là điều “lạ” so với nhiều làng người H're mà tôi đã từng qua trong những dịp sau Tết âm lịch. Cảnh say xỉn nằm lăn lóc trên đường suốt trong tháng giêng là chuyện không có gì lạ đối với đồng bào ở vùng cao.

Tôi đã đi trên những con đường làng thoáng đãng của Ba Chùa, nghe nồng nàn mùi hương của hoa bưởi và quế từ những khu vườn - rừng của bà con H're. Anh Ốp, Chủ tịch xã gọi đó là “vườn ba tầng”: tầng một là thơm (dứa), tầng hai là chuối và tầng trên cùng là quế và các loại cây ăn quả khác. Ông Chủ tịch xã nói: “Giải quyết đủ cái ăn đã là vui nhưng vui hơn nữa nếu như tất cả đều xây được những ngôi nhà như thế này”. Anh chỉ ngôi nhà trước mặt và cho biết giá trị của nó là 60 triệu đồng. Ở Ba Chùa có đến 50% là nhà ngói, xây dựng khá kiên cố. Đây là kết quả của việc làm vườn rừng và chăn nuôi. Anh Phạm Văn Nét - chủ nhân của ngôi nhà ngói vừa xây xong, nói: “Nhờ cán bộ nó bày cho mình làm cái ruộng sao cho tốt, nuôi con trâu sao cho béo nên mới xây được cái nhà như thế này”. Hỏi anh Nét, anh Nít gì ở Ba Chùa cũng đều nói “Nhờ ơn cán bộ”. Vâng, “cán bộ” đã bày cho họ học thuộc những bài học “không có trong sách” như cách nói của anh Chênh. “Đưa tiền cho họ mà không bày cách làm ăn thì họ sẽ uống rượu hết”. Ông cán bộ xã nào ở Ba Chùa cũng khẳng định điều đó. Trên 80% số hộ ở Ba Chùa đã vượt qua cái khe cửa của đói nghèo cũng nhờ những “bài học” quý giá ấy. Trên 1.200 người dân Ba Chùa có thể giơ cao cánh tay của mình lên và nói câu tạm biệt đói nghèo. Họ đã không làm hổ danh của quê hương cách mạng Ba Tư ♦

NGƯỜI DU KÍCH GIÀ

Tôi đã cân nhắc khi định dùng cụm từ “lão du kích” để gọi ông Trần. Nhưng cụm từ này hình như chưa gọi ra được ông, một người chưa có vẻ gì là “lão” cũng không có vẻ gì “tiên phong đạo cốt”. Trông ông Trần, một người đã có thâm niên ngót sáu mươi năm hoạt động cách mạng, đã từng “làm quan” tới cỡ “nhất phẩm” triều đình (ấy là gọi theo kiểu cũ cho... vui), trông ông đúng là một bác nông dân già. Nông dân từ dáng đi, từ giọng nói, từ cung cách đối xử, nó khiến những người vốn dân dã như tôi lần đầu tiên gặp ông thấy dễ gần. Và tôi đã nói chuyện với ông, chuyện về ông, như hai người nông dân nói chuyện với nhau về mùa màng, vườn tược, không một chút giữ ý, màu mè. Tôi thích vậy. Và ông Trần còn thích điều đó hơn tôi. Nhưng không phải ai đã và đang là quan chức cũng xuề xòa như thế đâu nhé ! Tôi tự nhắc mình, đồng thời cũng muốn ngỏ ý với nhiều người khác khi có việc phải tiếp xúc với các bậc quan chức, kéo cứ “tương thiệt” mà nói năng “bình dân” quá, đôi khi bị hổ, rồi đâm ra khó xử, đâm ra hỏng việc. Ông Trần, vốn là thành viên của một đội du kích khét tiếng ở miền Trung, đã từng tham gia một cuộc khởi nghĩa rất hùng vĩ mà năm 2000 người ta sẽ kỷ niệm 55 năm ngày cuộc khởi nghĩa ấy nổ ra. Ông Trần cũng là người đã bám trụ với Tây Nguyên, với

miền Trung suốt những năm đánh Mỹ, trước cả những năm đánh Mỹ là thời kỳ đen tối dưới chế độ độc tài Ngô Đình Diệm. Chiến công của ông nhiều đến không kể hết. Những giai thoại về ông cũng nhiều đến không kể hết. Và “nhân vô thập toàn”, ông cũng là “nhân vật chính” của khối chuyện mà độ thực hư còn chưa được kiểm chứng. Như người ta nói ông là tác giả của những “kế hoạch” phá rừng để trồng mì (sắn), rằng ông đã đưa cả ban lãnh đạo một tỉnh xuống làm việc tại một buôn làng đang thử nghiệm trồng lúa nước... Rằng ông thường có những quyết định độc đoán, bất ngờ v.v... Đáng tiếc, tôi chưa từng được tham gia trực tiếp vào những sự kiện ấy, chưa một ngày là lính của ông thời bao cấp đầy khó khăn ấy để có thể nói chắc ông đã làm được những việc nào đúng, và những việc nào sai. Nhưng cách nay khoảng 15 năm, tôi được đọc một loạt bài viết của một nhà văn nổi tiếng về Tây Nguyên, trong đó nhà văn này có “vẽ chân dung” ông Trần, nhưng lại là kiểu vẽ gián tiếp, thông qua lời kể những người khác. Vốn tin nhà văn này nên tôi lập tức có “ấn tượng” với ông Trần, dù lúc đó tôi chưa gặp ông lần nào. Ấn tượng đầu tiên thường rất khó phai, nên về sau này, dù vẫn chưa gặp ông, nhưng tôi luôn coi ông là một người lãnh đạo làm kinh tế theo kiểu du kích, lấy nhiệt tình làm chính, cứ “ào ào xông tới” hay phơi phới xông lên gì đó. Nhưng bây giờ, khi đã trực tiếp gặp ông, khi ông đã về hưu, khi ông đã có thể ngồi tổng kết cuộc đời mình, tôi hỏi tỉ mỉ từng chuyện mà tôi từng nghi ngờ, và được nghe ông kể lại... Thì ra, hiểu được một con người cũng không phải dễ, và đánh giá một con người lại càng khó hơn. Con người luôn luôn là một bí mật. Và bây giờ, hiện trước tôi là một con người thú vị, có nội tâm, có xúc cảm, có những suy nghĩ sâu sắc, chứ không phải một “mẫu” người cứ “ào ào xông tới” trong mọi sự. Ông Trần kể với tôi lý do tại sao ông chủ trương phát triển

cây cà phê ở Đắc Lắc, và ông đã từng quen biết với cây cà phê từ mấy mươi năm trước, ông đã tìm đọc những sách viết về kỹ thuật trồng cà phê thế nào, và lúc bấy giờ, ông đã nghĩ rằng cây cà phê có thể đưa vùng đất Tây Nguyên này đi lên ra sao... Ông kể cả chuyện lúc ấy, để có đủ lượng phân rác bón lót cho cà phê, ông đã chủ trương đưa cả đoàn "công-voa" về Thành phố Hồ Chí Minh để mua... rác chở về Đắc Lắc... toàn những chuyện theo kiểu "Ngu Công dời núi" mà nếu chệch đi một vài... li, thì dễ trở thành chuyện tiểu lâm dời mối, nhưng nếu hiểu đúng, thì đó là chuyện của những người khai phá, những người dám can đảm lao vào những sự nghiệp lớn, với ý chí lớn. Bấy giờ, khi đã về hưu, ông lại có vẻ bận rộn hơn cả lúc đương chức. Không hay trả dư tiền hậu đàm đạo chuyện trên trời dưới đất, ông Trần cứ lặng lẽ, cứ lủi thủi suốt ngày với những mảnh vườn thí nghiệm mà ông gọi là "sinh thái tầng", nơi ông trồng loại cây ăn quả, cây công nghiệp xen với nhau thành ba bốn tầng tán, lấy cây này nuôi cây kia, lấy kết quả này mở hướng cho công việc khác. Tôi hỏi : "Ông lấy tiền đâu để làm những mảnh vườn thí nghiệm này?". Ông Trần cười : "Tôi lấy lương hưu". "Vậy ông sẽ làm gì với thí nghiệm này, nếu nó thành công ?". Ông Trần lại cười hiền lành : "Nếu thành công, tôi sẽ cung cấp mô hình này cho bà con nông dân, nhất là bà con nông dân miền núi, để họ có thể giảm... đói. Còn giảm nghèo lại phải tính thêm nhiều kiểu khác". Tôi lại hỏi : "Sao ông không ở nhà hoặc đi... họp, mà ông luôn được mời dự các cuộc họp, cho nó khỏe người, lại có... phong bì, ông đang nằng thế này chỉ cho mệt, khi đã nghỉ hưu?". Ông Trần chia hai bàn tay chai sạn, đã hơi nhăn nheo : "Tôi là nông dân, không làm việc tôi khó chịu lắm. Làm việc với đất với cây cối tôi thấy khỏe hơn nhiều". "Khỏe hơn cả đi họp ?". Tôi đùa. Ông Trần lắc lắc đầu...

MỘT SỐ TƯ LIỆU VỀ DÂN TỘC H'RE

Dân tộc H're có tên gọi khác là Châm-rê, Chom, Kre, Mọi Lũy, có khoảng 95.000 người cư trú chủ yếu ở các huyện thuộc miền Tây Quảng Ngãi và Bình Định. Tiếng H're thuộc nhóm ngôn ngữ Môn Khơme, gần gũi với tiếng nói các dân tộc Xêđăng và Bana.

Người H're sống theo chế độ đa thần, quan niệm có hệ thống siêu linh gồm nhiều loại thần khác nhau. Người H're có kinh nghiệm làm lúa nước lâu đời, kỹ thuật tương tự như người Kinh ở vùng Nam Trung bộ. Người H're chủ yếu chăn nuôi các loại gà, heo, trâu để phục vụ các lễ cúng bái. Trâu còn là nguồn sức kéo trong canh tác nông nghiệp. Ngoài nghề nông trên ruộng, rẫy, người H're còn làm các nghề thủ công như đan lát, dệt thổ cẩm và khai thác lâm sản để đổi chác với người Kinh lấy đồ gia dụng, nông cụ và thực phẩm.

Theo truyền thống, đàn ông H're thường mặc khố, áo rách ngắn đến thắt lưng hoặc ở trần; đầu quấn khăn. Phụ nữ thường mặc váy hai tầng, áo nam thân, đầu trùm khăn. Nam nữ đều để tóc búi, cài lông nhím. Người H're thích đeo các loại trang sức bằng đồng, bạc, răng cạp hoặc các loại chuỗi hạt cườm ở cổ, ở tay. Phụ nữ còn có thêm vòng chân và hoa tai. Người H're còn có tục cà răng. Nay tục này dần dần được xóa bỏ.

Người H're ở nhà sàn. Sàn nhà cao hơn mặt đất trung bình khoảng một mét. Vách nhà thường được bện bằng tre nứa, dựng chéch rộng đầu trên tạo thành khối hình thang có đáy dưới nhỏ hơn đáy trên. Mỗi nhà có thể là chỗ cư trú cho nhiều gia đình thuộc con cháu. Mỗi gia đình thường được ghi nhận bằng một bếp. Hai đầu nhà chứa hai khoảng sàn trống gọi là đầu tra dùng để tiếp khách hoặc sinh hoạt các gia đình trong nhà.

Trong làng người H're, "già Làng" là người có uy tín cao và giữ nhiều vai trò quyết định những việc quan trọng như cúng tế, dời làng, chuyển rẫy. Người H're có chung một họ là họ Đinh. Từ thời Pháp thuộc đến nay, do quá trình giao lưu ngày càng rộng, người H're đã lấy thêm một số họ của người Kinh như Phạm, Nguyễn, Lê... để đặt họ cho mình. Người H're sống có tính cộng đồng huyết thống rất cao. Trong các dịp lễ hội lớn, người H're cũng có tục đâm trâu. Trong tang lễ, người H're có tục "chia cửa" cho người chết, không thờ cúng ông bà mà chỉ cúng thần và ma quỷ. Người H're có tinh thần thượng võ, yêu chuộng tự do và tự hào dân tộc cao. Điều dân ca phổ biến nhất của người H're là "kalêu - cachoi" nhằm ca ngợi những người có công, kể chuyện các vị thần, trao đổi tình yêu nam nữ mang đậm tính chất trường ca và anh hùng ca. Nhạc cụ của người H're cũng thuộc nhiều nhóm bộ khí, bộ gỗ, bộ dây... như đàn brook, chinh ka-la, sáo linh la, ta lía, đàn ống bơ - bút, khèn ra-vai, pơ - pen... Nhạc cụ được người H're yêu quý và dùng phổ biến nhất trong các lễ hội là chinh đồng. Làng nào cũng có một hoặc nhiều bộ chinh. Mỗi bộ chinh có từ ba, năm hoặc chín chiếc. Khi hòa tấu, chinh vang lên một âm thanh rất đặc trưng của vùng rừng núi vùng vĩ.

(Biên tập và bổ sung theo Báo QNCT tháng 11/1999)

"VIỆC BẢO LƯU CÁC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG LÀ HẾT SỨC KHẨN TRƯỞNG"

Hai Nhà nghiên cứu Nhật Bản
TAMURA FUMI và TAKANORI SUGINO :

Từ ngày 20/2 đến 20/3/1999, hai nhà nghiên cứu thuộc Hiệp hội UNESCO là bà Tamura Fumi - giáo sư âm nhạc tại đại học tổng hợp Tokyo, và ông Takanori Sugino - giáo sư dân tộc học thuộc Trung tâm nghiên cứu dân tộc học Nhật Bản, đã có chuyến đi nghiên cứu các tộc người miền Tây Quảng Nam, Quảng Ngãi, Kon Tum, Gia Lai, Đak Lak. Nhân chuyến công tác miền núi, người viết bài này may mắn được tiếp xúc với bà Tamura Fumi và ông Takamori Sugiro ngay tại bản làng Teng thuộc xã Ba Thành, Ba Tơ, Quảng Ngãi. Dưới đây là cuộc phỏng vấn ngắn ngay tại nhà sàn của người H're.

ĐĂNG VŨ : *Thưa chị Tamura Fumi, được biết chị là người chuyên nghiên cứu về công chiêng, sau khi tiếp xúc với chiêng của người Cor và bây giờ là bộ chiêng ba của người H're chị có nhận xét gì ban đầu ?*

TAMURA FUMI: Nói về chiêng thì hầu hết các nước Đông Nam Á (từ nam Trung Quốc đến Việt Nam, Lào, Campuchia, Malaixia) đều có. Tôi được đi nhiều nơi, được nghe nhiều người biểu diễn những bộ chiêng của họ, nhưng quả thật tôi rất bất ngờ và thú vị khi nghe người H're biểu diễn bộ chiêng ba. Người Cor ở Phước Sơn, Quảng Nam có dàn chiêng nhiều chiếc, nhưng chiêng mỏng, tiếng không vang xa. Người Cor ở Trà Bồng dàn chiêng chỉ 2 chiếc, gõ bằng dùi gỗ nên tiếng cũng khác tiếng chiêng của người H're. Bộ chiêng của người H're dù chỉ có 3 chiếc, nhưng khi chúng tôi được nghe trình tấu các bài "Ếch kêu", "Tiếng chim"... tại đầu tra nhà sàn này thì bộ chiêng ba thực sự cuốn hút tôi. Chiêng của người H're dày nên âm vang xa. Và đặc biệt là cách đánh của người H're: họ chỉ đánh bằng tay, kết hợp vừa đánh vừa gõ, vừa đánh vừa giữ tiếng nên âm điệu rất phong phú và độc đáo. Sắp tới đây tôi sẽ đi một vài nơi nữa tại Việt Nam, và sau đó sẽ sang Philipine. Ở Philipine cũng có những dạng chiêng như thế này. Chắc chắn tôi sẽ có so sánh kỹ lưỡng.

ĐẶNG VŨ : Có một vài nhà nghiên cứu nước ngoài cho rằng người H're có tổ tiên ở Nam đảo, công chiêng của người H're do từ Nam đảo mang vào. Chị nghĩ gì về điều này ?

TAMURA FUMI: Tôi cho rằng, những vùng gần có thể giao lưu với nhau, bởi vậy văn hóa không phải là thứ chỉ du nhập từ một nơi nào đó. Vì là đang nghiên cứu nên tôi chưa dám đưa ra kết luận gì, dù tôi đã nghiên cứu công chiêng hơn 20 năm. Nhân đây tôi cũng có một đề nghị là, trong khi tổ chức các lễ hội, cái riêng của tộc người nào nên giữ riêng cho tộc người ấy, đừng làm lẫn lộn vào nhau mà dần dần mất đi nét riêng của họ.

ĐẶNG VŨ : *Xin cảm ơn chị Tamura Fumi. Thưa ông Takanori Sugino, xin ông cho biết một vài ý kiến của ông sau khi đến đây trong những ngày qua ?*

TAKANORI SUGINO : Tôi đã đến Việt Nam từ những năm đầu đổi mới. Và đây là lần thứ ba. Đến Quảng Nam, Quảng Ngãi lần này tôi thấy có nhiều thay đổi. Bản làng của các dân tộc thiểu số đã ít nhiều pha tạp. Nhưng dấu sao làng vẫn là nơi lưu giữ đậm nét văn hóa của cộng đồng làng. Tôi đã đi nghiên cứu nhiều nơi, đặc biệt các nước Đông Nam Á, tôi muốn có sự so sánh để tìm ra những nét tương đồng lẫn dị biệt. Ví dụ như, về cây nêu chẳng hạn. Nhiều nơi có cây nêu, kể cả ở Nhật, nhưng cây nêu của người Cor, người H're rất khác. Cây nêu ở đây nhỏ hơn, hoa văn họa tiết cũng hoàn toàn khác. Hay là lễ đâm trâu mà chúng ta vừa chứng kiến chẳng hạn, cũng có nhiều nét khác biệt so với các dân tộc khác dù cùng là để tế thần linh. Về nghề dệt, nhiều tộc người cũng có nghề dệt truyền thống, nhưng cách dệt, và cả hoa văn trên tấm thổ cẩm của người H're làng Teng có những nét rất riêng. Chúng tôi đã ghi lại đầy đủ, và sẽ nghiên cứu kỹ hơn khi về Nhật. Tôi nghĩ, chúng ta cần phải xúc tiến việc bảo tồn các giá trị truyền thống này hết sức khẩn trương.

ĐẶNG VŨ : *Theo ông thì có cách nào để bảo lưu các giá trị truyền thống tốt nhất, người Nhật có kinh nghiệm gì ?*

TAKANORI SUGINO : Theo tôi, để bảo tồn không phải chỉ là việc giới thiệu trên vô tuyến để mọi người cùng xem chơi. Cần phải có kinh phí là điều tất nhiên, nhưng phải biết cách tổ chức sâu tằm, truyền bá kỹ lưỡng. Ở Nhật, ngoài việc sâu tằm, ghi chép bằng các phương tiện hiện đại còn tổ chức giới thiệu cho

mọi người cùng biết các giá trị truyền thống. Rồi người ta còn khuyến khích các nghệ nhân truyền lại cho con cháu, và đưa vào giảng dạy cho học sinh ngay từ nhỏ. Ở Việt Nam, người Kinh (Việt) đã đưa âm nhạc Việt vào dạy trong nhà trường, thì cũng nên tổ chức cho các tộc người khác dạy công chiêng, nghề dệt truyền thống... cho các học sinh là con em của họ. Người H're nên dạy những làn điệu công chiêng H're cho con em mình ngay lúc các em đang học ở nhà trường. Và 54 dân tộc ở Việt Nam cũng nên làm như vậy.

TAMURA FUMI (Nói xen vào): Văn hóa là những gì có trong vũ trụ, trong thiên nhiên. Con người cần phải hòa hợp tự nhiên, nếu không sẽ như cỗ máy. Người Nhật có chú trọng đến việc dạy văn hóa truyền thống, nhưng cũng không tránh khỏi trường hợp trẻ em Nhật thấy mèo là chột chân, vì chúng nói chỉ được biết đến mèo trong vô tuyến !

TAKANORI SUGINO : Mấy tháng trước đây một số học sinh Nhật bắt thấy giáo chột đầu. Ở Mỹ có em bé mới 11 tuổi bắn chết cô giáo và nhiều học sinh khác... Những chuyện tương tự như vậy ở các nước công nghiệp phát triển xảy ra không phải là ít. Thật không hiểu nổi ! Phải chăng là thiếu sự giáo dục truyền thống ngay từ lúc các em còn nhỏ tuổi ?

TAMURA FUMI : Trong lễ đâm trâu vừa rồi, trẻ con đến xem rất đông. Các em chứng kiến cả cảnh mổ trâu, cảnh chia của cho người chết... còn ở Nhật, trâu còn không nhìn thấy, hướng hồ là cảnh mổ trâu ! Nhiều người chỉ thấy con trâu trên máy mà thôi! Nói điều đó để thấy là, cần phải giáo dục văn hóa truyền thống, cả giáo dục thực tiễn nữa.

ĐĂNG VŨ : *Vậy trước hết nên làm gì ?*

TAMURA FAMI: Tôi nghĩ trước nhất, chính người địa phương phải biết bảo lưu tất cả những giá trị văn hóa truyền thống của mình. Không ai nghiên cứu, sưu tầm, giới thiệu và truyền lại cho đời sau những di sản văn hóa của... người H're bằng chính người H're. Đối với dân tộc Cor, Ca dong và các dân tộc khác cũng vậy. Chúng tôi, các anh có thể đến đây nghiên cứu, làm các công trình này nọ, nhưng không thể bằng người địa phương tự nghiên cứu, bảo lưu văn hóa của chính họ. Chính quyền địa phương nên khuyến khích và tạo điều kiện để họ làm công việc này.

TAKANORI SUGINO: So với những nơi khác, người F're, người Cor, và nhiều tộc người ở Việt Nam còn nhiều vốn văn hóa quý nhưng chưa phát huy hết được. Cần phải tìm cách bảo lưu. Năm mười năm nữa chắc chắn sẽ không còn được như thế này, nó tàn lụi và đi vào quên lãng nhanh lắm. Vừa rồi các anh ở làng Teng phải một lúc lâu mới nhớ nổi điệu chiêng "Tiếng ếch kêu" của dân tộc mình. Vậy thì thế hệ sau nữa làm sao biết được điệu chiêng này nữa ? Cho nên việc bảo lưu các giá trị truyền thống là hết sức khẩn trương.

ĐĂNG VŨ : *Xin cảm ơn những lời tâm huyết của ông và bà.*

TỪ HUYỆN NGA BÔI ĐẾN HUYỆN BA TƠ

Từ năm 1400, họ Hồ thay họ Trần giữ ngôi vua nước Đại Việt. Tháng 7-1402, nhà Hồ thu phục vùng Chiêm Động và Chiêm Lũy Động (vốn là đất thuộc bộ Việt Thường nước Âu Lạc) sau một thời gian dài do vương quốc Chiêm Thành cai quản.

Chiêm Động là tỉnh Quảng Nam (gồm cả thành phố Đà Nẵng); còn Chiêm Lũy (hay Cổ Lũy) nay là tỉnh Quảng Ngãi. Có thể do nhầm lẫn tự dạng chữ Chiêm (𣎵) và chữ Cổ (𣎵) hoặc do cổ tình, sử cũ chép *Chiêm Lũy động* thành *Cổ Lũy động*.

Nhà Hồ chia Chiêm Lũy Động thành châu Tư và châu Nghĩa, trực thuộc lộ Thăng Hoa. Châu Nghĩa có 3 huyện là: Nghĩa Thuận, Nga Bôi và Khê Cẩm. Nga Bôi về sau là hai nguồn Phụ An (*Minh Long*) và An Ba (*Ba Tơ*).

Các chức quan An Phủ sứ (sau đổi là *Tuyên Phủ sứ*) cũng được đặt ra để cai quản vùng Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa (*Quảng Nam, Quảng Ngãi ngày nay*). Cư dân từ vùng Sơn Nam Hạ đến Thuận Hóa (từ Ninh Bình đến bắc đèo Hải Vân) cũng được chiêu mộ vào nơi đây để cùng một bộ phận quân lính Đại Việt còn giữ lại, người Việt di dân lẻ tẻ từ thời Trần về trước và dân Chiêm bản địa khai khẩn, xây dựng vùng đất mới.

Năm Đinh Hợi (1407) nhà Minh xâm lăng Đại Việt. Nhân cơ hội này Chiêm Thành chiếm cứ lộ Thăng Hoa. Năm 1427, Bình Định Vương Lê Lợi đuổi quân Minh về nước, giành lại quyền tự chủ, nhưng Chiêm Thành lợi dụng nhà Hậu Lê còn bẽ bộn công việc thời hậu chiến vẫn bám giữ đất Thăng Hoa và nhiều lần lấy nơi này làm bàn đạp quấy phá Hóa Châu, gây bất an cho đất Đại Việt.

Năm 1471 (*Hồng Đức thứ 2*), Lê Thánh Tông thân chinh đánh Chiêm Thành, thu phục lại vùng đất Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa, chiếm luôn thành Chà Bàn (*Đồ Bàn - Bình Định*). Năm 1475, thừa tuyên Quảng Nam (*đơn vị hành chính thứ 13 của nước Đại Việt*) được thành lập và được gọi "*phên dậu phương Nam*", với 3 phủ Thăng Hoa (*Quảng Nam*), Tư Nghĩa (*nay là Quảng Ngãi*) và Hoài Nhân (*nay là Bình Định*).

Phủ Tư Nghĩa (*thuộc thừa tuyên Quảng Nam, nay là Quảng Ngãi*) được chia làm 3 huyện Bình Dương, Nghĩa Giang và Mộ Hoa. Huyện Nghĩa Giang gồm đất 2 huyện Nghĩa Thuận và Nga Bối thuộc châu Nghĩa đời nhà Hồ.

Từ thời Lê-Mạc, Trịnh-Nguyễn phân tranh, Tây Sơn đến đầu thời Nguyễn, huyện Nghĩa Giang (*gồm cả huyện Ba Tư ngày nay*), là một đơn vị hành chính thuộc phủ Tư Nghĩa (sau đổi là Quảng Nghĩa, Hòa Nghĩa rồi trở lại Tư Nghĩa năm 1805) và đến năm 1832 thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

Miền tây Quảng Ngãi, trong đó có Ba Tư là vùng địa hình phức tạp, hiểm trở, các bộ tộc ít người bản địa quen sống tự chủ có truyền thống tranh đấu ngoan cường, không chịu khuất phục

áp bức bóc lột. Nhưng đây lại là địa bàn quan trọng để ngăn chặn, khống chế vùng núi cao nguyên phía tây và tây nam của Đảng Trong, giữ ổn định trung du và đồng bằng, làm bàn đạp tiến dần về phương Nam, nên các đời chúa Nguyễn và sau đó vua Nguyễn liên tiếp có những thay đổi, xáo trộn bộ máy, cai quản kết hợp xây dựng các đồn,堡, lũy để tăng cường khả năng phòng thủ, khống chế.

Đến năm 1876, nhà Nguyễn thiết lập Nghĩa Định quân thứ (sau đổi Nghĩa Định Sơn Phòng) trấn giữ miền núi phía tây Quảng Ngãi và Bình Định.

Nghĩa Định Sơn Phòng chia làm Nghĩa Phòng và Định Phòng. Nghĩa Phòng (tây Quảng Ngãi) có 6 cơ (gọi là lục kiên cơ). Cơ nhất đóng ở đồn Vạn Lý, trấn giữ vùng Khánh Giang - Trường Lệ (nay thuộc Nghĩa Hành) và vùng đồng bào H're thuộc huyện Ba Tư ngày nay.

Năm Thành Thái thứ 11 (1899) Sơn Phòng bị triệt bỏ. Ba châu Sơn Tịnh, Nghĩa Hành và Đức Phổ được thành lập. Châu Đức Phổ quản vùng đất này là huyện Ba Tư và các tổng tây Đức Phổ.

Năm Thành Thái thứ 13 (1901), tách các tổng miền núi của 3 châu lập 3 đồn là Địa Lý, Ba Tư và Minh Long.

Cho đến năm 1921 (Khải Định thứ 6), miền tây Quảng Ngãi có 4 đồn là Minh Long, Ba Tư, Sơn Hà, Trà Bồng, đất Ba Tư ngày nay thuộc quyền cai quản của đồn Ba Tư.

Mỗi đồn đặt dưới quyền một viên quan người Pháp, trực tiếp chỉ huy quân lính và một quan đốc người Việt.

Năm Khải Định thứ 8 (1823) quan đốc đổi thành Kiểm lý, trực thuộc tỉnh tòa.

Đến trước Cách mạng tháng Tám 1945, đồn Ba Tư có 5 tổng 61 sách.

Cách mạng tháng Tám thành công, các đồn ở miền núi Quảng Ngãi đổi thành huyện. Đồn Ba Tư thành huyện Ba Tư thuộc tỉnh Lê Trung Đình (Quảng Ngãi).

Trong kháng chiến chống Pháp, Ba Tư (có 26 xã) là một trong 10 huyện của tỉnh Quảng Ngãi.

Dưới thời Ngụy quyền Sài Gòn (1954 - 1975), các huyện gọi là quận, các thôn gọi là ấp. Quận Ba Tư chia thành 7 xã với 14 ấp.

Hiện nay, Ba Tư là một trong 13 huyện thị của tỉnh Quảng Ngãi, có một thị trấn (*Ba Đình*) và 17 xã, diện tích 1.122,35km², dân số 46.790 người. Huyện lỵ đóng tại thị trấn Ba Đình.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CẢNH QUAN - VĂN HÓA LÀNG H'RE

Dân tộc H're cư trú ở các huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, các xã phía tây Tư Nghĩa và Bình Sơn, với dân số khoảng 100.000 người. So với các dân tộc thiểu số Cor, Ca dong cùng cư trú ở vùng núi miền tây Quảng Ngãi thì dân tộc H're chiếm số lượng người đông nhất. Tộc danh H're có nguồn gốc từ sông Rhe, con sông hùng vĩ nhất của tỉnh Quảng Ngãi khởi phát từ vùng núi rừng An Lão, qua Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, hội tụ thành sông Trà Khúc xuôi ra biển. Dân tộc H're xem dãy núi Mum (Cao Muôn) và dòng sông Rhe là phát tích của dân tộc, điều này được lưu truyền trong một số truyền thuyết. Cộng đồng làng H're có kết bền chặt không bị phân tán và giải thể bởi sự tác động của các yếu tố bất lợi từ bên ngoài qua các thời gian và không gian, vì vậy dân tộc H're đã bảo lưu tốt kho tàng di sản văn hóa của dân tộc mình.

Tuy là dân tộc cư trú ở vùng núi song nền kinh tế cơ bản của người H're là nông nghiệp ruộng nước cho nên trong cảnh quan văn hóa, thiết chế cộng đồng làng H're có những đặc trưng so với các tộc người Trường Sơn - Tây Nguyên.

1. Về mặt cảnh quan, người H're có sở thích lập làng của mình dọc theo triền chân đồi hoặc trên gò đất cao liền kề với vùng ruộng nước mà họ canh tác. Mô hình "trên ruộng dưới làng" là

đặc điểm nổi bật dễ thấy ở người H're, làm làng định cư gần với kinh tế định canh trồng lúa nước. Tiêu chí chọn đất lập làng của người H're đầu tiên là phải gần gũi với vùng ruộng nước canh tác của dân làng, sau đó làng phải gần với nguồn nước, có thể đó là dòng suối hay mương thủy lợi dẫn nước từ nguồn suối xa về. Hướng làng người H're chọn luôn tránh hướng Bắc bởi đây là hướng gió bão và ngọn gió mùa buốt rét. Họ thích làng quay về hướng đông, đông nam để đón nhận ánh mặt trời buổi sáng và ngọn gió nồm thoáng mát để phòng trừ dịch bệnh. Làng xóm H're phân bố theo từng cụm rải rác dọc theo sông Rhe, sông Rhin, sông Liêng. Nhìn xa làng H're đẹp như bức tranh thủy mặc với những mái nhà tranh ẩn mình thấp thoáng dưới chân núi, ven sông.

Làng H're thường quy tụ từ vài chục đến trên trăm ngôi nhà sàn, các ngôi nhà sàn được qui hoạch bố trí nằm song song với nhau theo từng dãy từ cao xuống thấp, nhìn xa trông rất đẹp mắt. Hình thức cư trú truyền thống của người H're là nhà sàn, bởi kiến trúc nhà sàn phù hợp với địa hình đất dốc hoặc không bằng phẳng, tránh được những trận mưa lớn gây nên sự trôi quét. Sau những trận mưa các loại phân súc vật sẽ trôi ra ruộng, khiến cho lúa thêm tươi tốt.

Nhìn chung nhà sàn H're có những đặc trưng kiến trúc khác biệt so với các dân tộc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên. Nhà sàn H're được cấu tạo bởi hệ thống cột, kèo, trính, xuyên, đòn tay liên kết với nhau theo lối ngoãm, buộc mây rất chắc chắn. Về hệ thống cột, nhà sàn H're có hai loại cột, đó là cột nâng sàn và cột nhà. Cột nhà có hai hàng cột đối xứng hai bên với tổng số 14 hoặc 18 hay 22 cột. Trên các đầu cột được đục vòm để gác xà

dọc chạy qua và buộc mây. Cột nâng sàn rất chắc chắn với số lượng lớn, chúng liên kết với sàn để đảm bảo sự bền vững của ngôi nhà. Hệ thống trính, xuyên liên kết với cột rất chắc chắn, ổn định chiều ngang và dọc của lòng nhà. Hệ thống kèo; đòn tay, thượng lương liên kết với nhau theo phương thức buộc mây rất chắc chắn để đỡ mái tranh và hệ thống rui mè. Các thanh rui mè được xếp ngang dọc, liên kết nhau theo các kiểu buộc mây cực kỳ đa dạng. Mái tranh lợp dày, trên đỉnh nóc dầu hồi mái ở hai đầu ngôi nhà, người H're tết buộc tranh đan chéo nhau tạo nên sừng nhà (kiliim) rất giống sừng trâu. Dưới vỏ mái của dầu hồi có 2 phòng tra, là nơi tiếp khách của nam giới và nơi đan lát, dệt vải, trò chuyện của nữ giới.

Đặc trưng kiến trúc nhà sàn H're có kiểu kết cấu kèo mà người H're gọi đó là loang chang, đây là bộ phận quan trọng của ngôi nhà, nó có chức năng như trụ chống trong ngôi nhà của người Kinh, song kết cấu loang chang tỏ ra hiệu quả hơn trong việc giữ bộ khung mái liên kết bền chặt với hệ thống trính, xà, cột nhằm để chống đỡ những trận gió xoáy giạt của những trận bão lớn thường xuyên xảy ra trong vùng thung lũng. Một đặc trưng khác của kiến trúc nhà sàn H're đó là sự thông minh sáng tạo được thể hiện trong các kiểu buộc mây. Thống kê cho thấy trong ngôi nhà sàn H're có rất nhiều kiểu buộc theo từng lông một, lông đôi, lông tư với các tên gọi là zênh ia (chân gà) zênh zip (chân rết), zênh chua (chân heo), K'lanh đót (trán khi), mắk m'hi (buộc tròn)... Người H're sử dụng các kiểu buộc rất đa dạng tùy theo tính chất liên kết của các bộ phận trong cấu trúc ngôi nhà. Chẳng hạn sự liên kết giữa các đầu cột và xà dọc rất quan trọng trong việc giữ vững và ổn định bộ khung nhà, do vậy kiểu

bước mây ở đây là kiểu K'lanh đốt, với phương thức bước mây vòng rất nhiều lượt, chắc chắn. Nhà sàn H're có mặt sàn làm bằng lồ ô nan mỏng đập bẹp, phẳng phiu có chiều dày từ hai đến ba lớp. Ở 2 đầu tra chính và phụ, là nơi tiếp khách nam của ông chủ nhà và cuối nhà là tra phụ, đây là nơi tiếp khách của bà chủ nhà, đặc điểm giống nhau của nhà sàn H're là có 3 cửa. Cửa tra chính, cửa tra phụ và cửa mang. Cửa mang nằm về phía tây của hông nhà, đây là nơi giao tiếp giữa con người trong ngôi nhà và thần linh bên ngoài. Các cuộc hiến tế trâu, heo đều diễn ra bên ngoài hoặc trong cửa mang, người phụ nữ đem lửa vào nhà mới cũng đi lên từ cửa mang, sự kiêng cử trong nhà cũng đặt dấu hiệu nơi cửa mang, đặc biệt cô dâu về nhà chồng cũng đi vào cửa mang.

2. Làng là đơn vị cư trú cơ bản của người H're. Người H're gọi làng là plây, ranh giới giữa các plây được định rõ với các mốc giới tự nhiên như : sông, suối, đá, núi, vạt rừng, cây cổ thụ từ lâu đời. Người H're ở khu vực Minh Long còn dùng từ "vi" song song với "plây" để chỉ làng cư trú, chẳng hạn ở Long Môn người H're gọi làng ca xeng đôi khi là plây caxeng, đôi lúc là vi caxeng. Plây là âm ngữ Môn - Khme chuẩn của người H're dùng để chỉ làng cư trú. Làng H're là sự cố kết giữa các thành viên theo mối quan hệ huyết thống hoặc láng giềng bền chặt. Mối quan hệ này được bảo vệ và ổn định bởi một luật tục nghiêm khắc và một bộ máy tự quản truyền thống bền vững.

Trong cơ cấu thiết chế cộng đồng làng H're, đứng đầu là già làng (Kara plây) còn gọi là người đầu làng, kế đến là các tộc trưởng trong các đại gia đình (vigu Kra) tham mưu giúp việc cho già làng, cuối cùng là các thành viên trong làng.

Trước năm 1945 có một số người đầu làng H're thường là giàu có, sở hữu nhiều ruộng, trâu, chiêng, ché. Tài sản của người đầu làng gắn liền với thanh thế và uy tín của họ. Người đầu làng đứng ra hòa giải các vụ tranh chấp, chia nước cho các vùng ruộng. Người đầu làng có thể dựa trên luật tục để phạt và ở đợ một vài thành viên vi phạm. Rõ ràng ở đây người đầu làng dân tộc H're có bóng dáng lơ mờ của một ông lang ở người Mường hay ông chủ đất (Pô lân) ở Ê đê. Nhìn chung các kra plây của người H're là người có uy tín với dân làng, được bầu cử và bãi miễn theo luật tục của dân tộc. Kra plây là người cao tuổi, am hiểu phong tục tập quán dân tộc, giàu kinh nghiệm sản xuất... Dân làng luôn dành cho kra plây sự kính trọng, vâng lời và họ giúp đỡ kra plây trong những công việc quan trọng như thu hoạch mùa màng, dựng nhà... Ở người H're cũng như ở các dân tộc khác, chức vụ kra plây không theo nguyên tắc cha truyền con nối. Kra plây tiền nhiệm qua đời dân làng có thể tìm người có uy tín khác để thay thế hoặc kra plây vi phạm luật tục thì dân làng có quyền miễn nhiệm giữa chừng.

Dưới kra plây là hội đồng già làng (vigú k'ra') gồm những chủ hộ cao niên giàu kinh nghiệm của các ngôi nhà sàn lớn. Các vigú kra' góp ý kiến giúp cho kra plây quyết định công việc. Đồng thời bản thân những người già, đứng đầu mỗi nhà sàn, có nhiệm vụ tổ chức công việc, dàn xếp hòa giải các vụ tranh chấp giữa các gia đình nhỏ trong ngôi nhà.

Ngoài ra, mỗi làng H're có một người thông thạo việc cúng thần, bói quẻ gọi là thầy cúng (pơ dáu). Ông ta có một vai trò nhất định trong đời sống tâm linh của người H're. Pơ dáu là người giữ vai trò trung gian giữa thần linh và con người. Lễ vật

hành lễ các buổi hiến tế là gà, vịt, heo, đôi khi là trâu, pơ dáu mời thần (Yàng) về dự bằng tù và, khăn vái các Yàng nhận lễ vật cúng để trừ con ma đang hành hạ người bệnh hoặc đem lại sự bình yên cho dân làng... Pơ dáu thường dạy nghề cho con trai, là nghề mang tính chất cha truyền con nối.

Các thành viên trong cộng đồng làng H're cùng sống trong tinh thần tương trợ đoàn kết, nam nữ được phân công lao động theo giới tính hết sức rạch ròi. Nam đảm đương những công việc nặng như : Cày bừa, đẽo gỗ, xây dựng nhà, săn bắn... Nữ làm các công việc nhẹ như : Gieo sạ lúa, tria hạt, chăn nuôi, hái lượm, dệt vải, giã gạo... Trẻ em trong làng dưới tuổi trưởng thành đều được dạy các nghề thủ công như : Đan lát, dệt vải, rèn, dẫn gỗ, dựng nhà... Ngoài ra những người già trong làng dạy các em biết phong tục tập quán, kinh nghiệm sản xuất, săn bắn, hái lượm.

Kinh tế ruộng nước chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống của người H're. Ruộng đối với họ là tài sản quan trọng, được xem là tiêu chí để phân biệt giàu nghèo. Xã hội H're trước năm 1945 phân hóa thành bốn tầng lớp : proong (kan) là người giàu, lớp ká: người đủ ăn, pa: thiếu thốn, pong, dik: đi ở vì nợ. Sau năm 1945 hình thức sở hữu tập trung ruộng đất vào cá nhân bị xóa bỏ, mọi người dân H're đều có ruộng , họ bình đẳng về quyền lợi. Có thể phác họa mô hình thiết chế làng tự quản H're như sau :



4. Hạt nhân để hình thành nên làng H're đó là các gia đình. Xưa kia đó là hình thức đại gia đình phụ hệ, nay hình thức này bị phân rã thành các tiểu gia đình phụ hệ. Khác với các dân tộc ở vùng Tây Nguyên, dân tộc H're không có ngôi nhà chung (nhà rông) để sinh hoạt theo kiểu cộng đồng làng mà họ chỉ có hình thức sinh hoạt theo từng gia đình. Hầu hết các hoạt động tín ngưỡng tâm linh của con người đều diễn ra trong không gian của mỗi gia đình, chẳng hạn cúng cơm mới, tang ma, cưới xin, đâm trâu và các lễ hiến tế khác. Ngoài ra các buổi kể chuyện của người già với lớp trẻ, các buổi đánh chiêng, uống rượu cần... cũng diễn ra trong không gian của ngôi nhà sàn. Do đó ở người H're gia đình là nền tảng quan trọng thân thiết đối với họ, đây là một thuận lợi để người H're bảo tồn và gìn giữ được những giá trị văn hóa tinh thần của dân tộc họ. Khi nghiên cứu về làng H're nhất thiết chúng ta phải nghiên cứu theo cấu trúc gia đình, cùng với những vấn đề về ý thức tâm linh của con người diễn ra trong không gian văn hóa của ngôi nhà sàn, song song với việc nghiên cứu các mối liên hệ của các thành viên trong làng và sự ứng xử của con người đối với thế giới khách quan bên ngoài.

Ngày nay, làng H're vẫn được bảo lưu tính chất cư trú truyền thống, đó là hình thức cư trú nhà sàn và làng được phân bố theo từng cụm. Tuy nhiên, với xu thế phát triển hiện nay của xã hội và những tác động khách quan bất lợi của môi trường, khiến cho một số hộ trong các làng H're chuyển từ hình thức cư trú nhà sàn chuyển sang nhà trệt hoặc nhà xây hay nhà vách ván lợp ngói. Song có một điều đặc biệt là dân tộc H're vẫn bảo lưu được di sản văn hóa truyền lưu từ nhiều đời, đây là vấn đề rất tốt cần phát huy.

ĐÔI NÉT VỀ DÂN CA - DÂN NHẠC CỦA NGƯỜI H'RE

Người H're cư trú phần nhiều ở các huyện Ba Tơ, Minh Long, Sơn Hà, một số ở Trà Bồng (Quảng Ngãi) An Lão, Vĩnh Thạnh (Bình Định) và rải rác ở Tây Nguyên. Họ thường làm nhà sàn ở triền núi để tránh lũ lụt và gần cây rừng để thuận lợi vận chuyển lâm sản. Họ sống chủ yếu bằng nghề trồng lúa nước, nương rẫy. Ngoài ra, họ săn bắn, hái lượm, dệt thổ cẩm.v.v... Người H're sinh sống theo từng làng (*plây*), tiếng nói thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khme, có phong tục, lễ hội, tín ngưỡng rất đa dạng và phong phú. Người H're rất có năng khiếu về nghệ thuật, thể hiện ở các hoa văn họa tiết trên vải thổ cẩm, trang trí cây nêu và nhà sàn.v.v.. Họ còn có cả một kho tàng văn học dân gian, trong đó nổi bật là chuyện cổ tích (*mon*) và những trường ca còn mãi với thời gian như *Dhăm Ta yoong*.v.v... Bên cạnh đó, phải nói đến âm nhạc dân gian của người H're cũng rất phong phú và giàu bản sắc, góp phần nuôi dưỡng, hun đúc lên tinh thần của người H're.

DÂN CA: Phổ biến nhất là 2 điệu ta lêu và ka choi

+ Ta lêu có 2 dòng:

- *Ta lêu cổ*: Hát như nói chuyện. Bên bếp lửa nhà sàn già làng thường dùng ta lêu cổ kể chuyện cổ (*mon*) và những trường ca

về lịch sử, huyền thoại những người anh hùng H're cho con cháu nghe, bên chén rượu cần ấm nồng.

- *Ta lêu mới*: Hầu hết là những bài dân ca mới được các nghệ nhân và các nhà sưu tầm soạn lời trong giai đoạn chống Pháp, chống Mỹ cứu nước. Chủ yếu là những bài ca ngợi Bác Hồ, gương anh hùng liệt sĩ, lao động sản xuất v.v....

+ *Điệu ka chôi*: Ka chôi thường có bài bản nhất định như : "Mừng miền Nam giải phóng", "Thanh niên ngày nay", " Vui trong đêm nay" v.v... là những bài ka chôi hay và đang phổ biến. Ta lêu, ka chôi còn gọi là điệu hát để nam nữ đối đáp tỏ tình với nhau, khi lên rẫy, trong lễ hội của plây. Điệu ta lêu, ka chôi đã được các nhạc sĩ phát triển thành ca khúc nổi tiếng như : " Bóng cây kơ nia" (Phan Huỳnh Điểu - Ngọc Anh), "Du kích Ba Tơ" (Dương Minh Viên), "Cánh chim hồng kê", "Thương anh cán bộ", "Hái rau tặng anh bộ đội" (Nhật Lai) v.v... Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30-4-1975) cũng có một số ca khúc khai thác từ chất liệu này như : "Giai điệu nhà sàn" (Phan Quý) "Điện sáng trên rừng Ba Tơ" (Phạm Anh Trung), "Khúc hát rừng thông Sơn Hà" (Thế Truyền), "Ba Tơ quê em" (Thế Truyền) v.v... và đặc biệt là bản giao hưởng Ba Tơ của giáo sư nhạc sĩ Hà Sâm đã vận dụng và phát triển bản sắc dân ca H're qua ngôn ngữ biểu hiện của dàn nhạc giao hưởng 3 quân.

+ *Điệu Chăm bo ray*: Là điệu hát cúng thần linh, người H're hát cúng các vị thần như : Thần mặt trời, mặt trăng (of kôh, of Kah). Theo quan niệm người H're, đây là vị thần có công nặn ra con người. Thần Vờ rây là thần định mệnh, bảo vệ cho con người và phù hộ cho giàu có. Thần Diêng là thần núi sông, cây, đá v.v.. Khi cúng, người H're đều có những bài bản khác nhau về những vị thần.

Ngoài ra, người H're còn có những làn điệu ru con rất mượt mà, thấm tình và sâu lắng. Dân ca H're hầu hết được xây dựng trên điệu trưởng (Dur) nên thường là những giai điệu tươi sáng lay động lòng người.

DÂN NHẠC:

- *Đàn K'long vút*: Loại đàn thường dành cho phái nữ, "K'long" nghĩa là cái ống, "vút" là vút von là âm thanh, được kết bằng 3 ống nứa trở lên, có độ to nhỏ dài ngắn khác nhau, thường chơi 3 người và thực chơi là 2 người. Người vỗ âm "vút" người vỗ âm "von". Họ quan niệm rằng, các ống thông suốt, khi vỗ của cái tài sản sẽ bay hết, nên đàn K'long vút chỉ được phép sử dụng trong dịp tết nhưng ở trong rừng, trên rẫy, ít thấy sử dụng trong nhà trong làng.

- *Đàn Hay ho*: Là 1 dạng của K'long vút nhưng chỉ có 2 ống.

- *Đàn B'rooc*: loại đàn khá phổ biến, gồm 1 thanh tre (hoặc nứa) thẳng xuyên quả bầu khô rỗng ruột, thanh tre là cần đàn có 8 phím, mắc 2 dây. Quả bầu vừa đẹp, vừa dễ tỳ đàn, vừa có chức năng cộng hưởng. Loại đàn này thường để tấu những làn điệu mang tính tự sự hoặc ru con.v.v....

- *Sáo Tà lía*: Loại sáo rất nhỏ, thổi dọc, nữ giới thường dùng. Làm bằng ống diên vĩ, triêng.v.v.. được khoét 6 lỗ, có âm lượng nhỏ nên thường được sử dụng lúc đêm khuya thanh vắng hoặc sáng sớm, có khi song tấu với B'rooc. Ngoài Tà lía, trong loại nhạc cụ hơi còn có sáo linh la, ra vai (gắn với khèn bè của người H'mông).

- *Đàn Rơ - đang*: Là loại đàn 1 dây, có vĩ kéo, giai điệu và âm sắc rất phù hợp với mùa xuân, ngày vui, gần giống với nhịp già gạo.

- *Đàn Ra ngoái Po pel*: Tức đàn môi, có cấu tạo hết sức đơn giản, gồm 1 thanh tre hoặc nứa nhỏ, có gắn 1 miếng thép nhỏ. Khi thổi nghệ nhân dùng ngón tay bật thanh thép qua lại, ta sẽ có được một mẫu giai điệu đơn giản nhưng ngộ nghĩnh vui tai. Nhờ sự đàn hồi của thanh thép và hơi thổi liên tục, nên khi thổi cho ra một âm sắc gần giống với phần phát âm của đàn nhạc điện tử hiện đại, nhưng âm lượng rất hạn chế.

- *Đàn B'ran*: Gần giống đàn B'rooc, đàn B'ran được các nghệ nhân cải tiến, sáng tạo thành một cây đàn có âm vực tương đối rộng. Hệ thống thang âm và cách tổ chức sắp xếp các nốt nhạc trên dây buông và trên phím đàn khá hợp lý để tạo thuận tiện cho kỹ thuật diễn tấu ở người chơi đàn theo bài bản và phong cách nhất định, lại cũng rất phù hợp với thang âm của từng dàn chiêng H're.

- *Chiêng*: Người H're không gọi là cồng chiêng mà gọi là Chình. "Đánh" gọi là "Tóc" bằng phần mềm của năm tay. Nên từ đánh "chiêng" thì gọi là "Tóc chình". Dĩ nhiên là bao gồm cả kỹ thuật dùng ngón tay gõ vào chiêng và búng ngón tay vào chiêng trong khi diễn tấu. Chiêng H're có phổ biến 3 chiếc khi hòa tấu, thỉnh thoảng mới có sự góp mặt của 1 chiếc trống.

Chiêng I gọi là chiêng tóc, phải bịt bàn tay đánh bằng vải ở các chiêng. Đây cũng là đặc điểm đáng chú ý trong phương pháp diễn tấu của họ.

Chiêng II gọi là chiêng vòng, âm lượng nhỏ hơn lặng nghĩ nhiều hơn. Nghệ nhân dùng 1 cánh tay giữ mặt chiêng, tay kia đánh vào chiêng. Những âm trì tục và giữ nhịp nhanh chậm đều do chiêng II điều khiển.

Chiêng III gọi là chiêng tum, dùng lòng bàn tay vừa đánh vừa bịt âm hăm tiếng.

Chiêng H're cũng có 3 loại để sử dụng trong những không gian và bối cảnh khác nhau:

- Chiêng R'roan : có chu vi 1 thước 3
- Chiêng Vêu : có cui vi 1 thước 2
- Chiêng Vờ roan: có chu vi 1 thước 1

Chu vi chiêng khác nhau, độ dày mỏng khác nhau, các hợp kim khác nhau, các miếng vải bịt bàn tay khác nhau nên cho ra âm thanh của các dàn chiêng đặc trưng khác nhau. Chu vi chiêng càng lớn thì âm thanh càng trầm. Có 3 bài chiêng cơ bản và đặc sắc nhất là các bài: Chiêng Năng, chiêng K'oa, chiêng H'lay, được dùng trong ngày vui, tết cổ truyền, đám cưới, đám trâu.v.v... khi diễn tấu nghệ nhân đánh vào tâm chiêng là chủ yếu, vài trường hợp nghệ nhân có thể xoay tìm chỗ nào trong chiêng có âm thanh ấm tròn và hay thì đánh vào chỗ đó theo hướng đi xuống. Ngoài ra, người H're còn có chinh kala (chiêng tre), đàn nước, đàn gió.v.v... Khác với một số dân tộc láng giềng như Cor và Ca dong, người H're ngồi khi đánh chiêng. Riêng chiêng tót phải treo lên vì nghệ nhân sử dụng chiêng này dùng lực tay nhiều, nên nhanh mỏi hơn các nghệ nhân khác.

Dân ca - dân nhạc H're từ ngàn xưa đến nay là một trong những bộ phận hữu cơ gắn với đời sống văn hóa - kinh tế xã hội, là tinh anh là niềm tự hào của người H're và cả nước, góp phần giáo dục, nâng cao thẩm mỹ và đời sống tinh thần của nhân dân ngày càng làm phong phú đa dạng nhờ sự tiếp biến văn hóa với các dân tộc khác.

BA TƠ MỘT VÙNG VĂN HÓA - VĂN NGHỆ DÂN GIAN ĐỘC ĐÁO

Năm 1994, có một nhà nghiên cứu người Nhật chuyên nghiên cứu về dân tộc học thuộc trường đại học SIGHERA - TOKYO cùng với đoàn nghiên cứu dân tộc học của Hà Nội đến Ba Tơ để nghiên cứu kiến trúc nhà sàn và văn hóa của đồng bào H're, sau thời gian điền dã tại Ba Tơ, ông đã nhận xét "Tôi là nhà nghiên cứu sử học, không phải là nhà kinh tế, tôi rất làm tiếc nền văn minh nước Nhật không thua kém nước nào, nhưng nền văn hóa thì nước tôi bị mất mát quá lớn vì đô thị hóa cao độ, nhiều giá trị văn hóa bị mai một. Còn ở đây, tôi thấy nhà cửa truyền thống còn nguyên vẹn, mang đậm bản sắc dân tộc, tôi rất thích. Các bạn nên giữ nếp sống nhà sàn và mọi sinh hoạt này, rất hấp dẫn, chắc chắn sẽ thu hút khách tham quan và nghiên cứu. Đây là tiềm năng du lịch văn hóa độc đáo...". Lời nhận xét của vị giáo sư người Nhật chỉ là một phần nhỏ trong tổng thể văn hóa - văn nghệ dân gian của người H're.

Là một dân tộc đông nhất trong ba dân tộc thiểu số ở Quảng Ngãi, có trình độ sản xuất lúa nước khá cao, từ lâu người H're có vai trò quan trọng trong lịch sử cũng như trong sự nghiệp phát triển văn hóa - văn nghệ dân gian của tỉnh nhà.

Cũng như các dân tộc anh em khác, người H're có một số nhạc cụ cổ truyền độc đáo được lưu truyền từ bao đời. Nói đến nhạc cụ là phải kể đến cồng chiêng. Cồng chiêng của Ba Tư như là tâm hồn và khí phách của người H're vậy. Bộ chiêng của người H're được quý trọng hơn cả tài sản và giá trị khác, nó được coi là của gia bảo và niềm kiêu hãnh của gia đình. Chiêng của người H're có ba loại khác nhau, thường người H're dùng chiêng ba chiếc (chinh, tuk hay chinh gsong). Nét độc đáo của chiêng Ba Tư là khi đánh phải dùng nắm đấm. Âm thanh của chiêng có những âm điệu trầm bổng khác nhau. Mỗi bài chiêng có một ý nghĩa riêng. Nghe chiêng họ có thể cười, gật đầu, đồng ý hay thông cảm mà ngay cả người sành âm nhạc khó có thể phân biệt hết được cái hay của nó. Chiêng được sử dụng trong những đêm lễ hội, được mùa, ngày giỗ, tết... Nam giới thường hay đánh chiêng (túc chinh) lúc nghỉ ngơi, vui chơi với các điệu tuk hrê, tuk hlay, tuk ca...

Người H're đã biết tự tạo cho mình những nhạc cụ như đàn brooc, ta lía, Ra-ngóc, ra đang, linh ta... phổ thông nhất là đàn brooc. Đàn có hai dây, tám phím gắn dọc thân đàn bằng ống nứa, dùng quả bầu khô làm thùng đàn, những nhạc cụ này có một âm thanh tiết tấu riêng, nên khi cùng một lúc sử dụng sẽ tạo một bản hòa âm rất độc đáo.

Âm nhạc của người H're còn thể hiện qua hai làn điệu dân ca là : Ta lêu và ca chơi. Hai làn điệu dân ca này phổ biến nhất và được hát trong lao động, ngày tết, cưới hỏi nhau. Hát ta lêu, ca chơi như những lời kể về những câu chuyện cổ, kể về những công trạng của lớp cha ông đi trước, hay lời của người vợ động viên người chồng ra chiến trận, lời của một chàng trai muốn trao

ngổ ăn tình cùng một cô gái. Đêm đêm bên ánh lửa bập bùng, khi rượu cần đã ngấm, thì làn điệu ta lêu, ca chơi càng sôi nổi hơn, trữ tình hơn. Nét nổi bật văn hóa truyền thống của người H're ở Ba Tơ là trang phục và trang sức. Người H're rất thích dùng trang sức, nhất là phụ nữ. Trang sức thường làm bằng đồng, bạc, nhôm và hạt cườm. Đặc biệt người H're luôn tự hào trên quê hương mình có một làng dệt thổ cẩm truyền thống. Sản phẩm dệt là những đồ dùng hằng ngày như váy Rumuông, váy Oóh, khăn quấn đầu, khố, túi xách. Trên đồ dệt người H're thường dùng màu trắng (màu sợi bông tự nhiên), màu đen (màu lọ nổi, chàm đen) và màu đỏ (bột đá son). Màu đỏ được dùng ít, chỉ đóng vai trò gạch ngăn mảng họa tiết hoặc đường viền dọc theo chiều dài miếng vải. Phụ nữ H're thích phối hợp hai màu đen và trắng. Nhìn chung màu sắc trang phục đơn giản như chính cuộc sống của người H're. Trắng, đen, đỏ không sắc sỡ, nhưng những đường nét, mô típ hoa văn rất tinh vi, sắc sảo, toát lên một vẻ đẹp thùy mị, kín đáo và khiêm nhường, nhưng bên trong không kém phần mãnh liệt. Khố cũng có nhiều loại khác nhau, hiện chỉ còn lưu giữ rất ít ở các xã vùng cao vùng xa. Vì theo phong tục của người H're khi chết phải chôn theo khố hoặc váy.

Có thể nói, sản phẩm dệt làng Teng của Ba Tơ góp phần tạo nên đặc trưng văn hóa của người H're, là niềm tự hào về sự lao động cần cù, sáng tạo và giàu tính thẩm mỹ. Tuy thời gian làng dệt bị gián đoạn do chiến tranh và sự phát triển của ngành dệt công nghiệp, nhưng những thổ cẩm của người H're ở Ba Tơ vẫn nổi tiếng trong và ngoài tỉnh. Điều đó được chứng minh tại cuộc liên hoan trình diễn trang phục các dân tộc toàn quốc do Bộ VH-TT tổ chức tại Hà Nội vào tháng 5/1996, trang phục của người H're đạt giải xuất sắc. Vì vậy trong một tương lai không xa,

những sản phẩm của dệt làng Tơ ở Ba Tơ không những “tự cung, tự cấp” mà sẽ trở thành hàng hóa, những vật kỷ niệm đầy ý nghĩa.

Đồ đan của người H're là nơi hội tụ khiếu thẩm mỹ dân tộc, nhất là đồ thủ công độc đáo, tinh xảo. Người H're biết làm ra những vật trong sản xuất như áo tơi, nón, khung cày bừa..., trong sinh hoạt như gùi (chui) vũ khí chiến đấu như cung, nỏ, khiên... Tất cả được làm công phu, bền đẹp. Khi đan dác, người H're rất kỹ tính trong khâu chuốt nan, bọc lộ năng lực tạo hình, tạo dáng phong phú. Bằng những vật liệu của núi rừng như gỗ, mây, song, lồ ô... người H're đã làm ra những sản phẩm tinh xảo, bền đẹp.

Văn hóa của người H're còn biểu hiện trên nghệ thuật kiến trúc làng và tạo hình. Người H're thường kiến trúc làng ở những khoảng không gian rộng, cao, hoặc ở những đỉnh đồi đã phát quang cây cối. Bên cạnh nhà ở, người H're còn làm nhà kho để dựng lúa. Nhà ở của người H're có nóc cong, vồng ở giữa, vên lên hai đầu hồi. Bộ mái và vách sườn được thu hẹp ở phần liền sàn, leo dần lên phía nóc đầu hồi... Đây là một kiến trúc nhà độc đáo, nửa chống chọi được với sự khắc nghiệt của thiên nhiên, nửa tránh né thú dữ của núi rừng.

Rượu cần của người H're ở Ba Tơ cũng mang đậm sắc thái văn hóa riêng biệt. Rượu cần (crỏ) được làm bằng chất liệu mì hoặc lúa rẫy. Rượu cần ở Ba Tơ có vị đắng của men, vị ngọt của tinh bột mì hay lúa rẫy, rất thú vị, đầy quyến rũ.

Nói đến vốn văn hóa - văn nghệ dân gian của người H're ở Ba Tơ thì không thể không kể đến kho chuyện cổ (mon). Hầu hết những câu chuyện dân gian phần lớn là giải thích những

hiện tượng tự nhiên gắn gũi với con người, những con vật và các loài cây, những câu chuyện gắn bó với tín ngưỡng. Thông qua những chuyện người đội lốt vật, chuyện dân gian H're giàu tính nhân văn, hướng thiện, phê phán những gian manh, tàn bạo, đồng thời ca ngợi những con người dũng cảm, thông minh, cần cù trong lao động, sống có tình có nghĩa... Chuyện dân gian của người H're còn có loại chuyện như truyền thuyết, cốt chuyện thể hiện tình đoàn kết Kinh - Thượng chống kẻ thù chung, bảo vệ đất nước. Đáng chú ý trong văn hóa dân gian của người H're là sự tồn tại của trường ca Dham Ta yoong, ca ngợi người anh hùng dũng cảm đánh kẻ thù, chinh phục thiên nhiên, vượt qua những tập tục cổ hủ, để đưa bộ lạc mình đi tới văn minh.

Những làn điệu dân ca, những câu chuyện cổ, truyền thống dân dắc, dệt thổ cẩm... tất cả tạo nên tiềm năng vô tận về đời sống văn hóa văn nghệ của người H're đa dạng và phong phú. Vậy làm thế nào để bảo tồn và phát huy các di sản hiện có của người H're ở Ba Tơ?

Trong những năm qua, ngành VH TT tỉnh và huyện Ba Tơ đã có những cố gắng rất lớn trong việc sưu tầm và bảo tồn các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của người H're, đã phối hợp với nhiều đoàn nghiên cứu dân tộc học trong và ngoài nước tổ chức nhiều đợt sưu tầm và nghiên cứu văn hóa của người H're, đã lập các dự án và chương trình để bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống. Mới đây, Sở Công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi đã đầu tư 60 triệu đồng trang bị máy may, máy vắt sổ và hỗ trợ kinh phí để làm vốn phát triển nghề dệt thổ cẩm ở làng Teng. Ngành VH TT cũng đã sưu tầm được nhiều trang phục cổ của người H're, bảo lưu một số hiện vật về văn hóa giáo dục giá trị cao...

Tuy nhiên, nạn buôn bán công chiêng ở Ba Tư vẫn còn xảy ra. Theo báo cáo của ông Trần Văn Quỳnh - Trưởng phòng VH TT - TT Ba Tư cho biết : Công chiêng ở Ba Tư không ở mức độ "cháy máu" đồng như ở các nơi khác, nhưng công chiêng Ba Tư lần lượt trở thành hàng hóa trong thương mại. Hiện nay, toàn huyện còn khoảng 1.300 bộ công chiêng. Đây là con số rất ít so với những năm trước. Mặt khác, văn hóa hiện đại xâm nhập, làm cho nền văn hóa dân gian cổ bị lu mờ. Thanh niên H're bây giờ thích nghe nhạc pop, rock hơn là nghe công chiêng; các ca khúc trữ tình ủy mị thay cho các làn điệu dân ca ta lêu, ca chơi. Con iêng, con éo, thích mặc quần Jean áo pul hơn là mặc máy, mặc khố...

Trong Nghị quyết TW 5 (khóa VIII) về giữ gìn và phát huy nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc có nhấn mạnh: "Hết sức coi trọng bảo tồn, kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống (bác học và dân gian), văn hóa cách mạng, bao gồm cả văn hóa vật thể và phi vật thể". Vì vậy đã đến lúc chúng ta không thể để nền văn hóa - văn nghệ dân gian của núi rừng H're bị mai một theo năm tháng. Chú trọng đến phát triển kinh tế, để cao đời sống, nhưng chúng ta cũng không quên việc đầu tư cho công tác bảo tồn và phát triển văn hóa. Vị giáo sư người Nhật mà tôi đề cập ở trên đã nói với tôi: "Số dĩ những tăng trưởng của người Nhật trong phát triển kinh tế được nhiều nhà nghiên cứu chỉ ra là sự kết hợp thành công của việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc với những yếu tố hiện đại". Vì vậy, bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa ở Ba Tư với việc phát triển kinh tế là một cấp bách trong quá trình xây dựng một huyện có nền kinh tế phát triển và nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

Muốn thực hiện việc giữ gìn và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc H're ở Ba Tơ, theo chúng tôi cần phải xây dựng một thiết chế văn hóa phù hợp với phong tục tập quán của người H're. Ở một làng (plây) cần nghiên cứu cải tiến xây dựng một nhà sàn với mô hình phù hợp với điều kiện hiện nay để làm nơi sinh hoạt cộng đồng. Mặt khác, ngành VH TT cần thường xuyên hơn tổ chức các buổi thi đấu cồng chiêng theo cụm xã để khuyến khích các nghệ nhân và lớp trẻ có điều kiện giao lưu học hỏi lẫn nhau; đồng thời tổ chức hát múa dân gian, khai thác có hiệu quả các làn điệu dân ca như : Ta lêu, ca chọi, đối đáp, h'mon; tổ chức thi độc tấu các nhạc cụ dân gian và trình diễn thời trang dân tộc; xây dựng mô hình văn hóa nhà sàn dân tộc theo mô típ cổ; phát huy một số trò chơi văn hóa dân gian như đi cà kheo, kéo co, đua ghe, đi bộ, bắn nỏ...

... Trong tương lai không xa, khi quốc lộ 24A và dự án căn cứ địa cách mạng Ba Tơ hoàn thành, Ba Tơ sẽ trở thành một khu du lịch c lý tưởng, một nơi du lịch văn hóa, hấp dẫn... Vì vậy, Ba Tơ bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc bảo tồn, giữ gìn các di sản văn hóa dân tộc càng trở nên quan trọng.

HỒI KÝ VỀ BÀI HÁT DU KÍCH BA TỖ

Trích hồi ký "MỘT CUỘC ĐỜI NHẠC SĨ"

Khi tôi còn là thanh niên 19 tuổi, tôi đã là thợ chụp hình tại hiệu "Lê- Ảnh" ở thị xã Hội An. Tôi có một số tài vật như biết đàn, biết vẽ, biết thêu, biết may, biết làm cả nghề thợ mộc, và làm bánh ngọt. Trong bà con, ai buôn bán làm ăn nghề gì, chỉ cần đến chơi hay phá nghịch là tôi đã tiếp thu rồi. Cha mẹ tôi rất yêu quý tôi, lo cho tôi sau này lớn lên cực khổ. Tôi rất mê tiếng đàn Violon, nên tôi có theo học anh Vương Quốc Mỹ, người ở ngay thị xã Hội An, tôi đã đàn được nhiều bài như bài Valse Favorite, bài One day, bài Printemps et jeunesse.

Một sự cố đã đến với Hội An - ngày 19-8-1945 bùng nổ. Đa số thanh niên trong thị xã còn quá lạc hậu, vì sống dưới chế độ Pháp thuộc, chỉ biết làm lụng buôn bán và ăn chơi. Chỉ trong vài ngày sau các cơ quan mới của chính quyền cách mạng đã mọc lên nhanh chóng. Riêng tôi cũng bỏ hiệu ảnh, vào Ty Tuyên truyền tỉnh Quảng Nam để gọi là "tham gia cách mạng". Ngày đêm chúng tôi viết khẩu hiệu, vẽ ảnh Bác Hồ, đàn hát cho những buổi phát thanh của ty. Không khí lúc này thật vui vẻ, nhộn nhịp. Chúng tôi rất mau tiến bộ và đã trở thành cán bộ tuyên truyền cách mạng.

Năm 1946, cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp - Nhật lan nhanh đến tỉnh nhà, đa số thanh niên với gươm súng ra đi giết giặc cứu nước, chỉ riêng tôi, mang trên vai cái túi vải đỏ vừa để cây đàn Violon, và một tập bài hát cách mạng như các bài: "Hồ Chí Minh muôn năm", "Chiến sĩ Việt Nam", "Đoàn giải phóng quân", "Tuyên truyền xung phong", "Tiến quân ca", và nhiều bài nữa từ Hà Nội gởi vào. Theo tôi, lúc ấy các ông nhạc sĩ sáng tác nhanh quá, hay quá. Họ giỏi thật ! Có bài nào là tôi tập đàn hát và rất mau thuộc lòng với mong muốn là để có vốn mà đi tuyên truyền. Từng tốp 3 - 4 hoặc 5 anh em lên đường. Anh Phan Huỳnh Điểu có lẽ ở trong tốp nào đó nên anh đã sáng tác thành công, nói lên tấm lòng của chúng tôi như bài: "Đoàn giải phóng quân", "Tuyên truyền xung phong". Chúng tôi cứ đi mãi, đi mãi lần hồi chúng tôi đến tỉnh Quảng Ngãi. Rồi gia nhập vào Đội vũ trang tuyên truyền của Ban Tuyên huấn Bộ Tư lệnh Liên khu V có đội văn công phục vụ chiến trường. Lúc này tôi đàn cho múa và đệm cho tốp ca, đồng ca và thỉnh thoảng tôi có sáng tác. Nói về sáng tác, đa số anh em nhạc sĩ chúng tôi chẳng ai học ai, cũng không có lấy một quyển hòa âm tác khúc nào, nhưng chúng tôi cũng mày mò viết được khá nhiều bài hay và được phổ biến rộng rãi như bài: "Tự túc", "Mười chín tháng năm" bài "Tây Nguyên tiến" v.v...

Đến năm 1949 anh Mai Xuân Cảnh cán bộ văn nghệ ở miền Bắc vào Liên khu V có tổ chức sáng tác đủ thể loại: văn, thơ, nhạc, kịch. Tôi đã hưởng ứng phong trào ngay và lại gặp may, được gọi đi công tác chụp hình cho buổi lễ kỷ niệm ngày khởi nghĩa Ba Tơ năm 1950 và ghi lại toàn bộ hình ảnh chiến khu Ba Tơ. Một nhạc sĩ sáng tác mà trong tay có thêm cái máy chụp

hình thì vô cùng tiện lợi. Những hình ảnh tôi ghi lại qua máy ảnh cũng đồng thời là những chất liệu đầy cảm xúc để sáng tác bài hát của mình.

Chiến trường Liên khu V, lúc bấy giờ cũng không có gì ác liệt. Bằng mấy chiếc xe jeep chúng tôi cứ tà tà chạy thoải mái trên đường Trường An, qua các làng Ba Đình, Ba Động... rồi đến gần chân núi Cao Muôn. Đồn Ba Tư sụp đổ ngổn ngang gạch đá và còn nguyên vẹn dấu vết tấn công của Đội du kích Ba Tư oai hùng. Các đồng chí Nguyễn Chánh, Nguyễn Đôn, Phạm Kiệt, Nguyễn Thứ... nguyên là các đồng chí lãnh đạo đội đi đến đâu đều nói lại chuyện gian khổ hy sinh trong ngày khởi nghĩa 11-3-1945. Tôi được các anh dẫn vào thăm lại những hang sâu, rừng thẳm, những suối khe trong mát, những bằng địa cây cao bóng rợp nơi đội du kích tập luyện, ăn ở trong thời kỳ bí mật.

Xong mấy ngày lễ các anh phải rời chiến trường khu về lại đơn vị bộ đội tư lệnh Liên khu V, riêng tôi xin ở lại đại đội Ba Tư. Đơn vị này tiếp tục truyền thống Đội du kích Ba Tư và được Bộ Tư lệnh trực tiếp chỉ đạo. Đây là đại đội độc lập của huyện Ba Tư, gồm các thanh niên người Thượng và người Kinh, có cả các đồng chí du kích Ba Tư cũ. Khẩu hiệu của đội du kích cũng như của đại đội Ba Tư trước khi sinh hoạt là ai nấy đều phải hô to: "HY SINH VÌ TỔ QUỐC", tôi cùng theo sinh hoạt với anh em, dạy hát ca cũng chính là để tìm hiểu thêm về tinh thần rèn luyện, học tập; chiến đấu của đội du kích trước đây trong rừng núi Cao Muôn hùng vĩ.

Không may cho tôi, bệnh sốt rét rừng lại tái phát - anh em thương tôi, sợ ở đơn vị không đủ thuốc chữa bệnh nên họ đưa tôi

đi quân y viện. Sau đó tôi được đưa đi điều dưỡng ở vùng biển Mỹ Khê, Quảng Ngãi. Khi tôi đã khỏe, hình ảnh núi rừng, chiến khu du kích của tỉnh Quảng Ngãi, lòng yêu nước, chí căm thù đã từ Ba Tư dội về đồng bằng, và thôi thúc tôi phải viết nhanh “viết đẹp” về những điều mình khâm phục, noi gương, ca ngợi...

Dù tài nghệ tôi chưa đi đến đâu, nhưng tôi có đầy đủ tài liệu cộng với nguồn cảm xúc dồi dào, tôi đã bắt đầu sáng tác.

“Du kích Ba Tư”, một cái tên rất tự hào của người dân Quảng Ngãi và của cả dân tộc ta, vang mãi trong đầu tôi, khiến tôi phải bật lên câu hát:

Đây cũng là “thème” nhạc của bài hát và cứ như vậy tôi phát triển theo nội dung tình cảm của tác phẩm - bài hát có 3 đoạn.

Đoạn A, đoạn B và đoạn kết thúc.

Đoạn A - tình cảm hùng mạnh, đồng dục, cương quyết, và tin tưởng.

Đoạn B - vui tươi, yêu đời, yêu thiên nhiên, yêu đồng chí.

Đoạn kết thúc - nhắc lại đoạn B (14 nhịp) với tình cảm mến thương.

Mãi đến năm 1949, tôi mới hoàn thành xong sáng tác. Tôi chép gởi tặng đồng chí Nguyễn Đôn - nguyên Chính ủy Bộ Tư lệnh Liên khu V, là cán bộ lãnh đạo đội, du kích, Trung tướng QĐND Việt Nam hiện là Phó chủ tịch Hội cựu chiến binh Việt Nam, đồng chí rất vui lòng và góp ý sửa đổi đôi chỗ về lời ca để được chính xác hơn. Trong thời gian không lâu, bài hát được phổ biến gần khắp các đơn vị Liên khu V. Và đại đội Ba Tư đã lấy bài này làm bài hát chính thức của đơn vị.

Đến năm 1950, bài hát được in ra 1000 bản, bìa 2 màu do họa sĩ Hồ Quảng vẽ, làm quà biếu cho các đại biểu đi dự lễ 11-3-1950 tại Ba Tơ, và tác giả cũng có phần thưởng 200 đồng (bạc tín phiếu, giấy bạc này do đồng chí Phạm Văn Đồng ký, chỉ lưu hành trong phạm vi Liên khu V). Năm 1954, trước khi tập kết ra Bắc, các bạn ở đài TNVN Hà Nội và Đài phát thanh Giải phóng xin thu thanh để phát sóng. Hiện tôi còn giữ 2 băng tốp ca nam nữ của cả 2 đài.

Nhà xuất bản "Văn nghệ Giải phóng" cũng in trong tập "Miền Nam ca hát" 1945 - 1954, 43 tác giả với số lượng 20.250 cuốn. Đến năm 1975, khi cuộc tấn công và nổi dậy của quân và dân ở miền Nam chuẩn bị kết thúc thì 2 đài phát thanh cũng chuẩn bị lo việc in và phát hành hàng loạt bài hát kháng chiến, trong số này có bài "Du kích Ba Tơ". Nhạc sĩ Thanh Tùng nhận phối khí 4 mẫu nhạc hiệu cho Đài phát thanh Quảng Ngãi. Mãi đến nay, bài hát vẫn còn phát sóng hàng ngày trên làn sóng phát thanh của tỉnh và thị xã.

Tôi không ngờ bài hát mới vừa chép chưa ráo mực, mà đã 45 năm trôi qua, và 50 năm kỷ niệm ngày khởi nghĩa Ba Tơ. Nghĩ về những ngày ấy lòng mình cứ rộn lên, rạo rực cái không khí hào hùng nơi mảnh đất Ba Tơ, Quảng Ngãi về chiếc nôi của quê hương cách mạng, tiếp bước Ba Tơ người dân Quảng Ngãi đã làm nên bao sự tích anh hùng góp phần vào sự nghiệp chung của đất nước và dân tộc ♦

NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ TRÊN CÂY NÊU CỦA TỘC NGƯỜI H'RE

01. Cây nêu trong lễ hội đâm trâu của tộc người H're được hiểu như là một thông điệp, một chiếc cầu nối thế giới trần gian với thế giới thần linh. Và nó là một nghi cụ không thể thiếu trong lễ hội đâm trâu.

02. Về thời gian thì lễ hội đâm trâu được tổ chức không theo lịch nhất định. Vụ mùa bội thu, gia súc gia cầm sinh sôi đầy đàn, sức khỏe của mọi người trong nhà bằng an hoặc là có người đau ốm trầm trọng... thì mới tổ chức đâm trâu. Hình thức tổ chức gia đình của người H're ngày nay là kiểu tiểu gia đình phụ quyền, độc lập về kinh tế, do vậy không gian tiến hành lễ hội này là tại sân của riêng gia đình có lễ. Tuy nhiên tính cộng đồng plây (làng), tính huyết thống, gia tộc luôn thể hiện trong sự tương trợ, giúp đỡ; làm cho phần lễ cầu vọng của gia chủ vô cùng trang trọng và phần ăn uống, vui hát-cộng cảm là của chung cả làng, bao giờ cũng sôi động ồn ã.

Sau khi bàn bạc, thống nhất trong gia đình, thì gia chủ mời thầy cúng, làm một lễ cúng nhỏ, xin phép thần làng, thần nhà (bằng 1 con gà)... được đâm một con trâu hiến sinh cho ông Trời, bà Trời (Giãh, Bhook = Bà, ông), thần núi, thần sông suối, thần ruộng, thần lúa, thần làng, thần nhà... cầu xin được ăn nên, làm ra, gia đình mạnh khỏe, tai qua nạn khỏi. Sau lễ cúng này, người

cha/chồng sẽ đem đôi chân gà đến các hộ trong làng cùng xem chân, góp ý và mời mọi người trong làng tới dự, giúp đỡ. Cùng lúc con cái trong nhà đến các làng khác mời bà con họ tộc.

03. Đối với các tộc người ở Trường Sơn - Tây Nguyên thì lễ hội đâm trâu là một sinh hoạt văn hóa tinh thần khá phổ biến. Tuy ở mỗi tộc người lễ thức tín ngưỡng dân gian trong phần lễ hội có những nét/điểm khác nhau. Phần này chúng tôi không đề cập khảo tả các nghi lễ, hình thức vui chơi... mà chỉ muốn tìm hiểu về nghệ thuật chạm khắc trên thân cây nêu trong lễ hội đâm trâu và ý nghĩa của những hình chạm biểu trưng đó.

03.1. Ngày đầu tiên. Trai tráng trong plây (làng) sẽ cùng người nhà vào rừng đốn hạ 5 cây gỗ có tên là loong krai (cây dền). Cây to nhất (đường kính trên 15 cm; dài trên 20m) sẽ được chọn làm cây nêu. Số cây được khiêng về nhà vắn để nguyên vỏ, cành lá.

03.1.1. Phần tạo dáng cây nêu sẽ dành cho các nghệ nhân và những “quan sư” phụ lễ. Tính từ đỉnh ngọn trở xuống, người ta đếm đủ 7 cành (lá) hoặc 9 cành nhỏ, để nguyên lá, vỏ. Dưới nhánh thứ nhất (dưới lên), dùng dao khoanh cắt vỏ và lột vỏ đến tận gốc. Từ đây cho đến tận gần gốc (chừa 1,2m để chôn) lại được chia làm 3 phần đều nhau. Bằng những con dao nhọn nhiều cỡ và đục tự tạo, nghệ nhân bắt đầu chạm khắc.

Phần I, tính từ nhánh lá đầu trở xuống, nghệ nhân lại cắt khoanh thành rãnh nông theo chu vi đường tròn thân cây, chia thành những đoạn rộng, hẹp không đều nhau. Phần trong các đoạn đó, họ chạm khắc những đường răng cưa để tượng cho núi đồi, đường lượn sóng sóng đôi hoặc lượn sóng so le tượng cho sóng suối; các hình ô vuông trong có khắc chấm theo hàng chéo tượng cho ruộng, các hình tam giác cạnh nhau nhưng đỉnh đối

lập gọi Mlô, catết là sinh thực khí Nam và Nữ. (Lời già làng và nghệ nhân).

03.1.2. Để kết thúc các họa tiết hoa văn phần I, là các hoa văn hình tròn có đường tiếp tuyến theo chiều ngược kim đồng hồ, mở đầu cho phần II. Điều đặc biệt ở các họa tiết này là tổng số hình tròn là số chẵn, theo từng cặp. Trong mỗi đôi thì có một hình tròn có chấm ở tâm và chung quanh chu vi là các tia có số lẻ. Dưới đường chừa các hình tròn có tiếp tuyến, người ta lại khoanh phân chia ra thành nhiều đoạn có độ rộng không đều nhau. Đoạn tiếp dưới trong cùng một đường là hình các con trâu, heo gà, chó, hoa quả xen lẫn nhau; đều theo chiều hướng cùng chiều kim đồng hồ. Điều đáng lưu ý là các hình này được chạm khắc theo lối biểu trưng: sáu, tám, khỏe... bố trí đan xen giữa các vật rất linh động, bố cục đẹp, chặt chẽ và đặc biệt là hình khắc chạm này, từ trên xuống có 3 đường/tầng, có hình biểu trưng cho nhau.

Tiếp theo (dưới) là các đoạn chạm khắc những mô típ hoa văn bông lúa trên đường lượn sóng, hoa văn ngọn rau dớn, hoa văn xương cá, hoa văn hình tròn chứa hình vuông và hình vuông chứa hình tròn, hoa văn mũi tên, hoa lá, tổ ong, da rắn v.v...

03.1.3. Họa tiết đầu tiên của phần III là mô típ hình tròn có tiếp tuyến, thuận chiều kim đồng hồ. Phía dưới được chia thành 5 đoạn đều nhau. Các đoạn theo thứ tự từ trên xuống khắc các đường kỷ hà, đường lượn sóng, sóng đôi và so le, hoa văn xương cá... Đoạn cuối (tiếp giáp với mặt đất) là các đường sọc đôi có đỉnh nhọn.

Người ta lấy than củi, giã nhỏ mịn, cùng với lá khoai lang tạo thành một chất hồ dẻo. Công đoạn cuối cùng là trét chất hồ này

vào những đường rãnh khắc chìm của họa tiết. Việc chạm khắc hoàn thành. Sau đó họ se 2 sợi chỉ dài gần bằng thân cây nêu, trên 2 sợi chỉ được vắn những chùm bông theo quãng cách 1 gang tay trông rất sinh động. Những sợi chỉ này sẽ được buộc vào 2 đầu của một đôi thanh cây dóc và cây dóc này sẽ gắn/buộc ngang, dưới nhánh lá thứ nhất trên ngọn cây nêu.

03.1.4. Trước khi dựng cây nêu, số người phụ lễ đào 1 cái hố sâu 1,2m, miệng hình vuông mỗi cạnh 45 cm. Bốn cây còn lại được bóc vỏ, chặt bớt, có độ dài là 3,2m (kể cả phần chôn dưới đất).

Giàn cây nêu - nơi cột/ buộc vật hiến tế được chia làm 2 phần. Phần giàn trụ: cách mặt đất cao khoảng 2 mét. Gồm 4 trụ gỗ có đường kính (mỗi trụ) 14 cm. Các trụ này được chôn chum gốc lại, ôm khít thân cây nêu (tức loang gấung) trong cái lỗ vuông như vừa nhắc trên. Đoạn trên tõe ra. Bốn cột này được cột ràng với nhau bằng sợi dây chèo, bện từ các sợi của cật tre tạo thành hình vuông mà 4 góc chính là 4 trụ/cột. Mỗi cạnh có độ dài là 1 mét hoặc hơn một chút. Phần trụ chính giữa là cây nêu (chôn giữa 4 trụ) và vươn thẳng lên cao. Để giữ cho cây nêu vững, giữa các góc có các đoạn chèo “chạy” qua ôm buộc chắc cây nêu và ràng với gốc đối diện, nghĩa là trong hình vuông đó có các đường dây chèo chéo, tức đường phân góc.

Như vậy nhìn về phương diện hình học không gian thì 4 mặt là 4 hình tam giác; có mặt đáy (trên) là hình vuông, đỉnh nhọn (dưới) chôn dưới đất. Đó là một hình hộp tam giác, có tâm là cây nêu.

04. Qua khảo sát, nghiên cứu, hỏi thăm các già làng (K'ra p'lay) và các thầy cúng (p'dâu) cũng như các nghệ nhân, sau đó

đem so sánh giữa các vùng thì nhận thấy việc trang trí trên thân cây nêu (loang găng), không phải chỉ là việc làm đẹp thuần túy mà nó chính là bức thông điệp của nơi trần thế hàm chứa sự báo đáp, cầu xin của con người gửi đến thế giới thần linh. Bên cạnh đó các họa tiết, hoa văn trang trí trên thân cây nêu chính là những tín hiệu đã được mã hóa, trong đó ẩn chứa bao ý niệm về vũ trụ quan và nhân sinh quan của tộc người H're.

04.1. Khi khi đi đến, tôi gặp các già làng và thấy cũng có tuổi, họ đều nhất mực khẳng định rằng gốc gác xa xưa của người H're là ở miền thượng nguồn sông H're (thek H're); giáp giới với tỉnh Kon Tum bây giờ. Nơi đấy núi cao điệp trùng, sông suối chằng chịt. Lúc đầu người H're chỉ biết làm lúa rẫy; trồng lúa, trồng mì, bí bầu, trồng bông... hái rau rừng, bẫy con chồn, con chuột, bắt con cá dưới suối. Sau này, thấy cây lúa mọc và còn cho nhiều bông ở những nơi có nước, nhiều bùn ven suối mà người H're tập làm quen với việc trồng lúa ở các khoảnh ruộng nhỏ. Người H're nhận thấy rằng càng đi xuôi xuống các miền thung lũng thì càng có nhiều chỗ khai hoang, đắp bờ, dẫn nước suối vào ruộng (tiếng H're là ruộng) trồng cây lúa và có nhiều sườn đồi ít dốc, nhiều cỏ để chăn thả con trâu. Do vậy mà người H're qua ngàn năm đã dần dần thiên di xuống miền xuôi. Qua tiếp xúc với người Chăm, họ tiếp nhận, dung hợp và phát triển cách làm ruộng/khai hoang ruộng bậc thang, cách đắp đập ngăn suối dẫn nước vào ruộng và du nhập các giống lúa nước. Điển hình như giống lúa 6 tháng có tên là "mao chiêm" (lúa chiêm) còn tìm thấy được ở những vùng sâu vùng xa. Nó chính là một trong những giống lúa có nguồn gốc từ người Chăm.

Như vậy, từ cội nguồn lịch sử cho tới nay, người H're đã có một quá trình hình thành, tồn tại và phát triển trong môi trường

sinh thái như đã nói trên. Các già làng nói : Khi cúng vọng phải có lòng thành nhớ về nguồn cội xưa như thế nào, nay thể hiện, bày biện như vậy. Nghĩa là lối chạm khắc các kiểu hình (hình học) như : răng cưa, lượn sóng, các ô vuông có dấu chấm ở trong, các hình biểu trưng như trâu, heo, gà, hoa quả, bông lúa v.v... Đó chính là sự thể hiện về địa hình cư trú và hình thái kinh tế của tổ tiên, ông bà của người H're hôm nay. Cúng hiến để tỏ lòng biết ơn, cầu xin thánh thần phù trợ thì con người ta đã được ơn lộc của Trời - Đất mà chăn nuôi có được nhiều trâu, heo, cây trái là phải hiến dâng linh hồn của các vật đó (tức là hình chạm khắc và thể xác của vật hiến sinh) cho các vị thần để mong được phù trợ.

04.2. Đến đây, chúng tôi đã đặt câu hỏi, tại sao cây nêu để phần chót đỉnh ngọn nguyên cả vỏ, lá, cành, vì sao số cành lẻ là phần chạm khắc được chia thành 3 đoạn có phân ranh giới là những hình tròn có tiếp tuyến ?

04.2.1 Trong quan niệm về thế giới, người H're cho rằng thế giới siêu nhiên được chia thành 3 tầng. Bên cạnh đó người H're có quan niệm về vũ trụ là vạn vật hữu linh (đa thần), giống như đại đa số cư dân Đông Nam Á. Triết lý âm dương, nói chính xác hơn là các cặp từ đối lập như đực-cái, trên-dưới, phải - trái... đã từ lâu là ý niệm luôn hiện hữu trong ứng xử với thiên nhiên và xã hội người H're.

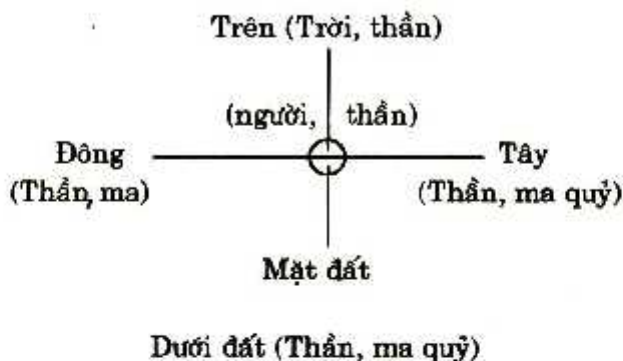
Cây nêu để chót đỉnh còn xanh nguyên lá cành với cành lá, vỏ (xanh, đen = âm), cùng với số cành lẻ (7 hoặc 9 = dương) đó chính là cuộc sống, là tái tạo, sinh sôi. Có vậy mới như cây nêu cao vút, vững chãi, vươn thẳng lên trời. Và chính sự sống xanh tươi vậy chỉ ở con người hiện hữu đang có sự dâng hiến lên bề trên tối cao.

04.2.2. Phần trang trí, chạm khắc trên cây nêu theo một bố cục chặt chẽ và chia làm 3 phần/đoạn. Như đã nói ở trên, người H're quan niệm có 3 tầng thế giới. Tầng thứ I (trên trời), người H're gọi là "plinh" hoặc "trook" là nơi trú ngụ của các đấng siêu quyền phép. Đó là bà Trời, ông Trời (Già, P'hoak" và các vị thần chi phối, cai quản mặt đất. Trong khi đó đôi vợ chồng thần mặt Trăng, mặt Trời (Khê, M'hi) chỉ có vai trò trong "gôngông Già P'hoak" (xứ sở Trời) không đáng kể, nhưng vô cùng thiết yếu và gắn bó với con người dưới trần gian. Vợ chồng (oong mai) thần mặt Trời, mặt Trăng chính là hoa văn những hình tròn có đường tiếp tuyến ngược chiều kim đồng hồ.

Phần II, như đã lược tả (03.1.2), mô típ chạm khắc tả con vật, cây trái, theo lối biểu trưng cũng 3 tầng; đó chính là những sản phẩm mà bàn tay con người (con M'ngai) tạo nên xin dâng hiến cho các vị thần linh ở trên Trời (tầng I), trên mặt đất (phần II) và dưới âm phủ (tầng/phần III). Do có quan niệm vạn vật hữu linh - tín ngưỡng nguyên thủy, nên từ thực thể thiên nhiên cho đến những thực thể của văn hóa đều nhất nhất có linh hồn. Tầng thế giới thứ II theo trục dọc không gian thì đó là dương gian, là mặt đất nơi cư trú của con người cùng các vị thần cai quản như thần núi rừng, thần sông suối, thầy cây, thần đá, thần nhà, thần vườn... cho đến thần cối giã gạo. Những vị thần này mới thực sự là tác nhân tương tác đến cuộc sống hiện tại của con người. Bà và ông Trời thì ở xa quá, do đó vật hiến sinh hiện hữu được hóa thân vào các hình được chạm khắc, mà chủ yếu là các vị thần gắn gũi với con người, sẽ được con người dâng hiến, cầu gọi nhiều nhất.

Thế giới quan vũ trụ và nhận thức tâm linh của người H're có hai trục dọc ngang. Cuối cùng của trục dọc là âm phủ (tức tầng

thứ III của cây nêu). Còn trục ngang thì con người vẫn ở vị trí trung tâm - ở giữa; theo mô hình sau :



Người H're cho rằng mặt địa lý, môi trường thiên nhiên xã hội... của cả 3 vùng/miền này đều như nhau nhưng các hiện tượng, sự vật lại "trái dấu" so với mặt đất. Cũng như mặt đất, dưới "âm phủ" là nơi cư trú của các vị thần và ma quỷ; cũng có mặt trăng, mặt trời nhưng như đã nói, hiện tượng ngày đêm đều đảo ngược. Do vậy mà những hình tròn có tiếp tuyến (mặt trăng, mặt trời dưới gầm đất) đều được thể theo hướng ngược lại - thuận chiều kim đồng hồ.

04.2.3: Thần linh, ma quỷ, hồn vía... chẳng qua chỉ là sản phẩm của nhận thức con người từ thời nguyên thủy; nghĩa là con người đã huyền thoại hóa, vô thể hóa các hiện tượng, sự vật trong thiên nhiên và xã hội. Nói nôm na hơn thần linh, ma quỷ đã bước ra từ con người. Do vậy mà người H're vừa nể phục, sợ hãi, thậm chí ghét bỏ, vừa coi thần linh là một cái gì đó rất người, rất bình thường.

Chạm khắc những con vật hiến tế trên thân cây nêu, ngoài những con vật, hoa trái "cao cấp" thì người ta còn cúng hiến cả

những loại thực thể rất đối xứng thường trong hình thái kinh tế sản bắt, hái lượm, như con cá, con ốc, rau xanh v.v...(mô típ hoa văn xương cá, hình tròn xoay tròn ốc, hình lá, hình ngọn rau dớn...). Tính bình đẳng, hỗn nhiên thể hiện rõ ở điểm này.

04.2.4. Là cư dân vừa làm lúa nước, vừa làm lúa rẫy, hình thái kinh tế tự cung tự cấp; sự no đủ, “người khang vật thịnh” là ước nguyện bao đời không của riêng ai.

Tuy trong luật tục về hôn nhân quy định và xử phạt rất khắc nghiệt với việc quan hệ ngoài vợ - chồng nhưng trong bảo tồn nòi giống thì người H're mong con đàn cháu đống, trong làm ăn sản xuất luôn cầu xin mùa màng bội thu, gia súc gia cầm sinh sôi đầy đàn. Và từ ngàn xưa họ đã nhận thức rằng chỉ có các cặp đôi trái ngược nhau, giao hòa với nhau thời mới có phát triển. Trong ngôn ngữ (vở của nhận thức) tuy không có từ “âm” - “dương” nhưng lại có : “Nữ - nam” (calô-caji); “Mẹ-cha”; (Miq-p'hã); “úp-ngừa” (păhplênh-păh h'cáp), “trong - ngoài” (inh troom-inh gông) v.v... và tất cả những ý niệm này đều được thể hiện trên cây nêu ở các mô típ hoa văn hình tam giác xếp cạnh nhau, đỉnh đối ngược; các hình tròn có tiếp tuyến; hình tròn có (chứa) tâm hình vuông và hình vuông chứa hình tròn... chắc chắn đó là tín ngưỡng phồn thực (chả thế mà để hiểu ý tứ của thần linh khi cầu vọng, người H're dùng đôi quẻ (panâyh) gieo xuống đất; thần linh đồng ý thì một sắp, một ngựa và ngược lại...) Ý nghĩa phồn thực, triết lý âm - dương càng được thể hiện rõ ở toàn bộ giàn trụ cây nêu. Rất nhiều già làng và giới thầy cúng giải thích: “Ta lặn một cái cột hình tròn bao giờ cũng dễ hơn cột vuông; nó cũng giống như người đàn ông thường đi xa, làm việc nặng hoặc đi đánh trận; còn đàn bà thì ngại đi đây đi đó bởi họ là người coi

sóc chồi để lúa và chừa để cho gia đình ta có nhiều con yêng, thẳng éo (con gái, con trai). Đó, người H're ta dựng giàn cây nêu (loang găng) để đâm trâu cúng Trời, thì phần dưới (các trụ -Đ.T.X) nhìn như "ca weng" (chỗ kín) người dân bà "gu caji" k và cây nêu "đâm" vào giữa phần dưới giàn, như cái "mlô" (sinh thực khí nam) của người dân ông vậy (gucalô)... còn hai sợi chỉ có những chùm bông gòn kia là hai cái thang để thần linh xuống dân cúng ăn máu con trâu...".

05. Qua cuộc điều tra điền dã gần đây (6.1998) ở một số vùng miền núi thuộc tỉnh Quảng Ngãi, chúng tôi đã thực sự bất ngờ và thú vị khi nhận thấy những yếu tố văn hóa nội sinh, bản địa vẫn còn thể hiện vô cùng đặc sắc, cá biệt và đa dạng cũng như là ta mới vừa gặp dấu đó trong nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc của đất nước, con người Việt Nam.

Tổng thể môtip họa tiết, hoa văn chạm khắc trên cây nêu chính là sự biểu hiện về văn hóa nhận thức đối với vũ trụ quan và nhân sinh quan của người H're. Là tộc người định cư trên Đông Trường Sơn - Tây Nguyên, bên đông là biển sâu, bên tây là núi cao (cực đại âm dương), địa lý, sinh thái đã tác động và để lại dấu ấn đậm nét trong lối sống và tính cách con người. Người H're coi trọng sức mạnh thể chất như cây nêu từ lòng đất vươn thẳng lên trời. Mặt khác lại rất cần yên ổn, quần tụ vương vực như plây (làng), để mà còn chờ bông lúa dưới đồng tới ngày chín vàng.

Nghệ thuật trang trí cây nêu : một thành tố văn hóa dân gian; nó chính là một góc của bức chân dung tự họa của tộc người H're ở tỉnh Quảng Ngãi.

ĐI ĐÈO VIOLẮC

Chỉ vài ba năm nữa, khách ở các tỉnh phía bắc miền Trung đến Tây Nguyên bằng con đường ngắn nhất thông qua Quốc lộ 24 nối Quảng Ngãi với Kon Tum. Qua đèo Violắc quanh năm mây phủ, có lẽ không ít người sẽ xuýt xoa về cảnh trời mây tuyệt đẹp ở đây, không hiếm tiếng trầm trở về con đường đèo quá tốt. Nhưng mấy ai biết những ngày này, hàng trăm người lính và công nhân đã chạy đua với lũ để thông đường. Họ không phải chỉ trả bằng những giọt mồ hôi mặn chát mà bằng cả máu nữa.

Trong cuộc họp báo ngày 27 tháng 9 vừa rồi, trả lời phỏng vấn của các nhà báo về Quảng Ngãi đã chuẩn bị được gì cho Dung Quất, ông Phạm Hữu Tôn, Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đã đưa ra hàng loạt công trình được chuẩn bị từ mấy năm qua, trong đó, với riêng tôi, có lẽ hấp dẫn hơn cả là việc mở đèo Violắc. Hấp dẫn không chỉ vì cái tên là lạ vừa Tây, vừa Bana, Ê đê mà con đèo ấy đã từng in dấu chân của cha tôi và thế hệ của ông cách nay gần nửa thế kỷ trong chiến dịch bắc Tây Nguyên năm 1953.

Thuở nhỏ tôi vẫn thường nghe lảng máng câu chuyện của cha tôi hay nhắc lại thời trai trẻ của đời ông. Đó là khoảng năm 1952 - 1953, cha tôi lên đường đi dân công, tham gia chiến dịch đánh đồn Mang Đen (Kon Tum). Cuộc chia tay của đôi vợ chồng

trẻ lúc ấy không biết có hứa hẹn điều gì nữa không nhưng mẹ tôi chỉ nhắc hoài câu nói của cha tôi đã thành xưa cũ "mình ở nhà gắng giúp mẹ, tôi đi chuyến này chắc là lâu lắm". Bốn tháng sau, ông trở về, làn da không "sạm màu sương gió" mà vàng vọt, sưng phù vì sốt rét rừng! Báo hại khổ thân mẹ tôi, chưa tròn tuần trăng mật đã phải nuôi anh chồng phù thũng gần cả năm trời. Sự nghiệt ngã của chiến tranh những năm tháng ấy, dù đã gần nửa thế kỷ trôi qua nhưng mỗi lần nhắc lại mẹ tôi vẫn cứ rùng mình. Còn cha tôi thì không nhắc gì về những gian truân của trên 100 ngày nằm rừng ngủ bụi mà chỉ luôn kể về một con đèo. Ông không rõ tên gọi của nó mà chỉ biết rằng nó "đẹp lắm". Đẹp đến mức mà mỗi lần ông nhắc đến là một lần tôi thèm thuồng và ao ước được đặt chân lên đó. Dịp may đã đến. Và thế là tôi đi.

Chiếc xe Uoát cà tàng của Xí nghiệp 491 thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Ngãi được anh chàng tên Vỹ điều khiển. Vỹ cao to, đẹp trai, "độc thân dễ tính, tròn ba năm lính" - như lời anh em kháo nhau. Thấy tôi nhìn chiếc xe có vẻ ái ngại, Vỹ trấn an: "Ông anh yên tâm, con "trâu sắt" này ăn chịu với đèo Violác gần hai năm nay rồi. Coi vậy chứ bền ra phết. Với lại, nó nhẹ hều à, có tắt máy dọc đường, mình đẩy cũng dễ!". Nghe nói phải đẩy mới nổ thì tôi phát hoảng nhưng cái giọng cà rồn của Vỹ làm tôi nhẹ người. Đi miễn núi mà gặp loại xe "liên xô", nghĩa là phải "xô" liên tù tỳ nó mới nổ, thì tôi vẫn thường nếm mùi. Gặp "bác tài" vui tính như Vỹ, kể cũng không đến nỗi tẻ nhạt. Xe hỏng mà gặp "bác tài" hay quạu thì coi như toi chuyến đi. Trên xe còn có thủ trưởng của đơn vị - đại úy Nguyễn Duy Ánh và hai "o bộ đội". Hai em đều có người yêu đang mở đường trên

đèo. Bất chấp ổ voi, ổ gà, bất kể tiếng kêu đình tai của chiếc xe cà khỗ, hai khuôn mặt trẻ trung kia vẫn luôn tươi rói. Trong số 5 anh em trên một chiếc xe... Zeep ấy, chỉ có Vỹ là cực nhất. Tám thân quá cỡ một mét tám tư của Vỹ thật quá kèn kàng so với chiếc xe bé tẹo này. Nhìn đôi tay của Vỹ liên tục đánh qua đánh lại chiếc vô lăng để tránh xóc mà thương cho con đường.

Xe khởi hành từ thị xã Quảng Ngãi lúc 8 giờ sáng, đến thị trấn Ba Tư đã là 11 giờ trưa. Nghỉ ăn cơm chừng mười phút, anh Ánh đã giục: "Thôi ta đi, khẩn trương!". Tôi không rõ ông này sốt ruột điều gì, bởi vì từ thị trấn huyện lỵ Ba Tư đến đèo Violác chỉ còn 23km, đến tối chẳng lẽ không tới? Xe qua ngầm sông Re, anh mới nói : "May cho ông, hôm nay trời không mưa, xe mới qua được. Nếu mưa, chúng ta phải đi bộ từ đây đến đỉnh đèo". Ra thế, ông này sợ mưa giông lớn lũ tràn về. Dọc đường từng đoàn xe chở gỗ nặng nề nối đuôi về xuôi. Rừng Ba Tư tiếp tục cháy máu, đường Ba Tư tiếp tục bị bầm nát. Những dãy núi trùng điệp chỉ còn trơ cổ đại. Rừng bây giờ chỉ còn như mái nhà trơn tuột, chỉ một cơn mưa là nước các con sông, con suối dâng đầy. Trước mắt tôi lúc này là dãy núi sừng sững, vách đá dựng ngược, đen trùi. Mây chiều như dải lụa mềm vắt ngang lưng chừng núi. Anh Ánh chỉ tay về phía đỉnh đèo: "Nó đấy !". Ừ, nó đấy! Con đèo mà cha tôi và thế hệ của ông đã từng in dấu chân lên đó. Con đèo đã từng hấp dẫn tôi bao lần qua những câu chuyện nhắc về thời trai trẻ của ông. Bây giờ nó hiển hiện trước mắt tôi đây. Đẹp thì đẹp nhưng sao rợn cả người. Đèo Violác bằng xe Zeep đã thấy hải rồi nói gì đến việc đi chân đất, vai mang gao và súng đạn. Bỗng dưng tôi thấy thèm khát cái quá khứ hào hùng mà thế hệ như tôi không hề có được. Dưới chân

đèo còn đọc được dòng chữ lờ mờ trên một trụ đá đầy rêu : " Nha đường bộ, tháng 9 năm 1960". Đây là dấu vết còn lại của con đèo đã được người Mỹ làm từ những năm cuối thập niên 50, đầu thập niên 60. Thực ra tỉnh lộ 5 A từ Thạch Trụ đi Ba Tư đã được người Pháp làm từ lâu. Đây cũng chính là con đường mà họ đưa những chiến sĩ cộng sản lên "Căng an trí" Ba Tư để quân thúc. Chính nơi đây đã ra đời Đội du kích Ba Tư lừng danh. Người Pháp cũng đã để tâm đến con đèo này. Họ có ý định mở đường xuyên qua huyện Kom Plông (Kon Tum). Mới khai cuộc chừng vài cây số thì chiến tranh ập đến, họ đành bỏ cuộc. Nếu người Pháp làm đường đèo gần ở đỉnh thì người Mỹ làm ở dưới thấp. Toàn bộ tuyến đường chỉ dài 7 km được rải nhựa hoàn tất. Do độ dài quá ngắn nên độ dốc quá lớn, nhiều chỗ rẽ cua rất tức. Chạy được vài năm, quân giải phóng đánh mạnh ở bắc Kon Tum và miền Tây Quảng Ngãi, con đường tiếp tục hoang phế. Đến "thời ta", đèo lại được khai thông bằng một con đường khác. Năm 1993, theo đề nghị của tỉnh Quảng Ngãi, Bộ Giao thông - Vận tải đã đồng ý nâng tỉnh lộ 5 A thành quốc lộ 24, mở lại đèo Violác nối liền với Kon Tum. Không ít "B" đã dầm ngõ vào con đèo này. Thấy "cục xương" khó gặm, họ lặng lẽ rút lui, cuối cùng chỉ còn 5 đơn vị : Công ty cầu đường Quảng Ngãi, Xí nghiệp Thủy lợi - thủy điện Quảng Nam - Đà Nẵng, Xí nghiệp Hợp Thành (Quảng Ngãi), Xí nghiệp 74 (Long An) và Xí nghiệp 491 thuộc Tỉnh đội Quảng Ngãi. Năm đơn vị chia nhau tuyến đèo dài 12km. Xí nghiệp 491 nhận phần trên cùng, giáp với Kon Tum. Một căn nhà tuềnh toàng, trên 20 con người ra vào ăn ở trên đỉnh đèo gần hai năm nay. Anh em bộ đội nói vui: " Ở đây ăn cơm Quảng Ngãi nhưng đi "giải" Kon Tum". Để đưa xe, máy, nguyên vật liệu

thì công đoạn đèo này, anh em công binh phải mở “đường công vụ” cắt ngang con đường cũ của người Mỹ làm nên. Những đoạn dốc dựng ngược chỉ có xe ủi mới bò lên được. Thế nhưng, chỉ một thời gian, đất đá từ tuyến đường đang thi công đã lấp đầy con đường cũ. Anh em lại phải công gùi từng can dầu, từng ký thuốc nổ vượt dốc mà đi. Trong hai cây số mà Xí nghiệp 491 đảm nhận, có một km là vách đá. Anh Ánh tâm tình: “Tôi là người đặt chân đầu tiên lên tuyến đường mới này. Tôi đi với một lời động viên: “Là lính nên phải nhận phần khó nhất. Tất nhiên là tiền cũng nhiều nhất. Thế nhưng khi đã mục kích tuyến đường mà đơn vị đảm nhận, tôi thấy chờn, nhưng mọi việc đã giải quyết cả rồi”.

Chiếc xe Zeep già nua đã phải nhích từng đoạn để đưa chúng tôi đi được ba cây số đường đèo cũ. Đoạn đường rải nhựa của người Mỹ chỉ còn nham nhở những ổ gà. Lau lách đã phủ kín lối đi. Từ đây chúng tôi bắt đầu đi bộ. Tôi ngược nhìn lên đỉnh dốc mịt mù mây phủ. Cơn mưa chiều đến muộn. Nước từ các con suối đổ ầm vang một vùng rừng. Năm anh em lấm lũi đi trong mưa. Chốc chốc Vy lại nhắc : “ Cẩn thận. Vất rừng!”. Chỉ cần dừng chân mấy giây là đã thấy vài ba chú vất lồm ngồm lao tới. Cái giống quỷ quái này đánh hơi người rất tài, mà lại lựa toàn chỗ hiểm để cản! Đúng 5 giờ chiều chúng tôi mới có mặt trên con đường mới mở. Sau cơn mưa chiều, không gian đã trả lại cho rừng một màu xanh ngút ngất. Hàng ngàn cây lim, gụ, trắc, hương đứng thẳng tắp dưới lòng suối, đủ để cho những gã sơn tràng nuốt nước bọt! Cũng may là đường quá xấu, các con bạch tuộc chưa thò cái vòi tới đây. Bóng núi đổ dài xuống các thung sâu. Đêm tháng mười ở đây đến sớm. Xa xa vẫn còn nghe vọng lại tiếng mìn nổ xen lẫn tiếng ầm ào của con suối Bờ Ê. Sự hồi

lúc của công việc được hần lên từng khuôn mặt của người lính ở này. Họ phải chạy đua với mưa lũ để hoàn thành cung đoạn và mình đảm nhận. Trên những vách đá cheo leo, anh em công hân và bộ đội phải dùng dây để đeo bám, khoan đá, đặt thuốc nổ đánh mìn. Dọc đường lớn ngổn đá hộc, đá bàn. Sau một kíp ánh mìn, mùi thuốc nổ xông lên nồng nặc như vừa qua một bãi bom B52 thời chiến tranh. Những cánh rừng đại ngàn men theo sườn đèo bây giờ xơ xác bởi hàng ngàn, hàng vạn tảng đá đè lên. Lũ sau khẩu lệnh của người chỉ huy, mấy chục quả mìn nổ tung ùng lúc. Đá bay rào rào, đen nghịt như một đàn chim tìm nơi trú ngụ lúc chiều về. Thiếu tá Lê Hồng Quang, người trực tiếp chỉ huy công trường nói với tôi: "Họ làm như thế từ gần hai năm nay rồi. Lính thời bình nhưng ngày nào cũng tiếp xúc với tiếng nổ. Chúng tôi đã phải trả giá bằng máu cho con đèo này". Rồi anh kể về những trường hợp rủi ro của đơn vị. Năm ngoái đây đơn vị anh hy sinh một người. Đó là Đỗ Minh Châu, quê Sơn Định, vừa xong trung học lên đây tham gia mở đường. Do sơ suất trong lúc gài kíp nổ, Châu đã ngã xuống nơi này. Tháng trước đây, một chiến sĩ của đơn vị cũng bị đá đè gãy sườn, cắt đi một ít lách. Cách đó mấy hôm, cả tổ đánh mìn gài kíp nổ vừa xong thì mưa giông ập đến. Anh em phải vào lán trại để trú mưa. Sét ánh ngay vào điểm định nổ mìn, thế là hàng chục quả mìn chưa kịp châm lửa đã nổ tung cùng lúc. Sống chết nơi này nghe sao tởm quá. Anh Quang đã kể với tôi bằng giọng đều đều khi anh đã khuya. Sương rơi dày trên mái lán. Rừng yên ắng lạ thường. Bỗng có tiếng kêu nghe lạ. Anh Quang bảo: "Hổ đấy!". Lũ người ở đây dọa mình nào ngờ hổ thật. Đại úy Nguyễn Văn Sơn, người "anh nuôi" của đơn vị khẳng định với tôi điều đó. Tôi

hỏi : " Hổ không sợ mình à?". "Sợ nhưng nạn đốt rừng ở phía Kon Tum, hổ còn sợ hơn!". Tôi chợt nghĩ, nơi đây vẫn còn những cánh rừng nguyên sinh mà chưa có bàn tay tàn bạo của con người thò vào nên cũng là nơi trú ngụ cuối cùng của loài chúa sơn lâm này.

Nguyễn Văn Lơ, người được anh em ở đây tôn "sư phụ" về khoản giao tiếp với đồng bào dân tộc. Anh thông thạo ba "ngoại ngữ" Ê đê, Gia rai và H're. Anh được "đồng bào" tặng cho câu nói nổi tiếng " Cái tay bộ đội sáng hơn con mắt!". Chả là Lơ hay vô các bản làng để mua thực phẩm cho đơn vị. Vô làng thì phải uống rượu. Sướng lên, Lơ chơi xả láng. Thấy Lơ ngà ngà, các em Gia rai sà vào chuốt rượu. Mất Lơ lim dim nhưng tay Lơ thì "làm việc". Anh kể với tôi nhiều chuyện cười đau cả ruột nhưng rồi đột nhiên giọng anh chùng xuống: " Ở đây mà không biết đùa, chắc là chết mất. Bộ đội mỗi ngày ăn 5.000 đồng nhưng không có gì khác là rau xanh và măng. Lâu lâu được bữa thịt heo nhưng chuyện đó "năm thì mười họa lắm". "Tôi hỏi: " Lương anh em thế nào?". "Ba trăm ngàn một tháng lương nhưng nào có bỏ bèn gì. Về phở một bữa là coi như pha!". Ở đỉnh đèo này còn có một số anh em quê tận Ninh Bình. Giang Hồng Sơn, quê Tam Điệp kể: "Chúng tôi đã làm các công trình thủy lợi, thủy điện hầu hết các huyện miền núi của miền Trung. Bây giờ chọn Violac làm nơi trú ngụ vài năm. Đòi chúng tôi như cánh chim trời phiêu bạt khắp nơi mà chưa có điểm dừng". Nhìn những khuôn mặt đen nhem vì bụi đá, vì sốt rét, tôi biết các anh đã phải trả giá như thế nào để cho con đèo thông tuyến.

Theo kế hoạch của tỉnh Quảng Ngãi, trước mùa mưa này, toàn tuyến đèo phải xong nền đường nhưng nhìn những vách đá sừng sững hàng chục mét của đơn vị 74 Long An, kế hoạch kia hãy còn xa vời lắm.

Quốc lộ 24 hoàn thành sẽ nối Quảng Ngãi với các tỉnh bắc miền Trung với Tây Nguyên bằng con đường ngắn nhất. Từ Quảng Ngãi đi Kon Tum bằng con đường này chỉ 180km, thay vì đi theo quốc lộ 19 phải qua 375 km. Dèo Violác là tuyến quan trọng nhất của quốc lộ 24 nhưng chưa phải là khâu cuối cùng. Hàng chục chiếc cầu vẫn chưa xong. Rồi còn phải mở rộng đường, rải nhựa. Đó là chưa tính đến phía Kon Tum, đường vẫn còn nhàm nhỏ, mùa mưa này, xe không cách nào đi lại được.

"Tuyến giao thông huyết mạch quan trọng này sẽ mở ra khả năng to lớn trong việc phát triển kinh tế cho miền Trung, nhất là khi Chính phủ đã quyết định xây dựng Dung Quất thành hải cảng lớn và hình thành khu công nghiệp đồ sộ nơi đây". Tôi đã nói với cha tôi bằng khẩu khí của các nhà kinh tế trong buổi họp báo hôm nọ, khi ông hỏi tôi về chuyến đi trên dèo Violác. Ông đã cười cái cười của người từng trải khi kỷ niệm một thời được đánh thức. Thấy cụ vui, tôi "lấn" tới. "Nhưng mà khổ quá cha ơi. Đi đến đó gian nan lắm!". Ông lườm tôi: "Nhà báo chúng mày chỉ được cái...". Ông bỏ lửng câu nói và đi vào nhà. Cũng may là tôi không kể với ông về trận uống bia tôi bồi vào chiều hôm đó ở thị xã Quảng Ngãi, sau khi hoàn thành chuyến đi. Nếu biết điều đó, chắc chắn ông sẽ thêm cái đoạn bỏ lửng kia thành một câu hoàn chỉnh thế này: "Nhà báo chúng mày chỉ được cái kêu ca và nhậu nhẹt!".

Tháng 10/1994

LÀNG DỆT THỔ CẨM CỦA NGƯỜI H'RE

Rắn lửa mãi, nay tôi mới có dịp về lại làng Teng (xã Ba Thành, Ba Tơ), một *plei* duy nhất còn giữ được nghề dệt thổ cẩm truyền thống của tộc người H're ở Quảng Ngãi. Nối với quốc lộ 24, con đường liên xã (Ba Vinh, Ba Điền) vừa được sửa chữa bằng phẳng vắt ngang làng như sợi chỉ màu nâu tươi thắm nằm giữa *loang tanh* ơ rai đang chờ tay người dệt. Thời chống Mỹ, đây cũng là một nhánh của đường mòn Hồ Chí Minh, ngã rẽ quan trọng trong việc cung cấp con người, vũ khí, lương thực... của hậu phương cho cả miền Trung Trung bộ. Làng còn là cửa ngõ thông thương với vùng đồng bằng trung du và vùng núi cao, nơi giao thoa “mít non gỏi xuống, cá chuồn gỏi lên” của thời buôn bán với “nậu nguồn” mà những câu ca dao còn lưu lại. Nhìn về phía tây, ngọn núi Cao Muôn uy nghiêm sừng sững, là căn cứ của Đội du kích Ba Tơ, nơi mà 55 năm trước (11/3/1945) bằng cuộc khởi nghĩa lừng danh đã làm bạt vía quân thù. Và, dấu trên chóp núi chọc trời cùng với dòng sông Liêng thơ mộng chảy quanh là lớp trầm tích thời gian về truyền thuyết tình yêu sắt đá nhưng bi thảm của chàng Loang Ta với nàng Bờ Ổ.

Theo các *krá plei* (già làng), người H're có thói quen đặt tên núi, tên sông, tên “nóc” theo sự vật cụ thể, như núi Gora -hang

(núi ông Tiên), hang động Cop -pra- bâng (hang Dơi), suối Đắc T'đau (suối Đá), thác Coi- cha - vong (thác Lỗ Ổ)... Làng Teng cũng không nằm ngoài quy luật đó, xuất phát từ khi lập plei, cây K'teng (sầu đông hay còn gọi là thẩu đầu) mọc hoang khắp cả vùng nên người ta lấy tên cây làm tên làng. Cùng với việc mở rộng đất đai, trồng trọt, chăn nuôi... hiện nay cây sầu đông không còn nữa, chỉ có plei Teng như một minh chứng nhắc nhở cháu con về một thời khó nhọc dựng làng của cha ông.

Làng có 173 hộ, 768 người, đa số là dân tộc H're (người Kinh, Mường chiếm 5%), sinh sống chủ yếu bằng cây lúa nước và trồng các loại củ, bắp... Những lúc nông nhàn, người ta lại dệt thổ cẩm như nguồn phụ để tăng thu nhập gia đình. Người H're không có họ, trước đây triều Nguyễn gọi là Đinh, hiện nay ở huyện Ba Tơ có thêm họ Phạm - lấy theo họ Bác Phạm Văn Đồng.

Tôi đi một vòng quanh làng, hầu như nhà nào cũng có khung dệt gác ở đầu *tra*. Thấy tôi say mê nhìn những họa tiết hoa văn của chiếc *katu* (váy) vừa dệt xong, bà Phạm Thị Đóa vui miệng kể : Ngày xưa, khi đã làm xong mùa rẫy, lúa mang vào nhà kho là phụ nữ của làng, từ già đến trẻ bắt tay vào dệt thổ cẩm. Dệt đủ loại, từ váy, khố (*kapen*), tấm địu con (*katáh*), khăn đội đầu (*mul*), dây đeo (*sipáh*) đến khăn gói trâu cau, lễ vật (*tagóh*), mền đắp (*veixan*)... Những dịp cúng mừng năm mới (*Plac hoan* *ta meo*), hội làng, lễ cưới (*arêng ang mai*)...không thể thiếu tiếng cồng chiêng, rượu cần và trang phục truyền thống của người H're - Đôi mắt người già bỗng dưng phủ một lớp sương mờ, nhìn xa xăm qua hóc núi Go ra- hang, bà Đóa ngậm ngùi : Bây giờ thì hết rồi, con yên - bâng éo (con gái, con trai) muốn mặc quần áo người Kinh, lù nó không thích cà tu, *kapen* nữa!

Quả đúng như vậy, trong khi hàng thổ cẩm của làng Tèng được thương nhân mang bán tận huyện Sơn Hà, Ba Tơ, Minh Long hoặc Vân Canh, An Lão (Bình Định) thì nhan nhán quanh tôi những chàng trai, cô gái mặc áo chim cò, quần jean, má hồng môi đỏ. Chỉ còn những phụ nữ luống tuổi mới mặc váy mà thôi.

Tôi được biết, trước kia, nguyên liệu để dệt thổ cẩm người ta lấy từ cây bông trồng ở các vườn rẫy ven suối. Vào tháng ba hàng năm, phụ nữ H're mang gùi lên hái đem về phơi nắng cho cánh nở bung, sau đó thì bắt bông đánh tơi xốp rồi tách hạt đưa vào trui để kéo thành sợi. Muốn nhuộm màu đen, người ta hái lá cây *ghing gu* giã nát, nấu với bột gạo. Sợi bông ngâm trong dung dịch này không bao giờ bị phai màu, còn hạt gạo thành chất hồ dính khiến cho sợi săn chắc, khi dệt không bị đứt đoạn. Nhuộm màu đỏ thì dùng vỏ cây *páh deh* đập nát, thêm vào một ít vỏ ốc, nấu lấy nước.

Tham khảo một số hoa văn trang trí trên vải, nhất là ở cặp váy người H're tôi thấy kiểu dáng rất đa dạng, màu sắc hài hòa phong phú. Đặc biệt, không như các tộc người anh em khác (thường dùng màu nóng, chói), các họa tiết hoa văn H're rất khiêm nhường, lặng lẽ; các gam màu hòa sắc chung trong tổng phổ không mang tính cực đoan; màu đỏ không được quá rực rỡ, màu đen nên không lấn át các màu khác, màu xanh thì nhuộm xanh dương dịu dàng.

Để biểu đạt về nguồn gốc tộc người, thị hiếu thẩm mỹ, văn hóa cùng các quan niệm, tư duy về nhân sinh quan, vũ trụ quan mô tiếp hoa văn của người H're thông thường có một số dạng: k'lêh (cái móc áo), ekla (hoa lá), ply-loang (trái cây), raih (răng lược), k'lăh (tên một loại cây sử dụng làm đồ cúng)... người H're

cùng dùng xen kẽ các mô tiếp với nhau như hoa văn *ekla* kết hợp *ply loang* để mô tả chủ đề cây cối, hoa lá; hoa văn *k'lăh* phối hợp với *ply loang*, raih nhằm mô tả đồng ruộng, cây cối... Không hiểu sao, xa cách về địa lý, mà nhìn những màu sắc, cách cơ cấu hoa văn trên những sản phẩm dệt H're tôi lại nhận ra sự trùng lặp với tộc người *K'ring* ở làng *T'ngach* (tỉnh Ratanakiri) tận vùng đông bắc Campuchia.

Dệt hoàn chỉnh một tấm thổ cẩm dùng cho việc *poch - ang-mai* (ăn hỏi, nhà gái công cưới cho chàng trai), người thợ thủ công tốn thời gian khoảng nửa tháng; còn các loại khố, khăn địu con thì 9 - 10 hôm.

Ngày nay, dưới tác động của cơ chế thị trường và nhu cầu xã hội, thương nhân tìm đến dệt làm hàng chợ. Những tấm vải công nghiệp đơn màu chiều ngang khổ 1,2m - 1,4m được rút chỉ dọc theo đường diềm chân, sau đó giắt chỉ vào theo các đồ án và màu sắc hoa văn đã định trước. Phương pháp này khác xa cách dệt truyền thống nhưng hàng mỏng đẹp, màu sắc đa dạng và nhất là đỡ tốn thời gian. Mỗi tấm cà tu, ka - tăt mất khoảng 5-6 ngày, bán được từ 150.000 đồng đến 200.000 đồng. Trừ tiền mua chỉ màu, tiền vải, người dệt cùng còn lãi gần 100.000 đồng. Với những gia đình người H're ở làng Teng thì số tiền này quả là không nhỏ.

Phân công lao động trong nghề dệt thường theo giới tính, nghề thủ công này do phụ nữ H're đảm nhận; đó cũng là sự phân công thường thấy ở các dân tộc biết nghề dệt. Con gái được mẹ dạy nghề rất sớm, như bà Phạm Thị Dư, 70 tuổi, học dệt lúc 13-15 tuổi. Đến hôm nay bà cũng còn vừa dệt vừa truyền nghề lại cho lớp cháu con. Hoặc bà Phạm Thị Thau, một trong những

người dệt giỏi của làng, bà học nghề từ 16 tuổi, hiện giờ vẫn miệt mài bên khung dệt.

Có điều nghịch lý là các cô gái ít muốn học dệt vì nghề này đòi hỏi phải tỉ mỉ, ngồi một chỗ, động tác đơn điệu, cần có vốn... mà thu nhập lại quá thấp, không bằng đi rừng tìm dây mây, tìm cây dóc về bó chổi; bó được bao nhiêu thương lái mua bấy nhiêu, có tiền liền, lại không tốn đồng vốn nào.

Dem những ưu tư đó trao đổi với anh Phạm Văn Xuân - Phó chủ tịch UBND xã Ba Thành, anh tâm sự: Tôi biết rằng nguy cơ thoái hóa nghề dệt ở làng Teng là một thực tế. Các cụ cao tuổi mất dần đi trong khi lớp trẻ chưa học được kỹ thuật nhuộm, dệt, bố trí các loại hoa văn... thì một ngày không xa ắt dẫn đến mất gốc nghề. Nhằm bảo tồn và phát huy làng nghề, cùng với huyện Ba Tư, chúng tôi đã khảo sát xây dựng dự án khôi phục nghề, trước mắt là làm một nhà rộng dài ở trung tâm làng hoàn toàn bằng phong cách nhà sàn H're, sau đó gom số người biết dệt lại để truyền nghề, học nghề và sản xuất hàng dệt thổ cẩm như một hợp tác xã thủ công nhỏ. Chúng tôi chỉ dám hy vọng từ đây...

Đúng là một điều rất đáng quan ngại vì trong thời chống Mỹ, cùng với các xã khác, đồng bào làng Teng dạt ra các núi Cao Muôn. Go- ba- nol, Go- ruông -leng... quyết một lòng bám trụ quê hương. Trên 20 năm chiến tranh, biết bao nghệ nhân đã mang vào lòng đất những bí mật nghề nghiệp. Rồi thời bao cấp, cái đói nghèo đã vắt kiệt sức lực làng nghề, chỉ lo ăn đã "ná thở" có ai nghĩ đến cái mặc đâu! 10 năm trở lại đây, tuy có đỡ hơn nhưng cũng chẳng bao nhiêu. Nếu không giống lên tiếng chuông báo động, tôi e rằng cùng với thời gian, số phận làng nghề này cũng sẽ bị diệt vong như xóm Lược - Tịnh Sơn (Sơn Tịnh), đục đống

Chú Tượng (Mộ Đức), mạch nha - đường phèn Thu Xà (Tư Nghĩa)... chỉ còn một thời vang bóng, dù sản phẩm làm ra không những được tiêu thụ trong nước mà còn mang đến tận Lào, Campuchia.

Còn một thực trạng này nữa, làng Teng ăn mặc đã "Kinh hóa" rồi, nhà ở cũng theo quy chuẩn người Kinh nốt. Số thanh niên nam, nữ mới lập gia đình thì hoàn toàn ở nhà xây, nhà trét đất dọc theo đường liên xã. Người lớn tuổi cũng vậy, thấy mấy đồng đá, cây xẻ, ngói... đổ trước vài ngôi nhà sàn, tôi hỏi thì được chủ nhà cho biết là đang chuẩn bị làm nhà trệt. Nhà sàn đang ở thì sao? Dỡ bỏ! Tai hại vô cùng khi một số người không còn tự hào về truyền thống, tính đặc trưng của dân tộc họ. Tôi chạnh lòng nghĩ đến mai kia...

Về thăm làng Teng lần này điều làm cho tôi ray rứt mãi là không còn gặp mặt mẹ Nhi, hơn tháng trước mẹ đã về với Yàng, với Boóc yá (ông bà) bỏ lại sau lưng gần trọn thế kỷ mặn ngọt, chua cay. Mẹ Việt Nam Anh hùng Phạm Thị Nhi có cuộc đời vô cùng cơ khổ, chống mất sớm, mẹ một nắng hai sương mưu sinh bằng tia lúa và dẹt thổ cẩm để nuôi bảy người con. Bảy lần đưa các anh lên đường ra trận nhưng chỉ còn hai người con thương binh là trở về với mẹ. Sự hy sinh vì độc lập tự do cho Tổ quốc của mẹ quá lớn lao mà tôi chưa viết được một dòng nào về mẹ cũng như sự chiến đấu quên mình của 5 liệt sĩ con mẹ. Nhìn căn nhà sàn nhỏ vắng lặng bóng người tôi lại càng ân hận.

Qua một ngày thăm thú khắp làng Teng, điều dễ nhận thấy nhất ở đây là đời sống nhân dân còn quá nghèo. Làng nằm ở vị trí thuận tiện "cận thị, cận lân, cận giang" vừa là trung tâm của xã mà lương thực bình quân đầu người chưa tới 300kg/năm. Để cải thiện mức sống của đồng bào làng Teng, theo tôi, ta phải bắt

dầu bằng cách quan tâm đến nghề dệt của họ, xem đây là “cần câu cơm” lâu dài nhằm xóa đói giảm nghèo một cách triệt để nhất.

Chúng ta đã có Nghị quyết Trung ương 5 về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tỉnh Quảng Ngãi nên khẩn trương triển khai chương trình hành động thực hiện, cụ thể là ở phần bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Để khỏi quá muộn, tôi nghĩ rằng Nhà nước cần có chính sách đầu tư như cho dân vay tín chấp, vay tiền giải quyết việc làm với lãi suất thấp, hỗ trợ tiêu thụ hàng dệt... Các ngành hữu quan tiến hành nghiên cứu, ứng dụng các loại hoa văn truyền thống, kỹ thuật trồng bông, cải tiến phương pháp dệt để rút ngắn thời gian tạo sản phẩm; đa dạng hóa mẫu mã như túi du lịch thổ cẩm, dra trải giường, khăn trải bàn, cặp học sinh, cà vạt... Trước mắt, mở ngay quầy hàng lưu niệm ở trung tâm tỉnh lỵ để giới thiệu, bày bán những sản phẩm của các nghề truyền thống Quảng Ngãi như: lược, nón, (Tịnh Bình), đồ rèn (Tịnh Minh), đồ đồng, thổ cẩm, mắm nhum, quế mỹ thuật Trà Bồng... được chạm khắc, dệt các danh lam thắng cảnh địa phương: núi Ấn, sông Trà, Thiên Bút phê vân, La Hà thạch trận, công trình đại thủy nông Thạch Nham... hoặc cách điệu các tượng đài lịch sử như: Chứng tích Sơn Mỹ, chiến thắng Ba Gia - Vạn Tường, khởi nghĩa Ba Tơ... Điều này tôi tin chắc thành công vì cùng với cảng biển nước sâu Dung Quất - Nhà máy lọc dầu số 1 là hàng triệu người sẽ đến Quảng Ngãi lao động, tìm cơ hội làm ăn, du lịch. Và, bất cứ ai đến vùng đất mới cũng đều muốn có một vài phẩm vật đặc trưng của nơi ấy để kỷ niệm hoặc tặng cho gia đình, người thân.

Thời gian trôi qua sẽ không bao giờ tìm lại được. Điều này càng rõ nét hơn nếu áp dụng ở làng Teng. Đừng để thêm một làng nghề trôi vào kỷ ức khi ta có thể ngăn chặn được từ hôm nay.

THÚ THƯỜNG NGOẠN CÁ NIÊNG Ở BA TƯ

Từ thời còn rất bé, đã nhiều lần, tôi từng đứng như ngây nhìn những người câu cá niêng trên các đầu những con thác dọc sông Liêng, sông Ba Tư. Hình ảnh người câu cá niêng khác hẳn với cảnh trong các tranh liên “Ngư ông đắc lợi” thường thấy treo ở nhà các cụ đồ Nho trong làng. Không là cảnh liều rữ bên mặt hồ tĩnh mịch, siêu thoát, người câu cá niêng phải đứng trên những tảng đá nhô đầu giữa dòng thác gầm gào, trắng xóa thật sống động và hùng vĩ. Có lẽ, cá niêng là loài cá đặc trưng của sông nước vùng rừng núi, vì chúng chuyên tìm mồi ở các vùng nước chảy xiết dưới chân thác. Thân hình cá niêng đẹp, thon thả như một con thoi. Con lớn nhất cũng chỉ bằng bốn ngón tay xếp, dài không quá một gang tay, vẩy mịn như hạt mè và trắng lấp lánh như giác bạc. Vào các buổi trời trong, nắng đẹp giữa mùa xuân hoặc đầu mùa hạ, ai có dịp dạo dọc trên các con sông này sẽ thấy từ giữa dòng nước trong như lọc dưới chân thác, thỉnh thoảng lóe lên những luồng sáng như tia chớp. Ấy là luồng sáng phát ra từ đàn cá niêng đang chao mình săn mồi hoặc đùa giỡn. Cá niêng thường ăn những sinh vật nước rất bé sống theo các mép đá. Nó vừa nhút nhát, vừa tinh khôn, hề có động là biến mất. Động tác người câu cá niêng thường phải rất nhẹ nhàng, không đùa giỡn hoặc làm lấn đá gây tiếng động. Người câu cá niêng chọn cho mình một mô đá giữa thác để đứng câu. Cẩn câu

cá niêng là một cành trúc già được ám khói hàng năm trời trên các gác bếp. Nhợ và lưỡi câu cá niêng đều phải mảnh, bóng, có khả năng mờ trong nước. Trước đây, người ta thường dùng chỉ của một loại dứa rừng làm nhợ. Ngày nay, chỉ dứa được thay bằng cước mảnh. Sau khi mắc mỗi vào lưỡi câu, người câu buông ròng rọc, thả cho lưỡi câu có mắc mỗi trôi theo dòng nước đến vài chục mét, sau đó hạ cần câu, thụt tới thụt lui theo chiều nước chảy để cá thấy mỗi. Khi cần câu “máy” nhẹ tức là đã có cá cắn câu, người câu lắc nhẹ cần câu sang ngang để lưỡi câu mắc vào mang cá và dùng ròng rọc thâu nhợ về. Cá bị mắc câu, kéo nhợ quét qua quét lại trên mặt thác, tạo nên một bức tranh vô cùng ngoạn mục và một cảm giác vô cùng thích thú. Cá được gỡ khỏi lưỡi câu, xâu vào cành rù rì nước ngâm giữa thác. Đến cuối buổi, người câu giỏi được đến ba bốn xâu. Xách lên, cá vẫn sống tươi nguyên. Cá niêng có một hương vị rất đặc trưng và thơm thúy. Ai đã ăn cá niêng một lần, khó mà quên được.

Người sành điệu thường thích nhấm nháp ruột cá niêng hơn cả ăn cá. Ruột cá niêng rất bé. Ruột của hàng chục con mới được một chén nhỏ. Sau khi lấy ruột, ướp gia vị, đem chưng cách thủy. Người chưa quen, ăn vào thấy đắng lắm. Người sành, ăn vào thấy một cảm giác thú vị đến ngây ngất: vừa đắng, vừa thơm, vừa béo...

Thân cá niêng, sau khi lấy sạch ruột, kẹp vào các gắp tre tươi, nướng trên than hồng. Mỡ cá nhỏ giọt, thơm ngát cả làng. Trở đều, khi toàn thân cá trở sang màu vàng ươm thì thả ngay vào nước mắm ngon có gia vị tỏi ớt đã chuẩn bị sẵn. Món cá niêng nướng dầm nước mắm ăn với cơm nấu bằng gạo trắng thơm thì người ăn cảm thấy ngon miệng đến mức bụng đã no rồi mà miệng vẫn muốn ăn. Ngày còn bé ở làng, tôi đã từng nghe có những lực

diễn ăn hết tám bơ gạo với món cá niêng nướng ấy. Trong thời kỳ chống Mỹ ở Trường Sơn, tôi cũng đã từng ăn nhiều cá niêng ở Quảng Nam, Bình Định, Sơn Hà nhưng không cá niêng nào ngon bằng cá niêng Ba Tơ.

Cá Niêng chỉ xuất hiện khi sông suối vào mùa nước trong, tức từ khoảng tháng chạp đến tháng bảy âm lịch hàng năm. Ấy cũng là mùa câu cá niêng. Cá niêng dễ thường trùng vào dịp Tết Nguyên đán. Thuở bé, trong dịp tết, dân cả làng tôi ăn tết, ngoài những thú vui thông thường còn có thú vui bắt cá niêng dễ. Cá niêng thường dễ ở những bãi đá cuội bằng phẳng, có nước róc rách xấp xỉ ngay dưới chân thác. Khi mùa dễ đến, bầy cá niêng đục thường tổ chức nhiều cuộc thám sát, thăm dò để chuẩn bị bãi dễ. Khi đã chọn được “bãi dễ”, bầy cá đục quay tròn, phóng tinh vào bãi đá và biến mất. Chừng năm mươi phút sau, từ những vực sâu dưới chân thác, bầy cá cái xuất hiện và tiến vào bãi dễ. Bầy cá có khi nhiều, di dày tạo thành một mảng trắng hàng chục mét vuông. Cá ỨC dễ, vừa bơi, vừa lao vọt lên khỏi mặt nước rào rào như có ai vãi đá xuống nước. Khi đàn cá đã nằm trọn trong bãi dễ, khung cảnh bỗng trở nên yên ắng lạ thường. Đàn cá nằm mẹp xuống bãi đá. Ấy là lúc chúng dễ. Chừng mười phút sau, đàn cá như tỉnh lại, ngo ngoay chao mình ra khỏi bãi và biến mất vào vực nước sâu. Nắm được qui luật ấy, cứ gần tết, dân làng tôi lại đắp đìa dưới chân thác, chuẩn bị sẵn bãi dễ cho chúng. Chung quanh “đìa” có bờ đá. Có cửa “đìa” cho cá vào. Những ngày giáp tết, dân làng thường “cắt” người trực thường xuyên ở bãi “đìa”. Khi người canh phát hiện có đàn cá đục đã vào đìa thì báo cho cả làng chuẩn bị đổ ra đìa để bắt cá. Cá thường dễ vào đêm. Những đêm cá dễ, làng tôi vui như có hội. Đèn đuốc sáng rực,

tiếng nói cười xôn xao khắp xóm. Khi đàn cá cái đã nằm gọn trong đĩa, người ta lấy “đó” dơm bị các cửa và đổ vào đĩa bắt cá. Cá nhiều, đặc cả nước, ngập đến mắt cá chân. Tuy nhiên, cả cá, cả đá lúc ấy đều trơn như được bôi mỡ. Người không quen, cứ ngã lạch bạch mà không bắt được con nào. Người giỏi dang, chỉ cần một đợt cá để như vậy cũng đủ chi phí cho cả nhà ăn một cái tết vui vẻ. Cá Niêng thường có giá bán đắt gấp rưỡi, gấp đôi các loại cá sông khác. Ai bắt được hơn mười ký cá niêng là sướng lắm rồi. Dịp tết, cá niêng bán càng có giá. Ngày ấy, cũng chưa ai nghĩ đến chuyện phải “khai thác cá niêng một cách khoa học để giữ gìn một loài cá quý” nhưng sao cá niêng vẫn rất nhiều, năm nào cũng nhiều cá để. Sau ngày giải phóng, trong một số lần về quê, tôi có hỏi lại chuyện cá niêng thì bà con bảo: “Dạo này hiếm lắm ! Mìn, lụm đạn cứ nổ rầm rầm dọc sông suối thì cá nào mà còn!”. Năm bảy năm gần đây, khi hiện tượng trên được ngăn chặn thì cá Niêng đã “tái xuất”. Còn nhớ, dịp lễ kỷ niệm 50 năm khởi nghĩa Ba Tơ (11-3-1995), món cá niêng nướng đã có mặt đầy đủ ở các mâm cho hơn 300 thực khách. Vào mùa cá niêng, ai có dịp dạo quanh các chợ Trường An, chợ thị trấn đã thấy xuất hiện trở lại nhiều “gấp” cá niêng nướng sẵn bày bán, thật hấp dẫn.

Trong những lần về Ba Tơ gần đây, đứng trước một vùng núi sông cẩm tú như những bức tranh, tôi chợt nghĩ: Ba Tơ rồi sẽ trở thành một địa chỉ hấp dẫn cho du lịch sinh thái, du lịch lịch sử và du lịch ẩm thực. Con cá niêng chắc sẽ là món ăn gây “cảm giác mạnh” cho tất cả những ai từng đặt chân lên đây.

Mùa xuân năm 2000

T.T.A

ĐI DỌC THEO ĐƯỜNG 24

Ghi chép

55 năm trước, cả đất nước chìm trong đêm dài nô lệ của thực dân Pháp. Từ nam chí bắc, những người yêu quê hương nổi dậy đòi độc lập, tự do. Ở Quảng Ngãi, mặc cho sự tàn sát dã man, gông cùm xiềng xích, tra tấn tù đầy của giặc, những chiến sĩ cộng sản đã đứng lên lãnh đạo nhân dân chống sưu cao, thuế nặng, chống quân ngoại xâm. Đa số tù chính trị đã mãn hạn ở các nhà lao Buôn Ma Thuột, Lao Bảo, Sơn Hà... Pháp và tay sai đưa về Ba Tư tiếp tục giam cầm với tên gọi “căng an trí”. Và chúng không ngờ rằng, bằng việc làm này, núi rừng Ba Tư trở thành chốn “Tự nghĩa sơn” của những người Cộng sản. Ngày 11-3-1945, Tỉnh ủy lâm thời quyết định khởi nghĩa vũ trang cướp chính quyền, chiếm Nha kiểm lý, Đồn khố xanh ở châu lý và ra mắt Đội du kích Ba Tư. Cuộc khởi nghĩa thắng lợi như ánh dương quang xóa mờ tăm tối, rọi hướng đi mới cho phong trào cách mạng. Từ núi Cao Muôn, Nước Sung, Nước Lá, hang Vọc Rệp... Đội du kích đã nhanh chóng lan xuống đồng bằng, dựa vào dân, xây dựng hai chiến khu ở hòn Dầu - núi Lớn và Vĩnh Sơn, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám ở Quảng Ngãi nổ ra sớm nhất trong cả nước...

* Một

Tháng Giêng. Đêm khuya. Ngọn xuân phong còn sót lại nghịch ngợm búa vào mặt chúng tôi lạnh lạnh. Quốc lộ 24 này

quá đổi quen thuộc nhưng qua đèo trong đêm bằng xe máy thì tôi chưa đi bao giờ. Lúc 8 giờ tối, khi tôi và nhà thơ Đăng Vũ quyết định vượt gần 60km từ thị xã Quảng Ngãi lên Ba Tư để sáng hôm sau kịp băng đèo Violác (giáp tỉnh Kon Tum), anh em bạn bè ra sức cản ngăn, hù dọa. Mặc, chúng tôi vẫn ung dung lên “ngựa sắt” - thử một lần mì tôm, nước khoáng, ba lô, chăn màn... theo con đường ngày xưa các chiến sĩ cộng sản như Huỳnh Tấn, Trần Toại, Phạm Kiệt, Võ Phấn, Nguyễn Đôn, Trương Quang Giao... phải cuộc bộ từ lộ 1 thẳng thất 12 giờ đồng hồ xem sao!

Phía trước ngọn đèn xe, vệt ánh sáng nhỏ nhoi thỉnh thoảng lại gấp khúc bởi những cua đường bất ngờ và đôi lúc lóe lên đóm đỏ của đôi mắt các loài thú nhỏ. Sau lưng là khoảng trống đen ngòm vạch trên nền trời xám bạc những vết núi non, làng mạc như được cắt ra bằng kéo. Đồng hành với chúng tôi, ngoài những vì sao xa xôi nhấp nháy và bầy đom đóm dưới thung lũng sâu kia, tịnh không một bóng người qua lại. Lâu lâu chúng tôi dừng chân đọc các cột km, bảng tên cầu, tên núi để xác định vị trí. Xe qua đèo Đá Chát, Hốc Kè, đèo Lâm ... cuối cùng cũng lên đến thị trấn. May thật, cứ nghĩ giữa đèo lỡ xe bị xẹp lốp, hỏng đèn thì chúng tôi có nước làm mồi cho muối, cho vắt mà ngồi đợi bình minh.

Nhìn trên bản đồ, huyện miền núi này giống đóa hồng vừa nở, những cánh hoa là các xã Ba Ngạc, Ba Tiêu, Ba Xa, Ba Lễ, Ba Trang... bao quanh nhụy hoa thị trấn Ba Tư. Huyện có 19 xã, thị trấn nằm giáp với các tỉnh Bình Định, Gia Lai, Kon Tum; dân số hiện nay khoảng 45.000 người, đa số là tộc người H're (82,6%), người Kinh chiếm 17,3%, còn các dân tộc khác chỉ 1%. Là đầu nguồn của ba con sông lớn ở Quảng Ngãi - sông Trà Khúc,

sông Vệ, Trà Câu - Ba Tư bị chia cắt bởi nhiều sông suối, lạch khe, đường đi hiểm trở. Điều này gây trở ngại cho những dự án phát triển kinh tế cỡ lớn còn loại vừa và nhỏ thì rất thuận lợi vì nguồn nước quanh năm không bao giờ cạn. Chẳng những thế, về mặt quân sự mà nói, thế đất "cận giang, cận sơn" đã tạo điều kiện tiên quyết cho việc tiến, thoái của phép dụng binh. Lịch sử đã ghi, năm 1773, theo mật lệnh của người anh hùng áo vải Quang Trung, Thiếu phó Trần Quang Diệu đã dẫn quân Tây Sơn theo sông Rê đánh chiếm phủ lý Quảng Ngãi, xong kết hợp với phủ Quy Nhơn thành bàn đạp vững chắc để tấn công vào những vùng đất khác. Trước đó Ba Tư còn được biết đến bởi sự kiện *Đá Vách, căn cứ Giá Vụt* như minh chứng cho sự thành công của tinh đoàn kết Kinh - Thượng đánh kẻ thù chung.

Suốt 9 năm chống thực dân Pháp, Ba Tư là vùng hậu cứ tự do của quân kháng chiến. Trong 20 năm đánh đế quốc Mỹ, đất này luôn đi đầu trong nhiều phong trào, là huyện đã bắt sống được giặc Mỹ đầu tiên của Quân khu V (1-1966) và là một trong hai huyện giải phóng hoàn toàn sớm nhất ở miền Nam (30-10-1972).

*** Hai**

Tờ mờ sáng hôm sau, sương mù còn dày đặc, chúng tôi đã vội vã lên đường. Ven theo quốc lộ 24, những rẻo ruộng bậc thang quanh co chồng vào nhau vắt vẻo qua sườn núi, trông như vạch hoa văn kỳ lạ mà con người thêu trang trí trên mặt đất. Nhô lên phía tây bắc, rặng Cao Muôn hùng vĩ, uy nghiêm giống hình con sư tử đang nằm nghỉ ngơi, mặt hướng về biển đông vời vời. Tôi vô cùng thích thú khi đến trung tâm cụm xã Ba Vì. Đây là một thị tứ sầm uất nằm lọt trong lòng thung lũng có lẽ là rộng nhất của huyện Ba Tư, được tụ cư bởi dân ở khắp các tỉnh thành miền Bắc, miền Trung và Tây Nguyên. Có người ở tít tắp tận

Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Nam, có gia đình từ Quảng Bình, Quảng Trị, Huế, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Gia Lai... và cũng có người ở rất gần như cô chủ quán cơm xinh đẹp có tên gọi rất dễ thương này - Hạnh, quê ở dưới xã Ba Động - tất cả họ đều chọn nơi này làm chốn an cư, lập nghiệp. Quả là *đất lành chim đậu!*

Cuối năm vừa qua, Nhà nước cũng đã đầu tư khoảng 400 triệu đồng xây dựng một trạm thu phát tín hiệu VTV. Trạm này sẽ không những phục vụ cho các xã lân cận mà còn có khả năng phủ sóng tận xã Hiếu và Bờ Ê thuộc huyện Kom Plông tỉnh Kon Tum. Đường dây điện thoại cũng đã vượt bao rừng suối lên đến đây. Bệnh viện khang trang, trường học theo dự án ODA nằm giữa trung tâm xã... hứa hẹn một tương lai gần vùng đất này sẽ thay da đổi thịt. Tôi càng tin điều này khi lúc lúc lại gặp rừng cà phê bạt ngàn, cảnh trĩu trái đỏ au nằm núp nắng dưới tán keo tai tượng, rừng quế xanh tốt trải dài mênh mông; lúc lúc lại gặp đàn bò hàng chục con thảnh thơi gặm cỏ... Trong sổ tay tôi có những số liệu, toàn huyện hiện nay đã trồng 159 ha quế, 109 ha cà phê.

Quốc lộ 24 là độc đạo mà chúng tôi buộc phải dừng lại từng đoạn để hỏi thăm đường lên đèo Violắc. Lạ thật, phụ nữ H're ở đây họ thích dẫn nước từ suối ra đường bằng ống nứa để tắm. Mà lại tắm trần mới chết chứ! Thấy vẻ mặt ngẩn ngơ của chúng tôi, nhiều cô ngỡ chúng tôi lạc lối nên nhiệt tình giải thích bằng miệng lẩn bằng tay. Phần thì lên cao quá bị *chít* tai, phần không hiểu tiếng H're nên chúng tôi đành lưu lại hình ảnh xinh đẹp, đôi mắt sâu thẳm thẳm, khoe miệng tươi trẻ, khuôn ngực thanh xuân đầy đặn của họ trong máy Canon già cỗi của mình.

Chiếc xe 100 phân khối ì ạch mãi rồi cũng bò qua địa phận tỉnh Kon Tum. Đoạn đèo chỉ hơn 19 km mà sao xa diệu vợi. Lên

cao mãi, vòng vèo mãi đến khi ngoảnh lại nhìn phía dưới chân mình thì đúng là đoạn đường mới vừa qua. Nếu đèo Hải Vân là “Đệ nhất hùng quan” thì Violác cũng chẳng thua kém bao nhiêu. Còn cảnh phải nói rằng đẹp hơn nhiều, nhất là hướng đông, đồi núi lô nhô nằm như bát úp, xen vào đó là những vạt ruộng nhỏ nhắn được viền xung quanh như đường diêm của chiếc cà - tu, xa xa là bản làng dùn lên những sợi khói mong manh. Và nổi bật, dòng sông Re thất thường rong chơi qua bao thác ghềnh đã mỗi một, nên qua lưu vực này chảy lờ lững, hiền hòa được nắng mặt trời tráng lên một lớp óng ánh như dát bằng bạch kim trông có vẻ gì đó rất gần gũi với tranh của Levitan.

Chuyến điền dã này, có hai khám phá thú vị mà tôi không thể nào không viết ra đây. Lầu nay trong các sách báo, kể cả những công trình nghiên cứu chuyên sâu, người ta cho rằng dân tộc H're chỉ khu trú ở miền tây Quảng Ngãi và một số ít ở Vân Canh, An Lão (Bình Định). Bây giờ tôi được biết thêm, ngoài hai điểm trên, hiện có khoảng 600 người H're sống ở xã Hiếu và Bồ Ê. Hai xã này nằm cách trung tâm tỉnh lỵ Quảng Ngãi và Kon Tum đúng 110 km. Theo lý thuyết “ngoại diên” thì quả thật đây là vùng đất hứa cho những nhà xã hội học, dân tộc học, văn hóa học... nghiên cứu tộc người H're ở dạng nguyên chất, chưa hề có chút pha tạp nào. Còn điều này nữa, về địa danh Violác, có người quả quyết phải gọi bằng violette mới đúng vì trước kia Pháp trồng trên đèo một giống cây nở hoa màu tím. Người khác lại kể một huyền thoại nào đó về tình yêu giống như chuyện Sơn Tinh - Thủy Tinh để giải thích tên gọi. Thật ra, các cụ già ở đây cho biết, Violác (viết đúng thì phải Violak, âm ak phát âm cụt) theo tiếng H're cổ có nghĩa là *mạch nước nhỏ, mạch nước ngầm*. Quả thật do cơ cấu địa tầng sao đó mà nước cứ từ trên những

vách đá rì rỉ chảy ra, đất cũng ẩm ướt quanh năm. Đặc biệt, dưới chân đèo còn có một ngôi làng mang tên Violác với 43 nóc. Trả lời câu hỏi tên làng đã có từ bao giờ của tôi, người già nhất cũng lắc đầu không biết nữa.

Nhưng thời trời đã *nhật mộ yểm sài phi* (Vương Duy) - ngày tàn đã khép lại. Xuống đèo thôi !

* Ba

Điều tôi tâm đắc nhất ở huyện Ba Tơ là cách làm ăn theo mô hình kết hợp VACR. Thấy được hiệu quả nên hàng ngàn đồng bào H're từ bỏ tập quán du canh du cư, phá rừng làm nương làm rẫy để quy tụ ở các làng định cư, phát triển kinh tế gia đình bằng làm ruộng, chăn nuôi, trồng rừng theo chương trình 327. Đến thăm cơ ngơi của các anh Ka Ni (Ba Chùa), Phạm Văn Khê, Phạm Văn Trò (Ba Bích), Phạm Văn Bên (Ba Thành)... tôi vô cùng kinh ngạc trước cách dám học, dám làm của lớp người H're mới này. Mỗi anh đã sở hữu hàng chục hecta rừng; năm - ba hecta cây ăn trái, cây công nghiệp; bốn - năm chục con trâu, bò... Thu nhập 30 - 50 triệu đồng/năm. Và điều quan trọng hơn cả là nhân dân đã thấy tận mắt sờ tận tay nên sẵn sàng làm theo các anh. Nếu chúng ta biết rằng, để vận động đồng bào H're không sợ thần núi, thần sông mà đào giếng lấy nước uống, hoặc đơn giản hơn, việc làm chuồng trại nhốt súc vật phải khó nhọc như thế nào, chúng ta mới thấy hết sự thành công của chính quyền sở tại. Tôi còn nhớ lời tâm sự của vợ chồng anh Phạm Đầy ở xã Ba Ngạc heo hút: Trước kia nhà mình thường ăn *gol* (củ mì) với *rolang* (chuối) hoặc *chít k'vây* (dây lang), bây giờ nghe lời Đảng, trồng cái lúa ruộng nên có gạo ăn, lại được Nhà nước cho cái điện, cái dầu thắp, cái muối mặn nên hết khổ rồi.

Công việc giáo dục - đào tạo thanh thiếu niên luôn được lãnh đạo các cấp chú trọng. Toàn huyện hiện có 12.928 học sinh đang theo học ở các cấp từ tiểu học đến PTTH với 24 điểm trường nằm rải rác khắp nơi. Ngoài ra, còn 188 em đang ngồi ở các giảng đường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trong và ngoài tỉnh. Tôi có đến thăm một số trường ở Ba Động, Ba Tiêu, Ba Chùa... Đa số trường đã được ngói hóa, xây dựng khang trang, thoáng đẹp như trường tiểu học xã Ba Cung: Trường có 12 lớp với 334 học sinh (97% học sinh H're), được giảng dạy bởi 18 giáo viên (có 3 giáo viên cầm bản); các em có đủ phòng học, bàn ghế, dụng cụ học tập. Nhưng cũng không ít trường còn sơ sài lắm. Đôi khi đó mới chỉ là một căn nhà mái tranh vách đất với mấy bộ bàn ghế được làm bằng những loại gỗ tạp. Một căn nhà dài như thế được ngăn ra để chứa đến 4 lớp học với gần 100 học sinh thuộc các tổ sản xuất Mo Lang, Tà Rốc và Đồng Mốc. May mắn cho các em là có các cô giáo vô cùng yêu trẻ, yêu nghề - là những chiến sĩ thật sự mà trong đời thường không dễ gì ta gặp. Như cô giáo Mai Thị Cúc quê ở Đức Phổ, lên đây dạy học từ sau năm 1975. Suốt 25 năm, mỗi mùa tựu trường cô đều lội qua sông Nước Tô đến các bản làng xa xôi vận động các em đi học. Lại bỏ tiền ra mua hồ sơ và làm giấy khai sinh cho mỗi em. Các em nào có biết mình bao nhiêu tuổi, nên cô không những làm công việc khai tâm của người giáo viên mà còn xác lập dòng chữ đầu tiên, con số, ngày sinh tháng đẻ đầu tiên, lý lịch đầu tiên cho một con người. Hoặc cô giáo Phạm Thị Li Na, 18 tuổi, dạy hợp đồng lớp mẫu giáo. Một tháng đứng lớp, khoảng 20 em nộp tiền học cho cô mỗi em 5 ngàn. Làm gì với số tiền ít ỏi như thế hở Li Na ? Em vẫn tươi cười đầm thắm như hoa k'teng: Dù khó khăn như thế nào, em và chị Cúc cũng quyết tâm mang cái chữ đến cho người H're, cho dân tộc của em !

Hai giáo viên tôi gặp trên đây chỉ do vô tình chứ các cô không phải là điển hình về gương giáo dục. Những hành động ở nơi khác được xem là phi thường, thì tại đây chỉ là *chuyện thường ngày*. Thậm chí, có thực tế mà tôi không thể nào tin được: thầy, cô giáo bên Gò Loa đi dạy phải mang theo quần để thay. Giáo án dúi đầu, sách kẹp dép, họ lội qua sông Liêng xong trùm áo đi mưa lại và thay cái quần khô để đến lớp, còn quần ướt thì vắt phơi trên bụi cây rù rì mọc đầy hai bên bờ. Khi về thì làm ngược lại. Mùa mưa nước sâu phải đi bằng ghe, còn mùa nắng cứ trường kỳ ngày hai bận như thế.

Làm sao chúng ta không tin tưởng ở tương lai sáng lạn của huyện Ba Tơ khi biết đội ngũ giáo viên vẫn âm thầm, miệt mài thực hiện sứ mệnh cao cả của họ: Người thầy - đại diện của ánh sáng văn minh.

Để chấm dứt bài, tôi xin mượn câu nói rất hình tượng của ông Trần Thanh Vân - Chủ tịch UBND huyện: Ba Tơ là huyện anh hùng. Chúng tôi vô cùng tự hào về truyền thống đó. Nhưng vinh quang của quá khứ không phải là chiếc bánh để chúng ta gặm nhấm rồi tự bằng lòng. Trái lại, càng tự hào ta càng phải gắng hết sức mình tiến vào thế kỷ mới - cương quyết xóa bỏ đói nghèo, lạc hậu. Đảng bộ và nhân dân Ba Tơ nỗ lực phấn đấu giữ tăng trưởng kinh tế 9%, thu nhập bình quân 3,5 triệu đồng/người/năm, lương thực đạt 350kg/người, xây dựng 100% xã có đường ô tô đến tận trung tâm...

Đã có dịp đi dọc theo đường 24 - Ba Tơ, tôi chắc chắn rằng những điều ông Chủ tịch nói sẽ thành hiện thực♦

CHUYỆN CŨ VỀ NÚI LỚN

Núi Lớn, sách Đại Nam nhất thống chí gọi là Tú Sơn, quả núi “đẹp dễ dễ yêu”. Đỉnh núi nhô lên thành năm ngọn mấp mô chạy từ bắc đến nam dài hàng bảy cây số, như một bình phong khổng lồ chia cắt đồng bằng với châu miền núi Ba Tư. Triền núi thoải thoải, cường tráng nhưng hiền hòa, không có vực sâu, dốc đứng, cây cối bốn mùa xanh tốt. Trước núi bao quát các cánh đồng xen lẫn xóm làng từ nửa phía nam huyện Mộ Đức đến nửa phía bắc huyện Đức Phổ. Những ngày đẹp trời, từ lưng chừng núi có thể nhìn thấy cửa Mỹ Á ở phía nam, cửa Cổ Lũy ở phía bắc, tận đảo Lý Sơn ngoài biển đông.

Phía nam, núi tiếp giáp dãy Hoành Sơn chắn ngang đường số 24 thẳng từ ngã tư Thạch Trụ - đường số 1, qua đèo Đá Chát, vào Ba Tư. Nơi cửa vào có đồn Vạn Lý đóng chốt. Đồn Vạn Lý⁽¹⁾ nguyên là “đình Chánh nghĩa phòng” của sơn phòng Tiểu phủ sứ Nguyễn Thân⁽²⁾. Năm 1885 nghĩa quân của Văn thân Quảng Ngãi do Nguyễn Bá Loan chỉ huy, hiệp đồng cùng nghĩa quân của Văn thân Bình Định do Bùi Diễn, Đặng Đề chỉ huy, hai lần tiến đánh Vạn Lý, tiêu diệt nhiều quan quân của Nguyễn Thân nhưng không hạ được đồn⁽³⁾. Phía bắc tiếp giáp núi Yàng chắn ngang con đường từ ngã ba Đồng Cát - đường số 1 qua đèo Lọc Lanh lên tây nam huyện Nghĩa Hành. Qua đèo Lọc Lanh rẽ

trái thì vào Ba Tơ; rẽ phải gặp sông Vệ, qua đèo Phú Lâm đổ xuống mười cây số giáp làng Bồ Đề nam cầu công Vệ. Bên kia sông, đối diện làng Nhơn Lộc là huyện lỵ Nghĩa Hành, thuyền ngược sông Vệ đến châu miền núi Ba Tơ; xuôi sông Vệ đến cửa Cổ Lũy. Phía đông đèo Phú Lâm, thời các chúa Nguyễn là nguồn An Ba⁽⁴⁾ có thủ sở Sa Bãng và khu kho Sa Bãng⁽⁵⁾. Năm 1773 tướng Tây Sơn Trần Quang Diệu theo đường này mà tiến vào Quảng Ngãi đánh đuổi quân Nguyễn chạy tận đến Bến Váng⁽⁶⁾.

Bao thế hệ sinh sống ở mấy làng lân cận, ngoài lúa, khoai tự túc được còn thiếu thứ gì, họ trông cả vào Núi Lớn. Gỗ làm nhà và đồ gia dụng; than củi đun nấu; tranh lợn nhà; mây làm thúng mủng, nong nia; vỏ cây xát ngứa ăn trâu; dây chạc dậu bờ xe nước sông Vệ. Người làm ruộng cắt lá về ủ phân. Người làm biển lấy chà về thả bóng. Người Trà Niên, Hội An lấy bổi đắp đập Bến Thóc. Người Đồng Cát lấy lá cây lụi và cước cây đoác về chằm nón. Sườn phía nam núi còn có vài trăm mẫu rừng dầu rái nuôi sống dân nghèo các làng Tân Hội, Hùng Nghĩa, huyện Đức Phổ. Người ta lấy từ Núi Lớn tất cả thứ gì dùng được cho gia đình, bán được để mua mắm muối, dầu đèn. Dư đồng nào thì dành cho giỗ chạp, xâu chuỗi.

Trừ khi mưa to gió lớn, mùa đông hay mùa hè không ngày nào không có người trong núi. Đông đảo nhất là vào tháng giêng, tháng hai và tháng sáu, tháng bảy âm lịch, những tháng nông nhàn, những tháng giáp hạt, những tháng đói. Cứ gà gáy đầu, có ai đó thổi còi sừng trâu “tu tu” một hồi dài, những người có công việc vào núi thức dậy lo cơm nước. Gà gáy hồi thứ hai, lại

còi sừng trâu “tu tu” ba hồi dài giục già. Đáp lại là tiếng gõ dòn xóc “lăng tẳng” reo vui khắp làng trên xóm dưới. Mỗi người mang theo rìu, rựa hay liềm, hái và mo côm, bầu nước lên đường. Họ là trai tráng và phụ nữ còn trẻ. Các bà lớn tuổi cũng cắp nón theo con cháu lên núi; tùy mùa hoặc hái sim, hái ổi, lượm trái gấc, trái ươi, hoặc giữ chà là. Của không được bao nhiêu nhưng “bói rẻ hơn ngồi không” giữa ngày cơ cực.

Lão Nhều không ruộng, không trâu, cùng đình xóm Đồng Cát, lên nhà Nước Mọc cất trại nuôi trâu thuê cho các nhà dưới núi. Lại có ba bếp (3 gia đình) người Thượng Ba Tư đến Hố Bồ. Không ai nhớ họ đến từ lúc nào, vì trốn thuế, trốn nợ hay bị phạt vạ mà bỏ làng, bỏ ruộng rẫy đến đây làm nghề rừng kiếm sống. Một nhà người Kinh, ba nhà người Thượng trôi giạt khỏi cộng đồng, đến giữa điệp trùng Núi Lớn. Người lớn già đi, người bé lớn lên, họ vẫn ở đấy. Núi rừng bao dung cho đời họ khá hơn, cho đến sau 1975...

Chim trên trời, cá dưới nước, muôn thú săn vật trong rừng núi, “ai chiếm trước người ấy được”⁽⁷⁾. Đời này qua đời khác, “có phúc là có phần”, người nghèo cứ thế làm ăn, hiếm khi đôi co, tranh chấp. Thế nhưng, năm 1922, 1923, dưới núi nẩy ra mấy vị tổng lý chưa từng tránh né điều ác. Có câu về sự ăn uống của họ: *“Thịt ngựa xào lăn ăn đầy chén; máu dê dầm rượu uống không tanh”*. Bỗng dưng họ chỉ huy dân phu lên Núi Lớn tranh giành địa phận, tước liềm hái, rìu rựa dân làng khác đến cắt tranh, làm than củi. Lần này qua lần khác, dù không ai muốn, xô xát vẫn phải xảy ra dẫn đến kiện tụng. Quan huyện không xử nổi, vì sau lưng mấy vị “thịt ngựa, máu dê” là Cố Hảo, linh

mục Tây nhà thờ Bàu Gốc. Cho nên dân 7 - 8 làng dưới núi phải cử người “đội đơn” ra kêu tận triều đình Huế. Rồi, họ hò nhau đánh cho bọn lên núi “giành địa phận” một trận nhừ đòn, không dám trở lại. Trận ấy nổi tiếng trong người dân các cộng đồng làng xã vùng này. Trận ấy mở đầu phong trào “Cải lương” 1923 - 1925 ở mấy làng huyện Mộ Đức.

(1) Nay thuộc xã Phổ Phong, huyện Đức Phổ.

(2) Theo Nguyễn Bá Trác - Quảng Ngãi tỉnh chí.

(3) Theo Bùi Định - Phong trào yêu nước tỉnh Quảng Ngãi từ 1885 đến 1945 - Sở VH TT Nghĩa Bình.

(4) Còn gọi là nguồn Ba Tư, địa phận xã Hành Thịnh ngày nay. Trên đất làng An Ba còn có một làng tên gọi Ba Tư, nay thuộc xã Hành Thịnh.

(5) Còn gọi là kho An Khương - một trong 2 kho chính của phủ Quảng Nghĩa thời bấy giờ. Kho kia tại làng Phú Đăng, cũng gọi là kho Phú Đăng, phía đông thị xã ngày nay.

(6) Địa phận huyện Tam Kỳ, giáp giới huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi.

(7) Tục lệ xưa: “Tiền chiếm dă đắc”.

○ Tác giả: HOÀI HẢI

○ Đạo diễn: THỐI XUÂN NGÀ

BA TƠ - SỰ LỰA CHỌN LỊCH SỬ

KỊCH BẢN PHIM TÀI LIỆU 55 NĂM KHỞI NGHĨA BA TƠ

11-3-1945 - 11-3-2000

● Ở cực Nam sườn Đông của dãy Trường Sơn hùng vĩ có một vùng núi non trùng điệp với những dòng sông hẹp, đầy ghềnh thác, quanh co như rồng lượn, những ngọn núi cao nhấp nhô có dáng voi phục, hổ ngồi. Đó là một vùng non nước thuộc huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, nơi từng ghi lại một dấu son chói ngời trong trang sử oai hùng của bão táp Cách mạng 1945.

● Ba Tơ vốn là vùng đất cư trú lâu đời của dân tộc H're, một dân tộc thiểu số có tinh thần thượng võ, lòng yêu chuộng tự do như tất cả những dân tộc thiểu số anh em khác sống giữa những đỉnh núi chọc trời của dãy Trường Sơn. Ba Tơ vừa là nơi nuôi sống họ, vừa là thành lũy che chở họ thoát khỏi nanh vuốt của bọn phong kiến và lũ giặc ngoại bang. Những "Sự kiện Đá Vách", "Căn cứ Giá Vụt" còn sống mãi trong lòng những người dân nơi đây hàng trăm năm qua, là sự ghi nhận ý chí và tinh thần ấy. Ba Tơ từng hân hoan chào đón đoàn quân người anh hùng áo vải Quang Trung trên đường ra Bắc, góp lương, góp người, góp ngựa, góp voi, phá đá mở đường cho cuộc hành quân thần tốc của Nguyễn Huệ đánh chiếm Thăng Long vào cuối thế kỷ XVIII.

Những bản làng hẻo lánh ở Nước Sung, Nước Lá, Giá Vụt, Gỏi Re, Cao Muôn từng là nơi dung thân của biết bao Văn thân, nghĩa sĩ Cần vương yêu nước khi phong trào này bị tan vỡ.

• Tỉnh lộ 5A (nay là quốc lộ 24) do Pháp xây dựng nối liền quốc lộ 1A lên Ba Tơ, qua Kon Tum như một lưỡi dao luồn lách, thọc sâu vào một vùng đất mà hàng trăm năm qua, các triều đại phong kiến coi là vùng đất “bất khả xâm phạm”. Cùng với sự xuất hiện con đường này là việc hình thành của một bộ máy cai trị cực kỳ hung hãn của thực dân Pháp và bọn Việt gian tai sai. Chúng xẻ dọc, cắt ngang vùng rừng núi này thành những “Cơ”, những “Sách”, những “Châu”, những “Tổng” và đặt lên đó một mạng lưới đồn bốt và hệ thống kèm kẹp gồm những chánh tổng, lý trưởng, hương bộ dày đặc. Nhiều căn cứ kháng chiến đã tồn tại hàng chục năm trước đây, nay cũng bị đánh tan. Nhiều thủ lĩnh yêu nước bị giết, số còn lại, hoặc lui về co cụm ở vùng núi cao hoặc đầu hàng. Tên, nã, chông, thò không địch nổi tàu sắt, đạn đồng. Những ngày cách mạng cả nước gặp lúc “thoái trào” cũng là những tháng ngày đen tối nhất ở vùng núi non hiểm trở này. Tỉnh lộ 5A ngày càng bị lở lói, đổ bầm như một vết máu !

• Nhưng... cũng từ cái vết máu tưởng chừng đáng nguyên rửa ấy, từ cuối năm 1937 xuất hiện ngày càng nhiều những người tù cộng sản đã mãn hạn tù lần lượt bị giải về Ba Tơ trên con đường này. Họ là tù chính trị bị bắt từ các phong trào cách mạng đầu những năm 30, bị giam cầm, dày ải ở các nhà lao Sơn Hà, Quảng Ngãi, Buôn Mê Thuột, Lao Bảo, bị chúng đưa về đây tiếp tục giam hãm trong một nhà tù trá hình mà chúng đặt cho một cái tên khá mỹ miều là “Cảng an trí”. Bằng hình thức trên, chúng

thực hiện âm mưu “tách cá khỏi nước”, giết dần giết mòn những người cộng sản ở vùng “rừng sâu nước độc” nổi tiếng này, biến cảng an trí thành hàng rào thịt che chắn cho châu ly Ba Tư. Nhưng... chúng ngờ đâu, bằng việc làm ấy, chúng đã biến Ba Tư thành “nơi tụ nghĩa” của những người cộng sản. Ở đó, ta thấy lần lượt xuất hiện cả những đồng chí lãnh đạo chủ chốt từ phong trào 30-31 như Huỳnh Tấn, Trần Toại, Nguyễn Khoách, Phạm Kiệt, Võ Phấn, Nguyễn Đôn, Nguyễn Cừ rồi đến Trương Quang Giao, Trần Quý Hai, Trần Lương... Cùng về với họ là những tài liệu Đảng, những Nghị quyết Trung ương 7, 8. Nguồn sinh lực cách mạng được phục hồi và tăng cường nhanh chóng.

• Mùa xuân năm 1943, Chi bộ Đảng đầu tiên của tù an trí với tên gọi “Ủy ban Vận động Cách mạng” ra đời ở bờ đá giữa suối Nước Năng chỉ cách trung tâm châu ly Ba Tư chưa đầy 1 ki-lô-mét do đồng chí Huỳnh Tấn chủ trì. Tỉnh lộ 5A, con đường ngoằn ngoèo đầy đèo dốc ấy trở thành đường dây hợp pháp, che mắt địch, đưa cách mạng từ Ba Tư về lại miền xuôi. Những bó truyền đơn, những gói tài liệu Đảng, những thuốc sốt rét, những lời nhắn gửi lại theo các chuyến xe dò, các gánh hàng rong, các gói quà thăm nuôi tù an trí xuôi ngược, xuống lên.

• Trưa ngày 11-3-1945, cũng trên con đường này đã ghi lại một quang cảnh hào hùng, từng bừng khí thế cách mạng. Hàng vạn đồng bào Kinh, Thượng từ Vạn Lý, Vực Liêm, Hóc Kè, Tân Long, Trường An, Suối Loa, Bến Buôn tua tua gầy gộc, giáo mác, cờ đỏ sao vàng đổ ra đường. Đường 5A như dòng sông chảy ngược đưa đoàn người đổ về châu ly, hỗ trợ cùng lực lượng vũ trang cách mạng cướp đồn Ba Tư.

Đêm hôm ấy, đêm 11-3-1945, một đêm mùa xuân còn âm vang tiếng “túc chinh” đón tết cổ truyền của đồng bào H're, ngay tại trung tâm châu ly Ba Tơ, một cuộc mít tinh trọng thể đã được tổ chức với sự chứng kiến của hàng vạn con người. Một chính quyền cách mạng đầu tiên xuất hiện với lá cờ đỏ sao vàng. Đội du kích Ba Tơ, một tổ chức tiền thân của lực lượng vũ trang Khu V long trọng đọc “Lời thề ra mắt” và hô vang khẩu hiệu “Hy sinh vì Tổ quốc”. Buổi lễ kết thúc trong tiếng chiêng, trống, mõ vang lừng. Bên đồng lửa hồng, ngọn lửa bốc cao, du kích, cán bộ, người Thượng, người Kinh... nắm tay nhau cùng hát:

“Bập bùng, lửa bập bùng

Kinh Thượng ta xông lên

Kết đoàn như keo sơn

Tiêu diệt lũ Đế quốc

Cùng nhau giữ hòa bình

Ngày mai đến quang vinh...”

Thế là, lịch sử đã chọn Ba Tơ làm ngôi nổ mở đầu cho những tiếng nổ dây chuyền long trời lở đất làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945 trên phạm vi cả nước.

Sự kiện Khởi nghĩa Ba Tơ ngày càng lùi sâu vào quá khứ, nay đã hơn nửa thế kỷ đi qua, song tinh thần và ý chí cách mạng “Hy sinh vì Tổ quốc”, mà sự kiện ấy để lại thì ngàn năm, vẫn sáng ngời trong trái tim và khối óc mỗi chúng ta.

• Ngày nay, nhiều người trong số những người thuộc Đội quân Du kích Cách mạng đầu tiên ấy đã đi xa. Số người ít ỏi còn lại,

hàng năm cứ đến dịp kỷ niệm trọng đại này, các cụ lại gặp mặt, cùng nhau nhớ lại những năm tháng gian khổ và hào hùng ấy với những tên sông, tên núi sống mãi trong lòng người như Nước Sung, Nước Lá, Hang Ên, Cao Muôn, Trường An, Bãi Ri... và nghe lòng ngân nga khúc hát:

... *"Đây khe Suối Loa, Hang Ên còn reo vang tiếng cười.*

Luyện sắt thành gươm, súng, ngày đêm rèn chí lớn, vang vang chiến khu. Mùa thu Cách mạng, Tháng Tám vùng lên như muôn triệu sóng. Ba Tư chiến đấu, chung công góp sức xây đắp nên hòa bình..."

(Trích lời bài "Du kích Ba Tư" của nhạc sĩ
Dương Minh Viên)

Đồng chí Nguyễn Đôn, một trong những người lãnh đạo cuộc Khởi nghĩa Ba Tư, nay là Trung tướng QĐND Việt Nam, nói :
"Bây giờ, nhớ lại những tháng năm ở Ba Tư trong cảnh "cá chậu chim lồng", trong đêm trường nô lệ, thất bại chồng lên thất bại, phong trào lại nối tiếp phong trào. Nghị quyết Trung ương chỉ có thể ghi nhớ trong đầu, truyền từ nhà lao này sang nhà lao khác, vẫn được mọi người hiểu và chấp hành nghiêm minh. Nhờ thế mà chúng tôi đã chớp được thời cơ "ngàn năm có một" để giành chính quyền. Đến nay, đã hơn nửa thế kỷ, nhưng cứ mỗi lần nghĩ đến, tôi như còn hình dung thấy khuôn mặt hừng hực khí thế của từng đồng chí sẵn sàng hy sinh cho sự nghiệp cách mạng của Đảng..." (Trích Hồi ký "Bình minh Ba Tư" của Trung tướng Nguyễn Đôn).

• Ươm trong lòng ngọn lửa cách mạng từ những ngày đầy hy sinh gian khổ ấy, Đảng bộ và đồng bào Kinh, Thượng ở Ba Tư

lại cùng cả nước “cầm gươm, ôm súng” bước vào hai cuộc kháng chiến thần thánh chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ với sắn rẫy, rau rừng, với “hũ gạo nuôi quân”, với lớp lớp người tiếp bước cha anh, với những đêm học bình dân leo lét ánh đèn dầu... Đường 5A bị bom nát nhằm thực hiện “tiêu thổ kháng chiến”. Đường 5A lại bị bom Mỹ cày xới dọc ngang. Người Thượng, người Kinh lại phải lùi sâu vào hẻm núi để sản xuất, chống càn... Ba mươi năm đầy máu lửa ấy, Ba Tư vẫn vững vàng là một vùng căn cứ vững chắc của cách mạng, là nơi cư trú đóng, là bàn đạp tấn công của những đơn vị chủ lực miền như Trung đoàn chủ lực 126 Quân khu V trong kháng chiến chống Pháp; sư đoàn 2, trung đoàn 55, lữ đoàn 52... trong kháng chiến chống Mỹ. Và trong cuộc chiến đấu thần kỳ ấy, một lần nữa, lịch sử lại chọn Ba Tư làm người lính đi đầu. Năm 1972, Ba Tư giải phóng. Năm 1975, miền Nam giải phóng, thu hồi non sông về một mối...

- Những cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại lần lượt đi qua, cùng với những danh hiệu Anh hùng và nhiều phần thưởng cao quý, cùng với niềm vui và niềm tự hào được sống trong không khí độc lập, tự do, Ba Tư còn có những cánh rừng đại ngàn chết khô vì chất độc hóa học, ruộng đồng đồi núi loang lổ vết đạn bom. Cuộc sống của người dân nơi đây sau ngày giải phóng không khác mấy so với cuộc sống của họ cách đó mấy mươi năm và còn nằm ở phía sau xa so với đồng bào. Cái bụng còn đói cái cơm, cái củ; cái đầu còn đói cái chữ nên Ba Tư đi lên cùng cả nước phải bắt đầu từ vạch số 0.

Xưa kia, người của Đảng, của Bok Hồ về đây cùng ăn rau, ăn củ, bầy đồng bào Thượng Kinh kết đoàn đánh giặc. Bây giờ, người

của Đảng, của Bok Hồ lại đem lên đây cái mắm, cái muối, thuốc chữa bệnh và đem cả cái chữ lên cho đồng bào. Sau 15 năm đổi mới, những gì mà ngày nay là hiện thực trên đất Ba Tơ, thì ngày xưa, dù nằm mơ cũng không thấy được ! Ba Tơ đã có nguồn điện lưới quốc gia, có bưu điện, có trạm phát thanh truyền hình đem cả tiếng hát, cả phương pháp làm ăn mới đến cho từng nhà. Xã nào cũng có trạm y tế chữa bệnh cho dân, có trường cho con em học. Nếu sau ngày giải phóng, Ba Tơ có đến 70-80% dân số mù chữ thì ngày nay, ở huyện đã có trường nội trú Dân tộc, trường cấp III; xã nào cũng có trường tiểu học. Hàng trăm con em các dân tộc Ba Tơ đang theo học ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề... Tất cả những điều tưởng chừng bình thường ở đồng bằng và đô thị thì ở đây là cả một sự thay đổi diệu kỳ ! Ngày xưa chỉ có chánh tổng, lý trưởng, tà trưởng đầy quyền uy mới có nhiều ruộng rẫy, nhiều trâu, nhiều chinh ché. Bây giờ, nhiều nông dân người H're ở Ba Đình, Ba Trang, Ba Chùa đã có đến hàng năm bảy chục trâu, quản lý hàng chục hec-ta rừng đặc dụng, rừng cây ăn quả, có nhà sàn lợp ngói, có xe máy, máy thu thanh, thu hình... Tỉnh lộ 5A rách nát ngày nào nay đã thành quốc lộ 24 nối cảng Dung Quất, qua quốc lộ 1A lên với cả một vùng Tây Nguyên rộng lớn và giàu có. Đảng và Nhà nước đã và đang dành cho Ba Tơ hàng trăm tỷ đồng để thực hiện các dự án, các chương trình, trong đó có Dự án phục hồi và tôn tạo hàng loạt di tích lịch sử và cách mạng Ba Tơ.

Đồng chí Trần Thanh Vân, con một người tù an trí năm xưa, nay là Phó bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Ba Tơ, nói:

• Được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, vùng căn cứ địa cách mạng Ba Tơ đã có những bước đi lên, dù còn khiêm tốn nhưng cũng rất đáng phấn khởi, tự hào. Nhân dân Kinh, Thượng ở Ba Tơ vốn có truyền thống đoàn kết, chia ngọt sẻ bùi từ những ngày kháng chiến gian khổ, có truyền thống yêu nước, tin Đảng, luôn một lòng theo Đảng làm cách mạng, nay được cả nước quan tâm, Đảng và Nhà nước dành cho sự ưu ái lớn, chắc chắn Ba Tơ sẽ phấn đấu hết mình, vươn lên đạt những tầm cao mới, cùng cả nước thực hiện mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

• Một sự trùng hợp rất có ý nghĩa: Hàng năm, ngày kỷ niệm Khởi nghĩa Ba Tơ 11-3 đến cùng với mùa xuân của trời đất. Đây cũng là dịp lễ hội đón tết cổ truyền của dân tộc H're. Cũng như mùa xuân của người Kinh, cũng như dịp tết của đồng bào H're, ngày kỷ niệm khởi nghĩa Ba Tơ lại đem đến cho mỗi người dân nơi đây những niềm vui mới, những hy vọng mới.

Ở Ba Tơ, bây giờ vẫn còn nhiều người thuộc và rất tự hào khi hát lên một khúc hát rất phổ biến từ thời chống Mỹ:

"Ba Tơ quê mẹ anh hùng

Trồng lúa, lúa tốt, trồng bông, bông dài.

Quê ta gái giỏi, trai tài

Biết làm tên ná, biết mài thanh gươm,

Biết giữ rẫy, biết làm nương,

Biết tìm con suối mát soi gương, chải đầu..."

Viết xong tháng 10-1999

H.H

BA TƠ KHỎI NGHĨA Diễn ca

(Trích)

Hồi tưởng lại Ba Tơ đầy nghĩa
Hạ bút để thấm thía nội tâm;
Giao duyên cùng bạn tri âm,
Bếp hồng, cần rượu ngời ngấm sử vàng.

*

Ba Tơ đỏ xuân sang man mác,
Mỗi bước đi ngào ngạt hương rừng.
Sông Liêng xuôi chảy không ngừng,
Trời xanh, núi biếc soi dòng sông Rê
Có những lúc lắng nghe tiếng hổ
Cùng đàn công "tổ họ" trên nương
Con nai ngơ ngác bên đường
Rừng sâu cú gọi, dậm trường cuộc kêu
Ba Tơ đầy nơi nhiều thổ sản
Lúa, chè, cau... nhan nhản đó đây
Hè về vắng tiếng ong bay,

Nhớ mùi mật ngọt chốn này. Khởi chè.
Nghề chài lưới suốt khe lấm cá
Sân thú rừng tên ná vẫn chuyên
Nhà sàn canh củi thâu đêm
Thổ cẩm nổi tiếng làng Tơng Ba Thành

*

Thực dân Pháp ngụy danh "khai hóa"
Cướp nước ta, dõng dạc dân ta
Ba Tư trải lấm can qua,
Lòng dân căm ghét, thán ca oán hờn
Thù mất nước sóng cồn bão nổi
Bao phong trào đã nối tiếp nhau
Bồ Hui nức tiếng Đình Dầu,
Pá Piêu chống Pháp thuở đầu còn xanh ⁽¹⁾.
Cùng một bụng Thượng Kinh sát cánh
Trải bao đời ám lạnh có nhau
Đã từng chung cảnh khổ đau
Đồng quê lên tiếng rừng sâu nổi lời
Năm ba mươi sáng ngời ánh đuốc ⁽²⁾
Hùng hực soi đất nước thân yêu
Có bàn tay Đảng dắt dìu
Người người lớp lớp như triều dâng lên.

*

Nhớ lại thuở mây đen ngùn ngụt
Vào những năm bốn mốt bốn hai ⁽³⁾
Chiến tranh thế giới kéo dài
Đạn bom phát xít mỗi ngày một tăng
Dân ta chịu mấy tầng áp bức
Nhật Pháp cùng giành giật Đông Dương
Pháp thất thế, phải chịu nhường
Nhật vào thêm cảnh tan thương não nùng
Nói sao hết khổn cùng đau khổ,
Nhân dân ta một cổ đôi lòng
Thuế sưu trăm thứ chất chồng
Bệnh tật, đói rét, rầy đồng xác xơ...
Giữa thung lũng Ba Tư mù mịt
Căng an trí do-địch lập ra
Giam tù chính trị tỉnh ta
Từ lao Quảng Ngãi, Buôn Ma ⁽⁴⁾ dồn vào.
Đồng chí ta gian lao cơ cực,
Sức yếu gầy, tự lực kiếm ăn.
Núi cao lười đã bữa giăng
Trình diện, phạt vạ, lòng căng dăm ngày
Dịch những tường kế này đặc sách
Dứt mối dây mật thiết Đảng - dân

Chỉ người cộng sản mòn dần
Ắt là đề được tinh thần chống Tây
Dù đồn Pháp tại đây kiên cố,
Nha kiếm lý ruộng bố liên miên
Những người cách mạng trung kiên,
Chim lồng, cá chậu, vẫn biên sử vàng

*

Đầu bốn hai ⁽⁵⁾ Ủy ban cách mạng,
Cùng với chỉ bộ Đảng ra đời
Nghị quyết 8 đã sáng ngời ⁽⁶⁾
Quyết giành độc lập, giành đời tự do
Việt Minh về ban cho cờ đỏ
Thư cụ Nguyễn sáng tỏ tương lai, ⁽⁷⁾
Chính cương điều lệ thật tài
Đoàn thể cứu quốc ra đời từ đây
Chỉ bộ đã với tay toàn tỉnh
Từ Ba Tư phát triển nhiều vùng
Đánh hơi lũ giặc truy lùng
Bí thư Huỳnh Tấn - anh hùng hy sinh
Số còn lại tận tình chèo chống
Đưa phong trào vượt sóng phong ba,
Đôn, Kiệt, Khoách quyết xông pha ⁽⁸⁾

Xây dựng cơ sở đầy đà thời cơ
Năm bốn bốn ⁽⁹⁾ Ba Tư đón tiếp
Giao, Lương, Hai rời kiếp Buôn Ma ⁽¹⁰⁾
Bổ sung lãnh đạo tỉnh nhà,
Phong trào cách mạng được đà dâng cao
Tình ủy mới - anh Giao đảm nhận
Chức bí thư, tất bật ngày đêm
Đảng ta như thể mẹ hiền
Từ Ba Tư mẹ nối liền trung châu
Đưa phong trào kết nhau các tỉnh
Tiếp nối liền Bình Định, Quảng Nam
Phía ngoài mãi tận Hồng Lam
Trong kia Phú Khánh - Nha Trang thẳng vào
Có tương ứng phong trào mới vững
Xây trường thành chịu đựng phong ba
Lương vào, Hai mở đường ra ⁽¹¹⁾
Từ Ba Tư gởi lời ca kết đoàn
Trải bao cơn thăng trầm, tránh địch,
Sốt rét rừng đói, lạnh, vàng da
Anh em đồng chí chúng ta
Với dân với Đảng vẫn là thủy chung
Phát xít Nhật bạo hung toan tính

Đầu bốn lăm ⁽¹²⁾ đảo chính lật Tây,
Thu gom nước Việt trong tay,
Thái Bình Dương chúng trở tài chiến tranh
Tay sai Pháp hồi tanh tận số,
Tai sai Nhật đang cố ngóc đầu
Thế lực cách mạng dâng cao
Thời cơ thúc đẩy phong trào là đây
Tình ủy hợp, ra ngay quyết định
Cướp chính quyền tại chính Ba Tư
Quân chi bao tổ đường dài
Khi lòng đã quyết sắt mài thành kim;
Hàng chục năm hết chìm lại nổi
Thuyền nghĩa bình gió thổi buồm căng
Ba Tư, Hang Ấn, Trường An
Suối Loa trống dậy, cờ giăng rực trời
Tù chính trị người người vùng dậy,
Bắt kiểm lý, đoạt lại súng gươm
Đảng viên chiến sĩ nêu gương
Tiên phong chiến đấu diệt phùng hại dân
Cả Ba Tư rần rần nổi dậy
Diệt đồn thù, giành lại tự do
Thượng Kinh già trẻ reo hò

Bừng bùng khí thế đôi bờ Liêng, Rhe
Rừng Ba Tơ đang khoe lá mới
Khắp thôn trang phơi phới nắng xuân,
Chính quyền cách mạng nhân dân
Ra mắt quần chúng tại sân cạnh đồn
Dân náo nức, đâu còn bờ ngõ
Vung giáo, gươm, cờ đỏ vàng sao.
Reo vang khẩu hiệu tự hào:
"Ba Tơ giải phóng" xiết bao vui mừng
Tài sản địch, chia từng nhà khó,
Mọi nợ nần xóa bỏ từ đây.
Thuế xâu từ thuở còn Tây
Thầy đều bãi bỏ - chặt dây xích xiềng
Tin khởi nghĩa loan truyền nhanh rộng
Khắp Quảng Ngãi náo động từ đây,
Núi sông cho đến trời mây
Rạng ngời hình ảnh những ngày dấy binh
Đội du kích khai sinh từ ấy
Nặng lời thề giành lấy non sông.
Vẫy vùng quanh đỉnh Cao Muôn
Nhật vậy, đói, bệnh... Đội luôn dự lương
Nguyên Đôn đủ ngoan cường chính trị,
Phạm Kiệt lo quân sự dựng xây

Thượng Kinh chung sức góp tài
 Đoàn quân cứu quốc càng ngày càng hăng
 Giao, Lương, Hai đồng bằng tiến xuống
 Dấy phong trào quyết chống địch quân.
 Từ ca-sô Huế nhanh chân
 Nguyễn Chánh thoát ngục - Đảng dân vui mừng
 Từ ba mươi anh từng chiến đấu ⁽¹³⁾
 Nay về quê yêu dấu thân thương
 Sẵn chí cách mạng kiên cường
 Bổ sung Tỉnh ủy, lên đường Ba Tơ
 Nhận nhiệm vụ bí thư chỉ bộ
 Đội du kích, càng cố gắng công
 Cùng với Phạm Kiệt, Nguyễn Đôn
 Đưa đội du kích dập dồn tiến binh
 Núi Lớn đó - đội hình Hoa Thám,
 Vinh Sơn đây, nhiều toán Đình Phùng ⁽¹⁴⁾
 Quân càng đông chí càng hùng
 Quyết tâm cứu nước một lòng vì dân
 Đây đội quân tiến thân iai tú
 Nam Trung bộ hùng cử một phương
 Đảng dân chăm sóc yêu thương
 Chiến tranh du kích mở chương sử vàng
 Lực lượng ta hiện ngang lưng lẩy

Tỏa muôn phương phát dậy cờ sao,
 Chiến khu rầm rập binh đao
 Đồng quê chớp giật ào ào gió giông
 Đã bao năm hờn căm nên chặt.
 Mùa thu về bỗng thét vang xa
 Muôn người hát "Tiến quân ca"
 "Hy sinh vì Tổ quốc" ta oai hùng
 Mỏ Cày đỏ đánh tung xe Nhật
 Xuân Phổ đây giết giặc rình mò
 Toàn dân gươm, giáo, đuốc, cờ
 Quét thù diệt ác, giành đời tự do
 Thành Quảng Ngãi Nhật lo cố thủ
 Sức nhân dân thác lũ vây quanh
 Nông thôn hiệp lực thị thành
 Ngoại công nội kích tung hoành khắp nơi
 Giặc lùn ⁽¹⁵⁾ đã hết hơi, đuối sức.
 Phải cúi đầu hàng phục dân ta
 Chính quyền cách mạng tỉnh nhà
 Từ trong máu lửa nở hoa thắm hồng
 Cùng toàn quốc xiềng gông đập nát
 Độc lập về tươi mát tâm can
 Bao năm tù nhục, cơ hàn
 Giờ đây xóa sạch - Sao vàng tung bay

Ánh hồng lên báo ngày-tươi sáng
 Lòng người dân xứ Quảng mừng vui
 Đồng bào Kinh Thượng ngược xuôi
 Tiến theo cờ Đảng mà nuôi chí bền
 Từ Ba Tơ vùng lên khởi nghĩa
 Lê Trung Đình - sáng mãi gương thiêng ⁽¹⁶⁾
 Quảng Ngãi mảnh đất trung kiên
 Sử vàng rực rỡ muôn tên anh hùng.

Ghi chú:

(1) - Đình Dấu - Pá Piêu: người H're, cầm đầu đồng bào chống Pháp ở Bồ Hui (nay thuộc xã Ba Liên) và ở Ba Tô hàng chục năm đầu thế kỷ 20

(2,3,5,9,12) là các năm 1930, 1941, 1942, 1944, 1945.

(4) Buôn Ma Thuột

(6) Nghị quyết 8 Trung ương Khóa I ra tháng 5/1941

(7) Thủ Nguyễn Ái Quốc gửi cho phụ lão, hiền nhân, chí sĩ, công, nông, thương binh vào tháng 6/1941

(8) Các đồng chí Nguyễn Đôn, Phạm Kiệt, Nguyễn Khoách

(10) Các đồng chí Trương Quang Giao, Trần Lương, Trần Quý Hai

(11) Trần Lương bắt mối liên lạc với phong trào từ Bình Định vào đến Khánh Hòa, Trần Quý hai bắt mối liên lạc sớm với phong trào từ Quảng Nam ra đến Nghệ An.

(13) Nguyễn Chánh hoạt động CM vào Đảng từ năm 1930. Năm 1939 được cử làm Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi. Bị địch bắt đầy giam nhiều nhà tù, nhà tù cuối cùng là ca sở lao Thừa Phủ tại Huế.

(14) Đại đội Hoàng Hoa Thám ở chiến khu Núi Lớn (Mộ Đức). Đại đội Phan Đình Phùng ở chiến khu Vĩnh Sơn (Sơn Tịnh).

16) Cách mạng tháng Tám 1945 thành công, Quảng Ngãi mang tên tỉnh Là Trung Đình, một thủ lĩnh nghĩa quân Cần vương hy sinh năm 1885

(15) Lúc đó nhân dân ta gọi phát xít Nhật là "giặc lùn", vì thấy chúng thấp hơn lính Pháp nhiều.

BA TƠ QUÊ MẸ ANH HÙNG

LBT: Bài “Ba Tơ quê mẹ Anh hùng” của tác giả Thanh Huyền được soạn theo các làn điệu dân ca Khu V. Bài hát đã được phổ biến rộng rãi khắp miền Trung và được nhiều nghệ sĩ thể hiện trên sóng phát thanh của Đài TNVN có tác dụng động viên, cổ vũ to lớn sức người, sức của cho công cuộc chống Mỹ, cứu nước”.

Nhớ từ buổi giữa núi rừng mẹ tiễn con ra Bắc

Đã mấy năm dằng dặc xa quê

Mỗi khi tin miền Nam chiến thắng bay về

Lòng con lại hướng về miền quê cũ

Mẹ ơi!

Con đã nghe sông H're dâng trào nước lũ

Con đã nghe rừng Ba Tơ vang khúc hát anh hùng

Quê ta trăm núi, ngàn sông

Ngọn cờ cách mạng vẫn (in) trong tim này

Cờ Việt Minh tung bay trên đỉnh cột.

Kinh - Thượng vùng lên phá bót, diệt đồn

Nhật hàng, Pháp cũng chạy luôn

Vui từ dưới biển, trên nguồn (ta) gặp nhau

Tám mươi năm làm kiếp ngựa trâu

Có Đảng (về) ta lại ngẩng đầu đứng lên
Khói lam chiều vọng tiếng chiêng
Bắp non lại ngọt, (con) cá niêng lại bùi
Rẫy nương rộng mở chân trời
Chòi cao đón gió khắp nơi thổi về

Bỗng một hôm sông H're dậy sóng
Nước chau mày khi thấy bóng Pha - lang
Tổ êm, (con) chim nhỏ (phải) lìa đàn.
Suối đàn tơ-rưng (phải) đứt ngang giữa chừng
Nhìn lên bom lửa đỏ rừng
Bến sông bỏ vắng, (con) dò ngừng tay chèo
Bỏ quê, lội suối băng đèo
Thằng Tây (nó) đốt xóm nghèo xác xơ
Thương thay một lớp trẻ thơ
Nước chưa độc lập, giấc mơ chưa nồng

Nhưng cả nước (gậy) tám vòng đứng dậy
Khắp Tây Nguyên, buôn rẫy (cũng) vùng lên
Ba Tơ chặt đứt xích xiềng
Rượu thề, sáng đáng gương thiêng (trên) đất này
Rừng đỏ lửa, rừng vây quân giặc
Vạn rừng chông mài sắc hờn căm
Rừng che bộ đội hành quân

Rừng thương chiến sĩ đêm nằm trong mưa
 Quân đi, rừng núi tiễn đưa
 Núi rừng còn giặc, con chưa thể về!
 Nhớ khi vượt thác sông H're
 Nắm cơm với gói muối mè trao tay
 Mẹ nhìn con, nước mắt tràn đầy
 Cụ Hồ cho chúng con về đây giữ làng
 Bập bùng bếp lửa nhà sàn
 Đêm mừng chiến thắng ca vang núi rừng
 Ba Tư quê mẹ anh hùng
 Chín năm góp gió lầy lũng Điện Biên

 Hòa bình! Ngọn lửa mới nhen,
 Bắp non chưa (kịp) ngọt, (con) cá niềng chưa (kịp) bùi
 Tiễn con, rừng núi bùi ngùi
 Suối Loa in bóng, Dốc Mui (cũng) theo về
 Lại một lần sông H're dậy sóng
 Quê hương ta lửa bỏng, nước sôi
 Cây xanh chưa kịp đâm chồi
 Mà quân Mỹ nguy (đã) cắt đôi thân cành!
 Đêm đêm văng tiếng tức chinh
 (Con) suối trong biếng chảy, (con) chim xanh (cũng) biếng
 chuyển

Trăng treo đỉnh núi lặng im
Sông buồn vắng những con thuyền lại qua
Rượu cần trong chén chưa pha
Men chưa nồng bởi mưa sa, gió lùa

Giặc gieo gió sẽ có ngày gặt bão
Chớp giật, trời rung (loài) hổ báo phải lui
Miền Nam đã đứng lên rồi!
Quê hương cách mạng đâu chịu ngồi bó tay
Chín năm, giặc Pháp vùi thây
Bây giờ đánh Mỹ, trả thù này cho núi sông
Ba Tư quê mẹ anh hùng
Trồng lúa, lúa tốt, trồng bông, bông dài
Quê ta gái giỏi, trai tài
Biết làm tên ná, biết mài thanh gươm
Biết phát rẫy, biết làm nương
Biết tìm (con) suối mát soi gương chải đầu
Biết nuôi cán bộ rừng sâu
Tro tranh thay muối, cơm rau (cũng) mặn tình
Nhớ ngày khởi nghĩa làng Đình
Sao vàng năm cánh, (trên) rừng xanh bay vờn
Nhớ anh Kiệt, anh Chánh, anh Đôn
Trong đoàn du kích, áo sò hai vai!

Rừng sâu nếm mật nằm gai
Áo tù thay áo chàm phai mưa rừng
Gieo mả cách mạng quê hương
Mẹ ơi! Mười mấy năm trường gian lao
Đường đi còn lắm đèo cao
Nhưng trong lòng (của) mẹ (đã có) ngôi sao sáng ngời.

Quê hương ta khắp trời đỏ lửa
Bao xác thù trôi giữa dòng sông
Ba Tơ quê mẹ anh hùng
Mỗi rừng cây (là) một rừng chông diệt thù.
Mỗi làng là một chiến khu
(Con) suối trong soi ánh rừng thu đôi bờ
Quân giải phóng dưới cờ đang tiến
Khắp năm châu, bốn biển (cũng) nhìn theo!
Quân đi vượt thác, băng đèo
Áp Bắc dậy sóng hò reo trống dồn...
Con đừng dậy, sóng cồn gió lộng
Nước vô bờ, ngơ tiếng vọng quê hương
Quân đi lớp lớp trên đường
Mẹ ơi! Gà (đã) gáy trên nường! Sáng rồi!

Nhớ Đội du kích Ba Tơ

*Chuyện rằng: Quảng Ngãi quê tôi
Những ngày cách mạng sục sôi hào hùng.*

*Nhớ ai nhen ngọn lửa rừng
Thương người du kích đã từng gian lao
Nhớ chiến sĩ nhớ đồng bào
Bà con Kinh- Thương ngày nào Ba Tơ
Nhớ đêm đốt lửa dựng cờ
Lời thề quyết tử bây giờ còn vang
Nhớ Cao Muôn, nhớ Tràng An,
Lòng dân lũy thép cản ngăn quân thù.*

*Xoi đường sớm lập chiến khu
Đói cơm nhạt muối, cho dù gian lao
Xắn tay xây dựng phong trào
Phát động quần chúng đi vào đấu tranh
Nơi nơi tổ chức hình thành
Đêm đêm các buổi “đồng tâm ăn thề”
Thuyền nan các ngã đi về
Chở gom sắt vụn khéo che mắt thù
Một hạt gạo, một đồng xu...
Mồ hôi đổ xuống, cầm thù nào quên.*

*Đồng quê xóm dưới làng trên
Bóng anh du kích luyện rèn trong đêm*

Tay nâng bát nước mẹ hiền
Tình dân nghĩa nặng, lời khuyên ruột rà:
"Kẻ thù giết hại dân ta
Đường gương con luyện, thù nhà con ghi"
Trông vờ mỗi bước con đi
Dặm trường mây phủ hiểm nguy không sờn

Quên sao được, lệnh đồn "an trí"
Hãm tù nhân chết dí rừng xanh
Diệt phong trào, diệt đấu tranh
Rảnh tay giết hại dân lành xóm thôn.

Quên sao được, cướp đồn đêm ấy
Loa lan truyền, thức dậy khắp vùng
Tù và giáo mác, lửa rừng
Quân thù khiếp sợ, tội cùng hoang mang.

Quên sao được, mốc đường Hang Én,
Lời thề xưa trữu nặng tim ta.
Gò Rinh, Nước Nẻ vời xa
Sốt rừng, chướng khí, nhắc ta vùng lòng.

Quên sao cảnh lội sông tìm súng
Mãng thay cơm, xúc động lòng dân.
Chia tay bên ché rượu cần,
Một lần, hơn một vạn lần nhớ thương.

Thuở lâm hành lắm đường nguy khó
Vẽ đồng bằng, gian khổ nào vơi
Phong trào nổi dậy nơi nơi
Giăng giăng thế trận, sục sôi căm thù.
Đường liên tỉnh, liên khu vững chắc
Tay nắm tay siết chặt vòng vây

Báo "Cờ Độc Lập" truyền tay,
Đón ngày khởi nghĩa, mừng ngày vinh quang,
Tin Hồng quân đánh tan quân Nhật
Lệnh Tân Trào dậy đất, chuyển rung
Đội quân du kích anh hùng
Êm quân hiểm yếu khắp vùng quê hương
Không cho giặc tìm đường tẩu thoát
Cùng nhân dân tước đoạt chính quyền
Sao vàng rực rỡ khắp miền
Rợp trời cờ đỏ thỏa nguyện hân hoan.

Còn đâu lũ tham quan ô lại
Còn đâu bầy giết hại dân ta
Ánh dương Đảng chiếu sáng lò
Đất ta vững tiến - dầu ta lên đường.
Đất Quảng Ngãi kiên cường bất khuất.
Tình quân dân bền chặt sắt son
Ngọt ngào quê đất mía đường
Thơm sao rừng quế Trà Bồng đưa hương
Đây "Thạch Bích tà dương" nước khoáng
Mát lữ hành, mát đoạn đường xa
Một vùng công nghiệp tỉnh nhà
Ai về Dung Quất đưa ta cùng về
Quảng Ngãi ơi! Vùng quê gian khó
Truyền thống xưa nổi nhớ từng ngày
Thương người du kích dạn dày
Ba Tơ bất khuất,
những ngày nào quên!

Lửa ở Ba Tơ

*Con đường bụi đỏ mờ mịt dọc sông
sông Liêng trong veo chở mặt trời trôi ngược đoàn xe
mùa khô những phiến đá buổi trưa bốc hơi
lau bạc trắng tự ngàn xưa và màu hoa ngũ sắc
trên mặt đá sẫm*

*ai mặc áo tù giặc Tây đày qua đèo Đá Chát
như cơn gió nam non
con mắt dõi tìm trong Hố Tối
bàn chân thấy trượt đạp qua Hố Mây
dừng đôi phút bên cầu Nước Năng
như một đám lửa nhỏ*

*bốn mươi năm trước
lốt chân cọp dày hơn trên đường Ba Tơ*

*bốn mươi năm trước
phải giấu đóm lửa sau lớp da lông ngực
êm khuya ém chiếc xuống con trong đám lá rù rì*

bốn mươi năm trước
một đêm cả ngàn bó đuốc cháy giữa đồn Ba Tơ
lưỡi mác người Chăm
như tia chớp
cánh tay già làng H're
như cây trắc
vung lên trời ngọn lửa màu nâu

đế bây giờ
đuốc bỗng bẻ chuyển từ đỉnh núi này sang
đỉnh núi khác
theo tiếng chiêng ngân dài
những đoàn người đi lấy hom mì đi tĩa bắp
vân đùm cơm trong mo cau
và chiếc xe chở hàng lên Ba Vinh Ba Ngạc
kênh cang hơn chú voi rừng già
đôi mắt chói xuyên qua vòm lá thẫm
lửa Bok Hồ đã chia về mỗi bếp
nghe thoảng mùi thịt nướng thơm khói lam
mùa tháng ba như bàn tay bè bạn
vỗ nhẹ trên vai mình...

Ba Tơ 1985

Kính tặng hương hồn đồng chí Nguyễn Chánh

*Ngọn lửa Ba Tơ bùng giữa núi
Anh góp phần chuyển xuống đồng bằng
Cách mạng dấy lên từ Quảng Ngãi
Lan tràn như sóng khắp khu Năm.*

*Giặc Pháp ào ào lên phía biển
Anh tiến quân giải phóng Tây Nguyên
Âm mưu xâm lược thành mây khói
Chiến thắng hợp đồng với Điện Biên.*

*Vị tướng tài năng của nước nhà
Qua đời giữa tuổi bốn mươi ba
Ghi một dấu son hình núi Ấn
Sáng ngời soi xuống dải sông Trà.*

*(Theo "Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ
& Đội du kích Ba Tơ" NXBCTQG)*

KHU NHÀ TRONG RỪNG

Vẫn còn đây những căn nhà,
Mái tranh, vách đất, tre ngà chần song
Trước thềm hoa giấy vắt cong
Chuối đồng nai với khoai dong kên vườn
Cách nhau chỉ một mé sườn
Bên trên bát giặc dưới đường sân bay
Những ngôi nhà dựng ở đây
Bốn năm không dễ một ngày được yên
Giặc càn kéo xuống lại lên
“Rọ heo”, “cán gáo” ngày đêm sục lung
Lạ thay là giống cây rừng
Đạn bom xối vãi không ngừng lớn xanh
Rừng xanh che những mái tranh
Tôi về thăm lại, các anh xa rồi
Dân làng cứ ngỡ rằng tôi
Đã về giải phóng cái hồi bấy hai
Hỏi thăm anh Nguyễn, anh Đài
Chú Khuê nhỏ lữ 52 có còn...
Người vào mỗi lúc đông hơn
Hã hê khen chuyện đánh đồn Ba Tơ
Mình đây mà chúng không ngờ
Cách nhau chỉ có mấy bờ vực thoi,
Các anh từ đó đi rồi
Làng Goon - Dung có ai người không trông ?

26/02/1975

Ba Tư chiều trở lại

*Không có bông hoa dài các nào để tặng em chiều nay
Chỉ mọc mọc cánh sim nổi niềm tim nhớ
Hoa nhắc anh một thời
Khơi trong em một thuở
Ba Tư là nhân chứng của yêu thương.*

*Ta như giọt mưa rơi lại đầu nguồn
Hòa với trong xanh hồ Tôn Dung với vơi
Vô cớ mà nghe như mình có lỗi
Xin cúi đầu trước hồn hậu Ba Tư!*

*Hơn mười năm lối cũ ai chờ
Dốc núi mờ sương
Đường xưa ai đợi
Kỷ niệm ngủ trong từng viên đá sỏi
Ngày ta về reo dưới gót băng khuâng.
Những nỗi nhớ khác nhau cùng đến với rượu cần
Vết cong nỗi nhớ nhà, nhớ quê, nhớ bạn
Riêng anh nhớ em, cầm ghi ta khê hát
Phía Ba Vì phút ấy chợt trắng lên!*

*Đi giữa lòng phố núi lạ và quen
Gió đưa nắng đại ngàn bay mênh mang thị trấn
Giá mà em đừng lấy khăn che mặt
Anh sẽ gặp chút thu dịu dịu mát trưa hè.*

*Vân trôi mẩn hoa sim trên lối cũ ta về
Rừng rúc tím như một niềm sâu thẳm
Xin cất giữ những buồn vui đã sống
Với Ba Tư nồng nàn xanh ngát thuở yêu em.*

Ba Tư - Sa Huỳnh hè 99

Du kích Ba Tơ

○ Nhạc và lời: DƯƠNG MINH VIÊN

NHỊP ĐI - HÙNG MẠNH



Mở trong đêm muôn hình bóng trùng trùng núi rừng



xanh trong rừng chiến khu coi hùng.

Luôn bao năm đấu



tranh cho dân tộc nguồn sống.

Bóng cờ trong núi rừng



sâu gươm giáo reo chí quyết cường.

Dòng máu chiến



thắng trong người đang bừng

sôi Ai người dân Việt Nam.



Du kích Ba Tơ

Chiến sĩ miền



Trung nêu tấm gương nghìn năm. Từ kinh đến



Thương cùng nhau kết đoàn gian khổ bốn gan.



Rừng thiêng nước độc, lòng không xao xuyến người chiến sĩ miền



núi. Bốn khe suối Loa, hang Én



còn reo vang tiếng cười. Luyện sát thành gươm



oùng ngày đêm rèn chí lớn vang vang chiến khu.



Mùa Thu cách mạng Tháng Tám vùng



lên như muôn triệu sóng. Ba Tơ chiến



đều chung công góp sức xây đắp nên hòa bình.



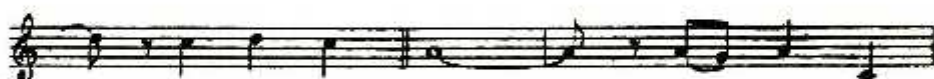
Bên khe suối mát, cỏ khoe màu màu thắm tung gió bay trên nền



trời Tiếng suối ca nguồn sống. Dòng máu chiến



thắng trong người đang bùng sôi Ai người đang hôn cầm.



Du kích Ba Tơ Chiến sĩ miền



Trung nêu lăm gương ngàn năm. Từ Kinh đến



Thương cùng nhau kết đoàn gian khổ bền gan. Mùa Thu gò



về lòng gọi thương nhớ người chiến sĩ vì dân.

Điện sáng trên rừng Ba Tơ

○ Nhạc và lời: PHẠM ANH TRUNG

The musical score is written on ten staves. The first staff begins with a treble clef and a key signature of one flat (B-flat). The melody is composed of eighth and quarter notes, with some measures containing triplets. The lyrics are written below the notes. The score includes a section marked '(Nhạc)' and a final line of lyrics.

ơ rừng núi đi điện sáng lên
rồi ở rừng núi đi
điện sáng lên rồi (Nhạc
Rừng Ba Tơ quê ta điện
sáng lên rồi Đẹp trên quê hương
ta như ngàn ánh sao trời Đang đêm
vẽ cho buồn lòng họ ấm
Điện sáng lung linh Dòng nước trong
xanh Đẹp biết bao quê hương mình
Bao nhiêu năm ước
mơ Trên rừng núi Ba Tơ điện sáng lên

rồi lung linh muôn ánh sao Trên miền núi
 cao điện sáng lên rồi *f* Nhỏ
 ngày năm xưa nhà tù An Trí
 Bao chiến sự cách mạng đã dừng
 lên từ đây Ngọn lửa bùng
 cháy ngọn lửa Ba Tơ
 Âm âm vang tiếng đàn Trưng
 Âm âm vang tiếng đàn Trưng
 Hỡi con trai con gái buồn lòng
 Nổichiêng công lên vang âm vang
 Nổichiêng công lên vang âm vang

Chào Ba Tư ngày mới

○ Nhạc và lời: PHẠM QUYNH

Nhịp đi - Tự hào

The musical score is written on ten staves. The first staff begins with a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a 2/4 time signature. The melody is composed of eighth and quarter notes, with some rests. The lyrics are written below the staves, aligned with the notes. The music has a cheerful and energetic feel, consistent with the 'March - Proud' tempo.

Chào mảnh đất Ba Tư anh hùng ngoan cường Chào thị trấn hôm
nay đẹp trang sử mới. Cùng cả nước đi lên xây dựng
chủ nghĩa xã hội cùng nhân dân đắp xây cuộc sống Hoà Bình. Đảng kính
yêu ta muôn vàn biết ơn. Ôi nhớ những ngày năm xưa khổ
đau vì chiến tranh giặc phá điêu tàn. Nay được giải phóng quá
huang thân yêu, nay được ca hát khúc nhạc yêu thương.
Ôi những cánh đồng màu lúa vàng tươi những con đường rợp bóng hàng
cây nhà ngói tươi roi rói bên đường dân em nhỏ vui
cấp sách đến trường lòng rộn ràng vui tiếng hát yêu thương.

Chiều sông Liêng

Moderato - Trữ tình

© Nhạc và lời: NGUYỄN TUẤN

Chiều về trên sông Liêng ánh nắng vàng như hoa xuân khời bếp nhà ai
vườn. Bên khúc hát ta lâu lâu êm dịu êm. Chiều dần trời nghiêng
nghiêng có biết lòng ta trường lướt thướt làn mây bay, bổi rồi bước chân ai
về. Chiều về trên sông Liêng nghe lòng mình như xôn xao theo nhịp
chày giã gạo đầy vôi. Vui khúc hát sơn ca bay cao bay cao
Hà hé hé hé hé hé về đây với Ba Tô nghe tiếng đàn bở - rook đêm
trăng bên nhau bên nhau. Hà hé hé hé hé hé Rừng núi Cao Muôn kiên
trung như lòng người Hơ - re đánh giặc giữ làng người về quê Ba
Tô uống nước dòng sông Liêng nhớ đến thỏ cầm làng Tơng cô gái Hơ-re dệt vải cho tình
anh tình em Chiều về trên bờ-lầy em ngọt ngào muôn câu ca rộn ràng tức chình
ba vẫn vương lòng ta thương theo vánh chim vơ - linh bay về nguồn.

Ba Tư quê em

○ Nhạc và lời: THẾ TRUYỀN

Nhịp vừa

Hãy về
(Rời mùa)

thăm quê em rừng núi Ba Tư bát ngàn
xuân anh theo lời hát lên nương tìm em. (Nhạc - - -)

Nghe con suối ngàn nga dỗi bỏ, nghe trong gió ta lâu đợi
Qua con suối muốn hoa khoe màu, chim chơ- rạo hát như đang vẫy

chào. Một ngày vui bốn làng em Dâng điện sáng Tàn
chào Một mùa xuân bùng nhịp chẳng rồi trong nắng hân

Dung như mặt trời. (Nhạc - - -) Thăm cánh
hơn anh lại gặp em. Sân cánh

đồng muối mà trời dỗi tay em cấy lúa non xanh trên núi.
rừng chiều về mộng đẹp em sẽ nói lâu lâu lâu lâu lâu. (Nhạc)

Rồi trong tiếng đàn, bập bùng lửa hồng mắt long lanh điệu múa
Mùa xuân dâng tràn bản làng rộn rã. Sẽ chứa chan tình em.

1
em sao mềm mại, Làn tóc em sao dịu hiền như con nước sông

2
Lặng rồi mùa... đây đợi bao khúc hát Ba Tư quê em.

Câu hát Ta lêu

○ Nhạc và lời : MINH CHÂU

Ad libitum - Tự sự

Câu Ta lêu ngọt ngào ru em từ tuổi thơ Câu Ta lêu cùng mẹ
cha lên rừng vào rừng, câu Ta lêu là chuyện cô ru em từng ngày qua.
Ngày xưa mẹ hát cùng cha câu Ta lêu buồn vui thêm
sầu, Ngày nay chỉ hát ru em, câu Ta lêu thành dòng suối
mắt, Giọt nắng gọi mùa hè về, giọt mưa gọi mùa đông
về câu Ta lêu bay theo núi rừng thêm xanh bao mùa
rẫy Đẻ hạt gạo tua mặt trăng trong, đẻ hạt mầm vườn trong trời
xanh cho làng buồn hát mãi câu Ta lêu.



Chủ tịch nước Trần Đức Lương tiếp xúc với cử tri xã
Ba Ngạc (Ba Tơ) Ảnh: ĐOÀN HỮU TRUNG



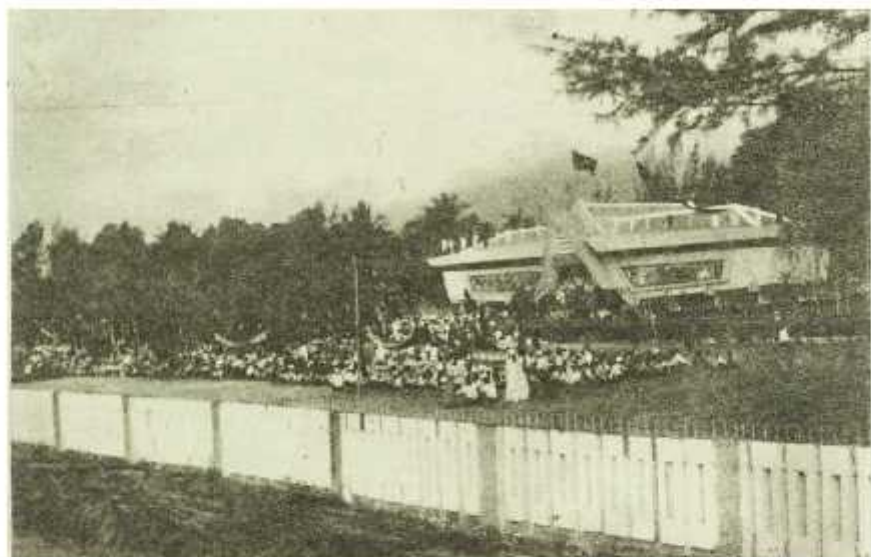
Nguyên Chủ tịch nước Lê Đức Anh thăm và tặng quà cho các
Bà mẹ VNAH ở Ba Tơ. Ảnh: ĐĂNG LÂM



Đổng chí Nguyễn Khoa Điểm - Bộ trưởng Bộ VH TT và NSND Trà Giang
thăm bảo tàng khởi nghĩa Ba Tơ Ảnh: LÊ HỒNG KHÁNH



Đổng chí Nguyễn Đức Tâm - Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi
kiểm tra dự án "Cây cà phê" ở xã Ba Nam (Ba Tơ) Ảnh: THANH LONG



Lễ kỷ niệm khởi nghĩa Ba Tơ lần thứ 50

Ảnh: TRẦN ĐĂNG



Đồng chí Phạm Văn Thọ - Bí thư Huyện ủy Ba Tơ và nhạc sĩ Dương Minh Viên (thứ hai bên trái) - tác giả bài hát "Du kích Ba Tơ" cùng các vị khách quý tại Bảo tàng khởi nghĩa Ba Tơ.

Ảnh: T.L



Đồng chí Trần Thanh Văn - Chủ tịch UBND huyện Ba Tư trao bằng
cho các Bà mẹ VNAH. Ảnh: PVH



Lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng LLVT ở xã Ba Vinh.
Ảnh: T.L



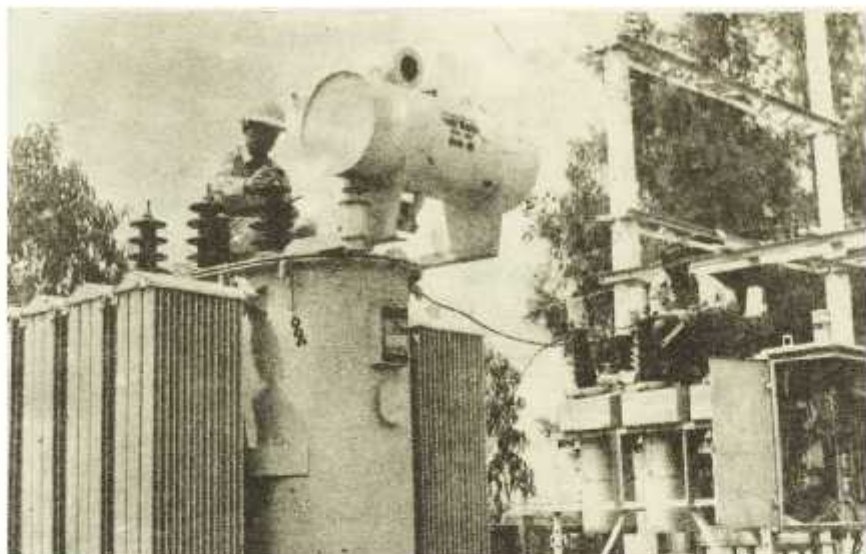
Cây tiêu ở Ba Động, Ba Tơ.

Ảnh: TĐ

Cây lúa nước và làng
định cư ở Ba Tơ.

Ảnh: C.T





Trạm biến áp ở Ba Tơ.

Ảnh: A. VINH



Dân quân tự vệ xã Ba Chứa (Ba Tơ) thường xuyên luyện tập, sẵn sàng chiến đấu.

Ảnh: THANH LONG



Trung tâm y tế Ba Tơ cấp thuốc cho nhân dân.
Ảnh: TL



Nhân dân Ba Tơ ở địa điểm cung cấp 6 mặt hàng hỗ trợ miền núi.
Ảnh: LVH



Khách du lịch
bên hồ Tôn Dung
Ảnh: H.V

Một góc hồ Tôn Dung -
công trình kinh tế và
điểm du lịch của Ba To
Ảnh: ĐV





Lực lượng học sinh trong lễ kỷ niệm khởi nghĩa Ba Tơ
 Ảnh: VH



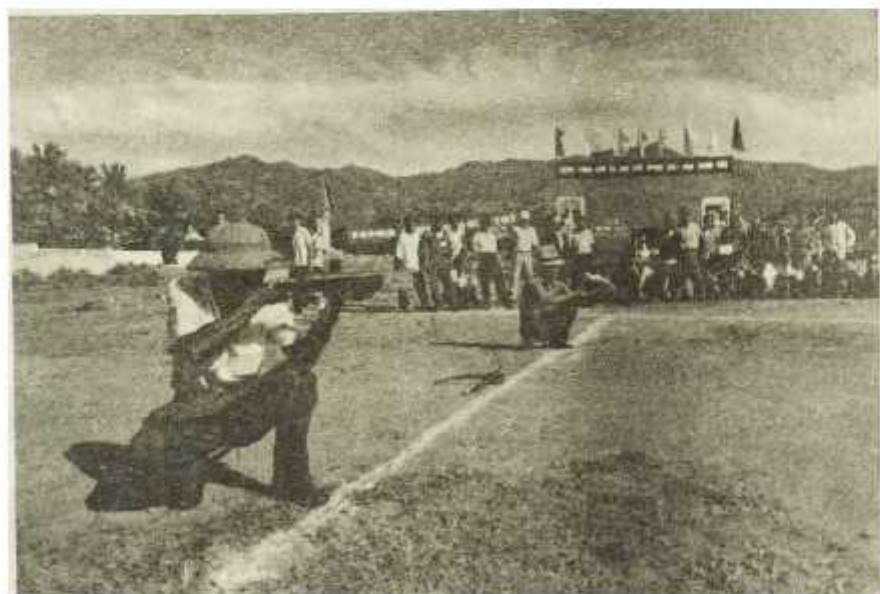
Hội thi tiếng hát của học sinh Ba Tơ tại "Hội thi tiếng hát mừng sinh nhật Bác"
 Ảnh: PVH



Thiếu nữ H're
Ảnh: KIM DŨNG

**Những trang này có sử dụng
một số ảnh tư liệu của
Phòng VH TT Ba Tư và
Bảo tàng khởi nghĩa Ba Tư.**

Ngày hội VH TT ở Ba Tư
Ảnh: T.L





Lễ đâm trâu của người H're

Ảnh: PVH



Đoàn giáo sư dân tộc học của Nhật Bản đến nghiên cứu tại xã Ba Thành

Ảnh: C.T



Học sinh PTTH Ba Tơ
Ảnh: ĐV



Chủ và khách bên chế rượu cần

Ảnh: HB



Công ty phát hành sách phục vụ nhân dân trong dịp lễ kỷ niệm 40 năm
khởi nghĩa Ba Tơ Ảnh: TL



Đập Lê Trinh ở xã Ba Chùa, Ba Tơ. Ảnh : PD

THƯ MỤC

BA TƠ TRUYỀN THỐNG VÀ PHÁT TRIỂN

I. LỊCH SỬ - ĐỊA LÝ - VĂN HÓA.

1. **Ba Tơ** : *Đặc san kỷ niệm 50 năm khởi nghĩa Ba Tơ* . - Huyện ủy - UBND huyện Ba Tơ . - Hội văn học Nghệ thuật tỉnh Quảng Ngãi; 1995.-28tr.

2. **Dân tộc H're** - Trích trong " *Các dân tộc ít người Việt Nam - các tỉnh phía nam*" - H : Khoa học xã hội, 1984 .- Tr 117- 128.

3. ĐOÀN NGỌC KHÔI. *Luật tục của dân tộc vùng núi Quảng Ngãi*/ Đoàn Ngọc Khôi - Báo Quảng Ngãi Xuân Mậu Dần 1998 .- tr 22.

4. ĐOÀN NGỌC KHÔI. *Cảnh quan và kiến trúc nhà sàn H're*/ Đoàn Ngọc Khôi. Tạp chí Cẩm thành số 15 .- tr 50-53.

5. ĐOÀN NGỌC KHÔI. *Một số vấn đề về Luật tục và thiết chế cộng đồng làng của các dân tộc miền núi Quảng Ngãi*/ Đoàn Ngọc Khôi .- Tạp san thông tin - Khoa học công nghệ - Môi trường, 1996 số 1 .- tr 18-20.

6. ĐINH XĂNG HIỂN, *Truyện cổ H're*/ Đinh Xăng Hiển, Nguyễn Thanh Mừng sưu tầm .- Nghĩa Bình : Sở VH TT, 1988 - 269 tr.

7. ĐOÀN MINH TUẤN. Ba Tơ ngày ấy. T2 "Phương Nam thành đồng" .- H: Thanh niên, 1974 - tr 33-38.

8. HIỂN VĂN. *Truyện thuyết tình yêu trên đỉnh Cao Muốn* / Hiển Văn - đặc san Ba Tơ, 1995 - tr 25-25.

9. HỒNG NHÂN. *Bảo tồn và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số miền núi Quảng Ngãi*/ Hồng Nhân - Tạp chí văn hóa Nghệ thuật 1994, số 8 - tr 38-40.

10. HOÀI HÀ. *Một ngày hè trở lại Ba Tơ* (thơ) / Hoài Hà - Báo Nghĩa Bình, 1983, ngày 10/03 - tr 3.

11. *Khảo về các sắc tộc ở Quảng Ngãi* - Tiếng Dân, 1935, ngày 2 tháng 1.

12. LÊ ÁNH VÂN. *Lễ hội cúng cơm mới của đồng bào các dân tộc ít người ở Quảng Ngãi*/ Lê Ánh Vân .- TC Cẩm thành số 11.- tr 40-41.

13. LÊ HỒNG KHÁNH. *Người H're ăn tết*/ Lê Hồng Khánh - Tạp chí Văn hóa các dân tộc số 10 .- tr 7.

14. LÊ HỒNG KHÁNH. *Tiềm năng văn hóa du lịch Ba Tư*/ Lê Hồng Khánh .- Báo Quảng Ngãi số 593 ngày 04/11/1997 - tr 4.

15. LƯU HÙNG, *Vài suy nghĩ về hoạt động kinh tế làm ruộng của đồng bào H're*/ Lưu Hùng .- tạp chí Dân tộc học, 1982 số 3 .- tr 26-33.

16. *Lửa đầu nguồn* : Tập thơ nhiều tác giả - Sở Văn hóa thông tin Quảng Ngãi ,1995 - 55tr.

17. MINH TUỆ. *Cần vận động và đi đến xóa bỏ tập luật tục chia của cho người chết*/ Minh Tuệ - TC Cẩm thành số 16. - tr 61-62.

18. NGUYỄN VĂN MẠNH. *Ma thuật làm hại*/ Nguyễn Văn Mạnh - "Ma lai, cấm đồ" .- Tạp chí Dân tộc học, 1994, số 2 .- tr 67-69.

19. NGUYỄN VĂN MẠNH. *Cơ cấu kinh tế các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi*/ Nguyễn Văn Mạnh .- Tạp chí Dân tộc học, 1995 số 1 .- tr 29-34.

20. NGUYỄN PHAN SANG - *Đôi nét về hôn nhân truyền thống của dân tộc H're ở tỉnh Quảng Ngãi*/ Nguyễn Phan Sang - Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, 1994, số 18.-tr 34.

21. NGUYỄN ĐĂNG LÂM. *Tội giết người nghi " cấm đồ thuốc độc" ở miền núi tỉnh Quảng Ngãi*/ Nguyễn Đăng Lâm - Văn hóa nghệ thuật, 1990 số 3 .- tr 5-12.

22. NGUYỄN TRUNG HIẾU. *Khắc khoải Ba Tư*/ Nguyễn Trung Hiếu .- Đặc san kỷ niệm 45 năm ngày thương binh liệt sĩ - Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi, 1992.- tr 10-12.

23. *Sắc tộc H're* - trích trong " Đồng bào các dân tộc thiểu số Việt Nam" của Nguyễn Trắc Dĩ.- Sài Gòn 1970.- tr 24-26.

24. *Từ núi rừng Ba Tư*: Thơ văn nhiều tác giả .- Nghĩa Bình :Sở Văn hóa thông tin, 1985 .- 203tr.

25. **Truyện cổ miền núi Nghĩa Bình** / Hà Giao, Đinh Xăng Hiến sưu tầm biên soạn. - Nghĩa Bình : Sở Văn hóa thông tin, T 1. 1980. - 170tr; T2 : 1982 - 144tr.

26. **Truyện cổ H're**/ Đinh Xăng Hiến sưu tầm - Nghĩa Bình : Sở Văn hóa thông tin, 1985 - 199tr.

27. TẠ HIỂN MINH - NGUYỄN VĂN MẠNH - NGUYỄN XUÂN HỒNG. **Đời sống văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Ngãi**. - Sở Văn hóa - Thông tin Quảng Ngãi, 1996 - tr 228.

28. **Vài nét về âm nhạc các dân tộc ít người ở Quảng Ngãi**. - Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, 1994 số 8 - tr 35-37.

II. TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VÀ ĐẤU TRANH CÁCH MẠNG

1. **Cuộc khởi nghĩa Ba Tơ** - trích trong " *Những sự kiện lịch sử Đảng*" tập 1, (1920-1945) - H : Sự thật, 1976 - tr 608 - 609.

2. **Diệt cứ điểm Giá Vực - Quảng Ngãi** (ngày 19-20/9-1974) - trích trong " *Những sự kiện lịch sử Đảng*" tập 2 (1965 - 1975) - H.: Khoa học xã hội, 1976 - tr 535 - 536.

3. **Đánh mạnh vào chỉ khu Ba Tơ và Đá Bàn** (15-21/9; 30/9/1972) - trích trong " *Việt Nam những sự kiện 1945 - 1975*" - H : Khoa học xã hội, 1976.

4. ĐINH SÁU. **Núi rừng Ba Tơ khi có Đảng**/ Đinh Sáu, Tạ Xuân Linh. - Tạp chí văn hóa nghệ thuật, 1972, số 14. - tr 70-73.

5. **Lịch sử Đảng bộ huyện Ba Tơ (1930-1954)** (sơ thảo). - Quảng Ngãi : Tổng hợp, 1989. - 180tr.

6. PHẠM NHỚ. **Ngày 11/03/1945 đáng ghi nhớ**/Phạm Nhó. - Tạp chí Cẩm thành, 1995, số 3, tr 29-31

7. PHẠM KIỆT. **Từ núi rừng Ba Tơ**. Hồi ký/ Phạm Kiệt; Lương Sĩ Cẩm ghi - H.: Quân đội nhân dân, 1977 - 117 tr.

8. THẢO CHI. **Mùa xuân Ba Tơ**/Thảo Chi - Báo Nghĩa Bình, 1983; ngày 10/03 - tr 3.

9. VĂN THINH. **Vài nét về Ba Tơ và cuộc khởi nghĩa vũ trang chống Pháp - Nhật (tháng 3 năm 1945)**. - Tạp chí Văn nghệ Nghĩa Bình, 1978, số 8 - tr 67-70.

HUYỀN THẾ (biên soạn)

MỤC LỤC

• Những phần thưởng cao quý của quân và dân huyện Ba Tư.....	VP -5
• Lời nói đầu.....	BTV -7
• Khởi nghĩa Ba Tư (trích Sơ thảo lịch sử Đảng bộ Quảng Ngãi).....	BBT-9
• Những ngày gian khổ ở chiến khu Nước Sùng - Hồi ký của	PHẠM KIỆT-22
• Đường lên Căng an trí Ba Tư - Hồi ký của	NGUYỄN ĐÓN-29
• Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm.....	BBT-44
• Đội du kích Ba Tư sống trong lòng dân	TRƯƠNG ĐÌNH THUY -49
• Dấu chân người du kích Ba Tư	NGUYỄN TẤN PHƯỚC -55
• Thư kêu gọi đồng bào hưởng ứng ngày 11-3-	BBT-75
• Bản kỷ luật của Đội Du kích Ba Tư.....	BBT-77
• Ngày 11/3/1945 đáng ghi nhớ	PHẠM NHỚ -79
• Địa chỉ tòa soạn : Đình Cao Muôn	TRƯƠNG QUANG LỘC-87
• Khởi nghĩa Ba Tư trong dòng chảy lịch sử	THI PHỔ NHẤT -92
• Cu Trần Toại người Bí thư đầu tiên	HOÀI HÀ -99
• Bá cáo văn thân của Kim Tương Trần Toại	LÊ VĂN QUẠT-108
• Tổng khởi nghĩa tháng 8/1945	BBT- 119
• Bản tóm tắt thành tích của Đội du kích Ba Tư.....	UB-124
• Nhớ về anh Nguyễn Chánh	PHẠM PHỔ THÔNG -131
• Anh Nguyễn Chánh rất xứng đáng	TRẦN LƯƠNG-137
• Danh sách trung đội du kích Ba Tư đầu tiên.....	-142
• Ba Tư vững tin bước vào thế kỷ 21	PHẠM VĂN THỌ-143
• Phần đầu không mệt mỏi vì sự phát triển của Ba Tư	TRẦN THANH VĂN-147
• Công tác xây dựng Đảng ở Ba Tư	ĐINH UÔNG-152
• Công tác quốc phòng ở huyện Ba Tư	TRẦN ĐĂNG-157
• Một vài ghi nhận về công tác chống mù chữ	ĐINH THỊ HÚA -160

- Hành trình thoát khỏi đói nghèo ĐINH CA RÚP-165
- Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân.....THÀNH VINH-170
- Tiềm năng văn hóa, du lịch Ba Tơ LÊ HỒNG KHÁNH-174
- Ba Tơ những con số trước ngưỡng cửa năm 2000TH-177
- Thăm nơi tái hiện cuộc khởi nghĩa Ba Tơ ĐOÀN HỮU TRUNG-179
- Quốc lộ 24 : lối thoát cho Bắc Tây Nguyên và miền TrungTRẦN ĐĂNG-184
- Người lính năm xưa trong thời đại mới ANH VINH-188
- Nơi không còn hộ đóiTRẦN ĐĂNG-193
- Người du kích già THANH THẢO-198
- Một số tư liệu về dân tộc H'reHH. 201
- Việc bảo lưu các giá trị truyền thống..... ĐĂNG VŨ-203
- Từ huyện Nga Bồi đến huyện Ba Tơ LÊ HỒNG KHÁNH-208
- Một số vấn đề về cảnh quan -văn hóa làng H're.....ĐOÀN NGỌC KHÔI- 212
- Đôi nét về dân ca, dân nhạc của người H're THẾ TRUYỀN-219
- Ba Tơ một vùng văn hóa - văn nghệ dân gian độc đáoANH TRÁ - 224
- Hồi ký về bài hát du kích Ba TơDƯƠNG MINH VIÊN-231
- Nghệ thuật trang trí trên cây nêu của dân tộc H're..... ĐINH TRUNG XÔ-236
- Đèo Violac TRẦN ĐĂNG -246
- Làng dệt thổ cẩm của người H're LỖ VĂN HIẾN-254
- Thú thưởng ngoạn cá niêng ở Ba Tơ TRẦN TRƯỜNG AN-261
- Đi dọc theo đường 24.....-HIẾN VĂN-265
- Chuyện cũ về Núi Lớn LÊ VĂN QUẤT- 273
- Ba Tơ -sự lựa chọn lịch sử HOÀI HÀ - THỜI XUÂN NGÀ-277
- Thơ nhạc của : HỒNG NHÂN, THANH HUYỀN, PHẠM LUẬN, THANH THẢO,TẾ HANH,
NGUYỄN TRUNG HIẾU, TRẦN CAO DUYỄN, DƯƠNG MINH VIÊN, PHẠM ANH TRUNG,
PHẠM QUYNH, NGUYỄN TUẤN, THẾ TRUYỀN, MINH CHÂU.
- Một số hình ảnh về Ba Tơ.....BBT-318
- Thư mục HUỖNH THẾ -331

BA TƠ

*truyền thống,
đổi mới và phát triển*

HUYỆN ỦY BA TƠ

- Chịu trách nhiệm xuất bản
ĐINH ƯƠNG
Phó Bí thư thường trực Huyện ủy
- Biên tập:
HOÀI HÀ - ĐĂNG VŨ - TRẦN ĐĂNG - LÝ HIỀN
- Bìa và trình bày:
ĐĂNG VŨ - LÝ HIỀN
- Chữa bản in :
TẤN HÙNG

Ảnh bìa 1: Tượng đài khởi nghĩa Ba Tơ (ảnh Nguyễn Hy)

Ảnh bìa 2: Bảo tàng khởi nghĩa Ba Tơ (ảnh Bùi Đình Ngón)

In 800 cuốn khổ 14,5 x 20,5 tại Xí nghiệp in Quảng Ngãi
GPXB số: 08/XBNT - VH TT do Sở VH TT Quảng Ngãi
cấp ngày 6 tháng 3 năm 2000. In xong và nộp lưu chiểu 3/2000

ĐÍNH CHÍNH
BÀ TỔ TRUYỀN THỐNG ĐỐI MỜI VÀ PHÁT TRIỂN

<i>Trang</i>	<i>Dòng</i>	IN SAI	SỬA LẠI
92	12 ↑	luận điệu	luận điểm
102	6 ↑	Nước Lác	Nước Lá
145	5 ↑	trong đó 16	trong đó 20
148	3 ↑	cân màu	cây màu
150	13 ↓	với 60%	với 70%
297	8 ↑	Dốc Mui	Dốc Ui

Thư viện tỉnh Quảng Ngãi



DCN.000865

BA TỜ

*truyền thống
đổi mới và phát triển*



Bảo tàng khởi nghĩa Ba tờ

SÁCH XUẤT BẢN KỶ NIỆM 55 NĂM NGÀY KHƠI NGHĨA BA TỜ
(11 - 3 - 1945 * 11 - 3 - 2000)